ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN NINH GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỬ TRI
LẤY Ý KIẾN VỀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
Khu dân cư số 1 thuộc Thị trấn Ninh Giang
huyện Ninh Giang - tỉnh Hải Dương

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1	NGUYỄN THỊ THÂN	10/31/1968		Nữ	Kinh	Nông dân	248 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
2	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	3/5/1999		Nữ	Kinh	Nông dân	248 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
3	NGUYỄN THỊ THÙY CHI	2/10/1999		Nữ	Kinh	Nông dân	248 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
4	NGUYỄN VĂN TUẤN	8/25/1962	Nam		Kinh	Nông dân	248 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
5	ĐÀM THỊ MINH	11/26/1966		Nữ	Kinh	Nông dân	246 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
6	ĐÀO THỊ MỸ UYÊN	12/31/1999		Nữ	Kinh	Nông dân	246 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
7	NGUYỄN NGỌC NAM	6/22/1990	Nam		Kinh	Công nhân	246 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
8	NGUYỄN VĂN TUẤN	7/27/1965	Nam		Kinh	Nông dân	246 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
9	HOÀNG THỊ TƯƠI	6/18/1935		Nữ	Kinh	Nông dân	244 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
10	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN	11/11/2001		Nữ	Kinh	Nông dân	244 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
11	NGUYỄN VĂN MƯỜI	2/10/1975	Nam		Kinh	Nông dân	244 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
12	TỐ THỊ NHÀN	9/4/1979		Nữ	Kinh	Nông dân	244 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
13	LÊ THỊ MƯA	8/29/1978		Nữ	Kinh	Nông dân	242 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
14	NGUYỄN VĂN BẢY	8/20/1971	Nam		Kinh	Nông dân	242 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
15	NGUYỄN MẠNH THẮNG	12/16/1966	Nam		Kinh	Hưu trí	240 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
16	NGUYỄN PHƯƠNG THÙY	7/30/2003		Nữ	Kinh	Sinh viên	240 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
17	NGUYỄN THỊ LIÊN	1/12/1965		Nữ	Kinh	Nông dân	240 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
18	NGUYỄN THÚY NGÂN	8/13/2001		Nữ	Kinh	Công nhân	240 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
19	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	5/2/1986		Nữ	Kinh	Công nhân	238B – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
20	PHẠM HẢI TRƯỜNG	2/16/1984	Nam		Kinh	Công nhân	238B – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
21	BÙI THỊ HỒNG	12/18/1983		Nữ	Kinh	Công nhân	238A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
22	NGUYỄN VĂN THU	8/9/1973	Nam		Kinh	Nông dân	238A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
23	NGUYỄN THỊ MINH LỘC	11/10/1958		Nữ	Kinh	Nông dân	236 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
24	ĐẶNG HỮU NAM	10/10/1999	Nam		Kinh	LĐTD	234 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
25	ĐẶNG VĂN HOA	3/27/1969	Nam		Kinh	LĐTD	234 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
26	LÊ THỊ HÒA	11/18/1977		Nữ	Kinh	Công nhân	234 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
27	NGUYỄN THỊ NGA	10/26/1991		Nữ	Kinh	Công nhân	234 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
28	NGUYỄN VĂN VIỆT	3/8/1991	Nam		Kinh	Công nhân	234 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
29	ĐẶNG KIỀU TRANG	5/17/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	232 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
30	ĐẶNG VĂN MINH	5/21/1965	Nam		Kinh	LĐTD	232 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
31	PHẠM THỊ XOAN	5/18/1977		Nữ	Kinh	Công nhân	232 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
32	BÙI THỊ THU HƯƠNG	10/2/1974		Nữ	Kinh	Công nhân	230 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
33	ĐẶNG NGỌC SƠN	11/23/1972	Nam		Kinh	Ccông nhân	230 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
34	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	1/23/1998	Nam		Kinh	Công nhân	230 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
35	ĐẶNG KHÁNH LINH	4/2/2006		Nữ	Kinh	Học sinh	230 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
36	ĐẶNG THỊ NGỌC	4/2/2002		Nữ	Kinh	Công nhân	228 - Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
37	ĐẶNG VĂN PHƯỢNG	2/17/1967	Nam		Kinh	LĐTD	228 - Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
38	NGUYỄN THỊ HUỆ	9/9/1968		Nữ	Kinh	Nông dân	228 - Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
39	PHAN NAM TRUNG	5/21/1972	Nam		Kinh	Lái xe	224B - Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
40	PHAN THÙY LINH	7/20/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	224B – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
41	TRẦN THỊ ĐÀO	8/25/1978		Nữ	Kinh	Giáo viên	224B – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
42	ĐÀM HUY KIÊN	10/3/1994	Nam		Kinh	Lái xe	224A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
43	ĐÀM VĂN THÔNG	5/23/1960	Nam		Kinh	Nông dân	224A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
44	NGUYỄN THỊ LÝ	3/9/1962		Nữ	Kinh	Nông dân	224A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
45	ĐÀM HUY THÁI	11/7/1985	Nam		Kinh	Nông dân	224A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
46	ĐOÀN THỊ VÓC	1/1/1986		Nữ	Kinh	Viên chức	224A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
47	ĐÀM HUY SƠN	12/16/1987	Nam		Kinh	Lái xe	224A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
48	VÕ THỊ NGỌC BĂNG	11/20/1993		Nữ	Kinh	Nội trợ	224A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
49	CAO THỊ NHIÊN	5/18/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	218 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
50	NGUYỄN VĂN TÙNG	9/10/1960	Nam		Kinh	LĐTD	218 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
51	PHẠM THỊ THANH	5/23/1957		Nữ	Kinh	Hưu trí	216 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
52	PHAN ĐÌNH SINH	10/23/1957	Nam		Kinh	LĐTD	216 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
53	PHAN LÂM HOÀN	12/26/1998	Nam		Kinh	Công nhân	216 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
54	NGUYỄN THỊ HIỀN	7/19/1964		Nữ	Kinh	Nông dân	214 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
55	NGUYỄN THỊ NGA	12/2/1996		Nữ	Kinh	Nông dân	214 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
56	NGUYỄN VĂN VINH	10/10/1964	Nam		Kinh	Nông dân	214 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
57	NGUYỄN VĂN LỢI	9/1/1988	Nam		Kinh	Nông dân	214 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
58	VŨ THỊ HẠNH	9/14/1995		Nữ	Kinh	Buôn bán	214 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
59	NGUYỄN THỊ THANH	7/29/1972		Nữ	Kinh	Nông dân	212 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
60	NGUYỄN VĂN THÌN	10/9/1976	Nam		Kinh	Nông dân	212 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
61	NGUYỄN THỊ TÝ	10/2/1959		Nữ	Kinh	Nông dân	212 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
62	ĐỖ ĐẠI ĐỒNG	11/7/1978	Nam		Kinh	LĐTD	210 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
63	ĐỖ HỒNG QUÂN	8/30/2001	Nam		Kinh	Công nhân	210 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
64	NGUYỄN THỊ NGOAN	12/19/1981		Nữ	Kinh	Công nhân	210 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
65	NGUYỄN VĂN TIẾN	12/17/1962	Nam		Kinh	Nông dân	208 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
66	VÕ THỊ CÚC	5/20/1965		Nữ	Kinh	Nông dân	208 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
67	NGUYỄN KIỀU HƯNG	3/2/1998	Nam		Kinh	Nông dân	206 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
68	NGUYỄN THỊ TÍA	10/11/1971		Nữ	Kinh	Nông dân	206 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
69	NGUYỄN VĂN HỘI	4/14/1971	Nam		Kinh	Nông dân	206 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
70	NGUYỄN XUÂN HẢI	3/28/2003	Nam		Kinh	Công nhân	206 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
71	NGUYỄN THỊ TÚY	8/24/1940		Nữ	Kinh	Già yếu	204 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
72	NGUYỄN XUÂN THỦY	1/1/1936	Nam		Kinh	Già yếu	204 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
73	NGUYỄN THANH TÙNG	3/3/1981	Nam		Kinh	Công nhân	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
74	NGUYỄN THỊ ĐIỆP	3/12/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
75	ĐÀO THỊ HƯƠNG GIANG	12/22/1983		Nữ	Kinh	Công nhân	202 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
76	PHAN ĐÌNH KHỞI	8/4/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	202 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
77	PHAN ĐÌNH TRƯỜNG	6/7/1976	Nam		Kinh	Công nhân	202 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
78	TẠ THỊ THU HẰNG	11/14/1978		Nữ	Kinh	Viên chức (điện lực)	201 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
79	VŨ NGỌC DƯƠNG	8/11/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	201 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
80	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	10/26/1980		Nữ	Kinh	Nhân viên bưu chính	269 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
81	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	4/5/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	269 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
82	NGUYỄN VĂN DŨNG	3/6/1972	Nam		Kinh	Công chức	269 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
83	NGUYỄN THÚY SINH	5/3/1962		Nữ	Kinh	Nông dân	198 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
84	NGUYỄN VĂN CHUNG	8/8/1961	Nam		Kinh	Nông dân	198 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
85	ĐÀO MINH BÍNH	1/7/1944	Nam		Kinh	Thương binh	196 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
86	TẠ THỊ BÌNH	10/15/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	196 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
87	BÙI THỊ THÚY	1/21/1986		Nữ	Kinh	Công nhân	194 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
88	TẠ THỊ DẦN	4/12/1951		Nữ	Kinh	Nội trợ	194 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
89	TRIỆU MINH TUẤN	6/26/1985	Nam		Kinh	Công nhân	194 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
90	TRIỆU THỊ THÙY	10/2/2005		Nữ	Kinh	Công nhân	194 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
91	NGUYỄN THỊ NGOAN	1/9/1972		Nữ	Kinh	Buôn bán	192 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
92	TẠ ĐỨC ANH	5/20/2000	Nam		Kinh	Công nhân	192 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
93	TẠ XUÂN HÙNG	9/10/1969	Nam		Kinh	Công nhân	192 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
94	NGUYỄN THỊ ANH	1/1/1986		Nữ	Kinh	Nông dân	188 - Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
95	NGUYỄN THỊ HÒA	3/28/1948		Nữ	Kinh	Nông dân	188 - Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
96	TRẦN BÁ NGUYÊN	10/26/1979	Nam		Kinh	Nông dân	188 - Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
97	TRẦN VĂN HOẠT	8/2/1947	Nam		Kinh	Tàn tật	188 - Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
98	BẠCH QUANG HÀ	5/16/1989	Nam		Kinh	Công nhân	186 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
99	BẠCH QUANG HÙNG	5/11/1966	Nam		Kinh	LĐTD	186 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
100	VŨ THỊ NGUYỆT	10/10/1964		Nữ	Kinh	Buôn bán	186 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
101	NGUYỄN THỊ NGỌ	1/11/1959		Nữ	Kinh	Tàn tật	184 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
102	ĐINH THỊ LÀNH	5/16/1986		Nữ	Kinh	Giáo viên	182 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
103	LÊ THỊ TƯƠI	4/20/1980		Nữ	Kinh	Buôn bán	180 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
104	TRẦN MẠNH HÀ	3/29/1974	Nam		Kinh	LĐTD	180 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
105	TRẦN PHƯƠNG LINH	12/1/2000		Nữ	Kinh	LĐTD	180 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
106	CAO THỊ THANH	5/19/1962		Nữ	Kinh	Nông dân	178 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
107	NGÔ QUANG TÍN	8/10/1958	Nam		Kinh	Nông dân	178 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
108	HÀ THỊ THÙY	4/1/1987		Nữ	Kinh	Giáo viên	178 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
109	NGÔ THỊ HIỀN	8/26/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	178 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
110	NGÔ QUANG HUY	8/25/1988	Nam		Kinh	LĐTD	178 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
111	PHAN THỊ TÍNH	1/30/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	176 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
112	TRẦN NGỌC ĐỨC	11/10/1953	Nam		Kinh	LĐTD	176 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
113	TRẦN NGỌC PHÚC	6/10/1983	Nam		Kinh	Công nhân	176 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
114	NGUYỄN THỊ TUYẾT	9/11/1956		Nữ	Kinh	Nông dân	283 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
115	VŨ XUÂN TÌNH	10/28/1993	Nam		Kinh	Nông dân	283 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
116	CAO NGUYÊN PHONG	11/4/1982	Nam		Kinh	Nông dân	283 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
117	VŨ THỊ THÚY	7/29/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	283 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
118	BÙI CÔNG NAM	11/10/1995	Nam		Kinh	Bộ đội	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
119	BÙI CÔNG TÂN	7/14/1971	Nam		Kinh	Lái xe	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
120	TRẦN THỊ HOA	7/24/1973		Nữ	Kinh	Nông dân	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
121	NGUYỄN THỊ LAN	3/24/1964		Nữ	Kinh	Nông dân	146 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
122	BẠCH THỊ HUỆ	6/6/1981		Nữ	Kinh	Công nhân	147 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
123	BẠCH VĂN GIẢNG	8/10/1950	Nam		Kinh	Thương binh	147 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
124	ĐÀM THỊ MÙI	1/17/1953		Nữ	Kinh	Nội trợ	147 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
125	BẠCH QUANG KHOA	3/23/1983	Nam		Kinh	Công nhân	147 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
126	NGUYỄN THỊ THOA	8/29/1988		Nữ	Kinh	Công nhân	147 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
127	HOÀNG BẢO BÌNH	10/9/1969	Nam		Kinh	LĐTD	149A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
128	HOÀNG THỊ ANH CHI	2/5/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	149A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
129	PHẠM THỊ THU	4/14/1974		Nữ	Kinh	Buôn bán	149A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
130	VŨ MẠNH HÙNG	8/26/1972	Nam		Kinh	LĐTD	155 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
131	VŨ MẠNH HUY	7/25/1995	Nam		Kinh	Công nhân	155 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
132	VŨ THỊ DUYÊN	1/26/1973		Nữ	Kinh	Nội trợ	155 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
133	NGUYỄN VĂN XUÂN	11/9/1931	Nam		Kinh	Hưu trí	158 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
134	PHẠM THỊ BÉ	10/1/1936		Nữ	Kinh	Nội trợ	158 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
135	NGUYỄN QUANG VINH	7/24/1969	Nam		Kinh	LĐTD	158 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
136	NGUYỄN THÀNH CÔNG	6/26/1995	Nam		Kinh	Công nhân	158 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
137	NGUYỄN THANH NAM	4/28/2003	Nam		Kinh	Bộ đội	158 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
138	NGUYỄN THỊ HẠO	5/30/1973		Nữ	Kinh	Nội trợ	158 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
139	ĐÀO THỊ YẾN	11/1/1968		Nữ	Kinh	Nội trợ	159 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
140	NGUYỄN ANH TÂN	8/17/2002	Nam		Kinh	Sinh viên	159 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
141	NGUYỄN NGỌC LAN	8/2/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	159 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
142	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	1/10/2001		Nữ	Kinh	Công chức	159 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
143	NGUYỄN THỊ THU	8/25/1996		Nữ	Kinh	Cán bộ	159 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
144	NGUYỄN THỊ YẾN	5/5/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	159 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
145	NGUYỄN VĂN XUÂN	6/15/1967	Nam		Kinh	LĐTD	159 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
146	NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG	5/20/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	163 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
147	NGUYỄN TIẾN DŨNG	3/12/1975	Nam		Kinh	Công nhân	163 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
148	NGUYỄN VĂN CHẤN	7/15/1933	Nam		Kinh	Già yếu	163 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
149	PHẠM THỊ TƯƠM	2/28/1942		Nữ	Kinh	Nông dân	163 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
150	CAO THỊ MAI	9/13/1967		Nữ	Kinh	Nông dân	164 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
151	ĐÀM VĂN CHÍNH	8/10/1957	Nam		Kinh	Nông dân	- Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
152	ĐÀM VIỆT ĐỨC	10/25/1985	Nam		Kinh	Nông dân	- Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
153	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	6/15/1961		Nữ	Kinh	Nông dân	- Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
154	ĐÀO THỊ TUYỀN	6/10/1965		Nữ	Kinh	LĐTD	- Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
155	VŨ XUÂN TOÀN	5/17/1957	Nam		Kinh	LĐTD	- Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
156	BÙI THỊ NGỌC	2/9/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	165 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
157	ĐÀM VĂN QUÍ	4/23/1962	Nam		Kinh	Nông dân	165 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
158	NGÔ THỊ HỒNG HIỆP	1/14/1987		Nữ	Kinh	LĐTD	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
159	NGUYỄN THỊ THANH AN	2/14/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
160	NGÔ QUANG ĐẠT	6/28/1992	Nam		Kinh	Công nhân	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
161	BẠCH QUANG THÀNH	9/19/1991	Nam		Kinh	Công nhân	168 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
162	BẠCH QUANG TUYỂN	1/10/1971	Nam		Kinh	LĐTD	168 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
163	BẠCH THỊ THU THỦY	9/13/2003		Nữ	Kinh	Công nhân	168 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
164	NGUYỄN THỊ NGA	12/19/1969		Nữ	Kinh	Nội trợ	168 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
165	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	11/8/1986		Nữ	Kinh	Công nhân	154 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
166	NGUYỄN THỊ TUYẾT	11/25/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	154 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
167	NGUYỄN TRUNG HIẾU	11/9/1986	Nam		Kinh	Công nhân	154 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
168	NGUYỄN VĂN BÚT	11/28/1959	Nam		Kinh	LĐTD	154 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
169	NGUYỄN THỊ TÁM	10/10/1969		Nữ	Kinh	Nội trợ	171 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
170	NGUYỄN THỊ THUẬN	6/26/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	172 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
171	ĐÀO THỊ TAM	1/1/1937		Nữ	Kinh	Già yếu	148 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
172	HOÀNG THỊ VUI	11/20/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	148 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
173	HOÀNG THỊ TƯƠI	11/4/1971		Nữ	Kinh	Công nhân	148 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
174	NGUYỄN HỒNG NHUNG	11/18/2002		Nữ	Kinh	Công nhân	148 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
175	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	5/23/1985	Nam		Kinh	LĐTD	160 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
176	BÙI QUANG DUY	1/16/1990	Nam		Kinh	Công nhân	160 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
177	NGUYỄN THỊ TOÁN	7/10/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	160 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
178	VŨ THỊ HƯƠNG	9/2/1996		Nữ	Kinh	Công nhân	160 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
179	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	1/6/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	289 - Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
180	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	9/6/1967	Nam		Kinh	LĐTD	289 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
181	BẠCH QUANG UYÊN	6/24/1959	Nam		Kinh	LĐTD	279 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
182	BẠCH THỊ THU HẰNG	1/1/1991		Nữ	Kinh	Công nhân	279 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
183	BÙI THỊ XUÂN	7/6/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	279 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
184	VŨ ĐÌNH CỘNG	1/1/1947	Nam		Kinh	Già yếu	101 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
185	VŨ ĐÌNH QUANG	9/18/1976	Nam		Kinh	LĐTD	101 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
186	NGUYỄN VĂN NGỌC	6/24/1982	Nam		Kinh	Công nhân	275 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
187	BÙI THỊ HƯƠNG	8/15/1969		Nữ	Kinh	Buôn bán	277 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
188	PHAN THỊ PHƯƠNG	9/5/1996		Nữ	Kinh	Công nhân	277 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
189	NGUYỄN THỊ LẠC	10/3/1948		Nữ	Kinh	Nội trợ	101 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
190	TRẦN THỊ NHÀN	6/10/1936		Nữ	Kinh	Già yếu	101 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
191	PHẠM THỊ HOA	4/2/1988		Nữ	Kinh	Công nhân	101 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
192	VŨ ĐÌNH TÙNG	11/19/1984	Nam		Kinh	LĐTD	101 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
193	TRỊNH THỊ HÀ	10/17/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	275 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
194	LÊ TÙNG DƯƠNG	10/12/2005	Nam		Kinh	LĐTD	17A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
195	LÊ VĂN DŨNG	5/4/1978	Nam		Kinh	LĐTD	17A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
196	LÊ VĂN PHÚC	6/1/1945	Nam		Kinh	Thương binh	17A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
197	NGUYỄN THỊ THU XUÂN	12/27/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	17A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
198	PHẠM THỊ TÝ	7/18/1946		Nữ	Kinh	Nội trợ	17A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
199	PHAN THỊ NGUYỆT	4/4/1981		Nữ	Kinh	Công nhân	17A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
200	TRẦN THỊ KIM NGÂN	1/27/2004		Nữ	Kinh	Công nhân	17A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
201	TRẦN VĂN TÙNG	1/1/1980	Nam		Kinh	LĐTD	17A – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
202	NGUYỄN THỊ TUYẾT	7/1/1979		Nữ	Kinh	Nội trợ	276 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
203	PHAN ĐÌNH SÁNG	8/16/1972	Nam		Kinh	LĐTD	276 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
204	PHAN HOÀI NAM	11/8/1999	Nam		Kinh	Công nhân	276 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
205	TRẦN THỊ THAU	1/1/1952		Nữ	Kinh	Nông dân	276 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
206	PHAN ĐÌNH TÂN	11/22/2002	Nam		Kinh	Công nhân	263 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
207	PHAN ĐÌNH TẠO	7/29/1974	Nam		Kinh	Lái xe	263 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
208	PHAN THÙY DƯƠNG	12/6/1999		Nữ	Kinh	Công nhân	263 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
209	TRẦN THỊ HUYỀN	9/16/1977		Nữ	Kinh	Nội trợ	263 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
210	BÙI THỊ H[illegible]NG	11/15/1952		Nữ	Kinh	Nông dân	255 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
211	NGUYỄN XUÂN HƯƠNG	6/16/1952	Nam		Kinh	Nông dân	255 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
212	NGUYỄN THANH CHUNG	10/17/1980	Nam		Kinh	Nông dân	255 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
213	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	7/11/1983		Nữ	Kinh	Nông dân	255 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
214	NGUYỄN THỊ TRANG	1/20/2006		Nữ	Kinh	Nông dân	255 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
215	HÀ THỊ CHẮM	8/27/1957		Nữ	Kinh	Nông dân	257 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
216	NGUYỄN THỊ HUYỀN	9/17/2000		Nữ	Kinh	Nông dân	257 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
217	NGUYỄN VĂN CẢNH	3/10/1989	Nam		Kinh	Nông dân	257 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
218	NGUYỄN VĂN MẠNH	6/19/1955	Nam		Kinh	Nông dân	257 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
219	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	11/4/1976	Nam		Kinh	LĐTD	257 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
220	TRỊNH THỊ GẤM	1/1/1941		Nữ	Kinh	Nội trợ	257 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
221	NGUYỄN THỊ HOA LIỄU	9/30/1963		Nữ	Kinh	Nông dân	257 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
222	NGUYỄN TRUNG KIÊN	11/27/1995	Nam		Kinh	Công nhân	257 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
223	ĐÀO VĂN THẮNG	10/18/1979	Nam		Kinh	Viên chức	253 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
224	DƯƠNG THỊ LỆ QUYÊN	5/5/1980		Nữ	Kinh	Viên chức	253 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
225	ĐOÀN THỊ HƯỜNG	3/24/1987		Nữ	Kinh	Buôn bán	251 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
226	NGUYỄN VĂN TÂN	2/16/1984	Nam		Kinh	LĐTD	251 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
227	BÙI THỊ LƯỢNG	6/12/1960		Nữ	Kinh	Nội trợ	249 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
228	NGUYỄN VĂN KHOA	9/1/1987	Nam		Kinh	Nông dân	249 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
229	NGUYỄN VĂN TIẾN	2/12/1958	Nam		Kinh	Nông dân	249 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
230	PHẠM THỊ HUỆ	10/11/1992		Nữ	Kinh	Nông dân	249 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
231	ĐỖ VÂN ANH	7/8/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
232	ĐỖ XUÂN CHINH	1/1/1978	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
233	PHẠM THỊ THỦY	6/19/1978		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
234	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	10/2/2002	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
235	NGUYỄN THỊ NẾT	11/23/1980		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
236	NGUYỄN VĂN VỤ	3/1/1975	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
237	LÊ THỊ NGUYỆT	4/25/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
238	NGUYỄN THỊ MỲ	5/6/1962		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
239	VŨ CÔNG TIỆP	11/6/1985	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
240	VŨ VĂN TÂM	10/26/1962	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
241	PHẠM THỊ THÙY	4/10/1961		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
242	PHAN THỦY AN	8/16/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
243	PHAN VĂN TÂM	11/20/1960	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
244	ĐÀM THỊ GẤM	7/14/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
245	LƯU THỊ SỬU	2/2/1949		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
246	ĐÀM NHÂN TỦ	9/5/1984	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
247	PHẠM THỊ HUYỀN	1/30/1985		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
248	NGUYỄN THỊ LAN	3/9/1986		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
249	NGUYỄN THỊ MIỄN	11/10/1959		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
250	PHAN ĐẠI THÀNH	6/11/1986	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
251	HÀ VĂN TỪ	11/13/1985	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
252	NGUYỄN THỊ YẾN	11/24/1993		Nữ	Kinh	Giáo viên	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
253	NGUYỄN VĂN DẦN	1/1/1934	Nam		Kinh	Già yếu	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
254	ĐẶNG THỊ THANH LONG	7/17/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
255	NGUYỄN TRUNG HIẾU	2/7/1993	Nam		Kinh	công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
256	NGUYỄN TUẤN VIỆT	11/30/1990	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
257	NGUYỄN VĂN NGHĨA	7/1/1968	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
258	VŨ THỊ HƯƠNG	12/22/1970		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
259	PHẠM ĐÌNH CHUNG	4/2/1955	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
260	TRẦN THỊ THỊNH	8/2/1958		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
261	LÊ THỊ NGỌC DIỆP	11/8/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
262	PHẠM ĐÌNH PHƯƠNG	6/22/1985	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
263	NGUYỄN QUỐC TUẤN	6/19/1967	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
264	VŨ THỊ THÙY	10/28/1970		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
265	NGUYỄN THỊ TÌNH	4/5/1983		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
266	PHAN ĐẠI THANH	2/5/1983	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
267	BÙI THỊ TƯƠI	4/17/1966		Nữ	Kinh	Nội trợ	250 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
268	HÀ VĂN THẢO	8/15/1958	Nam		Kinh	Tàn tật	250 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
269	BÙI THỊ QUYÊN	6/18/1949		Nữ	Kinh	Hưu trí	248 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
270	NGUYỄN THỊ QUY	12/25/1957		Nữ	Kinh	Nông dân	251 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
271	PHAN THỊ LEN	9/14/1980		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 1 – khu 1 - TTNG	
272	TRƯƠNG VĂN NAM	6/12/1981	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 1 – khu 1 - TTNG	
273	ĐÀO THỊ THANH THẢO	11/11/2004		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 1 – khu 1 - TTNG	
274	NGUYỄN THỊ HÀ	11/25/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 1 – khu 1 - TTNG	
275	NGUYỄN XUÂN BÁU	1/19/1997	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 1 – khu 1 - TTNG	
276	NGUYỄN XUÂN QUẢNG	9/8/1960	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 1 – khu 1 - TTNG	
277	TRẦN THỊ BÍCH	1/1/1963		Nữ	Kinh	LĐTD	Tổ 1 – khu 1 - TTNG	
278	ĐẶNG THỊ THE	1/1/1949		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 1 – khu 1 - TTNG	
279	BÙI THỊ THÚY	3/6/1977		Nữ	Kinh	Công nhân	246A– Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
280	NGUYỄN THỊ HẰNG	8/2/1963		Nữ	Kinh	Nông dân	246 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
281	NGUYỄN THỊ LOAN	10/1/1959		Nữ	Kinh	Nông dân	246 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
282	NGUYỄN THỊ OANH	10/25/1973		Nữ	Kinh	Nông dân	246 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
283	LƯU THỊ ĐỆ	10/12/1951		Nữ	Kinh	Nông dân	247 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
284	DƯ QUỲ LÂM	5/27/1969	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 - TTNG	
285	TRẦN THỊ HUỆ	8/6/1979		Nữ	Kinh	Công nhân	Khu 1 - TTNG	
286	BẠCH QUANG HẢI	12/14/1984	Nam		Kinh	Công nhân	Khu 1 - TTNG	
287	NGUYỄN THỊ DƯƠNG	7/26/1988		Nữ	Kinh	Công nhân	Khu 1 - TTNG	
288	NGUYỄN THỊ DUNG	2/23/1972		Nữ	Kinh	Buôn bán	Khu 1 - TTNG	
289	NGUYỄN THỊ NHÀN	9/29/1990		Nữ	Kinh	Công nhân	Khu 1 - TTNG	
290	NGUYỄN VĂN VIỆT	11/30/1989	Nam		Kinh	Công nhân	Khu 1 - TTNG	
291	CAO VĂN ĐỒNG	1/1/1967	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 - TTNG	
292	CAO VĂN ĐỨC	11/19/1997	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 - TTNG	
293	CAO VĂN DŨNG	2/6/2005	Nam		Kinh	Công nhân	Khu 1 - TTNG	
294	CAO VĂN HIỆP	1/20/1994	Nam		Kinh	Công nhân	255 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
295	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	3/16/1968		Nữ	Kinh	Công nhân	255 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
296	CAO HOÀI NAM	11/6/1989	Nam		Kinh	Công nhân	255 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
297	PHẠM THỊ NGÂN	2/17/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	255 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
298	NGUYỄN THỊ XUYẾN	1/14/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	khu 1 – TTNG	
299	BÙI DUY KHOA	8/12/1974	Nam		Kinh	LĐTD	242 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
300	BÙI THỊ XƯA	8/9/1980		Nữ	Kinh	Công nhân	242 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
301	CAO THỊ THẮNG	9/13/1947		Nữ	Kinh	Nội trợ	242 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
302	BÙI THỊ HUYỀN	12/30/1983		Nữ	Kinh	Giáo viên	158 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
303	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	6/28/1981		Nữ	Kinh	Giáo viên	159 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
304	PHÙNG THỊ CÚC	10/12/1985		Nữ	Kinh	Giáo viên	152 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
305	ĐINH THỊ HÒA	10/7/1959		Nữ	Kinh	Nông dân	254 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
306	PHẠM XUÂN ĐỊNH	1/7/1953	Nam		Kinh	Nông dân	254 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
307	PHẠM XUÂN VỸ	9/3/1992	Nam		Kinh	Nông dân	254 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
308	PHẠM XUÂN VĂN	10/20/1988	Nam		Kinh	Nông dân	254 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
309	LÊ VĂN NGUYÊN	2/9/1974	Nam		Kinh	LĐTD	102 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
310	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	2/3/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	102 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
311	CAO THỊ XUÂN	2/3/1976		Nữ	Kinh	Buôn bán	104 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
312	NGÔ QUANG TÚ	7/29/1965	Nam		Kinh	Nông dân	104 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
313	NGÔ QUANG TÙNG	11/20/2001	Nam		Kinh	Nông dân	104 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
314	NGÔ THỊ VÂN ANH	5/13/2004		Nữ	Kinh	Nông dân	104 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
315	PHẠM XUÂN ĐÌNH	9/14/1963	Nam		Kinh	Nông dân	252 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
316	PHAN THỊ HOẰNG	2/4/1968		Nữ	Kinh	Nông dân	252 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
317	PHÙNG THỊ DỐI	5/25/1960		Nữ	Kinh	Nội trợ	245 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
318	VŨ ĐỨC ĐẠT	8/18/1957	Nam		Kinh	LĐTD	245 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
319	LÊ THỊ PHƯƠNG LOAN	5/13/1984		Nữ	Kinh	Giáo viên	245 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
320	TẠ VĂN BÌNH	9/24/1984	Nam		Kinh	Công chức	245 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
321	LƯU HỒNG NHUNG	9/29/1979		Nữ	Kinh	Giáo viên	255 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
322	NGUYỄN DUY NAM	5/17/2003	Nam		Kinh	Tàn tật	255 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
323	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	11/26/1975	Nam		Kinh	Lái xe	255 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
324	ĐÀO THỊ LOAN	4/2/1983		Nữ	Kinh	Nội trợ	256 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
325	HOÀNG XUÂN TUYỂN	3/6/1973	Nam		Kinh	Lái xe	256 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
326	NGUYỄN THỊ RỘNG	9/30/1947		Nữ	Kinh	Nội trợ	256 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
327	NGUYỄN THỊ CẦN	1/1/1925		Nữ	Kinh	Già yếu	Khu 1 – TTNG	
328	NGUYỄN THỊ THÌN	2/14/1966		Nữ	Kinh	Nội trợ	Khu 1 – TTNG	
329	CAO THỊ THỊNH	1/1/1939		Nữ	Kinh	Già yếu	237 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
330	BÙI THỊ THẢO	1/17/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	258 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
331	NGUYỄN THANH VĨNH	10/14/1989	Nam		Kinh	LĐTD	258 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
332	NGUYỄN VĂN BÁCH	5/9/2002	Nam		Kinh	Công nhân	258 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
333	NGUYỄN VĂN LINH	4/10/1959	Nam		Kinh	LĐTD	258 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
334	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	8/4/1948	Nam		Kinh	Nông dân	255 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
335	PHẠM THỊ LÝ	8/1/1948		Nữ	Kinh	Nông dân	255 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
336	NGUYỄN THỊ NHÀN	12/30/1987		Nữ	Kinh	Nông dân	255 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
337	NGUYỄN THỊ ĐÀM	7/16/1978		Nữ	Kinh	Nông dân	162 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
338	NGUYỄN THỊ TRANG	10/14/1996		Nữ	Kinh	Nông dân	162 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
339	NGUYỄN VĂN LÂM	7/27/1971	Nam		Kinh	Nông dân	162 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
340	ĐOÀN QUANG TUẤN	12/1/1976	Nam		Kinh	Lái xe	160 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
341	TRẦN THỊ HỒNG VÂN	2/2/1984		Nữ	Kinh	Giáo viên	160 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
342	BÙI DUY HẢN	8/1/1955	Nam		Kinh	Nông dân	130 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
343	BÙI VĂN HẢI	2/28/1985	Nam		Kinh	Nông dân	130 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
344	NGUYỄN THỊ AN	5/24/1961		Nữ	Kinh	Nông dân	130 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
345	NGUYỄN THỊ LIỄU	7/29/1992		Nữ	Kinh	Nông dân	130 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
346	NGUYỄN THỊ NGOAN	2/23/1985		Nữ	Kinh	Nông dân	130 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
347	NGUYỄN TRUNG KIÊN	9/5/1978	Nam		Kinh	Nông dân	130 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
348	NGUYỄN THẾ CÔNG	9/15/1984	Nam		Kinh	Nông dân	134 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
349	NGUYỄN THỊ THU TRANG	9/24/1986		Nữ	Kinh	Nông dân	134 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
350	NGUYỄN VĂN NINH	7/17/1947	Nam		Kinh	Nông dân	134 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
351	HÀ THỊ HƯNG	8/14/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	134 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
352	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	11/21/1979	Nam		Kinh	Công nhân	135 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
353	BÙI VĂN HẢN	4/12/1963	Nam		Kinh	Nông dân	131 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
354	ĐÀO QUANG MINH	9/28/1991	Nam		Kinh	Công nhân	131 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
355	ĐÀO THỊ XUÂN	6/19/1954		Nữ	Kinh	Nội trợ	131 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	

STT	Họ và	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
356	PHẠM THỊ THU THỦY	12/2/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	131 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
357	BẠCH QUANG TOẢN	1/4/1954	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
358	NGUYỄN THỊ HIỀN	4/23/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	Khu 1 – TTNG	
359	PHAN THỊ NHÀN	2/11/1974		Nữ	Kinh	Nông dân	Khu 1 – TTNG	
360	VŨ BÁ HOẠCH	3/21/1971	Nam		Kinh	Nông dân	Khu 1 – TTNG	
361	VŨ BÁ QUÝ	10/29/2002	Nam		Kinh	Nông dân	Khu 1 – TTNG	
362	CAO THỊ HỢP	5/21/1975		Nữ	Kinh	Nông dân	128 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
363	HÀ ANH TUẤN	4/28/1960	Nam		Kinh	LĐTD	128 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
364	NGUYỄN THÀNH TÀI	5/28/1994	Nam		Kinh	Công nhân	128 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
365	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	11/4/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	128 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
366	PHẠM THU THẢO	11/15/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	128 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
367	BÙI ĐỨC TRỌNG	10/9/2002	Nam		Kinh	Công nhân	128 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
368	NGUYỄN THỊ QUÝ	8/5/1965		Nữ	Kinh	Nông dân	Khu 1 – TTNG	
369	TRẦN THỊ SÍNH	3/20/1925		Nữ	Kinh	Già yếu	Khu 1 – TTNG	
370	BÙI DUY HƯNG	10/16/1979	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
371	BÙI PHƯƠNG NAM	9/5/2002	Nam		Kinh	Công nhân	Khu 1 – TTNG	
372	HOÀNG THỊ MÙI	9/7/1943		Nữ	Kinh	Nông dân	Khu 1 – TTNG	
373	PHẠM THỊ HÒA	6/1/1981		Nữ	Kinh	Nông dân	Khu 1 – TTNG	
374	PHẠM TIẾN THÀNH	8/17/1979	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
375	NGUYỄN THỊ THOA	1/1/1947		Nữ	Kinh	Nội trợ	259 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
376	PHẠM VĂN HẢI	3/25/1985	Nam		Kinh	LĐTD	259 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
377	PHẠM VĂN THUẬN	10/12/1949	Nam		Kinh	Giáo viên	259 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
378	TẠ THỊ THƠM	11/30/1990		Nữ	Kinh	LĐTD	259 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
379	ĐÀO DUY SÁNG	2/9/1980	Nam		Kinh	LĐTD	117 nội trợ	
380	PHẠM THỊ HẰNG	10/31/1980		Nữ	Kinh	Công nhân	117 nội trợ	
381	CAO HỒNG KỲ	9/23/1984	Nam		Kinh	Giáo viên	115 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
382	CAO THỊ THU HUYỀN	4/9/1990		Nữ	Kinh	Nông dân	115 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
383	CAO VĂN CẬY	1/6/1956	Nam		Kinh	Nông dân	115 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
384	NGUYỄN THỊ HUỆ	7/13/1958		Nữ	Kinh	Công nhân	115 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
385	BÙI THỊ HẠNH	1/26/1969		Nữ	Kinh	Công nhân	114 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
386	NGUYỄN TRỌNG SƠN	9/23/1966	Nam		Kinh	LĐTD	114 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
387	NGUYỄN TIẾN BƯỞI	7/20/1949	Nam		Kinh	Thương binh	224 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
388	PHẠM THỊ HÀ	1/1/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	224 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
389	NGUYỄN THỊ NHIỀN	3/14/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	225 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
390	TRỊNH THỊ THỦY	1/1/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	225 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
391	VŨ ĐỨC NINH	9/20/1957	Nam		Kinh	LĐTD	225 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
392	VŨ HOÀNG TÙNG	9/8/1985	Nam		Kinh	Công nhân	225 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
393	BÙI QUỐC HUY	5/18/1991	Nam		Kinh	Nông dân	228 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
394	HÀ VĂN NHIỆM	9/8/1965	Nam		Kinh	Công chức	226 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
395	TĂNG THỊ THÚY NHÀN	10/11/1967		Nữ	Kinh	Hưu trí	226 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
396	NGUYỄN THỊ NHUNG	2/15/1963		Nữ	Kinh	Nông dân	228 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
397	BÙI THỊ ỦY	4/10/1947		Nữ	Kinh	Nội trợ	230 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
398	VŨ VIỆT HƯNG	2/13/1990	Nam		Kinh	LĐTD	231 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
399	NGUYỄN THỊ DINH	5/17/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	232 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
400	TRƯƠNG VĂN BẮC	6/26/1988	Nam		Kinh	Công nhân	232 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
401	NGUYỄN THỊ LỄ	10/25/1962		Nữ	Kinh	Nông dân	233 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
402	NGUYỄN VĂN BÌNH	4/8/1961	Nam		Kinh	Nông dân	233 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
403	NGUYỄN ANH TÚ	4/13/1991	Nam		Kinh	Tàn tật	234 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
404	NGUYỄN VĂN HẬU	4/22/1955	Nam		Kinh	Hưu trí	234 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
405	TRẦN THỊ HẢN	3/3/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	234 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
406	NGUYỄN THỊ MẪN	3/23/1949		Nữ	Kinh	Nội trợ	237 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
407	BÙI THỊ THU PHƯƠNG	8/10/1988		Nữ	Kinh	Công nhân	222 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
408	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	1/21/1984	Nam		Kinh	Công nhân	222 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
409	NGÔ THỊ MINH PHƯƠNG	6/20/1974		Nữ	Kinh	Giáo viên	237 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
410	NGUYỄN THỊ THƠ	5/6/1968		Nữ	Kinh	Nội trợ	240 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
411	NGUYỄN THỊ VÂN GIANG	12/5/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	240 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
412	NGUYỄN CÔNG THÀNH	6/10/1975	Nam		Kinh	LĐTD	240 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
413	PHẠM THỊ ĐIỆP	2/22/1981		Nữ	Kinh	Nội trợ	240 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
414	NGUYỄN THỊ LUYẾN	4/10/1950		Nữ	Kinh	Hưu trí	241 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
415	LÊ VĂN VINH	11/20/1974	Nam		Kinh	Viên chức	241 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
416	NGUYỄN THỊ NGÂN HÀ	1/11/1977		Nữ	Kinh	Giáo viên	241 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
417	HOÀNG THỊ HÀ	2/25/1996		Nữ	Kinh	Công nhân	103 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
418	LÊ LƯƠNG HỒNG	8/5/1945	Nam		Kinh	Hưu trí	103 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
419	LÊ LƯƠNG VŨ	1/12/1988	Nam		Kinh	Công nhân	103 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
420	PHÙNG THỊ TY	6/13/1953		Nữ	Kinh	Nội trợ	103 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
421	LÊ THU HÀ	11/23/2001		Nữ	Kinh	Tần tật	- Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
422	VŨ THỊ HƯƠNG	2/6/1978		Nữ	Kinh	Buôn bán	- Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
423	HÀ TRUNG HIẾU	8/21/1985	Nam		Kinh	Công nhân	- Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
424	PHẠM THỊ SEN	10/10/1988		Nữ	Kinh	Công nhân	- Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
425	HÀ DUY NGHĨA	10/27/1987	Nam		Kinh	LĐTD	- Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
426	NGUYỄN NGỌC NAM	8/2/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	17 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
427	NGUYỄN THỊ TÁM	1/1/1967		Nữ	Kinh	Tàn tật	17 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
428	NGUYỄN TIẾN GIANG	5/18/1957	Nam		Kinh	LĐTD	17 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	2	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*		
429	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	11/19/1951	Nam		Kinh	LĐTD	55 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
430	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	11/13/1980	Nam		Kinh	LĐTD	55 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
431	NGUYỄN THỊ HẠNH	5/14/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	55 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
432	PHẠM ĐỨC TOÀN	12/3/1993	Nam		Kinh	Công nhân	55 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
433	PHẠM THỊ NGA	7/25/1964		Nữ	Kinh	Nội trợ	55 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
434	NGUYỄN THỊ LAN ANH	1/14/2006		Nữ	Kinh	Công nhân	55 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
435	NGUYỄN THANH HƯNG	11/1/1988	Nam		Kinh	Công nhân	53 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
436	NGUYỄN THANH KHUÔNG	2/25/1959	Nam		Kinh	LĐTD	53 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
437	BÙI THỊ THẮM	3/3/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	49 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
438	LÊ THỊ LAN ANH	12/9/1993		Nữ	Kinh	LĐTD	49 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
439	PHẠM THỊ THÙY TRANG	5/23/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	49 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
440	PHẠM VĂN MAI	9/19/1962	Nam		Kinh	Công nhân	49 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
441	PHẠM XUÂN TUYÊN	3/23/1989	Nam		Kinh	Công nhân	49 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
442	ĐOÀN MAI ANH	10/19/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	41 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
443	ĐOÀN VĂN HOAN	2/2/1968	Nam		Kinh	Lái xe	41 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
444	MAI THỊ HỒNG THẮM	2/3/1978		Nữ	Kinh	Công nhân	41 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
445	NGUYỄN THỊ NHUNG	8/1/1957		Nữ	Kinh	Nông dân	39 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
446	NGUYỄN VĂN HIỆP	7/18/1984	Nam		Kinh	Nông dân	39 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
447	QUÁCH THỊ GIANG	6/8/1983		Nữ	Kinh	Nông dân	39 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
448	NGUYỄN THỊ THU	8/27/1974		Nữ	Kinh	Công nhân	37 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
449	ĐÀO THỊ CHANH	1/1/1950		Nữ	Kinh	Nội trợ	33 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
450	ĐÀO VĂN QUÝ	2/20/1949	Nam		Kinh	Thương binh	33 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
451	ĐÀO VĂN TÙNG	7/21/1983	Nam		Kinh	Công nhân	33 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
452	NGUYỄN THỊ DU	2/14/1985		Nữ	Kinh	Giáo viên	Khu 1 – TTNG	
453	BÙI ĐÌNH TÚ	10/29/1962	Nam		Kinh	Hưu trí	31 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
454	TRẦN THỊ LIỀN	11/4/1966		Nữ	Kinh	Nội trợ	31 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
455	TRẦN THỊ TUẤT	10/7/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	29 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
456	TRẦN VĂN TUYÊN	10/19/1984	Nam		Kinh	LĐTD	29 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
457	ĐẶNG THỊ THANH	1/1/1960		Nữ	Kinh	Nội trợ	27 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
458	NGUYỄN NGỌC PHẤN	1/18/1956	Nam		Kinh	LĐTD	27 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
459	NGUYỄN THỊ KHUÊ	4/1/1986		Nữ	Kinh	Công nhân	27 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
460	NGUYỄN TRUNG TRÍ	3/25/1985	Nam		Kinh	LĐTD	27 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
461	NGUYỄN THÀNH CÔNG	9/14/1975	Nam		Kinh	Lái xe	27B – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
462	PHAN THỊ THÌN	11/12/1976		Nữ	Kinh	Nội trợ	27B – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
463	BÙI ĐÌNH DƯƠNG	6/16/1968	Nam		Kinh	Tàn tật	23 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
464	BÙI ĐÌNH HƯNG	3/20/1995	Nam		Kinh	Công nhân	23 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
465	BÙI ĐÌNH TRƯỜNG	12/27/1990	Nam		Kinh	Công nhân	23 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
466	BÙI THANH VÂN	10/3/1970		Nữ	Kinh	Nội trợ	23 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
467	ĐÀO THỊ LEN	7/9/1990		Nữ	Kinh	Công nhân	23 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
468	HOÀNG THANH SƠN	4/13/1961	Nam		Kinh	LĐTD	21 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
469	NGUYỄN TIẾN SƠN	7/8/1958	Nam		Kinh	Công nhân	17 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
470	HÀ NGỌC ĐỨC	11/12/1997	Nam		Kinh	Công nhân	15 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
471	HÀ NGỌC DUNG	5/3/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	15 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
472	HÀ NGỌC HÙNG	1/26/1965	Nam		Kinh	LĐTD	15 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
473	PHẠM THỊ HẰNG	10/10/1965		Nữ	Kinh	Nội trợ	15 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
474	HÀ NGỌC BẢO	11/25/1986	Nam		Kinh	Công nhân	13 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
475	PHAN THỊ PHƯỢNG	5/1/1964		Nữ	Kinh	Nông dân	13 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
476	VŨ THỊ THÊU	6/10/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	13 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
477	NGUYỄN THỊ TÁU	3/3/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	19 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
478	NGUYỄN VĂN TÙNG	11/30/1985	Nam		Kinh	Công nhân	19 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
479	TRẦN THỊ QUYÊN	12/22/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	19 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
480	NGUYỄN THỊ SỐI	6/4/1949		Nữ	Kinh	Nội trợ	Khu 1 – TTNG	
481	HÀ THỊ MÙI	2/5/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	5 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
482	NGUYỄN THỊ THÌ	2/7/1985		Nữ	Kinh	LĐTD	5 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
483	NGUYỄN TRỌNG HÒA	3/19/1953	Nam		Kinh	LĐTD	5 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
484	NGUYỄN TRỌNG NGHIỆP	1/10/1980	Nam		Kinh	LĐTD	5 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
485	NGUYỄN TRỌNG QUYẾT	6/20/1986	Nam		Kinh	LĐTD	5 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
486	NGUYỄN TRUNG KIÊN	3/18/1984	Nam		Kinh	LĐTD	5 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
487	VŨ THỊ THO	8/18/1982		Nữ	Kinh	LĐTD	5 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
488	PHẠM ĐÌNH AN	2/25/1965	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
489	PHẠM TUẤN ANH	10/11/1992	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
490	NGUYỄN THỊ ĐOÀN	4/30/1947		Nữ	Kinh	Hưu trí	2A – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
491	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	1/6/2003		Nữ	Kinh	Công nhân	2A – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
492	BÙI THỊ HUỆ	5/3/1966		Nữ	Kinh	Công nhân	4B – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
493	CHU THỊ MAI	2/2/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	4A – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
494	NGUYỄN NAM HÀ	7/12/1990	Nam		Kinh	Công an	4A – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
495	NGUYỄN PHƯƠNG THÀNH NAM	8/8/1988	Nam		Kinh	LĐTD	4A – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
496	TRẦN THỊ HƯƠNG	11/20/1962		Nữ	Kinh	Công nhân	4A – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
497	VŨ THỊ SÂM	2/24/1967		Nữ	Kinh	Tàn tật	6A – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
498	MAI THỊ HẰNG	10/1/1967		Nữ	Kinh	Nội trợ	6B – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
499	NGUYỄN MẠNH THẮNG	2/4/1969	Nam		Kinh	Nông dân	6B – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
500	NGUYỄN VĂN THÀNH	8/23/1994	Nam		Kinh	Viên chức	6B – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
501	BÙI ĐỨC HUY	6/18/1953	Nam		Kinh	LĐTD	10 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
502	NGÔ YẾN THỊ HÒA	8/15/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	10 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
503	HÀ THỊ LIÊN	1/15/1984		Nữ	Kinh	Công nhân	12 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
504	PHAN TIẾN ĐẠT	9/11/2002	Nam		Kinh	Công nhân	12 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
505	PHAN TRỌNG TUYÊN	12/30/1974	Nam		Kinh	Công nhân	12 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
506	PHAN VĂN TOẠI	2/2/1941	Nam		Kinh	Tàn tật	12 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
507	BÙI THỊ LAN	12/22/1964		Nữ	Kinh	Hưu trí	12B – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
508	NGUYỄN ANH TUẤN	9/8/1997	Nam		Kinh	Công an	12B – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
509	BÙI ĐÌNH TÙNG	9/15/1969	Nam		Kinh	LĐTD	14 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
510	BÙI THANH QUANG	6/16/1989	Nam		Kinh	Công nhân	14 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
511	BÙI THỊ HƯƠNG LAN	5/4/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	14 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
512	NGUYỄN THỊ HẰNG	2/1/1967		Nữ	Kinh	Nội trợ	14 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
513	TẠ THỊ NGA	11/20/1970		Nữ	Kinh	Buôn bán	16 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
514	BÙI ĐÌNH HÒA	1/1/1955	Nam		Kinh	Già yếu	22 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
515	NGUYỄN THỊ VINH	12/21/1960		Nữ	Kinh	Nội trợ	22 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
516	NGUYỄN VĂN TUẤN	5/3/1961	Nam		Kinh	LĐTD	24 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
517	CAO VĂN CƯỜNG	4/9/1983	Nam		Kinh	Nông dân	24 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
518	CAO VĂN SÚY	3/28/1953	Nam		Kinh	Nông dân	24 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
519	NGUYỄN THỊ ĐÔNG	10/5/1964		Nữ	Kinh	Nội trợ	28 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
520	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	11/19/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	28 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
521	NGUYỄN VĂN NINH	3/30/1999	Nam		Kinh	Công nhân	28 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
522	BÙI THỊ NGUYỆT	1/7/1949		Nữ	Kinh	Nội trợ	23 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
523	TRẦN THỊ HƯƠNG	10/13/1975		Nữ	Kinh	Nội trợ	23 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
524	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	12/11/1972		Nữ	Kinh	Tàn tật	23 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
525	NGUYỄN THỊ MAI	12/26/1949		Nữ	Kinh	Hưu trí	30 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
526	NGUYỄN THỊ HOA	1/9/2005		Nữ	Kinh	LĐTD	34 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
527	NGUYỄN VĂN TÚ	11/9/1970	Nam		Kinh	LĐTD	34 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
528	VŨ THỊ MƯA	4/26/1974		Nữ	Kinh	Nội trợ	34 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
529	HOÀNG THỊ TUYẾT	10/25/1960		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
530	BÙI THỊ HẰNG	1/7/1986		Nữ	Kinh	Công nhân	36 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
531	ĐÀO THỊ THẮM	10/18/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	36 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
532	NGUYỄN QUANG VINH	10/20/1995	Nam		Kinh	Công nhân	36 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
533	NGUYỄN QUỐC VIỆT	5/16/1982	Nam		Kinh	Công nhân	36 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
534	NGUYỄN VĂN VỞ	11/28/1957	Nam		Kinh	LĐTD	36 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
535	NGUYỄN ĐỨC TOẢN	5/4/1960	Nam		Kinh	LĐTD	68B – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
536	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	7/27/2002		Nữ	Kinh	Công nhân	68B – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
537	LÊ NGỌC NAM	5/19/1946	Nam		Kinh	Tàn tật	68 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
538	NGUYỄN THỊ DUNG	1/1/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	68 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
539	NGUYỄN THỊ HỒNG	10/3/1991		Nữ	Kinh	Nông dân	46 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
540	NGUYỄN THỊ THÚY	2/12/1994		Nữ	Kinh	Nông dân	46 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
541	PHAN ĐỨC TIẾN	9/26/1992	Nam		Kinh	Nông dân	46 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
542	PHAN VĂN ĐỨC	10/7/1987	Nam		Kinh	LĐTD	46 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
543	NGUYỄN THỊ HỒNG	5/6/1949		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 3 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
544	ĐỖ SỸ THƯỜNG	7/25/1980	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 3 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
545	VŨ THỊ DUNG	12/1/1987		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 3 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
546	ĐỖ VŨ YẾN NHI	4/11/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	42 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
547	PHẠM THỊ HƯƠNG	6/16/1982		Nữ	Kinh	Buôn bán	42 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
548	NGUYỄN VĂN SÁNG	4/5/1981	Nam		Kinh	LĐTD	42 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
549	PHẠM THỊ ÚT	4/17/1945		Nữ	Kinh	Hưu trí	01 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
550	PHÙNG THỊ ĐÔNG	12/18/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	02 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
551	TRỊNH HUY LIỆU	1/15/1948	Nam		Kinh	Hưu trí	02 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
552	TRỊNH THỊ THU HƯƠNG	3/22/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	02 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
553	HÀ DUY HƯNG	3/26/1984	Nam		Kinh	LĐTD	04 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
554	HÀ VĂN CỐM	10/10/1961	Nam		Kinh	LĐTD	04 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
555	PHẠM THI HIỀN	11/5/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	04 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
556	PHẠM THỊ TRANG	10/20/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	04 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
557	ĐỖ QUANG THỤ	1/1/1963	Nam		Kinh	LĐTD	10 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
558	TRẦN THỊ TUYẾT	12/10/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	10 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
559	TĂNG THÁI SƠN	10/11/1943	Nam		Kinh	Hưu trí	14 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
560	BÙI THỊ THÚY NHUNG	6/9/1975		Nữ	Kinh	Công chức	14 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
561	TĂNG THÁI HÒA	1/20/1972	Nam		Kinh	Công chức	14 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
562	ĐẶNG THỊ PHÍM	12/11/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	16 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
563	NGUYỄN CAO CƯỜNG	3/8/1985	Nam		Kinh	Công nhân	16 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
564	NGUYỄN THANH NAM	9/3/1999	Nam		Kinh	Sinh viên	16 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
565	NGUYỄN THỊ SAO MAI	11/2/1990		Nữ	Kinh	Giáo viên	16 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
566	NGUYỄN VĂN THANH	1/12/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	16 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
567	NGUYỄN THỊ HOA	6/8/1980		Nữ	Kinh	Nội trợ	18 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
568	NGUYỄN VĂN ĐẠT	3/15/1975	Nam		Kinh	Nông dân	18 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
569	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	12/8/1968		Nữ	Kinh	Nông dân	20 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
570	PHAN THỊ HUYỀN	4/10/1977		Nữ	Kinh	Nông dân	12 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
571	PHAN THỊ THANH NGA	3/26/1997		Nữ	Kinh	Giáo viên	12 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
572	PHAN XUÂN ĐIỆU	4/22/1973	Nam		Kinh	Nông dân	12 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
573	NGUYỄN THỊ LỆNH	7/15/1949		Nữ	Kinh	Nông dân	24 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	3	4	5	6	7	
574	HÀ THỊ KIM ANH	8/29/1982		Nữ	Kinh	Nông dân	26 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
575	PHẠM MỸ LỆ	11/29/2003		Nữ	Kinh	Nông dân	26 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
576	PHẠM TRUNG KIÊN	10/12/1978	Nam		Kinh	Nông dân	26 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
577	NGUYỄN VĂN HẢI	9/3/1962	Nam		Kinh	LĐTD	30 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
578	TRẦN THỊ TUYẾT	4/8/1964		Nữ	Kinh	LĐTD	30 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
579	ĐỖ THỊ NHẬN	6/10/1934		Nữ	Kinh	Nội trợ	30 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
580	CAO VĂN THỊNH	6/14/1975	Nam		Kinh	LĐTD	32 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
581	CAO XUÂN MẠNH	6/13/1998	Nam		Kinh	LĐTD	32 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
582	NGUYỄN THỊ DIỆN	1/1/1950		Nữ	Kinh	Hưu trí	32 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
583	NGUYỄN THỊ MINH THU	4/5/1999		Nữ	Kinh	Công nhân	32 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
584	ĐẶNG NGỌC LAN ANH	2/14/2003		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 1 - Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
585	ĐẶNG VĂN QUÂN	8/30/1975	Nam		Kinh	Lái xe	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
586	NGUYỄN THỊ HIỆP	5/24/1974		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
587	NGUYỄN THỊ SỬU	11/13/1961		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
588	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	9/15/1947	Nam		Kinh	Hưu trí	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
589	NGUYỄN THỊ THU THỦY	10/29/1973		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 3 – Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
590	NGUYỄN TUẤN ANH	9/29/1996	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
591	NGUYỄN VIỆT ANH	4/29/2000	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
592	NGUYỄN HỮU HẢI	3/25/1976	Nam		Kinh	LĐTD	34 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
593	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	8/6/1980		Nữ	Kinh	Nội trợ	34 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
594	NGUYỄN HỮU NGỮ	3/26/1946	Nam		Kinh	LĐTD	34 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
595	NGUYỄN THỊ KÍCH	7/1/1948		Nữ	Kinh	Nội trợ	34 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
596	CAO XUÂN ĐÌNH	2/1/1938	Nam		Kinh	Hưu trí	36 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
597	CAO VĂN DŨNG	8/27/1974	Nam		Kinh	Công nhân	36 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
598	CAO XUÂN NGHĨA	10/3/2001	Nam		Kinh	Công nhân	36 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
599	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	7/19/1974		Nữ	Kinh	Buôn bán	36 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
600	CAO XUÂN DUY	2/25/2006	Nam		Kinh	Sinh viên	36 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
601	CAO MẠNH CƯỜNG	6/5/1972	Nam		Kinh	LĐTD	38 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
602	CAO MẠNH HIẾU	12/9/2003	Nam		Kinh	Công nhân	38 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
603	CAO THỊ BÍCH THẢO	3/30/1999		Nữ	Kinh	Tàn tật	38 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
604	TRẦN THỊ HẰNG	12/25/1978		Nữ	Kinh	Buôn bán	38 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
605	NGUYỄN HỮU TƯỜNG	1/12/1946	Nam		Kinh	Thương binh	40 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
606	NGUYỄN THANH TÚ	3/10/1984	Nam		Kinh	LĐTD	40 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
607	NGUYỄN THỊ MAI	8/18/1990		Nữ	Kinh	Nông dân	40 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
608	TRẦN THỊ GÁI	12/20/1947		Nữ	Kinh	Nội trợ	40 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
609	BÙI THỊ PHƯỢNG	7/19/1966		Nữ	Kinh	Tàn tật	42 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
610	NGUYỄN THỊ TOAN	9/16/1946		Nữ	Kinh	Nội trợ	44 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
611	NGUYỄN LÊ HOÀNG TRANG	1/21/1991		Nữ	Kinh	Công nhân	46 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
612	VŨ THỊ SỚM	8/27/1964		Nữ	Kinh	Hưu trí	46 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
613	VŨ TRỌNG ÁNG	7/5/1963	Nam		Kinh	LĐTD	46 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
614	VŨ TRỌNG HƯNG	8/28/1989	Nam		Kinh	Công nhân	46 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
615	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	4/22/1966		Nữ	Kinh	Hưu trí	50 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
616	NGUYỄN VĂN QUÂN	10/19/1965	Nam		Kinh	Nông dân	50 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
617	NGUYỄN THẾ ANH	11/14/1990	Nam		Kinh	Nông dân	50 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
618	TRẦN THỊ THÚY	8/27/1989		Nữ	Kinh	Nội trợ	50 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
619	NGUYỄN THỊ THANH	10/20/1974		Nữ	Kinh	Công nhân	48 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
620	PHẠM NGỌC QUANG	9/13/1967	Nam		Kinh	Công nhân	48 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
621	PHẠM THỊ PHƯƠNG	7/26/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	48 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
622	ĐOÀN HUY TIỆP	5/10/1954	Nam		Kinh	Hưu trí	52 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
623	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	7/7/1955		Nữ	Kinh	Hưu trí	52 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
624	NGUYỄN HỒNG QUYỀN	11/21/1991	Nam		Kinh	Lái xe	58 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
625	NGUYỄN KIM VIỄN	6/4/1951	Nam		Kinh	Thương binh	58 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
626	NGUYỄN THỊ LAN	8/1/1952		Nữ	Kinh	Nông dân	58 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
627	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	12/19/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	58 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
628	ĐẶNG VĂN CHIỀU	5/1/1934	Nam		Kinh	Già yếu	56B – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
629	BÙI THỊ HUYỀN	4/1/1977		Nữ	Kinh	Công nhân	56B – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
630	CHU THỊ THU HIỀN	9/1/2001		Nữ	Kinh	Công nhân	56B – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
631	ĐẶNG MINH HOẠCH	4/26/1977	Nam		Kinh	Công nhân	56B – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
632	ĐẶNG TRUNG HUY	9/15/1998	Nam		Kinh	Công nhân	56B – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
633	ĐÀO THỊ TƠ	3/21/1973		Nữ	Kinh	Nông dân	56 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
634	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	11/5/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	56 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
635	NGUYỄN VĂN ĐẠT	8/12/1964	Nam		Kinh	Nông dân	56 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
636	NGUYỄN THỊ SÂM	12/8/1957		Nữ	Kinh	Nông dân	54 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
637	NGUYỄN THỊ NGÓI	9/20/1957		Nữ	Kinh	Hưu trí	60 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
638	NGUYỄN TRÍ THIỆN	1/20/1953	Nam		Kinh	Hưu trí	60 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
639	NGUYỄN LAN ANH	7/23/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	53 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
640	NGUYỄN PHƯƠNG HẰNG	6/30/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	53 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
641	NGUYỄN QUÝ THANH	11/11/1963	Nam		Kinh	Nông dân	53 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
642	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	3/2/1999		Nữ	Kinh	Nông dân	53 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
643	NGUYỄN THỊ YẾN	6/24/1968		Nữ	Kinh	Nông dân	53 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
644	LÊ THỊ HUỆ	10/22/1961		Nữ	Kinh	Nông dân	64 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
645	VŨ ĐÌNH ĐẠI	8/11/1959	Nam		Kinh	LĐTD	64 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
646	VŨ ĐÌNH THANH	1/24/1992	Nam		Kinh	LĐTD	64 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
647	NGUYỄN THỊ THÚY	2/3/1957		Nữ	Kinh	Nông dân	66 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
648	PHAN ĐÌNH LẬP	8/26/1950	Nam		Kinh	Nông dân	69 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
649	PHẠM VĂN HƯƠNG	10/14/1958	Nam		Kinh	Nông dân	68 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
650	NGUYỄN MINH TÂN	3/23/1958	Nam		Kinh	Nông dân	70 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
651	NGUYỄN THỊ RÈ	3/27/1958		Nữ	Kinh	Nông dân	70 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
652	NGUYỄN QUANG TUẤN	6/3/1972	Nam		Kinh	Nông dân	70 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
653	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	10/23/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	70 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
654	NGUYỄN THỊ VÂN	9/22/1975		Nữ	Kinh	Nông dân	70 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
655	NGUYỄN TUẤN VŨ	5/2/1996	Nam		Kinh	Nông dân	70 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
656	NGUYỄN VÂN TRINH	8/27/2003		Nữ	Kinh	Công nhân	70 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
657	NGUYỄN THỊ LAI	3/20/1950		Nữ	Kinh	Nông dân	72 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
658	NGUYỄN THỊ SIÊM	3/20/1978		Nữ	Kinh	Nông dân	72 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
659	TRẦN NGỌC HUY	6/7/2002	Nam		Kinh	Nông dân	72 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
660	TRẦN VĂN ĐOÀN	2/26/1974	Nam		Kinh	Nông dân	72 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
661	NGUYỄN THỊ NGHĨA	3/17/1952		Nữ	Kinh	Nông dân	57 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
662	NGUYỄN XUÂN HƯNG	2/1/1982	Nam		Kinh	Nông dân	57 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
663	TRỊNH THỊ TUYẾT	4/7/1985		Nữ	Kinh	Nông dân	57 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
664	MAI THỊ LỢI	3/13/1983		Nữ	Kinh	Nông dân	73 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
665	NGUYỄN VĂN HẢI	10/18/1975	Nam		Kinh	Nông dân	73 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
666	NGUYỄN QUÝ AM	12/9/1969	Nam		Kinh	LĐTD	74 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
667	NGUYỄN THỊ LIÊN	1/27/1970		Nữ	Kinh	Buôn bán	74 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
668	ĐÀO THỊ PHIN	6/6/1971		Nữ	Kinh	Buôn bán	76 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
669	NGUYỄN QUANG TỊCH	12/21/1962	Nam		Kinh	LĐTD	78 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
670	BÙI THỊ THOA	7/10/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	78 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
671	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	7/25/1984		Nữ	Kinh	Buôn bán	78 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
672	NGUYỄN TUẤN LONG	11/2/1983	Nam		Kinh	Lái xe	78 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
673	TRỊNH MAI HÒA	9/29/1955		Nữ	Kinh	Hưu trí	80 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
674	BÙI THỊ VÂN	6/15/1971		Nữ	Kinh	Nông dân	82 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
675	TRẦN DUY LONG	5/7/2000	Nam		Kinh	Nông dân	82 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
676	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	11/14/2001		Nữ	Kinh	Nông dân	82 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
677	TRẦN TRUNG DŨNG	8/6/1960	Nam		Kinh	Nông dân	82 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
678	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	1/28/1983	Nam		Kinh	Giáo viên	88 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
679	NGUYỄN THỊ HẰNG	9/25/1984		Nữ	Kinh	Giáo viên	88 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
680	HOÀNG THỊ CỒNG	5/26/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
681	BÙI THỊ THƠ	4/14/1990		Nữ	Kinh	Công nhân	118 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
682	NGUYỄN HÙNG HƯNG	7/16/1991	Nam		Kinh	Công nhân	118 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
683	NGUYỄN THỊ XUYẾN	8/12/1966		Nữ	Kinh	Hưu trí	118 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
684	BÙI THỊ THOA	2/28/1987		Nữ	Kinh	Buôn bán	89 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
685	NGUYỄN QUANG TÙNG	5/9/1979	Nam		Kinh	Buôn bán	89 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
686	BÙI MẠNH DUY	8/1/2004	Nam		Kinh	Công nhân	124 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
687	BÙI MẠNH HÀ	2/19/1971	Nam		Kinh	Công nhân	124 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
688	LƯƠNG THỊ THU HIỀN	12/18/1975		Nữ	Kinh	Nội trợ	124 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
689	BÙI ĐÌNH CHUNG	5/10/1950	Nam		Kinh	Tàn tật	Tổ 8 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
690	BÙI ĐÌNH HÙNG	12/10/1983	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
691	TRƯƠNG THỊ MAI	12/27/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
692	VŨ THỊ QUÝ	1/21/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
693	NGUYỄN THỊ NGHI	8/13/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	85 - Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
694	PHAN VĂN PHƯƠNG	11/12/1984	Nam		Kinh	Nông dân	63 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
695	TRẦN THỊ QUẾ	11/3/1985		Nữ	Kinh	Nông dân	63 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
696	TRẦN NGỌC CƯỜNG	10/4/1983	Nam		Kinh	Nông dân	53 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
697	TRẦN NGỌC KHANG	5/4/1955	Nam		Kinh	Hưu trí	53 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
698	ĐÀM THỊ THƠM	11/16/1956		Nữ	Kinh	Nông dân	51 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
699	NGUYỄN VĂN VIỄN	12/19/1952	Nam		Kinh	Nông dân	51 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
700	ĐÀO MINH HÙNG	9/1/1959	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
701	NGUYỄN THỊ XUẤT	10/9/1961		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
702	NGUYỄN MẠNH HÙNG	12/23/1962	Nam		Kinh	Nông dân	73 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
703	NGUYỄN THỊ HỒNG	11/26/1964		Nữ	Kinh	Nông dân	73 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
704	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	2/16/2001		Nữ	Kinh	Công nhân	73 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
705	BÙI THỊ XUÂN ANH	2/17/1975		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
706	HOÀNG VĂN THÀNH	11/11/1971	Nam		Kinh	Bộ đội	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
707	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	2/10/1946		Nữ	Kinh	Nông dân	43 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
708	LƯƠNG ANH DŨNG	6/2/1970	Nam		Kinh	Nông dân	45 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
709	PHAN THỊ HUỆ	4/23/1971		Nữ	Kinh	Nông dân	45 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
710	NGUYỄN THỊ NHUNG	2/18/1991		Nữ	Kinh	Nông dân	41 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
711	NGUYỄN THỊ THÁI	7/9/1962		Nữ	Kinh	Nông dân	41 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
712	NGUYỄN VĂN PHÚ	3/2/1986	Nam		Kinh	Nông dân	41 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
713	NGUYỄN VĂN THẮNG	1/30/1958	Nam		Kinh	Nông dân	41 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
714	NGUYỄN THỊ PHÚC	5/29/1990		Nữ	Kinh	Công nhân	41 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
715	NGUYỄN VĂN PHONG	3/2/1986	Nam		Kinh	Công nhân	41 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
716	BÙI THỊ LOAN	10/30/1978		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
717	NGUYỄN ĐỨC HÒA	12/30/1972	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
718	NGUYỄN ĐỨC HƯNG	6/19/2001	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
719	NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG	3/5/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
720	NGUYỄN VĂN NHẬT	8/27/1952	Nam		Kinh	Tàn tật	31 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
721	VŨ THỊ THẢI	9/21/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	31 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
722	LÊ THỊ NGA	5/7/1975		Nữ	Kinh	Công nhân	29 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
723	LÊ TRỌNG ĐẠT	1/20/1983	Nam		Kinh	LĐTD	29 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
724	LÊ VĂN QUÝ	1/1/1944	Nam		Kinh	Già yếu	29 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
725	NGUYỄN THỊ HỒNG	10/25/1946		Nữ	Kinh	Nội trợ	29 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
726	NGUYỄN THỊ THANH NGUYỆT	8/14/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	29 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
727	LÊ THỊ OANH	9/4/2001		Nữ	Kinh	Công nhân	27 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
728	LÊ TRỌNG NGHĨA	10/10/1972	Nam		Kinh	LĐTD	27 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
729	PHAN THỊ THU HÀ	5/15/1978		Nữ	Kinh	LĐTD	27 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
730	CAO THỊ HÒA	10/5/1971		Nữ	Kinh	Nông dân	25 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
731	NGUYỄN VĂN HÀ	5/25/1970	Nam		Kinh	Nông dân	25 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
732	ĐỖ QUANG DUY	8/15/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	23 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
733	ĐỖ QUANG LONG	2/27/1967	Nam		Kinh	Lái xe	23 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
734	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	11/3/1974		Nữ	Kinh	Buôn bán	23 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
735	HÀ THỊ MIÊNG	2/2/1956		Nữ	Kinh	Hưu trí	21 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
736	HÀ THỊ THÚY	12/12/1989		Nữ	Kinh	Công chức	21 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
737	NGUYỄN THANH TÙNG	11/12/1979	Nam		Kinh	Công nhân	21 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
738	NGUYỄN VĂN TOÁN	2/5/1951	Nam		Kinh	Thương binh	21 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
739	NGUYỄN THỊ TOÀN	2/28/1950		Nữ	Kinh	Nội trợ	17 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
740	NGUYỄN KIM BẢO	4/15/1946	Nam		Kinh	Già yếu	15 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
741	ĐẶNG THỊ DUNG	1/28/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	13 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
742	NGUYỄN TIẾN HẢI	9/3/1952	Nam		Kinh	LĐTD	13 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
743	ĐÀO NGỌC ÁNH	12/18/2002		Nữ	Kinh	Công nhân	11 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
744	ĐINH THỊ BÉ	6/25/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	11 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
745	TRẦN THẾ ANH	5/14/1993	Nam		Kinh	LĐTD	11 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
746	HÀ VĂN SƯU	3/6/1949	Nam		Kinh	LĐTD	9 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
747	NGUYỄN THỊ HỒI	10/1/1951		Nữ	Kinh	Nội trợ	9 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
748	HÀ THỊ NGỌC BÍCH	11/7/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	7 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
749	LƯU ĐỨC TUẤN	9/13/1979	Nam		Kinh	Lái xe	7 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
750	LƯU NGỌC ANH	10/28/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	7 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
751	NGUYỄN MINH ĐỨC	11/3/1986	Nam		Kinh	Lái xe	5 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
752	NGUYỄN THỊ BÌNH	1/1/1954		Nữ	Kinh	Nội trợ	5 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
753	NGUYỄN VĂN ĐIỀU	5/10/1951	Nam		Kinh	Già yếu	5 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
754	PHẠM THỊ HOẠT	11/23/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	5 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
755	NGUYỄN THÀNH TRUNG	10/8/1976	Nam		Kinh	LĐTD	3 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
756	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	7/17/1985	Nam		Kinh	Buôn bán	3 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
757	BÙI THANH VĂN	4/24/1978	Nam		Kinh	Lái xe	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
758	NGUYỄN THỊ HỒI	9/24/1980		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
759	BÙI THỊ NGỌC GIANG	12/13/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
760	NGUYỄN THỊ MINH	7/6/1956		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
761	PHAN ĐÌNH HƯNG	1/2/1957	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
762	PHAN TIẾN HẢI	10/17/1976	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
763	PHÙNG THỊ DƯƠNG	7/5/1985		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
764	NGUYỄN THỊ HẬU	10/28/1982		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
765	PHAN ĐÌNH SƠN	4/27/1983	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
766	ĐÀO THỊ PHƯƠNG HÀ	7/16/1986		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
767	PHAN THANH LONG	3/12/1985	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
768	BÙI NHƯ CHUYÊN	1/6/1953	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
769	PHẠM THỊ THI	2/18/1953		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
770	BÙI VĂN HUYỀN	1/12/1984	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
771	TRẦN THỊ THÀNH	7/24/1985		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
772	NGUYỄN THỊ LIÊN	9/13/1957		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
773	PHẠM ĐÌNH KHANH	2/1/1953	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
774	PHẠM THỊ HƯƠNG	11/6/1986		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
775	ĐẶNG THỊ VÂN ANH	7/10/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
776	ĐẶNG VIỆT NGHĨA	9/3/1996	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
777	PHAN THỊ BÍCH	6/10/1971		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
778	PHẠM NGỌC QUỲ	6/3/1964	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
779	PHẠM THÀNH TUẤN	8/7/1993	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
780	NGUYỄN THỊ SÁNG	3/18/1965		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
781	VŨ BÁ KHƯƠNG	7/17/1961	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
782	VŨ BÁ VỸ	7/16/1985	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
783	ĐÀM THỊ HUỆ	7/3/1974		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
784	VŨ BÁ HOÀNG	12/5/1998	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
785	VŨ BÁ TOẢN	5/5/1968	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
786	VŨ THỊ KIM ANH	9/30/2003		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
787	NGUYỄN THỊ KIM ANH	2/20/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	Khu 1 – TTNG	
788	VŨ BÁ TUẤN	2/7/1980	Nam		Kinh	Nông dân	Khu 1 – TTNG	
789	NGUYỄN MINH TÂN	5/18/1954	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
790	NGUYỄN THỊ HOA	11/20/1955		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
791	NGUYỄN VĂN TỈNH	10/17/1987	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
792	PHẠM THỊ PHƯỢNG	7/10/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
793	ĐỖ THỊ HẢI	11/20/1959		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
794	NGUYỄN XUÂN LAI	12/1/1957	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
795	NGUYỄN THỊ HỒI	6/27/1974		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
796	NGUYỄN VĂN HẠNH	7/5/1985	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
797	TRỊNH THỊ THU	1/20/1983		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
798	NGUYỄN MINH TỨ	5/15/1979	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
799	PHẠM THỊ HUYỀN	2/20/1983		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
800	NGUYỄN VĂN PHONG	6/10/1974	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
801	PHẠM THỊ HỒNG	5/30/1976		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
802	NGUYỄN THỊ MẾN	10/22/1957		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
803	NGUYỄN ANH TUẤN	7/13/1963	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
804	VŨ THỊ THÀNH	4/13/1966		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
805	ĐÀM THỊ CÚC	8/7/1976		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
806	NGUYỄN QUỐC TOẢN	8/18/1965	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
807	NGUYỄN TRỌNG BẰNG	5/22/2003	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
808	NGUYỄN THỊ KHANH	8/27/1972		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
809	ĐINH THỊ HÒA	6/3/1979		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
810	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	5/4/1975	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 8 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
811	ĐỖ THỊ OANH	2/3/1996		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
812	NGUYỄN THỊ KHOA	12/28/1966		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
813	PHẠM XUÂN BÁO	10/22/1996	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
814	HÀ NGỌC ĐIỆP	10/22/1999	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
815	NGUYỄN THỊ NGUYỆN	11/25/1962		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
816	TRỊNH BÌNH MINH	2/12/1962	Nam		Kinh	Buôn bán	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
817	TRỊNH VĂN KIỀN	1/4/1987	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
818	ĐỖ THỊ VAI	5/6/1939		Nữ	Kinh	Già yếu	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
819	NGUYỄN TẤT TÌNH	1/15/1990	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
820	PHẠM THỊ PHƯƠNG	4/9/1971		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
821	PHẠM THỊ QUANG	6/14/1956		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
822	PHẠM THÁI HƯNG	4/26/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
823	PHẠM TUẤN HIỆP	11/5/2000	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
824	PHẠM VĂN HIỀN	6/8/1964	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
825	TRẦN THỊ VUỐN	9/4/1974		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
826	PHẠM THỊ SIM	4/30/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
827	PHẠM VĂN THƯỜNG	3/4/1964	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
828	PHAN THỊ LIỄU	11/20/1965		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
829	NGUYỄN THỊ QUÝ	1/10/1955		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
830	NGUYỄN VĂN GIANG	7/5/1949	Nam		Kinh	Thương binh	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
831	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	5/29/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	Khu 1 – TTNG	
832	NGUYỄN THỊ NGỌC	4/6/1978		Nữ	Kinh	Giáo viên	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
833	TRẦN TRỌNG CƯỜNG	3/24/1974	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
834	LƯU THỊ NHÂM	9/13/1952		Nữ	Kinh	Hưu trí	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
835	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	12/16/1986		Nữ	Kinh	Giáo viên	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
836	CAO XUÂN LẮM	11/16/1946	Nam		Kinh	Thương binh	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
837	HOÀNG THỊ LƯƠNG	9/12/1946		Nữ	Kinh	Hưu trí	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
838	CAO VĂN HƯƠNG	5/10/1981	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
839	NGUYỄN THỊ HOA	10/1/1984		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
840	PHẠM THỊ PHƯỢNG	5/5/1951		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
841	CAO THỊ NGA	3/10/1972		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
842	NGUYỄN TẤT THÀNH	6/3/1995	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
843	NGUYỄN THỊ NHUNG	6/9/1993		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
844	NGUYỄN THỊ THÚY	12/9/2003		Nữ	Kinh	Sinh viên	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
845	CAO THỊ XUYẾN	12/20/1978		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
846	TRẦN NGỌC THÁI	8/19/1973	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
847	NGUYỄN DUY LINH	12/16/2003	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
848	NGUYỄN THỊ KIỀU THU	11/4/1986		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
849	NGUYỄN THỊ SOAN	1/9/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
850	NGUYỄN VĂN KHANG	6/8/1954	Nam		Kinh	Thương binh	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
851	NGUYỄN THỊ HẰNG	4/4/1990		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
852	NGUYỄN VĂN KHOA	7/2/1989	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
853	PHẠM THỊ PHÙNG	1/1/1939		Nữ	Kinh	Già yếu	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
854	CAO THỊ LỆ	12/30/1964		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
855	NGUYỄN THỊ THANH HUỆ	11/7/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
856	NGUYỄN TRỌNG PHÚ	9/12/1987	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
857	CAO THẾ HÒA	3/25/1973	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
858	CAO THẾ VIỆN	3/12/1964	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
859	NGUYỄN THỊ QUÝ	1/1/1937		Nữ	Kinh	Già yếu	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
860	NGUYỄN THỊ MỸ	5/19/1940		Nữ	Kinh	Già yếu	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
861	NGUYỄN THỊ SƠN	7/30/1962		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
862	ĐỖ THỊ NGỌC LAN	5/14/1976		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
863	PHÚ TIẾN HUY	11/3/2002	Nam		Kinh	Sinh viên	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
864	TRẦN VĨNH HIỂN	10/20/1962	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
865	PHẠM ĐỨC THUẬN	4/8/1957	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
866	ĐỖ THỊ LIÊN	3/4/1990		Nữ	Kinh	Viên chức	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
867	PHẠM HỒNG DƯƠNG	10/28/1988	Nam		Kinh	Viên chức	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
868	CAO THỊ XƯỞNG	2/6/1952		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
869	CAO THẾ THANH	6/15/1984	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
870	ĐINH THỊ THÚY	4/15/1984		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
871	CAO THẾ HUY	12/14/1999	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
872	CAO THẾ VIỆT	3/17/1989	Nam		Kinh	Tàn tật	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
873	CAO THỊ THỤC HẠNH	5/10/1995		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
874	VŨ THỊ PHƯỢNG	5/10/1963		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
875	CAO THẾ THUẬT	6/15/1956	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
876	NGUYỄN THỊ NHINH	8/5/1956		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
877	CAO THẾ ĐỒNG	2/19/1986	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
878	CHU THỊ HUYÊN	2/25/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
879	NGUYỄN THỊ TƯƠI	11/18/1967		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
880	PHAN ĐÌNH DŨNG	12/16/1967	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
881	PHAN VĂN CƯỜNG	1/25/1991	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
882	PHAN ĐÌNH TRỮ	10/10/1927	Nam		Kinh	Già yếu	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
883	NGUYỄN THỊ THÁI	3/23/1957		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
884	PHẠM ĐÌNH HÙNG	2/2/1988	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
885	PHẠM THỊ HỒNG	7/20/1991		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
886	THÁI ĐĂNG ANH	8/13/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	Tổ 6 – Khúc Thừa Dụ - Khu 1 – TTNG	
887	TỐ TIẾN TÍNH	9/1/1952	Nam		Kinh	Thương binh	Tổ 6 – Khúc Thừa Dụ - Khu 1 – TTNG	
888	TRẦN THỊ THU	2/1/1954		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Khúc Thừa Dụ - Khu 1 – TTNG	
889	PHẠM THANH BÌNH	3/1/1957	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Khúc Thừa Dụ - Khu 1 – TTNG	
890	PHẠM THÙY DƯƠNG	11/21/1989		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Khúc Thừa Dụ - Khu 1 – TTNG	
891	PHAN THỊ MẬN	11/8/1959		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Khúc Thừa Dụ - Khu 1 – TTNG	
892	PHẠM THỊ BÁU	4/9/1955		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
893	PHẠM THỊ ÁNH	4/12/1998		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
894	PHẠM VĂN THU	1/10/1954	Nam		Kinh	Thương binh	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
895	PHẠM VĂN TRƯỜNG	9/21/1989	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
896	TRẦN THỊ TIẾN	7/27/1957		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
897	CAO THỊ LÊ	3/15/1968		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
898	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	11/20/1996		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
899	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	1/4/1995		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
900	NGUYỄN VĂN HOAN	8/24/1995	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
901	NGUYỄN VĂN HOÀN	2/24/1991	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
902	NGUYỄN VĂN QUỲNH	12/17/1964	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
903	ĐOÀN THỊ XUÂN	2/5/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
904	NGUYỄN VĂN HUY	10/27/1988	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
905	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	10/18/1960		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
906	NGUYỄN VĂN TIẾN	10/4/1960	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
907	PHẠM VĂN HẢI	3/8/1979	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
908	VŨ THỊ HOÀI NAM	8/5/1982		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
909	NGUYỄN THỊ HỒNG	3/10/1957		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
910	PHẠM NGỌC VINH	4/22/1953	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
911	ĐẶNG THỊ HÀ	10/7/1988		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
912	PHẠM NGỌC VŨ	4/13/1983	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
913	PHẠM THỊ MỴ	9/8/1969		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
914	PHAN ĐÌNH TIẾN	6/4/1965	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
915	PHAN THANH TÙNG	7/14/1989	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
916	PHAN THỊ DUNG	7/1/1994		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
917	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	12/20/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
918	NGUYỄN TRUNG KIÊN	9/25/1998	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
919	PHAN THỊ LÁN	9/11/1958		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
920	TRẦN VĂN THUẦN	6/8/1957	Nam		Kinh	Thương binh	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
921	TRẦN TRUNG DŨNG	9/9/1986	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
922	TRỊNH THỊ NHƯ QUỲNH	10/20/1987		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
923	CAO THẾ KIÊN	12/9/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
924	CAO THỊ MAI LINH	6/29/1999		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
925	TRẦN THỊ HÀ	10/30/1977		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
926	CAO THẾ QUỲNH	5/10/1945	Nam		Kinh	Thương binh	Tổ 7 – Khúc Thừa Dụ - Khu 1 – TTNG	
927	CAO THỊ HUYÊN	1/23/1985		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Khúc Thừa Dụ - Khu 1 – TTNG	
928	ĐINH THỊ HÀ	5/10/1954		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Khúc Thừa Dụ - Khu 1 – TTNG	
929	NGUYỄN VĂN QUÝ	9/21/1983	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Khúc Thừa Dụ - Khu 1 – TTNG	
930	NGUYỄN VĂN GIỚI	6/6/1959	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
931	NGUYỄN VIẾT HẢI	3/27/1987	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
932	TRẦN THỊ NGA	9/16/1994		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
933	VŨ THỊ THOA	4/20/1959		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
934	BÙI THỊ THỦY	10/30/1974		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
935	TRẦN QUANG VŨ	10/1/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
936	TRẦN XUÂN TÚ	4/25/1972	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
937	TRẦN THỊ LAN	1/1/1966		Nữ	Kinh	Tàn tật	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
938	HOÀNG THỊ HUYỀN	1/10/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
939	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	3/21/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
940	TRẦN LONG HOÀNG	4/4/1988	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
941	TRẦN VĂN LÂM	5/19/1956	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
942	ĐỖ THỊ BÉ	1/1/1946		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
943	NGUYỄN THỊ HOA	6/23/1972		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
944	PHẠM NGỌC CHIẾN	10/10/1996	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
945	PHẠM THỊ THANH THỦY	7/16/1999		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
946	PHẠM VĂN TẤN	1/20/1969	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
947	NGUYỄN ĐẮC CƯỜNG	9/1/1964	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
948	NGUYỄN THỊ MỸ	5/20/1963		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
949	NGUYỄN ĐẮC DƯƠNG	5/7/1992	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
950	NGUYỄN THỊ HUỆ	11/16/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
951	NGUYỄN ĐẮC PHƯƠNG	7/7/1989	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
952	BÙI QUỐC HƯNG	9/19/1990	Nam		Kinh	LĐTD		
953	ĐÀM TIẾN ĐỨC	11/2/1999	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
954	ĐÀM TIẾN PHÚC	4/30/1978	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
955	NGUYỄN THỊ HIỀN	4/29/1980		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
956	NGUYỄN THỊ THỌ	10/16/1952		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
957	NGUYỄN VĂN BỐN	7/6/1947	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
958	NGUYỄN THỊ MINH	8/15/1961		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
959	TRỊNH VĂN NAM	4/24/1954	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
960	NGUYỄN THỊ MAI	11/2/1991		Nữ	Kinh	Nông dân	Khu 1 - TTNG	
961	TRỊNH VĂN ĐỒNG	1/19/1989	Nam		Kinh	Nông dân	Khu 1 - TTNG	
962	HÀ NGỌC ANH	11/6/1991	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
963	HÀ THỊ THÌN	8/30/1952		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
964	ĐỖ XUÂN KỊCH	6/25/1945	Nam		Kinh	Già yếu	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
965	ĐỖ THỊ HIỆP	2/22/1974		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
966	ĐỖ HUY DƯƠNG	3/29/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	Khu 1 - TTNG	
967	ĐỖ HUY LONG	9/12/1998	Nam		Kinh	Công nhân	Khu 1 - TTNG	
968	ĐỖ XUÂN TƯỜNG	7/4/1972	Nam		Kinh	Công nhân	Khu 1 - TTNG	
969	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	8/13/1974		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
970	ĐÀM NHÂN TRƯỜNG	5/10/1954	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
971	ĐÀM THỊ HOA	3/29/1982		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
972	NGUYỄN THỊ ĐẬU	9/10/1945		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
973	ĐÀM NHÂN THẮNG	10/20/1956	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
974	PHỦ TIẾN ĐỐC	12/30/1938	Nam		Kinh	Già yếu	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
975	ĐẶNG QUỐC DUY	9/1/1992	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
976	NGUYỄN THANH KỲ	10/10/1938	Nam		Kinh	Già yếu	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
977	NGUYỄN THỊ QUANG	5/3/1966		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
978	ĐÀM THỊ HẠNH	1/20/1976		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
979	LƯƠNG ĐỨC NAM	11/11/1971	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
980	NGUYỄN THỊ LÝ	2/8/1941		Nữ	Kinh	Hưu trí	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
981	NGUYỄN THỊ HỒNG	7/8/1986		Nữ	Kinh	Giáo viên	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
982	NGUYỄN THỊ KHỐI	12/25/1964		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
983	NGUYỄN VĂN PHƯỢNG	8/10/1965	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
984	PHẠM THỊ HÀ ĐIỆP	2/6/1960		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
985	ĐÀM THỊ THIỆP	8/20/1960		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
986	PHAN VĂN VINH	2/25/1958	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
987	HÀ VĂN HÙNG	3/6/1948	Nam		Kinh	Hưu trí	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
988	VŨ THỊ VÓC	2/12/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
989	ĐINH THỊ BIẾT	3/25/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
990	HÀ VĂN HẢI	10/21/1978	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
991	ĐÀM NHÂN TÀI	1/4/1964	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
992	ĐÀO THỊ HÒE	4/7/1967		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
993	ĐÀM XUÂN HIẾU	9/7/1990	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
994	PHẠM THỊ HÀ	11/19/1995		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
995	KIỀU VIỆT VƯỢNG	8/15/1946	Nam		Kinh	Già yếu	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
996	NGUYỄN THỊ CHANH	5/10/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
997	NGUYỄN THỊ SÂM	10/1/1943		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
998	NGUYỄN THỊ MINH	3/18/1959		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
999	NGUYỄN TRỌNG THẠNH	5/31/1987	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1000	NGUYỄN THỊ NỮ	4/18/1950		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1001	ĐỖ THỊ LEN	4/16/1943		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1002	NGUYỄN TRỌNG SÁNG	10/20/1970	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1003	NGUYỄN BÁ DŨNG	9/20/1955	Nam		Kinh	Thương binh	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1004	NGUYỄN THỊ LOAN	2/5/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1005	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	12/15/1992		Nữ	Kinh	Viên chức	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1006	NGUYỄN BÁ ĐỒNG	11/2/1994	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1007	NGUYỄN VĂN LẠC	5/5/1944	Nam		Kinh	Thương binh	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1008	NGUYỄN KIM CƯƠNG	4/8/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1009	NGUYỄN VĂN SƠN	7/9/1980	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
1010	PHẠM THỊ DUNG	1/14/1982		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1011	NGUYỄN KIM ANH	7/18/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1012	NGUYỄN MẠNH GIÓ	7/31/1977	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1013	NGUYỄN NGỌC ÁNH	9/2/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1014	TÔ THỊ HẢI YẾN	4/20/1978		Nữ	Kinh	Viên chức	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1015	ĐÀO THỊ SIM	5/20/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1016	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	1/2/1996		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1017	NGUYỄN VĂN HOÀN	7/5/1985	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1018	NGUYỄN VĂN KHẢI	11/19/1958	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1019	CHU THỊ THOA	6/29/1988		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1020	NGUYỄN VĂN KHIÊM	1/30/1984	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1021	NGUYỄN THỊ MẠI	9/7/1931		Nữ	Kinh	Già yếu	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1022	TRỊNH THỊ CHIỀN	9/19/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1023	NGUYỄN ĐẮC HẬU	8/4/1974	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1024	NGUYỄN THỊ HOA	9/19/1984		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1025	TRẦN THỊ TÍNH	6/12/1940		Nữ	Kinh	Già yếu	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1026	ĐÀO THỊ VÂN	11/8/1982		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1027	NGUYỄN ĐẮC ĐANG	11/1/1980	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1028	NGUYỄN ĐẮC VŨ	9/27/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	Tổ 7 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1029	NGUYỄN THỊ PHÚ	7/27/1960		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1030	NGUYỄN TIẾN BÁCH	6/21/1990	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1031	NGUYỄN TRIỆU VIỆT	9/29/1985	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1032	BÙI THỊ DINH	8/20/1967		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1033	NGUYỄN ĐẮC TIẾN	3/7/1967	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1034	NGUYỄN THỊ BÍCH	8/26/1979		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1035	PHẠM ĐÌNH DŨNG	1/1/1979	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1036	PHẠM HỒNG DƯƠNG	9/6/2001	Nam		Kinh	Bộ đội	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1037	HÀ THỊ THẮM	6/5/1983		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1038	PHẠM VĂN HƯNG	11/17/1981	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1039	NGUYỄN ĐẮC TÙNG	1/18/1978	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1040	VŨ THỊ HẰNG	3/3/1982		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1041	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	3/25/1989		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1042	NGUYỄN TRỌNG CÔNG	5/14/2001	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1043	VŨ THỊ NGUYỆT NGA	2/19/1974		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1044	PHẠM VĂN VI	12/17/1959	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1045	NGUYỄN THỊ VIỄN	12/23/1986		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1046	PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG	9/22/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1047	PHẠM VĂN HẢI	9/2/1984	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1048	NGUYỄN THỊ THANH NGA	3/8/1979		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1049	PHẠM VĂN HUY	9/18/1979	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1050	PHẠM VĂN KIÊN	3/13/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1051	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	3/30/1983	Nam		Kinh	Lái tàu	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1052	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	12/9/1988		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1053	NGUYỄN ĐÌNH PHAO	8/8/1952	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1054	NGUYỄN THỊ VÍT	10/20/1952		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1055	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	6/3/1981		Nữ	Kinh	Giáo viên	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1056	ĐÀO THỊ MẠ	2/1/1937		Nữ	Kinh	Già yếu	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1057	PHẠM VĂN BẮC	7/7/1989	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1058	PHẠM VĂN NAM	8/9/1965	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1059	PHAN THỊ LOAN	4/9/1965		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1060	NGUYỄN THANH TUẤN	7/27/1989	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1061	PHẠM THỊ MINH	7/19/1991		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1062	HOÀNG THỊ RUẦN	3/10/1943		Nữ	Kinh	Già yếu	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1063	PHAN THỊ LỚI	2/20/1974		Nữ	Kinh	Già yếu	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1064	NGUYỄN THỊ HOÀI	7/3/1971		Nữ	Kinh	Già yếu	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1065	PHAN THỊ TUYẾT HƯƠNG	7/12/2003		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1066	PHAN VĂN BÁO	1/10/1970	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1067	PHẠM VĂN THÀNH	6/9/1961	Nam		Kinh	Viên chức	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1068	TẠ THỊ NGA	7/29/1963		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1069	LÊ THỊ ĐỒN	4/17/1948		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1070	PHẠM CAO ĐÀ	7/4/1947	Nam		Kinh	Thương binh	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1071	BÙI THỊ BẢM	4/8/1959		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1072	PHẠM ĐỨC LỢI	2/20/1957	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1073	LÊ THỊ VÂN	5/23/1987		Nữ	Kinh	Giáo viên	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1074	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	6/3/2000	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1075	NGUYỄN THỊ THẢO	8/29/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1076	TRẦN THỊ NGA	7/27/1977		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1077	PHẠM THỊ DẬU	10/8/1945		Nữ	Kinh	Hưu trí	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1078	ĐOÀN THỊ HUYỀN	9/13/1977		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1079	VŨ ĐOÀN GIANG	7/11/2004	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1080	VŨ VĂN VỤ	6/5/1979	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1081	NGUYỄN THỊ THỦY	5/10/1964		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1082	ĐẶNG THỊ YẾN	4/1/1977		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1083	PHẠM ĐỨC KIÊN	5/1/2001	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1084	PHẠM NGỌC LONG	6/21/1998	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1085	PHẠM QUỐC ĐẠT	8/17/1973	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1086	NGUYỄN MINH TUẤN	1/16/1971	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1087	NGUYỄN VĂN HẢI	9/8/1998	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1088	PHẠM THỊ NHUNG	1/2/1977		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1089	NGUYỄN THỊ SOAN	1/30/1968		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1090	PHẠM THỊ TRANG	4/28/1994		Nữ	Kinh	Viên chức	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1091	PHẠM VĂN TIẾP	9/12/1963	Nam		Kinh	Hưu trí	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1092	NGUYỄN THỊ HUỆ	6/2/1959		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1093	CHU THỊ PHƯỢNG	11/26/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1094	TRẦN THANH TÙNG	9/26/1989	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1095	CAO THỊ THƯƠNG	9/30/1999		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1096	PHẠM HỒNG PHÚ	1/18/1992	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1097	PHẠM THỊ LAN	4/12/1959		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1098	LÊ THỊ NGA	7/25/1928		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1099	BÙI VĂN QUẾ	5/9/1964	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1100	BÙI VĂN TÙNG	3/17/1991	Nam		Kinh	Viên chức	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1101	NGUYỄN THỊ HOA	6/3/1965		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1102	NGUYỄN THỊ NGỌ	1/1/1930		Nữ	Kinh	Già yếu	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1103	TẠ NGỌC LÂM	7/14/1968	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1104	ĐẶNG VIỆT ĐĂNG	8/15/1998	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1105	TẠ THỊ NGỌC	3/21/1971		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1106	PHẠM THỊ BÌNH	11/20/1954		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1107	NGUYỄN PHONG VŨ	12/20/1990	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1108	NGUYỄN VĂN VĨNH	5/2/1955	Nam		Kinh	Già yếu	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1109	VŨ THỊ BIẾC	1/3/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1110	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	8/13/1973	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1111	ĐINH THỊ LOAN	11/10/1955		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1112	NGUYỄN VĂN NGUYÊN	1/1/1954	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1113	NGUYỄN ĐẮC TUYÊN	2/25/1984	Nam		Kinh	Giáo viên	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1114	PHẠM THỊ NGỌC HÀ	3/1/1990		Nữ	Kinh	Công chức	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1115	NGUYỄN MINH THÀNH	11/1/1982	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1116	NGUYỄN MINH THƯ	12/1/2003		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1117	VŨ THỊ DUNG	3/5/1984		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1118	PHAN THỊ HÒA	9/23/1959		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1119	NGUYỄN ĐỨC ĐOÀN	6/5/1976	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1120	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	10/22/2003	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1121	NGUYỄN THỊ GIANG	12/4/1978		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1122	NGUYỄN THỊ MINH	1/22/1965		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1123	PHAN ĐÌNH TĨNH	5/16/1965	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1124	NGUYỄN THỊ BÉ	7/31/1966		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1125	NGUYỄN THỊ HẢI LINH	8/13/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1126	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	7/17/1963	Nam		Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1127	HÀ THỊ HIỀN	4/8/1961		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1128	LƯU THỊ LAN	11/30/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1129	VŨ NAM ANH	3/10/1993	Nam		Kinh	Lái xe	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1130	VŨ THỊ THANH THỦY	9/1/1989		Nữ	Kinh	LĐTD	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1131	VŨ VĂN KHÁNH	9/13/1957	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1132	PHẠM THỊ HẰNG	9/23/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1133	VŨ NGỌC ĐIỆP	10/10/1959	Nam		Kinh	Lái xe	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1134	VŨ NGỌC NAM	1/19/1988	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1135	VŨ VĂN HUY	5/27/1990	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1136	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	1/5/1994	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1137	NGUYỄN VĂN QUẾ	10/15/1955	Nam		Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1138	PHẠM THỊ NGỌC	9/7/1961		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1139	NGUYỄN THỊ NGA	5/29/1993		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1140	NGUYỄN VĂN ĐẠT	3/15/1987	Nam		Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1141	CAO THỊ YẾN	2/20/1996		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1142	LÊ THỊ LIỄN	10/10/1962		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1143	NGUYỄN TRƯƠNG DƯƠNG	1/14/1994	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1144	NGUYỄN VĂN BẢO	5/21/1963	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1145	ĐỖ THỊ HIỀN	7/4/1984		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1146	NGUYỄN HUYỀN TRANG	10/26/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1147	NGUYỄN VĂN KIÊN	7/13/1983	Nam		Kinh	Lái xe	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1148	BÙI THỊ LÊ	8/11/1976		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1149	NGUYỄN VĂN SƠN	6/1/1972	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1150	NGUYỄN VĂN VIỆT	3/3/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1151	NGUYỄN ĐỨC TOÁN	5/1/1957	Nam		Kinh	Hưu trí	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1152	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	10/29/1985	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1153	NGUYỄN THỊ LAN	2/4/1960		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1154	NGUYỄN THỊ TÍM	3/30/1988		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1155	ĐỖ AN VĂN	3/18/1979		Nữ	Kinh			
1156	HÀ THỊ DUNG	12/26/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1157	BÙI THỊ TUẤT	6/5/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1158	NGUYỄN THỊ YẾN	12/22/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1159	VŨ VĂN ĐẠT	6/11/1988	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1160	VŨ VĂN NINH	2/24/1957	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1161	BÙI THỊ QUY	9/24/1965		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1162	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	9/2/1985	Nam		Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1163	NGUYỄN THỊ HẬU	4/18/1988		Nữ	Kinh	Buôn bán	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1164	NGUYỄN THỊ THANH QUYÊN	8/20/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1165	NGUYỄN QUANG HƯNG	8/24/1997	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1166	NGUYỄN THANH SƠN	8/27/1971	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1167	NGUYỄN THANH THÚY	3/28/2002		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1168	NGUYỄN THỊ SEN	2/9/1974		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1169	ĐẶNG THỊ NGA	10/1/1971		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1170	TRẦN CÔNG MINH	6/18/1996	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1171	TRẦN VĂN TUẤN	5/2/1970	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1172	NGUYỄN THỊ THÚY NGA	1/10/1979		Nữ	Kinh	Giáo viên	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1173	TÔ QUANG HƯNG	7/18/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1174	ĐẶNG VĂN OANH	1/5/1976	Nam		Kinh	Công chức	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1175	ĐẶNG XUÂN QUỲNH	12/19/2003		Nữ	Kinh	Sinh viên	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1176	NGUYỄN THỊ THẮM	3/19/1977		Nữ	Kinh	Công chức	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1177	NGUYỄN SƠN TÙNG	6/10/1982	Nam		Kinh	Lái xe	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1178	TRẦN THỊ CHÍN	8/15/1949		Nữ	Kinh	Hưu trí	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1179	NGUYỄN THỊ NHIỆM	7/16/1962		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1180	NGÔ MINH TUẤN	1/20/1960	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1181	NGUYỄN VĂN HUY	4/11/1981	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1182	PHẠM THỊ HÒA	10/29/1984		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1183	NGUYỄN ĐẮC MINH	6/20/1978	Nam		Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1184	NGUYỄN VĂN ĐỨC	7/23/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1185	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	11/16/1983		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1186	VŨ THỊ VỸ	3/13/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1187	LÊ THỊ VIỆT ÁNH	10/3/1997		Nữ	Kinh	LĐTD	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1188	NGUYỄN THẾ ANH	1/26/1993	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1189	NGUYỄN THỊ XUÂN	4/24/1968		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 8 – Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1190	LƯỜNG THỊ THANH	1/1/1983		Nữ	Kinh	LĐTD	đê Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1191	NGUYỄN VĂN MINH	10/12/1986	Nam		Kinh	Lái xe	đê Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1192	ĐẶNG THỊ NGÂN	10/17/1969		Nữ	Kinh	LĐTD	đê Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1193	ĐÀO TRUNG HIẾU	6/26/2004	Nam		Kinh	LĐTD	đê Lê Thanh Nghị - Khu 1 – TTNG	
1194	NGUYỄN THỊ HƯƠNG SEN	5/19/1984		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
1195	NGUYỄN VĂN QUYẾT	3/27/1983	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 4 – Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
1196	ĐÀO THỊ THU LAN	3/15/1983		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 2 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
1197	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	11/29/1983	Nam		Kinh	Lái xe	Tổ 2 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
1198	NGUYỄN THỊ HOA	3/5/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
1199	NGUYỄN THỊ HỒNG	8/10/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
1200	VŨ THỊ TÂM	10/14/1968		Nữ	Kinh	LĐTD	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
1201	HÀ THỊ HIỀN	1/5/2000		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1202	VŨ ĐÌNH HÀ	12/18/1993	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1203	NGUYỄN THỊ CHIỆN	9/2/1931		Nữ	Kinh	Già yếu	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
1204	BÙI QUANG HOÀNG	12/24/1979	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
1205	VŨ THỊ LAN ANH	2/15/1984		Nữ	Kinh	Hưu trí	Tổ 1 – Lê Hồng Phong – khu 1 – TTNG	
1206	NGUYỄN THỊ QUYẾT	9/19/1949		Nữ	Kinh	Nông dân	Tổ 5 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
1207	CAO KIẾN CƯỜNG	8/13/1973	Nam		Kinh	LĐTD	- Mạc Thị Bưởi – khu 1 – TTNG	
1208	HÀ THỊ CẨM LY	10/30/2004		Nữ	Kinh	Nội trợ	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
1209	NGUYỄN THỊ NGÁT	6/7/1971		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
1210	PHẠM VIỆT ANH	1/20/2003	Nam		Kinh	Công nhân	Tổ 6 – Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
1211	NGUYỄN THỊ BÌNH ĐÀO	9/21/1957		Nữ	Kinh	Nông dân	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
1212	NGUYỄN HẢI BĂNG	6/12/1965	Nam		Kinh	LĐTD	Tổ 2 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
1213	NGUYỄN HỒNG NGỌC	8/24/1999		Nữ	Kinh	LĐTD	Tổ 2 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
1214	NGUYỄN HỒNG NHUNG	11/7/1992		Nữ	Kinh	LĐTD	Tổ 2 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
1215	NGUYỄN KIM NGÂN	2/22/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	Tổ 2 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
1216	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	8/31/1971		Nữ	Kinh	Giáo viên	Tổ 2 – Võ Thị Sáu – khu 1 – TTNG	
1217	PHẠM ĐÌNH MẠNH	8/10/1993	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1218	ĐÀM QUANG CHUNG	7/23/1985	Nam		Kinh	LĐTD	- Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1219	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	6/9/1998		Nữ	Kinh	Nội trợ	- Khúc Thừa Dụ - Khu 1 – TTNG	
1220	PHẠM ĐÌNH HOÀ	1/1/1993	Nam		Kinh	LĐTD	- Khúc Thừa Dụ - Khu 1 – TTNG	
1221	TÔ THỊ KIM OANH	10/24/1980		Nữ	Kinh	Công nhân	- Khúc Thừa Dụ - Khu 1 – TTNG	
1222	NGUYỄN THỊ THU THẢO	3/27/2003		Nữ	Kinh	Nội trợ	- Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
1223	TRẦN MINH QUANG	3/28/2001	Nam		Kinh	Công nhân	- Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
1224	LÊ THỊ THÙY TRINH	9/23/1995		Nữ	Kinh	Giáo viên	- Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
1225	NGUYỄN XUÂN ĐỈNH	10/8/1991	Nam		Kinh	Lái xe	- Đoàn Kết – khu 1 – TTNG	
1226	NGUYỄN ĐỨC LÂM	5/7/1970	Nam		Kinh	LĐTD	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
1227	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	11/18/1972		Nữ	Kinh	LĐTD	- Nguyễn Thái Học – khu 1 – TTNG	
1228	NGUYỄN VĂN MINH	4/17/1957	Nam		Kinh	LĐTD	235 – khu 1 – TTNG	
1229	NGUYỄN MINH TOÀN	5/28/1981	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1230	NGUYỄN THỊ TÂM	1/14/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1231	BÙI THỊ MAI ANH	1/31/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1232	NGUYỄN ĐỨC DUY	10/8/2004	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1233	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	9/28/1977	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1234	NGUYỄN THỊ CHUYỆN	9/7/1939		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1235	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	11/12/1970	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1236	NGUYỄN THỊ TÂM	2/10/1972		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1237	NGUYỄN THỊ KIM QUY	2/9/1983		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1238	PHAN DUY HẢI	10/20/1979	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1239	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	9/22/1980		Nữ	Kinh	Viên chức	Khu 1 – TTNG	
1240	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	6/1/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	Khu 1 – TTNG	
1241	NGUYỄN VĂN DIỆU	10/20/1975	Nam		Kinh	Bộ đội	Khu 1 – TTNG	
1242	NGUYỄN THỊ MINH	7/6/1985		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1243	BÙI THỊ MAI ANH	1/31/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1244	NGUYỄN ĐỨC DUY	10/8/2004	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1245	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	9/28/1977	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1246	NGUYỄN THỊ CHUYỆN	9/7/1939		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1247	CAO THẾ HỢP	9/26/1975	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1248	TRẦN THỊ NGỌT	10/18/1982		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 1 – TTNG	
1249	NGUYỄN VĂN THÀNH	5/20/1986	Nam		Kinh	LĐTD	Phường Phúc La - Hà Đông - Hà Nội	Tạm trú
1250	NGUYỄN THỊ TRANG	9/5/2002		Nữ	Kinh	LĐTD	Phường Phúc La - Hà Đông - Hà Nội	Tạm trú
1251	NGUYỄN VĂN DŨNG	1/12/1959	Nam		Kinh	LĐTD	Phường Phúc La - Hà Đông - Hà Nội	Tạm trú
1252	THÁI ĐĂNG THỤ	2/18/1977	Nam		Kinh	LĐTD	Tam Hưng - Thanh Oai - Hà Nội	Tạm trú
1253	NGUYỄN THỊ BÌNH	3/20/1961		Nữ	Kinh	LĐTD	Phường Phúc La - Hà Đông - Hà Nội	Tạm trú
1254	ĐOÀN THỊ THẾU	10/9/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	Vĩnh Hòa - Ninh Giang - Hải Dương	Tạm trú

Tổng số hộ gia đình của khu dân cư là: 533 hộ; trong đó:

Hộ có 01 cử tri là 137 hộ;

Hộ có 02 cử tri là 189 hộ;

Hộ có 03 cử tri là 119 hộ;

Hộ có 04 cử tri là 69 hộ;

Hộ có 05 cử tri là 15 hộ;

Hộ có 06 cử tri là 02 hộ;

Hộ có 07 cử tri là: 02 hộ.

03 hộ tạm trú, 6 nhân khẩu, 03 nam, 03 nữ

Tổng số cử tri của khu dân cư là: 1254 người; trong đó có: 582 nam, 672 nữ.

Danh sách này được lập tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Ninh Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2024.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Luận

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN NINH GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỬ TRI
LẤY Ý KIẾN VỀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
Khu dân cư số 2 thuộc Thị trấn Ninh Giang
huyện Ninh Giang - tỉnh Hải Dương

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1	ĐOÀN VIỆT BẮC	5/13/1991	Nam		Kinh	LĐTD	146 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
2	NGUYỄN THỊ SÂM	11/20/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	146 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
3	ĐÀO THỊ THU HƯƠNG	9/30/1980		Nữ	Kinh	Buôn bán	144 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
4	NGUYỄN THANH TÙNG	3/29/1976	Nam		Kinh	LĐTD	144 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
5	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	6/13/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	144 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
6	NGUYỄN THỊ NGUYÊN	12/25/1969		Nữ	Kinh	Buôn bán	142 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
7	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	7/1/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	142 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
8	NGUYỄN VĂN HÒA	8/28/1967	Nam		Kinh	LĐTD	142 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
9	TĂNG THÚY HÀ	7/11/1971		Nữ	Kinh	Giáo viên	140 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
10	VŨ THỊ QUỲNH NGA	12/18/2000		Nữ	Kinh	Viên chức	140 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
11	VŨ XUÂN HÀO	7/21/1963	Nam		Kinh	Hưu trí	140 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
12	TRẦN THỊ THÙY DUNG	4/29/1994		Nữ	Kinh	Viên chức	140 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
13	VŨ XUÂN HIỆP	6/11/1992	Nam		Kinh	Viên chức	140 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
14	BÙI THỊ BÌNH	7/25/1970		Nữ	Kinh	Giáo viên	138 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
15	TRỊNH BÙI LONG THÀNH	5/21/1998	Nam		Kinh	Công nhân	138 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
16	TRỊNH THỊ THÙY TRANG	1/11/1993		Nữ	Kinh	Viên chức	138 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
17	TRỊNH VIẾT HÒE	8/10/1965	Nam		Kinh	Hưu trí	138 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
18	ĐỖ PHAN THÙY TRANG	4/3/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	136 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
19	PHAN THỊ TUYẾT LAN	8/9/1977		Nữ	Kinh	Giáo viên	136 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
20	BÙI THỊ NGHĨA	12/18/1975		Nữ	Kinh	Viên chức	134 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
21	TĂNG MẠNH HIẾU	7/1/1998	Nam		Kinh	Viên chức	134 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
22	TĂNG MẠNH HƯNG	1/20/1972	Nam		Kinh	Viên chức	134 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
23	NGÔ THỊ HÒA	8/8/1947		Nữ	Kinh	Hưu trí	132 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
24	PHAN THANH HOÀN	7/29/1982	Nam		Kinh	Công chức	132 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
25	BÙI THỊ PHƯƠNG	3/4/1969		Nữ	Kinh	Nội trợ	8 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
26	NGUYỄN VŨ CẨM NHUNG	11/8/1999		Nữ	Kinh	Sinh viên	8 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
27	NGUYỄN VŨ CƯỜNG	7/29/1968	Nam		Kinh	Buôn bán	8 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
28	NGUYỄN QUANG THẮNG	11/10/1958	Nam		Kinh	Buôn bán	51 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
29	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	8/24/1995		Nữ	Kinh	LĐTD	51 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
30	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	3/13/1994		Nữ	Kinh	Bác sỹ	51 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
31	PHÙNG THỊ HẢO	1/24/1960		Nữ	Kinh	Buôn bán	51 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
32	NGUYỄN VĂN HỒNG	7/11/1949	Nam		Kinh	Già yếu	10 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
33	TRƯƠNG THỊ HƯỜNG	5/4/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	10 - Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
34	NGUYỄN QUÝ CƯỜNG	2/23/1983	Nam		Kinh	LĐTD	10 - Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
35	PHẠM THỊ TRANG	7/17/1986		Nữ	Kinh	Dược sĩ bán thuốc	10 - Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
36	NGUYỄN TUẤN ANH	2/18/1990		Nữ	Kinh	LĐTD	12 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
37	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	2/25/1956	Nam		Kinh	LĐTD	12 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
38	QUÁCH THỊ DUNG	12/1/1961		Nữ	Kinh	Buôn bán	12 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
39	HÀ THỊ BÌNH	12/25/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	12 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
40	NGUYỄN BA DUY	5/11/2001	Nam		Kinh	LĐTD	12 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
41	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	10/22/1984		Nữ	Kinh	LĐTD	12 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
42	ĐÀO VĂN HÀO	2/20/1952	Nam		Kinh	Hưu trí	14 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
43	LÊ THỊ SANG	4/20/1957		Nữ	Kinh	Hưu trí	14 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
44	LÊ VĂN THANG	10/11/1940	Nam		Kinh	Già yếu	16 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
45	NGUYỄN THỊ NỘI	12/23/1948		Nữ	Kinh	Nội trợ	16 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
46	LÊ MAI ANH	10/7/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	16 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
47	LÊ TUẤN ANH	11/15/1997	Nam		Kinh	LĐTD	16 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
48	LÊ VĂN TÚ	4/28/1973	Nam		Kinh	Buôn bán	16 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
49	TRẦN THỊ THANH THỦY	12/7/1976		Nữ	Kinh	Buôn bán	16 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
50	ĐOÀN MINH TOÀN	1/13/1946	Nam		Kinh	Hưu trí	18 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
51	LÊ THỊ NGỌC	1/7/1949		Nữ	Kinh	Nội trợ	18 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
52	ĐOÀN TRUNG KIÊN	12/15/1975	Nam		Kinh	LĐTD	18 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
53	ĐOÀN VIỆT CƯƠNG	1/12/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	18 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
54	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	2/2/1984		Nữ	Kinh	Viên chức	18 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
55	LÊ ĐỨC ANH	10/22/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	20 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
56	LÊ ĐỨC THỊNH	12/8/1964	Nam		Kinh	Buôn bán	20 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
57	LÊ PHƯƠNG NGA	4/27/1997		Nữ	Kinh	LĐTD	20 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
58	PHÙNG THỊ VÂN HẬU	1/28/1972		Nữ	Kinh	Buôn bán	20 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
59	PHẠM THỊ CÀI	1/10/1946		Nữ	Kinh	Nội trợ	22 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
60	PHAN VĂN HOÀI	8/7/1975	Nam		Kinh	LĐTD	22 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
61	VŨ THỊ PHƯỢNG	11/17/1977		Nữ	Kinh	LĐTD	22 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
62	HOÀNG THỊ NGA	5/10/1960		Nữ	Kinh	Buôn bán	24 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
63	TRẦN XUÂN THẢO	5/1/1952	Nam		Kinh	Buôn bán	24 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
64	PHẠM THỊ VÂN	8/5/1948		Nữ	Kinh	Già yếu	26 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
65	DƯƠNG VĂN HẠNH	8/10/1957	Nam		Kinh	LĐTD	28 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
66	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	9/30/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	28 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
67	CAO VĂN TUẤN	10/5/1958	Nam		Kinh	LĐTD	30 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
68	NGUYỄN THỊ DUNG	12/29/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	30 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
69	HOÀNG THỊ MẾN	1/1/1941		Nữ	Kinh	Hưu trí	32 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
70	TRỊNH HUY CÁT	9/23/1945	Nam		Kinh	Hưu trí	32 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
71	ĐÀO QUANG DŨNG	2/17/1975	Nam		Kinh	LĐTD	36 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
72	PHÙNG THỊ THANH XUÂN	3/2/1984		Nữ	Kinh	Giáo viên	36 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
73	ĐÀO THỊ HÂN	5/25/1969		Nữ	Kinh	Nội trợ	34 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
74	PHẠM THỊ QUỲNH NGA	6/2/1991		Nữ	Kinh	LĐTD	34 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
75	PHẠM VĂN NGUYÊN	9/8/2001	Nam		Kinh	Sinh viên	34 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
76	PHẠM VĂN QUỲNH	6/2/1955	Nam		Kinh	Già yếu	34 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
77	ĐÀO QUANG MƯỜI	12/13/1950	Nam		Kinh	Già yếu	36 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
78	PHẠM THỊ KHÁNH	2/15/1953		Nữ	Kinh	Nội trợ	36 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
79	ĐÀO QUANG HÒA	10/14/1972	Nam		Kinh	Hưu trí	36 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
80	HÀ THỊ THỦY	7/2/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	36 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
81	KIM THỊ LY	5/28/1964		Nữ	Kinh	Hưu trí	38 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
82	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	6/11/1997	Nam		Kinh	TLĐTD	38 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
83	NGUYỄN VĂN AN	9/13/1961	Nam		Kinh	Hưu trí	38 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
84	NGUYỄN VĂN LONG	9/7/1990	Nam		Kinh	Bác sỹ	38 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
85	PHẠM THỊ NHUNG	12/21/1990		Nữ	Kinh	Bác sỹ	38 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
86	PHAN ĐĂNG KẾ	9/21/1952	Nam		Kinh	Buôn bán	40 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
87	PHAN THỊ HẰNG	10/11/1954		Nữ	Kinh	Buôn bán	40 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
88	PHAN TRUNG KIÊN	12/22/1980	Nam		Kinh	Lái xe	44 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
89	VŨ THỊ HƯƠNG	6/15/1984		Nữ	Kinh	LĐTD	44 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
90	BÙI THỊ VỮNG	8/10/1982		Nữ	Kinh	LĐTD	42 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
91	NGUYỄN ĐỨC ĐẠI	6/6/1974	Nam		Kinh	Lái xe	42 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
92	NGUYỄN ĐỨC HÀ	12/2/1949	Nam		Kinh	Già yếu	42 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
93	LƯU ĐÌNH SỰ	5/28/1960	Nam		Kinh	Buôn bán	46 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
94	NGÔ THỊ KHÁNH	12/14/1962		Nữ	Kinh	Buôn bán	46 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
95	ĐÀO THỊ QUỲNH HOA	8/25/1995		Nữ	Kinh	Buôn bán	46 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
96	LƯU TUẤN SƠN	3/7/1983	Nam		Kinh	Buôn bán	46 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
97	NGUYỄN THỊ HUYỀN	1/1/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	27 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
98	ĐÀO THỊ NHƯ	10/10/1949		Nữ	Kinh	Già yếu	25 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
99	NGUYỄN THỊ TÝ	11/17/1951		Nữ	Kinh	Nội trợ	21 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
100	PHẠM ĐỨC TOÀN	9/26/1985	Nam		Kinh	Công nhân	21 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
101	PHẠM VĂN KIÊN	11/21/1979	Nam		Kinh	Công nhân	21 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
102	NGUYỄN THU HÀ	3/18/1979		Nữ	Kinh	Giáo viên	191 T3 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
103	ĐẶNG MINH HOÀN	11/27/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	191 T3 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
104	DƯƠNG THÀNH ĐẠT	5/3/1997	Nam		Kinh	LĐTD	19 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
105	DƯƠNG THỊ HUYỀN	9/8/1995		Nữ	Kinh	Buôn bán	19 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
106	DƯƠNG THU HẰNG	2/7/1989		Nữ	Kinh	Buôn bán	19 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
107	DƯƠNG VĂN BÍNH	6/17/1961	Nam		Kinh	Buôn bán	19 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
108	PHẠM THỊ HIỀN	5/1/1963		Nữ	Kinh	Buôn bán	19 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
109	PHẠM THỊ BÌNH	5/20/1954		Nữ	Kinh	Già yếu	19 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
110	NGUYỄN THỊ HẠNH	6/11/1962		Nữ	Kinh	Buôn bán	103 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
111	PHẠM THỊ HẢI YẾN CHI	8/15/1995		Nữ	Kinh	LĐTD	Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
112	NGUYỄN THỊ NHƯ HOA	10/5/1975		Nữ	Kinh	Buôn bán	99 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
113	VŨ MINH HIẾU	4/5/2000	Nam		Kinh	Sinh viên	99 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
114	VŨ VĂN TRƯỜNG	12/14/1972	Nam		Kinh	Buôn bán	99 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
115	NGUYỄN THANH NHÀN	6/1/1955	Nam		Kinh	Lái xe	97 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
116	PHẠM THỊ DUNG	9/11/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	97 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
117	ĐẶNG VĂN NGHĨA	11/21/1954	Nam		Kinh	Buôn bán	95 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
118	TẠ THỊ HƯỜNG	7/23/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	95 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
119	HÀ DUY HIẾU	10/18/1999	Nam		Kinh	LĐTD	93 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
120	HÀ DUY HỢP	5/19/1972	Nam		Kinh	Buôn bán	93 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
121	PHẠM KIM LUYẾN	11/13/1975		Nữ	Kinh	Buôn bán	93 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
122	NGUYỄN THỊ NHÀN	7/12/1974		Nữ	Kinh	LĐTD	91 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
123	PHAN QUỐC VIỆT	9/2/1993	Nam		Kinh	LĐTD	91 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
124	TRẦN THỊ DẦN	4/24/1950		Nữ	Kinh	Già yếu	83 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
125	NGUYỄN KIÊN CƯỜNG	4/3/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	81 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
126	NGUYỄN VĂN CHÍNH	6/19/1968	Nam		Kinh	Buôn bán	81 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
127	VŨ THỊ TÂM	5/1/1974		Nữ	Kinh	Buôn bán	81 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
128	ĐỖ THỊ HÀ	9/2/1985		Nữ	Kinh	Buôn bán	79 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
129	LÊ THỊ HỢP	4/11/1969		Nữ	Kinh	Buôn bán	79 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
130	NGUYỄN THỊ HOA	5/22/1989		Nữ	Kinh	Buôn bán	79 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
131	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	9/10/1987	Nam		Kinh	Buôn bán	79 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
132	BÙI THỊ TỚI	1/1/1926		Nữ	Kinh	Già yếu	77 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
133	NGUYỄN THỊ HỢI	1/28/1946		Nữ	Kinh	Nội trợ	75 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
134	NGUYỄN VĂN TRỌNG	12/9/1945	Nam		Kinh	Thương binh	75 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
135	HÀ ANH THƯ	3/19/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	73 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
136	HÀ HUYỀN TRANG	10/24/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	73 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
137	HÀ VĂN TUẤN	12/6/1976	Nam		Kinh	Buôn bán	73 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
138	PHẠM THỊ HẢI THU	8/10/1982		Nữ	Kinh	Buôn bán	73 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
139	HÀ VĂN ĐỊNH	7/10/1954	Nam		Kinh	Buôn bán	71 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
140	TRẦN THỊ HẢI	6/18/1953		Nữ	Kinh	Buôn bán	71 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
141	NGUYỄN QUANG THỌ	2/11/1997	Nam		Kinh	LĐTD	69 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
142	NGUYỄN VĂN NINH	6/17/1963	Nam		Kinh	Buôn bán	69 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
143	VŨ THỊ THU	8/15/1966		Nữ	Kinh	Buôn bán	69 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
144	NGUYỄN THỊ CẨM	1/1/1937		Nữ	Kinh	Già yếu	65 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
145	TRỊNH KHẮC TUẤN	1/28/1960	Nam		Kinh	Buôn bán	65 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
146	TRỊNH THỊ THU TRANG	2/5/1998		Nữ	Kinh	LĐTD	65 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
147	NGÔ THỊ HOÁN	3/26/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	67 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
148	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	7/7/1995	Nam		Kinh	LĐTD	67 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
149	NGUYỄN THỊ NHUNG	8/6/1971		Nữ	Kinh	Buôn bán	65 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
150	TRỊNH YẾN XUÂN	3/4/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	65 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
151	TRƯƠNG THỊ THU	1/19/1995		Nữ	Kinh	LĐTD	67 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
152	NGUYỄN THANH TUYỀN	3/22/1985	Nam		Kinh	LĐTD	65 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
153	TRỊNH THỊ HUYỀN	11/6/1991		Nữ	Kinh	Buôn bán	65 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
154	ĐÀO ĐÌNH THUẦN	5/18/1962	Nam		Kinh	Buôn bán	63 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
155	PHÙNG THỊ THANH TÚ	5/30/1962		Nữ	Kinh	Buôn bán	63 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
156	PHẠM THỊ CỐI	1/1/1925		Nữ	Kinh	Già yếu	63 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
157	PHẠM ĐÌNH BÌNH	4/29/1953	Nam		Kinh	Buôn bán	59 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
158	TÔ THỊ PHƯƠNG	3/27/1953		Nữ	Kinh	Nội trợ	59 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
159	PHẠM ĐÌNH MINH	3/10/1974	Nam		Kinh	Bác sỹ	59 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
160	PHẠM LINH CHI	7/11/2001		Nữ	Kinh	Sinh viên	59 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
161	TRỊNH THỊ HẢI YẾN	3/21/1975		Nữ	Kinh	Giáo viên	59 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
162	NGUYỄN VĂN CẦN	9/9/1947	Nam		Kinh	Buôn bán	57 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
163	BÙI THỊ LIỀN	3/10/1951		Nữ	Kinh	Buôn bán	53 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
164	NGUYỄN THANH TÂM	6/16/1984	Nam		Kinh	Tàn tật	53 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
165	BÙI ĐỨC BÁU	8/22/1957	Nam		Kinh	Già yếu	49 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
166	BÙI ĐỨC TÚ	2/13/1984	Nam		Kinh	LĐTD	49 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
167	BÙI THỊ ĐIỆP	2/1/1988		Nữ	Kinh	LĐTD	49 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
168	NGUYỄN THỊ XIM	1/1/1962		Nữ	Kinh	Buôn bán	49 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
169	ĐỖ THỊ PHÒNG	5/12/1932		Nữ	Kinh	Già yếu	47 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
170	ĐÀO THỊ PHƯƠNG THÙY	8/22/1995		Nữ	Kinh	Công nhân	45 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
171	NGUYỄN THỊ HIỀN	11/29/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	45 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
172	PHẠM VĂN TRUNG	11/14/1994	Nam		Kinh	Công nhân	45 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
173	TRẦN THỊ MỨC	3/26/1968		Nữ	Kinh	Viên chức	43 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
174	MAI VĂN THẮNG	12/20/1968	Nam		Kinh	Công nhân	41 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
175	MAI VIỆT LINH	11/22/1999	Nam		Kinh	Sinh viên	41 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
176	NGUYỄN THỊ HOÀNG HÀ	9/25/1971		Nữ	Kinh	Tàn tật	41 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
177	NGUYỄN THỊ LAN	5/23/1962		Nữ	Kinh	Buôn bán	39 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
178	PHẠM VĂN THẾ	6/8/1988	Nam		Kinh	LĐTD	39 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
179	PHẠM VĂN THUẦN	9/17/1961	Nam		Kinh	Già yếu	39 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
180	ĐỖ THỊ THẮM	12/16/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	39 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
181	PHẠM CÔNG QUYỀN	11/12/1984	Nam		Kinh	LĐTD	39 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
182	NGUYỄN DUY HẢI	8/20/1977	Nam		Kinh	LĐTD	37 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
183	PHẠM THỊ THÚY	7/2/1981		Nữ	Kinh	Nội trợ	37 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
184	LÊ ĐÌNH THỦY	4/18/1963	Nam		Kinh	LĐTD	35 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
185	TRƯƠNG THỊ LỆ	3/3/1967		Nữ	Kinh	Buôn bán	35 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
186	LƯU THỊ HỢI	2/8/1959		Nữ	Kinh	Hưu trí	33 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
187	TRƯƠNG NGỌC HOÀN	1/2/1961	Nam		Kinh	Hưu trí	33 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
188	TRƯƠNG NGỌC TUẤN ANH	5/1/1996	Nam		Kinh	LĐTD	33 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
189	BÙI ĐỨC THIỆN	6/20/1951	Nam		Kinh	Buôn bán	29 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
190	NGUYỄN THỊ TÂM	5/5/1956		Nữ	Kinh	Buôn bán	29 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
191	PHẠM THỊ THANH	1/23/1969		Nữ	Kinh	LĐTD	27 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
192	TRẦN THỊ THẢO	6/10/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	27 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
193	TRẦN VĂN NGHĨA	4/11/1963	Nam		Kinh	LĐTD	27 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
194	ĐẶNG HOÀNG TÚ	9/5/1981	Nam		Kinh	Công nhân	23 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
195	ĐẶNG THỊ YẾN NHI	6/26/2005		Nữ	Kinh	LĐTD	23 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
196	PHẠM THỊ HÒA	11/9/1983		Nữ	Kinh	Công nhân	23 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
197	ĐỖ TUẤN VIỆT	9/26/1984	Nam		Kinh	LĐTD	15 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
198	ĐỖ VĂN GIANG	9/27/1945	Nam		Kinh	Già yếu	15 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
199	NGUYỄN THỊ TRẠI	1/1/1942		Nữ	Kinh	Hưu trí	15 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
200	TÔ THỊ HỮU	7/7/1984		Nữ	Kinh	Công nhân	15 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
201	TRẦN THU HẰNG	4/28/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	9 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
202	TRẦN VĂN HOÀI	12/16/1988	Nam		Kinh	Công nhân	9 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
203	VŨ THỊ THÚY	12/15/1965		Nữ	Kinh	Nông dân	9 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
204	PHAN THỊ BA	6/14/1938		Nữ	Kinh	Già yếu	9 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
205	BÙI ĐỨC TIẾP	9/24/1977	Nam		Kinh	Lái xe	7 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
206	NGUYỄN THỊ TUYẾT	8/5/1981		Nữ	Kinh	Công nhân	7 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
207	NGUYỄN THỊ ÁNH HỒNG	12/10/1985		Nữ	Kinh	LĐTD	3- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
208	NGUYỄN THỊ TÂM	1/7/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	3- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
209	VŨ THỊ HỢI	2/15/1946		Nữ	Kinh	Già yếu	1 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
210	BÙI THỊ HƯƠNG	10/5/1985		Nữ	Kinh	LĐTD	47 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
211	ĐẶNG TRỌNG NAM	10/3/1981	Nam		Kinh	LĐTD	47 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
212	NGUYỄN NHẬT LỆ	9/26/1996		Nữ	Kinh	Bác sĩ	37 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
213	NGUYỄN THỊ CHUNG	10/10/1968		Nữ	Kinh	LĐTD	37 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
214	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG	11/9/1965	Nam		Kinh	LĐTD	37 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
215	NGUYỄN XUÂN TÚ	11/27/1990	Nam		Kinh	LĐTD	37 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
216	VŨ PHƯƠNG THÙY	8/2/1993		Nữ	Kinh	LĐTD	37 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
217	NGUYỄN MINH PHONG	10/9/1978	Nam		Kinh	LĐTD	39 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
218	NGUYỄN MINH QUANG	10/15/1974	Nam		Kinh	LĐTD	39 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
219	NGUYỄN MINH VŨ	8/26/1948	Nam		Kinh	LĐTD	39 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
220	PHẠM THỊ ĐÁT	10/20/1948		Nữ	Kinh	Hưu trí	39 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
221	NGUYỄN THỊ TÂN	1/19/1991		Nữ	Kinh	Công nhân	41 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
222	NGUYỄN VĂN CÔNG	5/18/1993	Nam		Kinh	Công nhân	41 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
223	NGUYỄN VĂN TUẤN	10/28/1963	Nam		Kinh	LĐTD	41 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
224	PHAN THỊ KHUÊ	4/3/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	41 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
225	TRỊNH THỊ DỊU	4/18/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	41 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
226	NGUYỄN VĂN KHANG	5/5/1955	Nam		Kinh	LĐTD	45 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
227	PHAN THỊ BÍCH	7/15/1963		Nữ	Kinh	LĐTD	45 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
228	NGUYỄN THỊ SÁNH	5/28/1954		Nữ	Kinh	Hưu trí	55 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
229	PHẠM THỊ HUYỀN	6/8/1980		Nữ	Kinh	LĐTD	55 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
230	PHẠM VĂN HỒNG	5/8/1946	Nam		Kinh	LĐTD	55 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
231	HÀ NGỌC CẦN	7/20/1957	Nam		Kinh	LĐTD	57 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
232	NGUYỄN THỊ HOA	2/5/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	57 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
233	HÀ NGỌC THỤY	6/16/1984	Nam		Kinh	LĐTD	73 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
234	PHAN THỊ HẢI	6/19/1990		Nữ	Kinh	LĐTD	73 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
235	HÀ NGỌC CƯƠNG	12/1/2003	Nam		Kinh	LĐTD	61 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
236	HÀ NGỌC QUÂN	11/18/1968	Nam		Kinh	LĐTD	61 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
237	NGUYỄN THỊ MÙI	1/9/1970		Nữ	Kinh	LĐTD	61 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
238	LÊ THỊ PHƯƠNG THÚY	6/20/1988		Nữ	Kinh	LĐTD	69 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
239	NGUYỄN THỊ HUYỀN	12/3/1988		Nữ	Kinh	LĐTD	69 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
240	NGUYỄN VĂN HIỆU	1/26/1985	Nam		Kinh	LĐTD	69 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
241	NGUYỄN VĂN HUY	10/10/1986	Nam		Kinh	LĐTD	69 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
242	NGUYỄN THỊ NỮ	4/6/1961		Nữ	Kinh	LĐTD	71 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
243	NGUYỄN VĂN BỘI	7/6/1959	Nam		Kinh	LĐTD	71 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
244	NGUYỄN THỊ TUYẾT	10/22/1992		Nữ	Kinh	LĐTD	71 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
245	NGUYỄN VIỆT NGUYÊN	5/30/1990	Nam		Kinh	LĐTD	71 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
246	CAO THỊ LIỄU	1/23/1956		Nữ	Kinh	LĐTD	75 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
247	PHAN VĂN HOÀ	8/5/1986	Nam		Kinh	LĐTD	75 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
248	PHAN VĂN TUẤN	8/29/1978	Nam		Kinh	LĐTD	75 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
249	NGUYỄN VĂN QUY	2/1/1992	Nam		Kinh	LĐTD	75 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
250	PHAN THỊ THÙY DƯƠNG	4/24/1992		Nữ	Kinh	LĐTD	75 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
251	BÙI THU HƯỜNG	12/23/1981		Nữ	Kinh	LĐTD	77 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
252	PHAN VĂN THANH	7/1/1980	Nam		Kinh	LĐTD	77 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
253	LÊ THỊ THÊU	1/28/1990		Nữ	Kinh	LĐTD	77 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
254	PHAN VĂN THUẬN	3/23/1983	Nam		Kinh	LĐTD	77 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
255	LÊ THỊ HƯƠNG	6/10/1966		Nữ	Kinh	LĐTD	81 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
256	NGUYỄN DUY MẠNH	7/10/1998	Nam		Kinh	LĐTD	81 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
257	NGUYỄN DUY TIẾN	7/10/1998	Nam		Kinh	LĐTD	81 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
258	NGUYỄN VĂN THIỆU	11/4/1964	Nam		Kinh	LĐTD	81 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
259	NGUYỄN DUY HOÀNG	1/2/1991	Nam		Kinh	Công an	83 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
260	NGUYỄN THỊ NGÀ	5/3/1987		Nữ	Kinh	LĐTD	83 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
261	BÙI THỊ LƯ	3/18/1988		Nữ	Kinh	LĐTD	87 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
262	NGUYỄN THỊ NGOAN	8/21/1947		Nữ	Kinh	LĐTD	87 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
263	NGUYỄN XUÂN THẮNG	3/29/1985	Nam		Kinh	LĐTD	87 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
264	NGUYỄN THỊ BẢO	2/3/1956		Nữ	Kinh	LĐTD	91 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
265	NGUYỄN VĂN HƯNG	2/23/1954	Nam		Kinh	LĐTD	91 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
266	NGUYỄN THỊ LỆ	10/3/1981		Nữ	Kinh	LĐTD	93 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
267	NGUYỄN VIỆT THANH	7/30/1978	Nam		Kinh	LĐTD	93 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
268	NGUYỄN VĂN HỌC	10/10/1935	Nam		Kinh	LĐTD	97 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
269	PHAN THỊ XUẤT	6/15/1930		Nữ	Kinh	LĐTD	97 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
270	PHẠM HUY TÙNG	5/22/1998	Nam		Kinh	LĐTD	97 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
271	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	2/4/1974		Nữ	Kinh	LĐTD	101 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
272	VÕ NGỌC ÁNH	5/5/2004		Nữ	Kinh	LĐTD	101 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
273	VÕ TẤN HOÀN	8/10/1971	Nam		Kinh	LĐTD	101 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
274	NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	4/9/2001		Nữ	Kinh	Công chức	103 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
275	NGUYỄN VĂN SOI	7/6/1966	Nam		Kinh	LĐTD	103 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
276	NGUYỄN VŨ ANH ĐÀO	12/21/1994		Nữ	Kinh	Công chức	103 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
277	VÕ THỊ HOA	7/18/1967		Nữ	Kinh	LĐTD	103 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
278	NGUYỄN VĂN TUẤN	8/25/1951	Nam		Kinh	LĐTD	107 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
279	TRẦN THỊ UÂN	7/22/1955		Nữ	Kinh	LĐTD	107 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
280	NGUYỄN THÀNH TRUNG	8/22/1977	Nam		Kinh	LĐTD	109 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
281	NGUYỄN TRUNG HIẾU	5/20/2004	Nam		Kinh	LĐTD	109 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
282	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	12/17/2005		Nữ	Kinh	LĐTD	109 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
283	HÀ THỊ LIÊN	11/23/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	111 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
284	NGUYỄN ANH TUẤN	5/2/1994	Nam		Kinh	LĐTD	111 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
285	NGUYỄN VĂN CHUNG	6/2/1967	Nam		Kinh	LĐTD	111 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
286	NGUYỄN VĂN KIÊN	5/4/1992	Nam		Kinh	LĐTD	111 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
287	PHẠM THỊ BÌNH	2/17/1966		Nữ	Kinh	LĐTD	111 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
288	NGUYỄN THỊ GIỎ	1/1/1946		Nữ	Kinh	LĐTD	113 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
289	NGUYỄN VĂN CẢNG	8/7/1942	Nam		Kinh	LĐTD	113 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
290	NGUYỄN THỊ LỊCH	6/10/1978		Nữ	Kinh	LĐTD	113 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
291	NGUYỄN VĂN THÀNH	5/21/1980	Nam		Kinh	LĐTD	113 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
292	NGUYỄN VĂN VINH	6/12/2004	Nam		Kinh	LĐTD	113 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
293	NGUYỄN THỊ HỒNG NGUYỆT	1/26/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	117 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
294	TRẦN KIỀU ANH	3/31/2001		Nữ	Kinh	LĐTD	117 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
295	TRẦN LINH CHI	11/19/2003		Nữ	Kinh	LĐTD	117 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
296	TRẦN VĂN TÚ	8/29/1970	Nam		Kinh	LĐTD	117 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
297	TRẦN THỊ HÒA	1/26/1965		Nữ	Kinh	LĐTD	119 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
298	TRẦN THỊ MINH	6/16/1959		Nữ	Kinh	LĐTD	119 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
299	KIM THỊ MINH KHUÊ	1/1/2001		Nữ	Kinh	LĐTD	123 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
300	KIM TUẤN MINH	8/18/2003	Nam		Kinh	LĐTD	123 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
301	TRẦN THỊ NGUYỆT	6/30/1973		Nữ	Kinh	LĐTD	123 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
302	TRẦN THỊ THÊM	5/20/1956		Nữ	Kinh	LĐTD	121 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
303	NGUYỄN NĂNG ĐỊNH	6/6/1957	Nam		Kinh	LĐTD	127 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
304	NGUYỄN NGỌC ĐÔNG	9/25/1987	Nam		Kinh	LĐTD	127 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
305	NGUYỄN THỊ SINH	3/27/1957		Nữ	Kinh	LĐTD	127 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
306	NGUYỄN THỊ NGÀN	9/1/1960		Nữ	Kinh	LĐTD	133 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
307	PHẠM VĂN THẠNH	6/1/1957	Nam		Kinh	Hưu trí	133 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
308	NGUYỄN THỊ TÂM	3/15/1976		Nữ	Kinh	LĐTD	12, ngõ, khu 2 - TTNG	
309	NGUYỄN THỊ VÂN	9/15/1949		Nữ	Kinh	LĐTD	12, ngõ, khu 2 – TTNG	
310	VŨ ĐỨC TOÀN	6/6/1975	Nam		Kinh	LĐTD	12, ngõ, khu 2 – TTNG	
311	NGUYỄN THỊ VỤ	10/31/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	10, ngõ, khu 2 – TTNG	
312	TRẦN VĂN PHÚC	7/1/1969	Nam		Kinh	LĐTD	10, ngõ, khu 2 – TTNG	
313	BÙI THANH LIÊM	2/21/1987	Nam		Kinh	LĐTD	8, ngõ, khu 2 – TTNG	
314	NGUYỄN THỊ LAN ANH	2/8/1988		Nữ	Kinh	LĐTD	8, ngõ, khu 2 – TTNG	
315	NGUYỄN THỊ LAN	9/9/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	6, ngõ, khu 2 – TTNG	
316	TRẦN ĐỨC SƠN	9/2/1987	Nam		Kinh	LĐTD	6, ngõ, khu 2 – TTNG	
317	TRẦN VĂN TRƯỜNG	10/24/1963	Nam		Kinh	LĐTD	6, ngõ, khu 2 – TTNG	
318	NGUYỄN THỊ THÌN	5/8/1950		Nữ	Kinh	LĐTD	4, ngõ, khu 2 – TTNG	
319	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	12/11/1980	Nam		Kinh	LĐTD	4, ngõ, khu 2 – TTNG	
320	CAO VĂN XỨNG	9/10/1974	Nam		Kinh	LĐTD	2, ngõ, khu 2 – TTNG	
321	CAO XUÂN QUỲNH	12/26/1948	Nam		Kinh	LĐTD	2, ngõ, khu 2 – TTNG	
322	NGUYỄN THỊ THẢO	10/12/1983		Nữ	Kinh	LĐTD	2, ngõ, khu 2 – TTNG	
323	PHẠM HOÀNG ANH	5/19/1993	Nam		Kinh	LĐTD	86 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
324	PHẠM VĂN LĨNH	10/6/1966	Nam		Kinh	LĐTD	86 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
325	TRẦN THỊ HƯƠNG	3/14/1970		Nữ	Kinh	LĐTD	86 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
326	TRẦN QUỐC HÙNG	11/10/1963	Nam		Kinh	LĐTD	92 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
327	TRẦN QUỐC LONG	9/11/2003	Nam		Kinh	LĐTD	92 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
328	TRẦN QUỐC MẠNH	10/29/1990	Nam		Kinh	LĐTD	92 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
329	NGUYỄN THỊ HUỆ	1/10/1998		Nữ	Kinh	LĐTD	92 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
330	TRỊNH MINH ĐỨC	8/23/1992	Nam		Kinh	LĐTD	Không có số, Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
331	VŨ THỊ THÙY LINH	8/18/1992		Nữ	Kinh	LĐTD	Không có số, Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
332	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	11/22/1997		Nữ	Kinh	LĐTD	145 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
333	NGUYỄN THỊ CÚC	2/2/1967		Nữ	Kinh	LĐTD	145 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
334	NGUYỄN VĂN AN	6/26/2004	Nam		Kinh	LĐTD	145 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
335	ĐOÀN THỊ LAN	2/2/1955		Nữ	Kinh	LĐTD	151 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
336	BÙI HẢI LONG	6/5/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	151 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
337	ĐINH THỊ NGỌC	10/20/1978		Nữ	Kinh	LĐTD	151 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
338	LÊ THỊ THIỆM	6/19/1981		Nữ	Kinh	LĐTD	98 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
339	NGUYỄN ĐỨC QUỲNH	10/7/1981	Nam		Kinh	LĐTD	98 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
340	NGUYỄN THỊ TRÀ	2/11/2002		Nữ	Kinh	LĐTD	98 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
341	HÀ NGỌC HỮU	10/20/1987	Nam		Kinh	LĐTD	96 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
342	HÀ THỊ NHẪN	2/3/1993		Nữ	Kinh	LĐTD	96 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
343	NGUYỄN THỊ THÚY	8/22/1965		Nữ	Kinh	LĐTD	96 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
344	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	7/28/1990		Nữ	Kinh	LĐTD	94 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
345	NGUYỄN VĂN VIỆT	9/25/1982	Nam		Kinh	LĐTD	94 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
346	BÙI THỊ HIẾU	7/2/1952		Nữ	Kinh	LĐTD	82 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
347	ĐỖ NĂNG DŨNG	12/20/1945	Nam		Kinh	LĐTD	82 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
348	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	10/8/1980	Nam		Kinh	LĐTD	82 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
349	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	12/4/1983		Nữ	Kinh	LĐTD	82 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
350	ĐỖ THỊ HỒNG TRANG	2/12/2005		Nữ	Kinh	LĐTD	82 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
351	NGUYỄN THỊ KHÁNH	10/12/1963		Nữ	Kinh	LĐTD	72 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
352	NGUYỄN THỊ VÂN	10/10/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	72 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
353	NGUYỄN VĂN HOAN	6/22/1985	Nam		Kinh	LĐTD	72 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
354	NGUYỄN HUY CÔNG	8/3/1983	Nam		Kinh	LĐTD	72 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
355	NGUYỄN THỊ ANH	2/11/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	72 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
356	NGUYỄN ĐỨC QUYỀN	8/14/1993	Nam		Kinh	LĐTD	76 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
357	NGUYỄN ĐỨC QUỲNH	11/7/1978	Nam		Kinh	LĐTD	76 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
358	NGUYỄN THỊ NGÂN	2/15/1955		Nữ	Kinh	LĐTD	76 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
359	BÙI NGỌC ÁNH	9/16/2001		Nữ	Kinh	LĐTD	52 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
360	BÙI VĂN HÙNG	3/26/1972	Nam		Kinh	LĐTD	52 –Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
361	NGUYỄN THỊ MAI	6/12/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	52 –Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
362	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	8/8/1962	Nam		Kinh	LĐTD	50 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
363	NGUYỄN NHƯ NAM	8/15/1993	Nam		Kinh	LĐTD	50 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
364	NGUYỄN THỊ NHÃ	11/9/1968		Nữ	Kinh	LĐTD	50 – đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
365	PHẠM THỊ NHÂM	4/6/1959		Nữ	Kinh	LĐTD	44 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
366	PHẠM VĂN PHONG	9/8/1957	Nam		Kinh	LĐTD	44 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
367	NGUYỄN ĐÌNH SẾN	6/6/1957	Nam		Kinh	Nội trợ	99 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
368	NGUYỄN THỊ DỤ	10/20/1956		Nữ	Kinh	Tàn tật	99 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
369	NGUYỄN THỊ HIỀN	2/23/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	99 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
370	HÀ THỊ NHÂM	6/12/1948		Nữ	Kinh	Hưu trí	107 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
371	NGUYỄN THÚC KIỀU	12/1/1940	Nam		Kinh	Hưu trí	107 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
372	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	2/5/1968		Nữ	Kinh	Nội trợ	109 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
373	PHẠM NGỌC THÁI	12/5/1964	Nam		Kinh	LĐTD	109 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
374	HÀ THỊ HƯƠNG LIÊN	11/21/1969		Nữ	Kinh	Nội trợ	111 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
375	NGUYỄN MINH TRƯỜNG	8/17/1957	Nam		Kinh	LĐTD	111 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
376	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	10/9/1971		Nữ	Kinh	Buôn bán	113 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
377	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	12/9/2001		Nữ	Kinh	Sinh viên	111 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
378	NGUYỄN THỊ HUẾ	7/17/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	111 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
379	NGUYỄN THỊ THÚY MƠ	2/19/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	111 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
380	NGUYỄN VĂN MAI	10/5/1963	Nam		Kinh	LĐTD	111 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
381	CAO THỊ NHIỆM	2/10/1960		Nữ	Kinh	Nội trợ	115 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
382	NGUYỄN ANH TUẤN	9/1/1960	Nam		Kinh	LĐTD	115 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
383	DƯƠNG THẾ HUY	4/10/1983	Nam		Kinh	LĐTD	117 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
384	DƯƠNG VĂN MÙI	3/22/1954	Nam		Kinh	LĐTD	117 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
385	PHẠM THỊ NGA	12/6/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	117 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
386	NGUYỄN HỮU CUNG	11/19/1997	Nam		Kinh	Công nhân	119 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7		
387	NGUYỄN HỮU NGỌC	8/31/1963	Nam		Kinh	LĐTD	119 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
388	NGUYỄN THỊ DƯƠNG	2/15/1996		Nữ	Kinh	Công nhân	119 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
389	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	11/5/1970		Nữ	Kinh	Nội trợ	119 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
390	NGUYỄN THỊ PHẤN	3/21/1950		Nữ	Kinh	Nội trợ	119 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
391	NGUYỄN HỮU CÔNG	1/9/1999	Nam		Kinh	Bộ đội	121 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
392	NGUYỄN THỊ THẮM	4/23/1975		Nữ	Kinh	LĐTD	121 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
393	NGUYỄN THỊ THÚY NHUNG	9/29/2000		Nữ	Kinh	LĐTD	121 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
394	NGUYỄN VĂN CHIẾN	11/21/1972	Nam		Kinh	LĐTD	121 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
395	NGUYỄN LƯ RIÊM	12/28/1945	Nam		Kinh	Hưu trí	123 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
396	VŨ THỊ LÁN	1/11/1947		Nữ	Kinh	Hưu trí	123 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
397	BÙI ĐÌNH QUÝ	1/18/1970	Nam		Kinh	LĐTD	125 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
398	BÙI THỊ LOAN	10/16/2003		Nữ	Kinh	Công nhân	125 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
399	NGUYỄN THỊ GIÊNG	10/26/1979		Nữ	Kinh	Công nhân	125 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
400	PHẠM THỊ THÚY	1/2/1959		Nữ	Kinh	Hưu trí	127 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
401	ĐÀO DUY KHƯƠNG	11/15/1989	Nam		Kinh	Công nhân	127 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
402	NGUYỄN THỊ THÙY	2/22/1991		Nữ	Kinh	Công nhân	127 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
403	NGUYỄN THỊ THANH NHI	10/15/1973		Nữ	Kinh	LĐTD	131 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
404	PHAN HUY HOÀNG	8/19/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	131 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
405	PHAN NGỌC HUYỀN	4/14/1996		Nữ	Kinh	LĐTD	131 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
406	PHAN TIẾN ĐĨNH	3/18/1968	Nam		Kinh	LĐTD	131 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
407	BÙI THỊ HUYỀN	10/13/1997		Nữ	Kinh	LĐTD	129 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
408	PHAN THỊ XOA	5/17/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	129 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
409	VŨ ĐỨC VINH	11/30/1957	Nam		Kinh	LĐTD	129 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
410	VŨ DUY ĐỨC	1/29/1988	Nam		Kinh	Công an	129 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
411	VƯƠNG THỊ MÁI	1/1/1922		Nữ	Kinh	Già yếu	129 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
412	VŨ THỊ THÚY NGA	10/26/1993		Nữ	Kinh	LĐTD	129 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
413	PHẠM THỊ HỒNG	10/16/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	133 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
414	TRẦN THỊ NHUNG	2/28/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	133 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
415	TRƯƠNG MẠNH TÚ	10/26/1991	Nam		Kinh	LĐTD	133 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
416	TRƯƠNG THÚY NGA	4/14/2000		Nữ	Kinh	LĐTD	133 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
417	TRƯƠNG VĂN TIẾN	9/25/1956	Nam		Kinh	LĐTD	133 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
418	NGUYỄN THỊ HÀ	6/5/1988		Nữ	Kinh	Giáo viên	145 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
419	PHẠM NGỌC CƯỜNG	10/20/1982	Nam		Kinh	LĐTD	145 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
420	PHẠM THỊ HÒA	4/4/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	145 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
421	BÙI THỊ THẢO	12/16/1992		Nữ	Kinh	LĐTD	147 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
422	PHẠM NGỌC HÀ	12/21/1988	Nam		Kinh	LĐTD	147 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
423	PHẠM NGỌC HỮU	10/21/1987	Nam		Kinh	LĐTD	147 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
424	PHẠM NGỌC MINH	4/20/1951	Nam		Kinh	Hưu trí	147 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
425	TRẦN THỊ NHIỀU	1/6/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	147 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
426	TRẦN THẾ ĐẠT	6/28/1990	Nam		Kinh	LĐTD	149 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
427	TRỊNH THỊ MÃO	12/15/1951		Nữ	Kinh	Nội trợ	149 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
428	NGUYỄN THỊ LINH	9/22/1985		Nữ	Kinh	Nội trợ	151 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
429	NGUYỄN VĂN HOAN	4/19/1957	Nam		Kinh	LĐTD	151 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
430	NGUYỄN VĂN HUY	10/21/1984	Nam		Kinh	LĐTD	151 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
431	TRẦN THỊ NINH	3/21/1959		Nữ	Kinh	Giáo viên	151 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
432	ĐÀO VĂN BÁU	1/8/1950	Nam		Kinh	LĐTD	159 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
433	ĐÀO VIỆT HÀ	10/7/1989	Nam		Kinh	LĐTD	159 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
434	ĐỖ THỊ NGA	10/10/1951		Nữ	Kinh	Nội trợ	159 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
435	TRẦN THỊ HỒNG THƠM	5/17/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	159 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
436	ĐẶNG NGỌC TUẤN	11/20/1979	Nam		Kinh	LĐTD	161 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
437	TỐ PHƯƠNG MAI	9/1/1982		Nữ	Kinh	Công chức	161 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
438	LÊ QUANG KHẢI	2/23/1973	Nam		Kinh	LĐTD	163 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
439	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	9/4/1997		Nữ	Kinh	LĐTD	163 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
440	NGUYỄN THỊ HẰNG	2/19/1976		Nữ	Kinh	Nội trợ	163 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
441	LÊ HẢI BẰNG	11/26/1979	Nam		Kinh	LĐTD	165 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
442	NGUYỄN THỊ MỲ	4/12/1938		Nữ	Kinh	Già yếu	165 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
443	NGUYỄN THỊ THU TRANG	1/15/1983		Nữ	Kinh	LĐTD	165 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
444	BÙI ĐÌNH VÂN	3/10/1951	Nam		Kinh	LĐTD	167 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
445	BÙI NHƯ KHOA	9/29/1981	Nam		Kinh	LĐTD	167 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
446	BÙI THỊ HỒNG	7/1/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	167 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
447	BÙI THỊ PHƯỢNG	1/17/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	167 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
448	NGUYỄN THỊ HẠNH	1/7/1988		Nữ	Kinh	LĐTD	167 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
449	VŨ THỊ SÁNG	7/19/1954		Nữ	Kinh	Nội trợ	169 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
450	VŨ VĂN SỐ	1/17/1952	Nam		Kinh	LĐTD	169 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
451	HOÀNG THỊ NGỌC	4/17/1964		Nữ	Kinh	LĐTD	171 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
452	LÊ LAN ANH	2/19/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	171 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
453	LÊ TRUNG QUÂN	5/19/1988	Nam		Kinh	LĐTD	171 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
454	LÊ VĂN VƯỢNG	9/4/1959	Nam		Kinh	LĐTD	171 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
455	TRẦN THỊ NGỌC	8/30/1988		Nữ	Kinh	LĐTD	171 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
456	BÙI THỊ THƠM	12/11/1967		Nữ	Kinh	LĐTD	173 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
457	HÀ THỊ SAO MAI	4/5/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	173 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
458	LÊ VĂN LẬP	4/2/1963	Nam		Kinh	LĐTD	173 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
459	TRẦN THỊ HƯỜNG	9/16/1984		Nữ	Kinh	LĐTD	01 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
460	VŨ THỊ THÚY	11/12/1970		Nữ	Kinh	LĐTD	Ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
461	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	3/27/1999		Nữ	Kinh	LĐTD	03 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
462	PHẠM VĂN NGUYÊN	9/6/1998	Nam		Kinh	LĐTD	03 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
463	ĐÀO THỊ THÁI	1/10/1954		Nữ	Kinh	Nội trợ	05 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
464	HÀ NGỌC CHIẾN	9/15/1947	Nam		Kinh	Thương binh	05 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
465	ĐẶNG QUANG SÂM	5/5/1956	Nam		Kinh	LĐTD	09 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
466	ĐÀO THỊ HUỆ	6/2/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	09 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
467	LƯU HUY CHIẾN	7/13/1955	Nam		Kinh	Hưu trí	11 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
468	NGUYỄN THỊ NHÀN	1/10/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	11 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
469	LƯU HOÀI TRUNG	8/13/1981	Nam		Kinh	LĐTD	11 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
470	PHÙNG THỊ HẠNH	1/8/1982		Nữ	Kinh	Giáo viên	11 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
471	LƯU HỒNG NHẠN	4/30/1976		Nữ	Kinh	Giáo viên	11 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
472	MAI TRÀ GIANG	2/1/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	11 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
473	ĐẶNG ĐẠI NGHĨA	7/2/1986	Nam		Kinh	LĐTD	14 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
474	ĐẶNG THỊ QUY	12/21/1947		Nữ	Kinh	Nội trợ	14 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
475	ĐẶNG THỊ HƯNG	2/12/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	10 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
476	ĐINH THỊ BẢO YẾN	8/10/2003		Nữ	Kinh	LĐTD	8 –ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
477	NGUYỄN THỊ NHÀN	3/10/1974		Nữ	Kinh	Buôn bán	8 –ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
478	TRẦN VĂN ĐẠI	9/21/1994	Nam		Kinh	LĐTD	8 –ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
479	TRẦN VĂN DẬU	7/10/1969	Nam		Kinh	LĐTD	8 –ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
480	TRẦN THỊ BÉ	9/10/1953		Nữ	Kinh	Nội trợ	6 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
481	NGUYỄN THỊ LIÊN	12/14/1964		Nữ	Kinh	Nội trợ	4 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
482	NGUYỄN VĂN HIỀN	6/4/1990	Nam		Kinh	LĐTD	4 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
483	NGUYỄN VĂN QUYỀN	9/2/1965	Nam		Kinh	LĐTD	4 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
484	TRỊNH THỊ THÙY	9/5/1992		Nữ	Kinh	LĐTD	4 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
485	NGUYỄN THÀNH DŨNG	4/26/1987	Nam		Kinh	Công chức	2 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
486	TRẦN THỊ HIỀN	7/27/1967		Nữ	Kinh	Nội trợ	2 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
487	TRẦN THỊ SÂM	1/2/1960		Nữ	Kinh	Tàn tật	2 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
488	VÕ THỊ HẠNH	4/5/1974		Nữ	Kinh	LĐTD	177 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
489	VŨ ĐÌNH HIỆP	11/17/1995	Nam		Kinh	LĐTD	177 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
490	NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	11/5/1978		Nữ	Kinh	LĐTD	179 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
491	VŨ HOÀNG ANH	3/29/1999		Nữ	Kinh	LĐTD	179 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
492	VŨ VĂN THẮNG	3/13/1974	Nam		Kinh	LĐTD	179 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
493	NGUYỄN NHƯ MỸ	2/17/1958	Nam		Kinh	LĐTD	181 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
494	NGUYỄN THỊ YẾN	12/7/1968		Nữ	Kinh	LĐTD	181 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
495	NGUYỄN VỸ HUY	10/7/1998	Nam		Kinh	LĐTD	181 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
496	NGUYỄN VỸ QUÂN	8/12/1990	Nam		Kinh	LĐTD	181 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
497	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	1/3/1980		Nữ	Kinh	LĐTD	183 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
498	BÙI THANH THỦY	6/13/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	185 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
499	CHU VĂN THÁI	1/16/1957	Nam		Kinh	LĐTD	185 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
500	CHU VIỆT PHONG	6/23/1997	Nam		Kinh	LĐTD	185 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
501	ĐẶNG TRỌNG HẢI	11/27/1960	Nam		Kinh	LĐTD	189 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
502	HÀ THỊ QUÝT	5/18/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	189 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
503	CHU THỊ LUYẾN	1/1/1935		Nữ	Kinh	Già yếu	191 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
504	ĐÀO DUY ĐẠI	8/5/1977	Nam		Kinh	LĐTD	193 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
505	TẠ THỊ ĐƯƠNG	9/3/1982		Nữ	Kinh	LĐTD	193 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
506	TRẦN THỊ PHƯƠNG HUYỀN	3/23/1977		Nữ	Kinh	LĐTD	195 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
507	VŨ ĐÌNH DŨNG	8/2/1974	Nam		Kinh	LĐTD	195 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
508	VŨ NGỌC LÂM	4/14/1999	Nam		Kinh	Bộ đội	195 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
509	VŨ THÀNH NAM	6/23/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	195 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
510	NGUYỄN MẠNH TRÃI	2/16/1960	Nam		Kinh	LĐTD	197 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
511	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	7/16/1989		Nữ	Kinh	LĐTD	197 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
512	NGUYỄN TUẤN VIỆT	3/26/1991	Nam		Kinh	LĐTD	197 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
513	PHAN THỊ YẾN	1/14/1960		Nữ	Kinh	Nội trợ	197 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
514	NGUYỄN MẠNH HÀ	7/23/1978	Nam		Kinh	LĐTD	199 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
515	NGUYỄN MẠNH SƠN	9/14/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	199 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
516	PHAN THỊ LUYẾN	9/25/1982		Nữ	Kinh	LĐTD	199 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
517	ĐẶNG THỊ OANH	6/5/1970		Nữ	Kinh	LĐTD	201 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
518	VŨ THỦY TIÊN	12/18/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	201 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
519	VŨ VĂN TIẾN	12/20/1963	Nam		Kinh	LĐTD	201 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
520	DƯƠNG THỊ HUỆ	1/26/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	207 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
521	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	3/3/1961	Nam		Kinh	Thương binh	207 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
522	NGUYỄN QUỐC THANH	10/28/1991	Nam		Kinh	Công chức	207 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
523	NGUYỄN QUỐC TIẾN	1/29/1990	Nam		Kinh	LĐTD	207 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
524	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	4/30/1996		Nữ	Kinh	LĐTD	207 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
525	NGUYỄN THỊ THANH	11/3/1998		Nữ	Kinh	LĐTD	207 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
526	NGUYỄN THỊ CÚC	5/14/1950		Nữ	Kinh	Nội trợ	213 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
527	PHẠM THỊ THÙY	8/1/1985		Nữ	Kinh	Giáo viên	213 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
528	TRẦN VĂN TOÀN	3/16/1984	Nam		Kinh	LĐTD	213 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
529	TRẦN VĂN VIỄN	7/17/1946	Nam		Kinh	LĐTD	213 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
530	LÊ ĐÌNH DŨNG	7/2/1982	Nam		Kinh	LĐTD	215 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
531	TRẦN THỊ THÀNH	1/1/1960		Nữ	Kinh	Nội trợ	215 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
532	VŨ THỊ THANH MAI	4/28/1989		Nữ	Kinh	LĐTD	215 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
533	LÊ ĐÌNH HẠ	5/31/1970	Nam		Kinh	LĐTD	217 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
1	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
534	NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY	1/22/1973		Nữ	Kinh	LĐTD	217 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
535	PHẠM THỊ BƯỞI	6/9/1934		Nữ	Kinh	Già yếu	217 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
536	BÙI ĐỨC HÙNG	2/2/1979	Nam		Kinh	LĐTD	3 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
537	NGUYỄN THỊ Y MAI	6/14/1984		Nữ	Kinh	LĐTD	3 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
538	ĐOÀN THỊ THẢO	6/30/1970		Nữ	Kinh	LĐTD	5 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
539	NGUYỄN THỊ HIỀN	7/9/1992		Nữ	Kinh	LĐTD	5 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
540	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	1/17/1998	Nam		Kinh	LĐTD	5 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
541	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	4/30/1972	Nam		Kinh	LĐTD	5 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
542	HOÀNG THỊ LAN ANH	10/29/1983		Nữ	Kinh	LĐTD	7 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
543	HOÀNG THỊ NHÂM	2/17/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	7 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
544	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	2/27/2002	Nam		Kinh	Sinh viên	7 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
545	VŨ VĂN VIỆT	6/27/1988	Nam		Kinh	LĐTD	7 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
546	NGUYỄN THỊ HỒNG NHẠN	5/30/1976		Nữ	Kinh	LĐTD	10 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
547	PHẠM THỊ THANH TÂM	1/16/2002		Nữ	Kinh	LĐTD	10 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
548	TRẦN VĂN HOÀNG	10/6/1993	Nam		Kinh	LĐTD	10 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
549	TRẦN VĂN LỘC	9/27/1997	Nam		Kinh	LĐTD	10 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
550	TRẦN VĂN MAI	10/30/1968	Nam		Kinh	LĐTD	10 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
551	TRẦN THỊ THƯ	1/14/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	9 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
552	TRẦN VĂN TRƯỜNG	9/25/1989	Nam		Kinh	LĐTD	9 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
553	HÀ HUY HOÀN	10/14/1984	Nam		Kinh	LĐTD	13 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
554	NGUYỄN THỊ CHẮN	1/8/1964		Nữ	Kinh	Nội trợ	13 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
555	ĐINH THỊ HƯƠNG	9/7/1989		Nữ	Kinh	LĐTD	13 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
556	HÀ QUỐC HUY	9/21/1987	Nam		Kinh	Tàn tật	13 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
557	ĐỖ HOÀNG PHONG	1/15/1999	Nam		Kinh	LĐTD	15 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
558	ĐỖ THỊ THÙY DƯƠNG	12/24/1996		Nữ	Kinh	LĐTD	15 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
559	ĐỖ VĂN HẢI	6/5/1974	Nam		Kinh	LĐTD	15 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
560	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	5/30/2001		Nữ	Kinh	LĐTD	15 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
561	NGUYỄN THỊ THÚY	12/19/1976		Nữ	Kinh	LĐTD	15 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
562	HOÀNG QUỐC HƯƠNG	11/24/1969	Nam		Kinh	LĐTD	17 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
563	HOÀNG QUỐC BÌNH	11/7/1956	Nam		Kinh	LĐTD	17 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
564	TRẦN THỊ BÌNH	4/7/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	17 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
565	TRẦN MẠNH HÙNG	11/30/2000	Nam		Kinh	LĐTD	17 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
566	ĐỖ THỊ THU HẰNG	3/6/1971		Nữ	Kinh	LĐTD	21 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
567	ĐỖ VĂN NGỌC	11/20/1947	Nam		Kinh	LĐTD	21 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
568	HOÀNG VIỆT TRUNG	12/12/1994	Nam		Kinh	LĐTD	21 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
569	NGUYỄN THỊ CHẮC	11/7/1951		Nữ	Kinh	LĐTD	21 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
570	HOÀNG HẢI YẾN	12/27/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	21 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
571	ĐOÀN THỊ HƯỜNG	8/3/1990		Nữ	Kinh	LĐTD	99 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
572	LÊ HẢI NINH	11/5/1987	Nam		Kinh	LĐTD	99 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
573	LÊ THANH BÌNH	12/5/1954	Nam		Kinh	LĐTD	99 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
574	LÊ THỊ KHÁNH NGỌC	10/15/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	99 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
575	LÊ ANH TUẤN	1/12/1961	Nam		Kinh	LĐTD	103 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
576	TRẦN THỊ LA	1/21/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	103 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
577	LÊ ANH TÚ	4/3/1986	Nam		Kinh	LĐTD	103 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
578	PHẠM THỊ THOAN	7/25/1991		Nữ	Kinh	LĐTD	103 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
579	HÀ THỊ ĐOẠT	2/19/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	107 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
580	HOÀNG BẢO NGỌC	4/15/1954	Nam		Kinh	LĐTD	107 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
581	ĐẶNG VĂN HY	6/12/1949	Nam		Kinh	Thương binh	109 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
582	ĐOÀN THỊ THÁP	1/1/1930		Nữ	Kinh	Già yếu	111 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
583	NGUYỄN ĐÌNH THANH	10/6/1954	Nam		Kinh	LĐTD	111 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
584	NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG	12/20/1973		Nữ	Kinh	LĐTD	111 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
585	PHẠM THỊ DUNG	9/1/1954		Nữ	Kinh	Nội trợ	111 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
586	ĐINH THỊ PHƯƠNG	8/5/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	72 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
587	VŨ ĐỨC QUANG	2/17/1986	Nam		Kinh	LĐTD	72 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
588	ĐẶNG THỊ GIANG	4/18/1957		Nữ	Kinh	LĐTD	48 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
589	VŨ VĂN HÙNG	10/27/1955	Nam		Kinh	LĐTD	48 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
590	VŨ THỊ ĐÀO	2/20/1952		Nữ	Kinh	LĐTD	48 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
591	PHẠM THỊ THỦY	5/20/1953		Nữ	Kinh	Nội trợ	50 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
592	LÊ MẠNH CƯỜNG	2/18/1978	Nam		Kinh	LĐTD	52 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
593	PHẠM THỊ TƠ	3/18/1945		Nữ	Kinh	Nội trợ	52 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
594	PHAN THỊ THÚY	11/17/1981		Nữ	Kinh	LĐTD	52 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
595	NGUYỄN VĂN TÚ	6/22/1983	Nam		Kinh	LĐTD	54 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
596	PHẠM THỊ THÚY	7/19/1987		Nữ	Kinh	LĐTD	54 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
597	NGUYỄN HỮU THĂNG	1/1/1934	Nam		Kinh	Già yếu	56 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
598	NGUYỄN THỊ VANH	6/7/1938		Nữ	Kinh	Già yếu	56 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
599	NGUYỄN VĂN MẠNH	1/4/1976	Nam		Kinh	LĐTD	56 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
600	TRỊNH THỊ THÙY DƯƠNG	8/26/1977		Nữ	Kinh	Nội trợ	56 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
601	CHUNG THỊ LAN	2/1/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	58 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
602	BÙI QUỐC ĐẠT	11/21/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	60 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
603	BÙI THỊ THANH HẰNG	6/27/2001		Nữ	Kinh	Sinh viên	60 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
604	NGUYỄN THỊ KHAI	1/18/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	62 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
605	VŨ HOÀNG ANH	9/29/1997	Nam		Kinh	LĐTD	62 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
606	VŨ THỊ THANH HUYỀN	1/13/1995		Nữ	Kinh	LĐTD	62 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
607	VŨ VĂN TỴ	7/1/1953	Nam		Kinh	LĐTD	62 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
608	NGUYỄN THỊ THU HÀ	11/8/1987		Nữ	Kinh	LĐTD	64A – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
609	NGUYỄN VĂN THẾ	11/12/1957	Nam		Kinh	LĐTD	64A - Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
610	PHẠM THỊ NHÀN	7/1/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	64A - Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
611	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	11/2/1992		Nữ	Kinh	LĐTD	79 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
612	NGUYỄN HOÀI NAM	8/9/1985	Nam		Kinh	LĐTD	79 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
613	BÙI THỊ PHI	5/28/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	64B – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
614	NGUYỄN KHẮC SƠN	4/8/1968	Nam		Kinh	LĐTD	64B – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
615	NGUYỄN THỊ THÚY LIỄU	6/2/2003		Nữ	Kinh	Sinh viên	64B – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
616	NGUYỄN VĂN ĐỨC	9/1/1958	Nam		Kinh	LĐTD	66 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
617	PHẠM THỊ THẮNG	10/19/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	66 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
618	ĐÀO VĂN SỸ	5/26/1958	Nam		Kinh	LĐTD	15 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
619	VŨ THỊ DẦN	11/19/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	15 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
620	PHẠM VĂN THUẬT	7/3/1957	Nam		Kinh	LĐTD	9 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
621	BÙI THỊ LAN	8/19/1992		Nữ	Kinh	LĐTD	9 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
622	LÃ MINH HƯNG	5/6/1989	Nam		Kinh	LĐTD	9 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
623	PHẠM THỊ ĐIỆP	1/1/1960		Nữ	Kinh	Nội trợ	9 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
624	NGÔ ĐỨC ANH	4/22/1992	Nam		Kinh	LĐTD	7- ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
625	VŨ THỊ TUYẾT	7/24/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	5 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
626	NGUYỄN THỊ NHÀI	5/11/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	3 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
627	NGUYỄN THỊ THO	12/26/1950		Nữ	Kinh	Nội trợ	3 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
628	NGUYỄN THỊ VÂN	3/29/1999		Nữ	Kinh	Tàn tật	3 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
629	NGUYỄN VĂN NGỌC	6/27/1985	Nam		Kinh	Tàn tật	3 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
630	NGUYỄN VĂN THỊNH	10/5/1950	Nam		Kinh	LĐTD	3 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
631	PHẠM THỊ TUYẾT	8/10/1954		Nữ	Kinh	Nội trợ	1 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	3	4	5	6	7	
632	VŨ THỊ THAO	6/21/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	1 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
633	LÊ THỊ KIM BẰNG	9/30/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	70 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
634	PHẠM VĂN TÚ	10/12/1991	Nam		Kinh	LĐTD	70 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
635	PHẠM VĂN TUẤN	5/15/1955	Nam		Kinh	LĐTD	70 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
636	BÙI THỊ NGUYỆT	12/3/1967		Nữ	Kinh	Nội trợ	70 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
637	NGUYỄN THỊ NHÀN	4/27/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	76A – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
638	NGUYỄN THỊ BÍCH	11/28/1981		Nữ	Kinh	Công chức	78 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
639	PHẠM ĐÌNH TÙNG DƯƠNG	7/30/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	78 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
640	PHẠM ĐÌNH VƯƠNG	9/9/1979	Nam		Kinh	LĐTD	78 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
641	ĐỖ THỊ QUYÊN	3/16/1953		Nữ	Kinh	Nội trợ	80 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
642	PHẠM VĂN HIỀN	11/20/1949	Nam		Kinh	Thương binh	80 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
643	ĐỖ THU HUYỀN	9/8/1977		Nữ	Kinh	Nội trợ	82 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
644	NGUYỄN KHÁNH VÂN	10/13/2004		Nữ	Kinh	LĐTD	82 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
645	NGUYỄN MINH KHUÊ	8/12/1999		Nữ	Kinh	LĐTD	82 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
646	NGUYỄN NGỌC DŨNG	6/1/1963	Nam		Kinh	LĐTD	82 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
647	NGUYỄN THÀNH CHUNG	1/26/2000	Nam		Kinh	LĐTD	82 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
648	NGUYỄN THỊ HIỀN	11/2/1980		Nữ	Kinh	Nội trợ	82 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
649	NGUYỄN THU TRANG	9/10/2001		Nữ	Kinh	LĐTD	82 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
650	NGUYỄN ĐÌNH HẬU	4/15/1970	Nam		Kinh	LĐTD	84 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
651	NGUYỄN ĐÌNH HIỆP	11/3/1995	Nam		Kinh	LĐTD	84 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
652	TRƯƠNG THỊ DUNG	2/1/1970		Nữ	Kinh	Nội trợ	84 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
653	DƯ THỊ THƯ	10/23/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	86 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
654	HOÀNG ĐÌNH VÂN	1/5/1950	Nam		Kinh	LĐTD	86 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
655	HOÀNG TIẾN THÀNH QUANG	7/21/1986	Nam		Kinh	Công chức	155 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
656	VŨ THỊ THU	10/3/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	155 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
657	NGUYỄN QUỐC MINH	7/20/1985	Nam		Kinh	LĐTD	86 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
658	NGUYỄN THỊ AN	6/2/1949		Nữ	Kinh	Nội trợ	88 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
659	BÙI ĐỨC BA	3/2/1955	Nam		Kinh	LĐTD	90 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
660	HÀ THỊ TÍNH	2/28/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	90 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
661	BÙI ĐỨC QUYẾT	3/15/1979	Nam		Kinh	LĐTD	90 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
662	HÀ THỊ NGA	12/10/1988		Nữ	Kinh	LĐTD	90 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
663	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	4/6/1943	Nam		Kinh	Già yếu	92 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
664	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	1/10/1994	Nam		Kinh	LĐTD	92 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
665	NGUYỄN THỊ SINH	6/10/1952		Nữ	Kinh	Hưu trí	92 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
666	NGUYỄN THỊ BẢY	3/20/1945		Nữ	Kinh	Hưu trí	94 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
667	NGUYỄN XUÂN PHÁI	8/28/1938	Nam		Kinh	Hưu trí	94 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
668	NGUYỄN VĂN XẾ	6/11/1962	Nam		Kinh	LĐTD	96 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
669	PHẠM THỊ BÌNH	10/11/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	96 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
670	NGUYỄN VĂN ĐẠT	7/18/1987	Nam		Kinh	LĐTD	96 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
671	NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	3/9/1997		Nữ	Kinh	LĐTD	96 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
672	NGUYỄN VĂN TÙNG	6/22/1989	Nam		Kinh	LĐTD	96 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
673	PHẠM THỊ TỈNH	5/19/1956		Nữ	Kinh	LĐTD	98 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
674	NGUYỄN THU HOÀI	8/23/1997		Nữ	Kinh	LĐTD	104 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
675	PHAN THỊ LOAN	5/5/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	104 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
676	ĐẶNG THỊ HOÀI	7/20/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	1 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
677	NGUYỄN THÀNH CÔNG	1/17/1983	Nam		Kinh	Bộ đội	1 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
678	NGUYỄN HUY HOÀNG	6/28/1987	Nam		Kinh	LĐTD	104 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
679	PHAN THỊ TUYẾN	12/18/1987		Nữ	Kinh	Nội trợ	104 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
680	ĐINH TIẾN DŨNG	1/24/1995	Nam		Kinh	LĐTD	106 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tê	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	3	4	5	6	7	
681	ĐINH TIẾN DỤNG	12/14/1958	Nam		Kinh	LĐTD	106 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
682	PHẠM THỊ OANH	2/20/1967		Nữ	Kinh	Nội trợ	106 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
683	TRẦN VĂN MẠN	5/7/1988	Nam		Kinh	LĐTD	19 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
684	TRẦN VĂN TOÀN	5/22/1985	Nam		Kinh	LĐTD	19 – ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
685	NGUYỄN NGỌC HUY	2/8/1987	Nam		Kinh	LĐTD	112 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
686	NGUYỄN THỊ MINH THƠM	2/25/1962		Nữ	Kinh	Hưu trí	112 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
687	LÊ THỊ THUẬN	11/10/1943		Nữ	Kinh	Hưu trí	110 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
688	NGUYỄN THỊ LIÊN	7/5/1971		Nữ	Kinh	Nội trợ	110 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
689	PHAN ANH ĐỨC	1/24/1992	Nam		Kinh	LĐTD	110 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
690	PHAN NHƯ QUỲNH	11/28/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	110 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
691	PHAN THANH QUANG	10/3/1966	Nam		Kinh	Hưu trí	110 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
692	BÙI ĐỨC HƯNG	4/29/1990	Nam		Kinh	LĐTD	116 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
693	ĐỖ THỊ HUYỀN	6/2/1993		Nữ	Kinh	LĐTD	116 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
694	TRƯƠNG THỊ PHÚ	12/22/1964		Nữ	Kinh	Nội trợ	116 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
695	BÙI THỊ HÒA	5/4/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	122 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
696	ĐỖ ĐỨC TÍNH	5/23/1950	Nam		Kinh	LĐTD	122 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
697	ĐỖ HOÀNG HẠNH	11/16/1976	Nam		Kinh	LĐTD	122 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
698	ĐỖ HUY HOÀNG	7/4/1989	Nam		Kinh	LĐTD	122 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
699	PHẠM THỊ LAN	4/4/1989		Nữ	Kinh	LĐTD	122 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
700	NGUYỄN THỊ THƠI	1/1/1952		Nữ	Kinh	Già yếu	126 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
701	TRƯƠNG TẤT NINH	1/1/1949	Nam		Kinh	Già yếu	126 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
702	NGUYỄN THỊ VÂN	5/23/1985		Nữ	Kinh	LĐTD	126 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
703	TRƯƠNG TẤT HÀ	2/26/1980	Nam		Kinh	LĐTD	126 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
704	TRƯƠNG NGỌC NAM	5/18/1973	Nam		Kinh	Tàn tật	126 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
705	TRẦN VĂN HẢI	8/23/1998	Nam		Kinh	LĐTD	128 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
706	TRẦN VĂN HẠNH	11/9/1962	Nam		Kinh	LĐTD	128 – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
707	TRƯƠNG THỊ HÒA	6/25/1954		Nữ	Kinh	Nội trợ	97 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
708	NGUYỄN MẠNH HẢI	6/13/1987	Nam		Kinh	LĐTD	97 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
709	NGUYỄN THỊ NGỌC	10/29/1989		Nữ	Kinh	LĐTD	97 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
710	NGUYỄN QUANG CHIỀU	9/12/1969	Nam		Kinh	Hưu trí	95 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
711	NGUYỄN THỊ LAN	3/4/1978		Nữ	Kinh	LĐTD	95 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
712	SÌ VĂN AN	8/30/1999	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 – TTNG	
713	NGÔ THỊ LÀN	9/20/1974		Nữ	Kinh	Công nhân	93 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
714	NGUYỄN VĂN ĐỨC	2/2/2001	Nam		Kinh	LĐTD	93 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
715	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	3/3/1975	Nam		Kinh	LĐTD	93 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
716	PHẠM THỊ LAN	11/1/1973		Nữ	Kinh	Công nhân	85 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
717	TRƯƠNG DIỄM QUỲNH	1/4/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	85 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
718	TRƯƠNG MINH QUANG	5/5/1996	Nam		Kinh	Công nhân	85 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
719	TRƯƠNG TẤT CHUNG	5/14/1969	Nam		Kinh	LĐTD	85 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
720	TRẦN XUÂN KHẢI	3/20/2000	Nam		Kinh	Công nhân	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
721	NGUYỄN THỊ DUYÊN	9/23/1946		Nữ	Kinh	Già yếu	79 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
722	TRỊNH VĂN DŨNG	2/17/1983	Nam		Kinh	Công nhân	79 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
723	ĐÀO THỊ THÚY	7/9/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
724	TRỊNH VĂN THẮNG	3/13/1980	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
725	BÙI THỊ NGUYỆT	5/21/1974		Nữ	Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
726	ĐÀO THỊ GẤM	10/29/1997		Nữ	Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
727	TRỊNH VĂN ĐẠT	7/6/1996	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
728	TRỊNH CÔNG ĐỨC	10/18/2001	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
729	TRỊNH CÔNG TÚ	4/4/1978	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
730	NGUYỄN THỊ DUYÊN	7/20/2001		Nữ	Kinh	LĐTD	77 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
731	PHẠM TIẾN LINH	5/12/1995	Nam		Kinh	LĐTD	77 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
732	PHAN THỊ THANH	11/10/1957		Nữ	Kinh	LĐTD	77 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
733	HÀ THỊ PHƯƠNG	3/29/1991		Nữ	Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
734	TRỊNH VĂN CHƯƠNG	2/2/1970	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
735	TRỊNH VĂN NHẬT	10/29/1996	Nam		Kinh	Công nhân	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
736	TRỊNH VĂN TRƯỜNG	1/17/1989	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
737	NGUYỄN THỊ QUÂN	1/1/1952		Nữ	Kinh	LĐTD	119 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
738	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	10/7/1987	Nam		Kinh	Nội trợ	121 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
739	VŨ THỊ MINH	5/19/1957		Nữ	Kinh	LĐTD	121 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
740	CAO KỲ DUYÊN	1/7/2004		Nữ	Kinh	LĐTD	127 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
741	NGUYỄN THỊ THÚY	2/19/1943		Nữ	Kinh	Nội trợ	127 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
742	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	10/30/1988	Nam		Kinh	LĐTD	129 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
743	NGUYỄN THỊ TRÒN	9/7/1950		Nữ	Kinh	Nội trợ	129 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
744	NGUYỄN VĂN THẮNG	3/4/1949	Nam		Kinh	LĐTD	129 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
745	PHẠM THỊ HUỆ	4/5/1972		Nữ	Kinh	Công nhân	131 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
746	TRƯƠNG CÔNG HIẾU	11/27/1998	Nam		Kinh	Học sinh	131 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
747	TRƯƠNG MINH ANH	8/23/2004		Nữ	Kinh	Học sinh	131 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
748	TRƯƠNG VĂN THẮNG	11/14/1966	Nam		Kinh	LĐTD	131 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
749	TRƯƠNG THỊ HẠ	1/23/1948		Nữ	Kinh	Nội trợ	131 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
750	NGUYỄN THANH TÙNG	7/27/1976	Nam		Kinh	LĐTD	135 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
751	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	5/5/2003	Nam		Kinh	LĐTD	135 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
752	NGUYỄN VĂN KHÁNH	9/30/1947	Nam		Kinh	Nội trợ	135 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
753	NGUYỄN THỊ THẢO	8/13/1990		Nữ	Kinh	Công nhân	135 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
754	NGUYỄN VĂN KHANH	9/23/1982	Nam		Kinh	LĐTD	135 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
755	HOÀNG THỊ NGỌ	5/4/1954		Nữ	Kinh	Nội trợ	139 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
756	VŨ HUY HOÀNG	9/20/1951	Nam		Kinh	LĐTD	139 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
757	VŨ THỊ HOÀNG HẠNH	12/8/1983		Nữ	Kinh	LĐTD	139 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
758	CHU HOÀNG TÙNG	5/7/1986	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 – TTNG	
759	HOÀNG THỊ BÍCH	2/20/1961		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 2 – TTNG	
760	BÙI THỊ HẠ	6/12/1953		Nữ	Kinh	Nội trợ	141 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
761	PHẠM NGỌC TOÀN	8/12/1986	Nam		Kinh	Đi tàu	141 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
762	PHẠM NGỌC VĨNH	8/20/1950	Nam		Kinh	LĐTD	141 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
763	PHẠM THỊ HÒA	11/2/1991		Nữ	Kinh	Công nhân	141 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
764	ĐÀO THỊ TOÁN	6/15/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	143 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
765	LÃ THỊ HẢO	4/9/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	143 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
766	NGUYỄN THỊ TÂM	12/12/1930		Nữ	Kinh	Già yếu	143 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
767	VŨ THÀNH ĐẠT	12/15/1987	Nam		Kinh	Công nhân	143 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
768	ĐÀO THỊ THU HẰNG	1/14/1973		Nữ	Kinh	Viên chức	145 - Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
769	NGUYỄN THU PHƯƠNG	4/2/2002		Nữ	Kinh	LĐTD	145 - Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
770	NGUYỄN XUÂN DŨNG	10/21/1969	Nam		Kinh	LĐTD	145 - Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
771	NGUYỄN VĂN THANH	1/26/1957	Nam		Kinh	LĐTD	151 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
772	PHÙNG THỊ THUẬN	6/10/1965		Nữ	Kinh	LĐTD	151 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
773	ĐỖ ĐỨC MẠNH	7/23/1988	Nam		Kinh	Lái xe	153 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
774	NGUYỄN THỊ QUỲ	1/11/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	153 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
775	NGUYỄN THỊ VÂN	10/5/1990		Nữ	Kinh	LĐTD	153 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
776	NGUYỄN THỊ HỒNG	8/16/1947		Nữ	Kinh	Già yếu	155 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
777	PHẠM VĂN CHÍNH	9/20/1945	Nam		Kinh	Nội trợ	155 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
778	PHẠM THỊ NGA	2/24/1955		Nữ	Kinh	LĐTD	157 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
779	PHẠM THỊ HOÀI PHƯƠNG	2/9/1970		Nữ	Kinh	Công nhân	159 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
780	VŨ ĐÌNH DŨNG	6/19/1995	Nam		Kinh	LĐTD	159 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
781	VŨ ĐÌNH MẠNH	7/10/1998	Nam		Kinh	LĐTD	159 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
782	VŨ ĐÌNH TUẤN	5/11/1964	Nam		Kinh	LĐTD	159 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
783	PHẠM THỊ LOAN	5/12/1949		Nữ	Kinh	Già yếu	161 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
784	ĐINH BÍNH THÌN	1/26/1977	Nam		Kinh	LĐTD	163 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
785	ĐINH VIỆT ANH	12/24/1995	Nam		Kinh	Công nhân	163 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
786	NGUYỄN THỊ HÀ	8/5/1976		Nữ	Kinh	Công nhân	163 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
787	BÙI VĂN OAI	10/7/1943	Nam		Kinh	Già yếu	169 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
788	BÙI VĂN THÙY	5/20/1980	Nam		Kinh	LĐTD	169 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
789	BÙI VIỆT ANH	9/9/2005	Nam		Kinh	Học sinh	169 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
790	HOÀNG THỊ HƯƠNG TRÀ	4/10/1984		Nữ	Kinh	Công chức	169 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
791	TRƯƠNG THỊ BÉ	9/6/1948		Nữ	Kinh	Già yếu	169 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
792	NGUYỄN THỊ TUYẾT	8/25/1960		Nữ	Kinh	LĐTD	165 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
793	NGUYỄN VĂN HOẠCH	10/6/1958	Nam		Kinh	LĐTD	165 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
794	NGUYỄN VĂN HỒNG	1/5/1984	Nam		Kinh	LĐTD	165 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
795	TRƯƠNG THỊ HOÀI	7/26/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	165 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
796	NGUYỄN THỊ HOA	3/18/1982		Nữ	Kinh	LĐTD	165 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
797	PHẠM VĂN PHƯƠNG	11/10/1974	Nam		Kinh	LĐTD	165 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
798	BÙI THỊ CẤP	1/27/1957		Nữ	Kinh	LĐTD	175 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
799	ĐẶNG THỊ OANH	4/4/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	175 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
800	NGUYỄN MẠNH TUẤN	8/19/1981	Nam		Kinh	LĐTD	175 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
801	NGUYỄN VĂN NGHĨA	3/13/1955	Nam		Kinh	LĐTD	175 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
802	NGUYỄN VĂN TOẢN	2/16/1989	Nam		Kinh	LĐTD	175 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
803	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	2/20/1990		Nữ	Kinh	Công nhân	175 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
804	NGUYỄN TRỌNG TOẢN	8/8/1985	Nam		Kinh	LĐTD	175 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
805	NGUYỄN THỊ TÁM	9/24/1965		Nữ	Kinh	LĐTD	08 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
806	NGUYỄN VĂN SÁNG	1/3/1962	Nam		Kinh	LĐTD	08 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
807	BÙI THỊ BÍCH NGỌC	11/24/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	08 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
808	NGUYỄN VĂN HIỆP	11/5/1988	Nam		Kinh	LĐTD	08 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
809	NGUYỄN HỮU THÀNH	7/5/1960	Nam		Kinh	LĐTD	06 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
810	NGUYỄN THỊ XOA	8/26/1988		Nữ	Kinh	Công nhân	06 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
811	NGUYỄN TRUNG KIÊN	2/9/1984	Nam		Kinh	Công nhân	06 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
812	VŨ THỊ VUI	10/11/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	06 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
813	BÙI THỊ OANH	11/10/1970		Nữ	Kinh	LĐTD	04 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
814	NGUYỄN THỊ LÂM	1/1/1937		Nữ	Kinh	Già yếu	04 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
815	NGUYỄN THỊ VUI	2/18/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	02 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
816	NGUYỄN VĂN VỤ	2/26/1959	Nam		Kinh	LĐTD	02 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
817	NGUYỄN THỊ NHU	4/2/1956		Nữ	Kinh	LĐTD	183 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
818	TÔ THỊ LƯƠNG	12/9/1981		Nữ	Kinh	LĐTD	183 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
819	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	10/20/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	183 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
820	TÔ TIẾN TÒNG	7/19/1984	Nam		Kinh	Lái xe	183 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
821	CAO THỊ LIÊN	8/17/1972		Nữ	Kinh	LĐTD	123 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
822	NGUYỄN ĐẮC KHOÁT	12/28/1970	Nam		Kinh	LĐTD	123 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
823	BÙI THỊ HẰNG	10/20/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	187 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
824	NGUYỄN ĐẮC CƯỜNG	3/21/1993	Nam		Kinh	LĐTD	187 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
825	NGUYỄN ĐẮC ĐẠT	8/9/1990	Nam		Kinh	LĐTD	189 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
826	TRẦN THỊ TRANG	10/17/1991		Nữ	Kinh	LĐTD	189 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
827	HOÀNG ĐÌNH GIANG	9/29/1954	Nam		Kinh	LĐTD	191 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
828	NGUYỄN THỊ XUÂN	12/20/1957		Nữ	Kinh	LĐTD	191 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
829	TRƯƠNG THỊ MẬU	10/12/1950		Nữ	Kinh	LĐTD	193 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
830	NGUYỄN VĂN NGUYÊN	11/24/1976	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
831	VŨ THỊ HẬU	3/3/1984		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
832	BÙI VĂN CƯỜNG	3/10/1997	Nam		Kinh	LĐTD	197 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
833	BÙI VĂN HIỀN	5/7/1972	Nam		Kinh	LĐTD	197 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
834	VŨ THỊ MIÊN	8/12/1976		Nữ	Kinh	LĐTD	197 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
835	NGUYỄN THỊ THU	10/5/1960		Nữ	Kinh	LĐTD	199 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
836	TRẦN VĂN HÙNG	7/10/1954	Nam		Kinh	LĐTD	199 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
837	TRẦN VĂN KIÊN	11/2/1982	Nam		Kinh	LĐTD	199 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
838	VŨ THỊ HƯỜNG	5/10/1988		Nữ	Kinh	LĐTD	199 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
839	ĐỖ MAI ÁNH	3/9/2001		Nữ	Kinh	Sinh viên	01 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
840	ĐỖ VĂN ĐOÀN	10/20/1976	Nam		Kinh	LĐTD	01 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
841	NGUYỄN THỊ HÒA	7/24/1980		Nữ	Kinh	LĐTD	01 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
842	ĐỖ THỊ HÀ	4/26/1957		Nữ	Kinh	LĐTD	05 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
843	HOÀNG VĂN GIANG	9/18/1955	Nam		Kinh	LĐTD	05 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
844	HOÀNG VĂN HƯNG	12/24/1984	Nam		Kinh	Lái xe	05 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
845	LÊ THỊ THÙY LINH	8/16/1992		Nữ	Kinh	LĐTD	05 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
846	ĐÔNG THỊ HƯNG	7/22/1971		Nữ	Kinh	LĐTD	07 - Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
847	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	4/24/1997		Nữ	Kinh	LĐTD	07 - Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
848	VŨ DUY HÙNG	1/1/1966	Nam		Kinh	LĐTD	07 - Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
849	VŨ VIỆT DŨNG	8/30/1997	Nam		Kinh	LĐTD	07 - Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
850	HOÀNG THỊ DUNG	10/27/1980		Nữ	Kinh	LĐTD	09 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
851	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	2/1/1982	Nam		Kinh	Lái xe	09 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
852	NGUYỄN TUẤN ANH	1/22/2003	Nam		Kinh	LĐTD	09 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
853	CAO ĐẠI HOÀNG	10/25/1992	Nam		Kinh	Công nhân	11 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
854	CAO VĂN HẬU	10/6/1961	Nam		Kinh	LĐTD	11 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
855	ĐÀO THỊ DUNG	2/23/1965		Nữ	Kinh	Công nhân	11 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
856	PHẠM THỊ HƯƠNG	9/27/1995		Nữ	Kinh	Công nhân	15 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
857	BÙI CÔNG PHÚC	2/28/1999	Nam		Kinh	Công nhân	15 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
858	NGUYỄN THỊ THÚY	4/6/1970		Nữ	Kinh	LĐTD	15 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
859	PHẠM THỊ DUYÊN	4/25/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	15 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
860	ĐINH THỊ NƯƠNG	8/17/1959		Nữ	Kinh	LĐTD	17 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
861	LÊ THỊ MINH	10/17/2001		Nữ	Kinh	LĐTD	17 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
862	PHAN VĂN MINH	6/15/1955	Nam		Kinh	LĐTD	17 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
863	PHAN VĂN TÚ	10/8/1993	Nam		Kinh	LĐTD	17 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
864	PHAN THỊ BÍCH	8/8/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	19 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
865	NGUYỄN ĐẮC TUYỂN	3/8/2000	Nam		Kinh	Sinh viên	14 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
866	NGUYỄN ĐẮC VĂN	12/31/1975	Nam		Kinh	LĐTD	14 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
867	TRIỆU THỊ THAY	5/26/1976		Nữ	Kinh	Công nhân	14 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
868	BÙI XUÂN LỘC	4/13/1957	Nam		Kinh	LĐTD	10 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
869	NGUYỄN THỊ HUÂN	1/1/1960		Nữ	Kinh	LĐTD	10 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
870	BÙI XUÂN DŨNG	6/1/1986	Nam		Kinh	LĐTD	10 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
871	NGUYỄN THỊ DUYÊN	6/6/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	10 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
872	BÙI VĂN XUÂN	2/11/1959	Nam		Kinh	LĐTD	08 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
873	TRẦN THỊ THỐNG	10/15/1957		Nữ	Kinh	LĐTD	08 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
874	BÙI THỊ MAI ANH	5/28/1981		Nữ	Kinh	Công nhân	08 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
875	LÊ BÙI YẾN NHI	7/9/2005		Nữ	Kinh	Học sinh	08 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
876	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	2/18/1980		Nữ	Kinh	LĐTD	04 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
877	NGUYỄN THỊ ANH	1/10/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	04 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
878	NGUYỄN VĂN HIỀN	8/2/1978	Nam		Kinh	LĐTD	04 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
879	HÀ MẠNH HƯNG	4/2/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	02 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
880	HÀ MINH PHONG	10/15/1973	Nam		Kinh	LĐTD	02 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
881	CAO VĂN VINH	5/13/1955	Nam		Kinh	LĐTD	207 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
882	TRƯƠNG THỊ BÌNH	1/1/1954		Nữ	Kinh	LĐTD	207 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
883	CAO NHẬT DUY	4/19/2004	Nam		Kinh	LĐTD	207 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
884	CAO VĂN QUANG	7/17/1977	Nam		Kinh	LĐTD	207 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
885	DƯƠNG THỊ TÍNH	3/24/1981		Nữ	Kinh	Công nhân	207 – ngõ Lâm Sản – khu 2 –TTNG	
886	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	5/5/1975		Nữ	Kinh			
887	NGUYỄN THANH HUỀ	1/23/1985		Nữ	Kinh			
888	CAO NGUYÊN TẤU	2/19/1926	Nam		Kinh	Già yếu	38 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
889	DOÃN THANH THỦY	2/15/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	30 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
890	DƯƠNG ĐÌNH THỌ	1/3/1970	Nam		Kinh	LĐTD	30 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
891	DƯƠNG THỊ NGA	8/14/1957		Nữ	Kinh	Buôn bán	30 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
892	TRẦN ĐÌNH VIỆT	5/1/1985	Nam		Kinh	LĐTD	30 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
893	ĐỖ VIỆT HOÀNG	2/2/2002	Nam		Kinh	Sinh viên	36 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
894	DƯƠNG VĂN THANH	4/30/1981	Nam		Kinh	Lái xe	36 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
895	NGUYỄN THỊ MẾN	2/2/1983		Nữ	Kinh	Buôn bán	36 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
896	ĐÀO QUANG KIÊN	6/8/2004	Nam		Kinh	Bộ đội	34 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
897	ĐÀO QUANG TRUNG	7/20/1970	Nam		Kinh	LĐTD	34 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
898	PHAN THỊ LIỄU	9/8/1976		Nữ	Kinh	Buôn bán	34 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
899	ĐỖ ĐỨC THỊNH	10/22/1966	Nam		Kinh	Buôn bán	20 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
900	PHẠM THỊ DŨNG	4/7/1967		Nữ	Kinh	LĐTD	20 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
901	ĐỖ ĐỨC VƯỢNG	11/1/1990	Nam		Kinh	Công nhân	2 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
902	NGUYỄN THỊ TÍM	12/20/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	2 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
903	PHẠM XUÂN HÙNG	9/1/1969	Nam		Kinh	LĐTD	18 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
904	PHAN THỊ HẠNH	5/2/1973		Nữ	Kinh	Giáo viên	18 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
905	NGUYỄN THỊ LỘC	2/17/1969		Nữ	Kinh	LĐTD	22 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
906	ĐẶNG QUỲNH TRANG	8/15/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	- Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
907	ĐẶNG THÚY QUỲNH	10/6/1996		Nữ	Kinh	Công nhân	- Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
908	ĐẶNG VĂN THÀNH	11/11/1971	Nam		Kinh	Buôn bán	- Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
909	NGUYỄN THỊ HẠNH	10/15/1977		Nữ	Kinh	Buôn bán	- Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
910	NGUYỄN THỊ HẠNH	10/15/1977		Nữ	Kinh			
911	BÙI THỊ THU PHƯƠNG	7/24/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	- Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
912	TRẦN ANH TÚ	8/9/1979	Nam		Kinh	Công nhân	- Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
913	NGUYỄN THỊ HUYỀN	12/19/1983		Nữ	Kinh	Công nhân	3 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
914	TRẦN ANH KIỆT	11/24/2003	Nam		Kinh	Công nhân	3 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
915	TRẦN VĂN TUẤN	10/15/1977	Nam		Kinh	Công nhân	3 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
916	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	3/19/1968		Nữ	Kinh	Buôn bán	1 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
917	NGUYỄN THỊ THẢO	9/18/1999		Nữ	Kinh	Công nhân	1 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
918	TRẦN VĂN TÀI	7/10/1995	Nam		Kinh	Công nhân	1 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
919	TRẦN VĂN VINH	12/12/1964	Nam		Kinh	Buôn bán	1 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
920	NGUYỄN THỊ TRINH	8/26/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	5 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
921	TRẦN VĂN THÀNH	9/15/1988	Nam		Kinh	Nội trợ	5 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
922	ĐOÀN THỊ HOA	8/19/1967		Nữ	Kinh	Công nhân	5 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
923	HÀ THỊ HIẾU	4/24/1983		Nữ	Kinh	LĐTD	5 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
924	TRẦN VĂN HÙNG	4/1/1964	Nam		Kinh	LĐTD	5 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
925	TRẦN VĂN HUY	9/19/1989	Nam		Kinh	LĐTD	- Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
926	NGUYỄN THỊ NGOAN	1/1/1955		Nữ	Kinh	Già yếu	11 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
927	HÀ THỊ THOA	1/1/1949		Nữ	Kinh	Già yếu	11 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
928	MAI MỸ LINH	7/18/1998		Nữ	Kinh	LĐTD	11 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
929	MAI VĂN ĐỨC	9/17/2004	Nam		Kinh	Công nhân	11 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
930	MAI VĂN ĐƯỢC	12/2/1977	Nam		Kinh	LĐTD	11 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
931	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	4/6/1977		Nữ	Kinh	LĐTD	11 – Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
932	MAI NGỌC ANH	3/28/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
933	MAI VĂN ĐẠI	11/7/2002	Nam		Kinh	LĐTD	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
934	MAI VĂN THỜI	3/6/1981	Nam		Kinh	LĐTD	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
935	TRẦN THỊ LIỄU	5/18/1981		Nữ	Kinh	LĐTD	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
936	ĐINH THỊ QUỲNH ANH	8/21/2003		Nữ	Kinh	Sinh viên	15B – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
937	ĐINH VĂN DƯƠNG	6/7/1979	Nam		Kinh	LĐTD	15B – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
938	NGUYỄN THỊ LIÊN	10/8/1979		Nữ	Kinh	Buôn bán	15B – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
939	ĐINH VĂN MINH	1/20/1951	Nam		Kinh	Già yếu	15B – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
940	ĐINH VĂN TÙNG	11/26/1974	Nam		Kinh	LĐTD	15B – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
941	NGUYỄN ĐẮC THẮNG	4/2/1968	Nam		Kinh	LĐTD	15 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
942	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	1/15/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	15 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
943	NGUYỄN THỊ NGÀ	3/19/2001		Nữ	Kinh	Công nhân	15 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
944	NGUYỄN THỊ TUYẾT	4/12/1970		Nữ	Kinh	Công nhân	15 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
945	LÊ ĐĂNG TÂM	1/1/1957	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
946	VŨ THỊ VINH	7/20/1960		Nữ	Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
947	NGUYỄN THỊ HỒI	1/1/1952		Nữ	Kinh	LĐTD	17 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
948	NGUYỄN HOÀNG LONG	8/12/2000	Nam		Kinh	Công nhân	21 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
949	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	5/26/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	21 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
950	NGUYỄN XUÂN PHONG	6/3/1977	Nam		Kinh	LĐTD	21 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
951	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	2/21/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	23 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
952	NGUYỄN XUÂN THIỆU	1/1/1947	Nam		Kinh	LĐTD	23 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
953	VŨ THỊ THỤC	4/1/1953		Nữ	Kinh	Buôn bán	23 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
954	CAO TIẾN TÙNG	2/27/1983	Nam		Kinh	Công nhân	41 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
955	CAO VĂN MẬU	4/23/1957	Nam		Kinh	LĐTD	41 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
956	HOÀNG THỊ LOAN	3/7/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	41 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
957	LÊ ĐĂNG VỤ	1/1/1960	Nam		Kinh	LĐTD	67 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
958	LÊ MINH CÔNG	1/29/1992	Nam		Kinh	LĐTD	67 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
959	LÊ THỊ THU	7/8/1995		Nữ	Kinh	Công nhân	67 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
960	NGUYỄN THỊ LÀNH	4/19/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	67 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
961	CAO ĐỨC VIỆT	11/25/1980	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
962	CAO HOÀNG YẾN NHI	8/19/2005		Nữ	Kinh	Công nhân	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
963	HOÀNG THỊ THU THỦY	2/17/1983		Nữ	Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
964	ĐỖ THỊ HỒNG	11/11/1940		Nữ	Kinh	Già yếu	31 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
965	HOÀNG CÔNG QUYỀN	12/1/1974	Nam		Kinh	Lái xe	31 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
966	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	8/10/1978		Nữ	Kinh	LĐTD	31 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
967	ĐỖ THỊ MÚN	9/18/1976		Nữ	Kinh	Công nhân	1 – ngõ 33 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
968	NGUYỄN HỮU TOÀN	7/8/1966	Nam		Kinh	LĐTD	1 – ngõ 33 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
969	NGUYỄN THẾ ANH	10/30/1981	Nam		Kinh	LĐTD	ngõ thanh niên – khu 2 – TTNG	
970	VŨ THỊ KIM THÚY	7/29/1977		Nữ	Kinh	LĐTD	ngõ thanh niên – khu 2 – TTNG	
971	VŨ THỊ SÁCH	7/25/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	ngõ thanh niên – khu 2 – TTNG	
972	NGUYỄN THỊ LÊ	1/19/1980		Nữ	Kinh	Công nhân	ngõ thanh niên – khu 2 – TTNG	
973	ĐỖ VĂN TÂN	4/3/1953	Nam		Kinh	LĐTD	4 – ngõ 3 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
974	LÊ THỊ MINH	3/1/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	4 – ngõ 3 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
975	BÙI THỊ TUYẾT	8/10/1988		Nữ	Kinh	Công nhân	Ngõ 29 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
976	ĐỖ VĂN HUÂN	2/16/1983	Nam		Kinh	Công nhân	Ngõ 29 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
977	ĐỖ VĂN CHÍN	11/28/1957	Nam		Kinh	LĐTD	35 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
978	NGUYỄN THỊ HOA	1/1/1965		Nữ	Kinh	LĐTD	35 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
979	ĐẶNG ĐỨC MẠNH	5/2/1962	Nam		Kinh	LĐTD	37 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
980	ĐẶNG THẾ HOÀN	1/5/1986	Nam		Kinh	LĐTD	37 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
981	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	10/19/1986		Nữ	Kinh	Công nhân	37 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
982	TRẦN THỊ NGA	11/9/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	37 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
983	VŨ THỊ BÍCH	9/25/1971		Nữ	Kinh	Buôn bán	39 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
984	VŨ VĂN ĐỨC	5/2/1998	Nam		Kinh	Công nhân	39 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
985	VŨ VĂN HẬU	5/15/1969	Nam		Kinh	Buôn bán	39 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
986	NGUYỄN THỊ THU	7/31/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	39 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
987	BÙI THỊ LIÊN	9/2/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	39 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
988	VŨ TIẾN ĐẠT	12/18/1995	Nam		Kinh	công nhân	39 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
989	HOÀNG VĂN TRUNG	6/26/1982	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
990	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	8/12/1983		Nữ	Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
991	BÙI THỊ NGA	1/18/1973		Nữ	Kinh	Công nhân	1 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
992	NGUYỄN DUY HÙNG	2/2/1968	Nam		Kinh	LĐTD	1 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
993	NGUYỄN VIỆT ANH	11/12/1996	Nam		Kinh	Công nhân	1 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
994	HOÀNG VĂN ĐẠO	10/10/1968	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
995	NGÔ THỊ HỒNG NHUNG	9/2/1984		Nữ	Kinh	Công nhân	5 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
996	NGUYỄN THỊ NGOAN	10/16/1957		Nữ	Kinh	Buôn bán	5 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
997	PHẠM HỒNG NGUYÊN	9/7/1980	Nam		Kinh	Lái xe	5 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
998	PHẠM NGÔ HÀ VI	10/15/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	5 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
999	NGUYỄN VĂN QUẢNG	2/1/1954	Nam		Kinh	LĐTD	Ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1000	TRƯƠNG THỊ HẠ	7/18/1957		Nữ	Kinh	LĐTD	Ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1001	NGUYỄN NGỌC TÁM	6/1/1968	Nam		Kinh	LĐTD	12 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1002	TRƯƠNG THỊ HẢO	7/4/1971		Nữ	Kinh	Công nhân	12 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1003	LÙ THỊ THU HƯỜNG	6/2/1990		Nữ	Kinh	Công nhân	4 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1004	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	6/9/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	4 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1005	VŨ THẾ QUẢNG	1/5/1984	Nam		Kinh	Công nhân	4 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1006	VŨ VĂN PHONG	6/26/1990	Nam		Kinh	Công nhân	4 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1007	PHẠM THỊ NỤ	5/12/1960		Nữ	Kinh	Nội trợ	6 – ngõ 43 - Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1008	ĐẶNG VĂN HUY	5/14/1987	Nam		Kinh	LĐTD	8 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1009	NGUYỄN HỒNG SEN	4/5/1990		Nữ	Kinh	LĐTD	8 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1010	ĐÀO THỊ HOA	10/5/1973		Nữ	Kinh	Buôn bán	2 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1011	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	8/8/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	2 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1012	TRẦN THỊ NGỌC QUỲNH	5/16/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	2 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1013	TRẦN VĂN TRUNG	3/27/1967	Nam		Kinh	LĐTD	2 – ngõ 43 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1014	ĐÀO CÔNG ANH	10/4/1998	Nam		Kinh	Công nhân	45 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1015	ĐINH THỊ THU HƯƠNG	8/26/1976		Nữ	Kinh	LĐTD	45 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1016	ĐÀO DUY DẬU	6/20/1953	Nam		Kinh	Lái xe	47 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1017	TRẦN THỊ PHƯƠNG	3/1/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	47 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1018	ĐÀO THỊ SEN	6/30/1979		Nữ	Kinh	Công nhân	Khu 2 - TTNG	
1019	DƯƠNG VĂN MƯỜI	8/1/1966	Nam		Kinh	LĐTD	51 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1020	NGUYỄN THỊ OANH	6/7/1969		Nữ	Kinh	Buôn bán	51 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1021	ĐẶNG THỊ VIỆT	10/4/1954		Nữ	Kinh	LĐTD	55 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1022	HOÀNG DIỆU LINH	7/9/1999		Nữ	Kinh	Công nhân	55 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1023	HOÀNG XUÂN THẢO	4/16/1951	Nam		Kinh	LĐTD	55 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
1024	CAO THỊ LOAN	4/10/1973		Nữ	Kinh	Buôn bán	57 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1025	LÊ ĐĂNG TUẤN	10/30/1972	Nam		Kinh	Buôn bán	57 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1026	LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN	10/12/2001		Nữ	Kinh	Công nhân	57 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1027	NGUYỄN VĂN PHÚC	5/29/1959	Nam		Kinh	LĐTD	59 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1028	VŨ THỊ LỊM	3/19/1966		Nữ	Kinh	LĐTD	59 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1029	NGUYỄN THỊ HẠNH	4/4/1965		Nữ	Kinh	LĐTD	61 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1030	BÙI THỊ HẢO	6/27/1972		Nữ	Kinh	LĐTD	67B – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1031	NGUYỄN ĐỨC MƯỜI	7/13/1966	Nam		Kinh	LĐTD	67B – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1032	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	11/8/2003		Nữ	Kinh	Buôn bán	67B – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1033	NGUYỄN THỊ NGỌC	6/2/1991		Nữ	Kinh	Công nhân	Khu 2 - TTNG	
1034	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	10/15/1972	Nam		Kinh	LĐTD	65 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1035	NGUYỄN THỊ LINH CHI	8/9/2002		Nữ	Kinh	Buôn bán	65 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1036	NGUYỄN THỊ YÊN	11/18/1971		Nữ	Kinh	Buôn bán	65 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1037	NGUYỄN XUÂN ĐÁP	7/30/1991	Nam		Kinh	Công nhân	65 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1038	ĐẶNG ĐỨC HẢI	5/8/1969	Nam		Kinh	LĐTD	71 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1039	ĐẶNG MẠNH HÙNG	9/17/1971	Nam		Kinh	LĐTD	3 – ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1040	ĐẶNG MINH CƯƠNG	5/11/2004	Nam		Kinh	Công nhân	3 – ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1041	NGUYỄN THỊ HỒNG	12/30/1971		Nữ	Kinh	Buôn bán	3 – ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1042	TRIỆU VĂN HIỀN	9/2/1980	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1043	VŨ THỊ HẢI VÂN	8/24/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1044	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	8/20/1949	Nam		Kinh	Già yếu	7 – ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1045	NGUYỄN THỊ GÁI	1/6/1950		Nữ	Kinh	Già yếu	7 – ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1046	NGUYỄN THỊ HẰNG	7/7/1974		Nữ	Kinh	Công nhân	7 – ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1047	NGUYỄN THỊ HẢO	6/22/1980		Nữ	Kinh	Buôn bán	7 – ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1048	NGUYỄN XUÂN BẮC	2/20/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	7 – ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1049	CHU THỊ THU HÀ	8/7/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	7B – ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1050	NGUYỄN ĐÌNH HẠNH	9/9/1976	Nam		Kinh	LĐTD	7B – ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1051	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG	5/28/1996	Nam		Kinh	Công nhân	7B – ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1052	NGUYỄN HOÀNG MINH	11/26/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	7B – ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1053	NGUYỄN THỊ HUYỀN	6/12/1978		Nữ	Kinh	Buôn bán	7B – ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1054	NGUYỄN THỊ THƠ	9/18/1949		Nữ	Kinh	Già yếu	Ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1055	PHẠM VĂN TIẾN	7/7/1946	Nam		Kinh	Già yếu	Ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1056	ĐÀO THỊ KIM ANH	7/14/1985		Nữ	Kinh	Buôn bán	Ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1057	PHẠM VĂN TÙNG	6/13/1978	Nam		Kinh	Buôn bán	Ngõ 75 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1058	BÙI THỊ LINH	1/3/2001		Nữ	Kinh	Sinh viên	15 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1059	BÙI VĂN THUẬT	10/10/1963	Nam		Kinh	LĐTD	15 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1060	TRƯƠNG BÍCH MUÔN	5/10/1973		Nữ	Kinh	Công nhân	15 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1061	BÙI VĂN QUÝ	4/19/1991	Nam		Kinh	Công nhân	Ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1062	AN KHANG HOÀNG HUY	12/3/2000	Nam		Kinh	Sinh viên	17 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1063	NGUYỄN THỊ YẾN	3/4/1973		Nữ	Kinh	Công nhân	17 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1064	BÙI THỊ MAI	11/14/1988		Nữ	Kinh	LĐTD	19 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1065	PHẠM PHONG CƯỜNG	12/26/1988	Nam		Kinh	Buôn bán	19 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1066	ĐÀO THỊ PHƯỢNG	5/21/1989		Nữ	Kinh	Giáo viên	21 - ngõThanh Niên – khu 2 – TTNG	
1067	NGUYỄN THỊ THƠM	7/8/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	23 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1068	NGUYỄN THỊ THÚY	12/8/1980		Nữ	Kinh	LĐTD	23 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1069	TRƯƠNG TẤT HẢI	12/3/1978	Nam		Kinh	LĐTD	23 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1070	TRƯƠNG TẤT HẬU	10/11/1999	Nam		Kinh	Công nhân	23 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1071	LÊ CÔNG HOÀNG	10/22/1985	Nam		Kinh	Công nhân	25 ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1072	LÊ QUANG THỊNH	5/25/1956	Nam		Kinh	LĐTD	25 ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	3	4	5	6	7	
1073	LÊ TRUNG KIÊN	1/2/1998	Nam		Kinh	Buôn bán	25 ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1074	TRƯƠNG THỊ LỢI	5/19/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	25 ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1075	HÀ VĂN TÙNG	5/6/1999	Nam		Kinh	LĐTD	27 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1076	PHẠM THỊ THOA	10/6/1964		Nữ	Kinh	LĐTD	27 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1077	HÀ VĂN TÚ	7/9/1987	Nam		Kinh	Công nhân	29 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1078	NGUYỄN THỊ ĐÀO	4/6/1967		Nữ	Kinh	Công nhân	29 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1079	NGUYỄN THỊ HỢP	12/4/1959		Nữ	Kinh	LĐTD	31 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1080	CAO THỊ THẢO	4/29/1938		Nữ	Kinh	Già yếu	35 – ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1081	NGUYỄN ĐÌNH MƯỜI	1/1/1965	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1082	NGUYỄN THỊ AN	7/4/1975		Nữ	Kinh	Công nhân	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1083	ĐOÀN THỊ HIỆN	1/1/1940		Nữ	Kinh	Già yếu	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1084	BÙI THỊ HẠNH	9/9/1958		Nữ	Kinh	Hưu trí	6 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1085	NGUYỄN VĂN HÙNG	11/5/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	6 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1086	NGUYỄN HOÀNG CƯƠNG	8/26/1982	Nam		Kinh	LĐTD	10 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1087	NGUYỄN NGỌC HUỲNH	5/12/1948	Nam		Kinh	LĐTD	10 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1088	PHẠM THỊ NHU	8/15/1948		Nữ	Kinh	Hưu trí	10 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1089	PHẠM VĂN KIÊN	5/10/1958	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1090	TRƯƠNG THỊ TỰA	8/20/1959		Nữ	Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1091	NGUYỄN VĂN TUẤN	5/5/1960	Nam		Kinh	LĐTD	18 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1092	VŨ THỊ NGA	9/1/1959		Nữ	Kinh	LĐTD	18 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1093	PHẠM THỊ XUÂN THỦY	8/24/1961		Nữ	Kinh	LĐTD	20 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1094	VŨ VĂN BẢN	2/2/1954	Nam		Kinh	LĐTD	20 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1095	NGUYỄN THỊ ANH	7/25/1989		Nữ	Kinh	LĐTD	20 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1096	VŨ NGỌC TIẾN	5/5/1992	Nam		Kinh	Công nhân	20 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1097	ĐỖ THỊ CHUYỂN	10/26/1981		Nữ	Kinh	Công nhân	22 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1098	TRẦN THỊ NHÀN	3/11/1950		Nữ	Kinh	Nội trợ	22 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1099	TRƯƠNG THỊ THU HIỀN	12/28/1981		Nữ	Kinh	LĐTD	22 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1100	TRƯƠNG TIẾN DŨNG	11/10/1983	Nam		Kinh	Lái xe	22 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1101	TRƯƠNG VĂN BẢN	8/8/1944	Nam		Kinh	LĐTD	22 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1102	HOÀNG THỊ MAI PHƯƠNG	2/29/1988		Nữ	Kinh	LĐTD	24 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1103	NGUYỄN THỊ NGA	11/8/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	24 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1104	NGUYỄN THỊ HÀ	10/15/1973		Nữ	Kinh	LĐTD	26 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1105	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	1/30/2005	Nam		Kinh	Học sinh	26 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1106	ĐÀO THỊ VỆ	3/24/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	28 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1107	TRƯƠNG VĂN QUỲNH	1/21/1962	Nam		Kinh	LĐTD	28 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1108	TRƯƠNG VIỆT HƯNG	1/28/1987	Nam		Kinh	Công nhân	28 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1109	NGUYỄN THỊ THUY	1/1/1974		Nữ	Kinh	Công nhân	32 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1110	TRƯƠNG MẠNH LONG	8/20/1998	Nam		Kinh	Công nhân	32 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1111	TRƯƠNG THỊ THẢO	10/31/1999		Nữ	Kinh	Công nhân	32 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1112	TRƯƠNG VĂN THĂNG	9/13/1965	Nam		Kinh	LĐTD	32 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1113	VŨ THỊ NHỤ	2/9/1956		Nữ	Kinh	LĐTD	34 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1114	VŨ THỊ TỰ	8/13/1958		Nữ	Kinh	LĐTD	36 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1115	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	4/9/1995	Nam		Kinh	Công nhân	38 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1116	NGUYỄN THỊ VÂN	9/17/1965		Nữ	Kinh	Công nhân	38 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1117	NGUYỄN VĂN HUỲNH	10/19/1963	Nam		Kinh	LĐTD	38 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1118	NGUYỄN THỊ NHÂM	10/17/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	38 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1119	PHẠM HỒNG QUYÊN	6/26/1995		Nữ	Kinh	LĐTD	38 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1120	NGUYỄN THỊ HẠNH	5/27/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	38 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1121	PHẠM VĂN DŨNG	9/22/1974	Nam		Kinh	LĐTD	38 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1122	NGUYỄN THỊ LAI	3/5/1957		Nữ	Kinh	LĐTD	42 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1123	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	6/10/1955	Nam		Kinh	LĐTD	44 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1124	VŨ THỊ PHỤ	3/22/1954		Nữ	Kinh	LĐTD	44 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1125	ĐẶNG ĐÌNH CHIẾN	10/5/1972	Nam		Kinh	LĐTD	46 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1126	ĐẶNG VIỆT TRINH	10/29/2004		Nữ	Kinh	sinh viên	46 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1127	PHẠM THỊ VĨNH	1/1/1947		Nữ	Kinh	LĐTD	46 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1128	ĐÀO MINH HUY	7/30/2001	Nam		Kinh	Công nhân	48 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1129	ĐÀO MINH TIẾN	9/29/1979	Nam		Kinh	Công nhân	48 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1130	NGUYỄN THỊ LIÊN	1/23/1980		Nữ	Kinh	Công nhân	48 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1131	NGUYỄN THỊ HIỀN	9/2/1967		Nữ	Kinh	LĐTD	50 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1132	NGUYỄN VĂN HÙNG	11/26/1989	Nam		Kinh	LĐTD	50 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1133	NGUYỄN VĂN VĨ	11/12/1993	Nam		Kinh	Công nhân	50 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1134	LÊ THỊ BÍCH THỦY	12/10/1973		Nữ	Kinh	Công nhân	52 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1135	NGUYỄN VĂN HỒNG	3/30/1970	Nam		Kinh	Công nhân	52 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1136	NGUYỄN THỊ TÁM	8/5/1990		Nữ	Kinh	Công nhân	56 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1137	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	1/1/1960	Nam		Kinh	LĐTD	56 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1138	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	1/11/1986	Nam		Kinh	LĐTD	56 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1139	TRẦN THỊ GIANG	12/10/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	56 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1140	CAO VĂN TRÌNH	6/10/1958	Nam		Kinh	LĐTD	58 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1141	NGUYỄN THỊ MỸ	6/10/1960		Nữ	Kinh	Lái xe	58 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1142	CAO TOÀN TRUNG	8/21/1987	Nam		Kinh	LĐTD	54 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1143	NGUYỄN THỊ KHÁNH	3/30/1947		Nữ	Kinh	Nội trợ	62 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1144	PHẠM THỊ NGA	12/23/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	62 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1145	VŨ THỊ NGA	1/1/1958		Nữ	Kinh	LĐTD	66 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1146	NGUYỄN VĂN TÙNG	7/28/1988	Nam		Kinh	LĐTD	66 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1147	NGUYỄN THỊ NGỌC HIỆP	2/22/1987		Nữ	Kinh	LĐTD	66 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1148	PHẠM THƯƠNG HUYỀN	8/26/1984		Nữ	Kinh	LĐTD	70 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1149	NGUYỄN QUANG DƯƠNG	12/26/1989	Nam		Kinh	LĐTD	72 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1150	PHẠM THỊ THU THỦY	11/20/1965		Nữ	Kinh	LĐTD	72 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1151	NGUYỄN THỊ NGỌC	11/3/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	74 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1152	PHẠM NGỌC SƠN	8/12/1955	Nam		Kinh	LĐTD	74 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1153	CAO VĂN KIÊN	5/19/1978	Nam		Kinh	LĐTD	76 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1154	NGUYỄN THANH HUYỀN	4/23/1980		Nữ	Kinh	Công nhân	76 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1155	ĐÀO MẠNH TRƯỜNG	12/4/1966	Nam		Kinh	Hưu trí	80 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1156	ĐÀO XUÂN MẠNH	8/3/2003	Nam		Kinh	Học sinh	80 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1157	PHẠM THỊ QUYÊN	5/11/1980		Nữ	Kinh	LĐTD	80 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1158	PHẠM THỊ HIỀN	8/10/1979		Nữ	Kinh	Công nhân	82 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1159	PHẠM THỊ HƯỜNG	7/12/2001		Nữ	Kinh	Công nhân	82 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1160	PHẠM VĂN HOÀNG	8/13/1975	Nam		Kinh	LĐTD	82 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1161	ĐẶNG HOÀI NAM	9/23/2004	Nam		Kinh	Công nhân	88 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1162	NGUYỄN THỊ NINH	1/1/1936		Nữ	Kinh	Già yếu	88 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1163	NGUYỄN THỊ QUYÊN	7/7/1979		Nữ	Kinh	Công nhân	88 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1164	NGUYỄN TRỌNG SƠN	2/20/1964	Nam		Kinh	LĐTD	86 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1165	PHẠM THỊ ĐÀO	7/3/1967		Nữ	Kinh	Buôn bán	86 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1166	LÊ THỊ BÉ	10/1/1945		Nữ	Kinh	Già yếu	90 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1167	NGUYỄN TUẤN ANH	8/31/2003	Nam		Kinh	Công nhân	90 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1168	NGUYỄN NGỌC TUẤN	5/21/1984	Nam		Kinh	Lái xe	94 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1169	NGUYỄN THỊ THẢO	8/31/1995		Nữ	Kinh	LĐTD	94 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1170	TRẦN THỊ ĐÀO MƠ	12/7/1984		Nữ	Kinh	LĐTD	94 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1171	NGUYỄN VĂN TÀI	8/5/1991	Nam		Kinh	LĐTD	94 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1172	PHẠM THỊ THANH THẢO	11/21/1989		Nữ	Kinh	LĐTD	94 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1173	CAO TUẤN ANH	6/11/1995	Nam		Kinh	LĐTD	96 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1174	ĐỖ THỊ HỒNG	1/21/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	96 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1175	NGUYỄN THỊ CHI	1/2/1973		Nữ	Kinh	Công nhân	96 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1176	CAO VIỆT ANH	7/15/2003	Nam		Kinh	Công nhân	205 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1177	VŨ THỊ LỢI	1/1/1934		Nữ	Kinh	Già yếu	205 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1178	NGUYỄN THỊ XUÂN	5/9/1972		Nữ	Kinh	Công nhân	98 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1179	NGUYỄN VĂN TRUNG	8/27/1995	Nam		Kinh	Công nhân	98 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1180	NGUYỄN THỊ NGA	7/17/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	100 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1181	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	3/25/1963	Nam		Kinh	LĐTD	100 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1182	NGUYỄN VĂN SƠN	1/5/1990	Nam		Kinh	Công nhân	100 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1183	TÔ THỊ THÔNG	8/5/1964		Nữ	Kinh	LĐTD	100 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1184	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	6/1/1986	Nam		Kinh	LĐTD	102 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1185	VŨ THANH THỦY	6/1/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	102 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1186	NGUYỄN THỊ MINH	9/2/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	104 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1187	TRẦN ANH TIẾN	4/15/1984	Nam		Kinh	LĐTD	104 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1188	TRẦN VĂN GIANG	12/29/1956	Nam		Kinh	LĐTD	104 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1189	VŨ THỊ THẮM	9/10/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	104 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1190	ĐẶNG VĂN CƯỜNG	11/7/1958	Nam		Kinh	Tàn tật	106 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1191	LÊ THỊ THÚY	1/29/1969		Nữ	Kinh	Công nhân	108 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1192	NGUYỄN QUANG HOÀN	11/7/1984	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1193	NGUYỄN THỊ THẢO	7/20/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1194	TRỊNH THỊ MAI HƯƠNG	10/27/1975		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1195	CAO VĂN ĐỨC	8/5/1992	Nam		Kinh	Lái xe	13 ngõ Lâm Sản – khu 2 – TTNG	
1196	VŨ THỊ NHƯ QUỲNH	6/5/1998		Nữ	Kinh	LĐTD	13 ngõ Lâm Sản – khu 2 – TTNG	
1197	NGUYỄN THỊ THIỆN	12/10/1952		Nữ	Kinh	LĐTD	137 – Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1198	ĐẶNG VĂN DƯƠNG	11/8/1984	Nam		Kinh	Công nhân	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1199	NGUYỄN THỊ HUYỀN	2/5/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1200	PHẠM VĂN THANH	3/11/1988	Nam		Kinh	LĐTD	- Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
1201	VŨ THỊ THANH	1/1/1950		Nữ	Kinh	LĐTD	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1202	BÙI VĂN HÙNG	9/2/1962	Nam		Kinh	LĐTD	- Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
1203	NGUYỄN VĂN ĐẠT	1/6/1977	Nam		Kinh	Lái xe	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1204	PHẠM THỊ HOÀNG NGÂN	8/11/1979		Nữ	Kinh	Buôn bán	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1205	NGUYỄN VĂN HẠNH	5/29/1959	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1206	ĐÀO THỊ KHÁNH CHI	11/22/1989		Nữ	Kinh	Giáo viên	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1207	PHẠM NGỌC HƯNG	6/22/1988	Nam		Kinh	Lái xe	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1208	NGUYỄN TRỌNG CỘNG	1/7/1983	Nam		Kinh	Công nhân	- Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
1209	PHẠM THỊ CHIÊN	3/10/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	- Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
1210	HÀ THỊ TRANG	7/16/1987		Nữ	Kinh	Giáo viên	Ngõ – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1211	TRẦN HÀ THANH	3/16/1983	Nam		Kinh	Công nhân	Ngõ – Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1212	VŨ VĂN LẬP	1/1/1957	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1213	NGUYỄN VĂN KHẢI	2/6/1959	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1214	BÙI THỊ BÔNG	12/10/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	đê Lê Thanh Nghị - Khu 2 – TTNG	
1215	ĐÀO XUÂN THỦY	12/2/1966		Nữ	Kinh	LĐTD	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1216	PHAN TIẾN BÌNH	7/21/1962	Nam		Kinh	Hưu trí	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1217	PHAN TIẾN THÀNH ĐẠT	8/30/1991	Nam		Kinh	Công nhân	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1218	ĐỖ THỊ NGỌC	9/13/1950		Nữ	Kinh	Nội trợ	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1219	TRẦN THỊ THU THỦY	6/16/1988		Nữ	Kinh	Giáo viên	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
1220	TRẦN VĂN BÌNH	7/21/1954	Nam		Kinh	Buôn bán	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1221	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	8/25/1974	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1222	NGUYỄN THỊ THU HOÀN	9/17/1976		Nữ	Kinh	Công nhân	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1223	ĐINH THỊ NGỌC LAN	2/10/1976		Nữ	Kinh	LĐTD	ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1224	VŨ ĐÌNH TUẤN	6/20/1976	Nam		Kinh	Lái xe	ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1225	VŨ KIỀU TRINH	12/13/2001		Nữ	Kinh	LĐTD	ngõ Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1226	NGUYỄN THỊ HẠNH	2/15/1958		Nữ	Kinh	Nông dân	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1227	NGUYỄN VĂN HẠNH	11/12/1954	Nam		Kinh	Buôn bán	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1228	BÙI ĐỨC TÂM	8/15/1985	Nam		Kinh	Lái xe	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1229	ĐOÀN THỊ HUỆ	5/19/1985		Nữ	Kinh	Buôn bán	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1230	NGUYỄN THỊ CHI	6/22/1962		Nữ	Kinh	Buôn bán	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1231	PHẠM VĂN HẢI	4/4/1989	Nam		Kinh	LĐTD	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1232	PHẠM VĂN PHỐ	5/12/1961	Nam		Kinh	Buôn bán	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1233	TRẦN VĂN THÀNH	10/12/1970	Nam		Kinh	LĐTD	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1234	TRẦN XUÂN VŨ	12/8/1993	Nam		Kinh	LĐTD	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1235	TRƯƠNG THỊ THỦY	1/30/1971		Nữ	Kinh	LĐTD	- Nguyễn Công Trứ - Khu 2 – TTNG	
1236	NGUYỄN THỊ THỦY	3/20/1967		Nữ	Kinh	Buôn bán	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1237	TRƯƠNG MINH HÙNG	2/21/1966	Nam		Kinh	Buôn bán	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1238	LÊ THỊ HỒNG	9/8/1990		Nữ	Kinh	Công nhân	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1239	TRƯƠNG MINH VỸ	2/16/1987	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1240	PHẠM VĂN NAM	7/15/1985	Nam		Kinh	Bộ đội	ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1241	VŨ THỊ PHƯƠNG	6/20/1991		Nữ	Kinh	Giáo viên	ngõ Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1242	ĐOÀN THỊ HÒA	7/11/1954		Nữ	Kinh	Hưu trí	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1243	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	10/1/1994	Nam		Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1244	LẠI THỊ THANH NGA	4/11/1995		Nữ	Kinh	LĐTD	- Thanh Niên – khu 2 – TTNG	
1245	NGUYỄN QUANG HUY	4/24/2003	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1246	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	11/28/1971	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1247	NGUYỄN VĂN QUANG	1/13/1995	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1248	VŨ THỊ NHUNG	8/17/1969		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1249	PHẠM QUYẾT TIẾN	8/27/2004	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1250	PHẠM THỊ QUỲNH	11/21/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1251	TRẦN THỊ LÀ	2/5/1974		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1252	NGUYỄN THỊ NHÀI	1/22/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1253	NGUYỄN QUANG HIỂN	10/14/1959	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1254	NGUYỄN QUANG SƠN	9/18/1991	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1255	NGUYỄN QUANG SƠN	4/18/1991	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1256	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	3/21/1963		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1257	VŨ THỊ HÀ HIẾU	5/14/1998		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1258	NGUYỄN THỊ XIÊM	12/5/1989		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1259	NGUYỄN XUÂN DŨNG	11/30/1960	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1260	NGUYỄN XUÂN KIÊN	11/17/1985	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1261	ĐỖ THỊ LAN	12/19/1957		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1262	NGUYỄN THỊ CHINH	8/6/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1263	PHẠM THANH HÀ	11/14/1986	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1264	PHẠM VĂN LẬP	8/11/1955	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 2 - TTNG	
1265	PHẠM THỊ HẰNG	5/6/1978		Nữ	Kinh	LĐTD	Cống phai 2 – khu 2 - TTNG	

Tổng số hộ gia đình của khu dân cư là: 512 hộ; trong đó:

Hộ có 01 cử tri là 93 hộ;

Hộ có 02 cử tri là 206 hộ;

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	

Hộ có 03 cử tri là 119 hộ;

Hộ có 04 cử tri là 70 hộ;

Hộ có 05 cử tri là 21 hộ;

Hộ có 06 cử tri là 03 hộ;

Tổng số cử tri của khu dân cư là: 1265 người; trong đó có: 589 nam, 676 nữ.

Danh sách này được lập tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Ninh Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2024.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Luận

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN NINH GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỬ TRI
LẤY Ý KIẾN VỀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
Khu dân cư số 3 thuộc Thị trấn Ninh Giang
huyện Ninh Giang - tỉnh Hải Dương

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1	BÙI VĂN HÙNG	11/14/1981	Nam		Kinh	Buôn bán	Số nhà 58, Trần Hưng Đạo, Khu 3	
2	PHẠM THỊ THÙY	5/30/1985		Nữ	Kinh	Buôn bán	Số nhà 58, Trần Hưng Đạo, Khu 3	
3	BÙI VĂN VĨNH	8/26/1953	Nam		Kinh	Tự do	Ngõ 54, Khu 3, TTNG	
4	NGUYỄN THỊ BÍCH	2/23/1961		Nữ	Kinh	Tự do	Ngõ 54, Khu 3, TTNG	
5	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	6/14/1985		Nữ	Kinh	Tự do	Ngõ 54, Khu 3, TTNG	
6	VŨ THỊ THANH LOAN	10/2/1980		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 230, Trần Hưng Đạo, Khu 3	
7	LÊ PHÚ TRỌNG	10/2/2004	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 230, Trần Hưng Đạo, Khu 3	
8	NGUYỄN THỊ VÂN	4/13/1959		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 13, Trần Hưng Đạo, Khu 3	
9	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	5/25/1963	Nam		Kinh	Lái xe	Số nhà 13, Trần Hưng Đạo, Khu 3	
10	NGUYỄN TUẤN ANH	8/6/1995	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 13, Trần Hưng Đạo, Khu 3	
11	HOÀNG THỊ THÚY	9/20/1986		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 214 Trần Hưng Đạo, Khu 3	
12	NGUYỄN QUANG DŨNG	5/11/1982	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 214 Trần Hưng Đạo, Khu 3	
13	ĐẶNG VĂN CHÍNH	7/25/1952	Nam		Kinh	Hưu trí	Số nhà 32, Trần Hưng Đạo, Khu 3	
14	NGUYỄN THỊ LIỆU	2/28/1950		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 32, Trần Hưng Đạo, Khu 3	
15	ĐỖ ĐỨC TUẤN	11/28/1957	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 34 Trần Hưng Đạo Khu 3	
16	ĐỖ TUẤN ANH	1/24/1998		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 34 Trần Hưng Đạo Khu 3	
17	NGUYỄN THỊ LIÊN	7/7/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	Số nhà 34 Trần Hưng Đạo Khu 3	
18	BÙI ĐỨC CHẠP	12/17/1942	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 36 Trần Hưng Đạo Khu 3	
19	HÀ THỊ CUỐI	3/4/1947		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 36 Trần Hưng Đạo Khu 3	
20	BÙI ĐỨC KIÊN	3/22/1975	Nam		Kinh	Buôn bán	Số nhà 38 Trần Hưng Đạo Khu 3	
21	PHẠM THỊ ANH	6/8/1980		Nữ	Kinh	Buôn bán	Số nhà 38 Trần Hưng Đạo Khu 3	
22	LÊ THỊ NGÀ	3/31/1967		Nữ	Kinh	Tàn tật	Số nhà 42 Trần Hưng Đạo Khu 3	
23	LÊ VĂN NGỌC	10/1/1966	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 42 Trần Hưng Đạo Khu 3	
24	BÙI NGỌC CHIẾN	5/19/1948	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 46A, ngõ 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
25	NGUYỄN THỊ TÂM	4/8/1974		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 46A, ngõ 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
26	NGUYỄN VIỆT HƯNG	2/20/1986	Nam		Kinh	Tự do	ngõ 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
27	NGUYỄN VIỆT THÀNH	9/9/1987	Nam		Kinh	Tự do	ngõ 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
28	TRẦN THỊ VÂN	7/16/1956		Nữ	Kinh	Tự do	ngõ 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
29	NGUYỄN HỒNG NGỌC	5/31/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	Số nhà 9, ngõ 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
30	TRƯƠNG THỊ THÙY	12/7/1980		Nữ	Kinh	Công chức	Số nhà 9, ngõ 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
31	NGUYỄN VĂN VÂN	1/1/1958	Nam		Kinh	Tự do	ngõ 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
32	BÙI ĐỨC HUY	11/3/1988	Nam		Kinh	Tàn tật	Số nhà 48, ngõ 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
33	BÙI HUY QUẢNG	4/23/1954	Nam		Kinh	Hưu trí	Số nhà 48, ngõ 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
34	PHẠM THỊ YẾN	7/15/1954		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 48, ngõ 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
35	NGUYỄN QUANG THỊNH	5/17/2005	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 01, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
36	NGUYỄN THỊ THU HÀ	12/5/1983		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 01, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
37	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	1/10/1975	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 01, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
38	TRƯƠNG THỊ CHÍN	7/6/1953		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 01, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
39	BÙI THỊ KIỂM	9/26/1958		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 02, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
40	BÙI VĂN DŨNG	5/8/1962	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 02, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
41	NGUYỄN THỊ HOÀI	12/26/1967		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 02, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
42	PHẠM THỊ NGỌC SEN	9/13/1976		Nữ	Kinh	Nhân viên điện lực	Số nhà 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
43	TRẦN THẾ QUANG	10/7/1977	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
44	ĐỖ QUANG HUY	11/26/1974	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 07, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
45	ĐỖ THÚY HUYỀN	4/10/1999		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 07, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
46	NGUYỄN THỊ DẦM	11/24/1948		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 07, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
47	VŨ NGỌC BÍCH	1/27/1975		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 07, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
48	NGUYỄN THỊ HOÀNG	8/22/1969		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 08, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
49	VŨ THỊ YẾN	1/6/1961		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 09, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
50	HOÀNG THỊ QUÝ	2/2/1954		Nữ	Kinh	Tự do	ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
51	HOÀNG THỊ KHÁNH	1/26/1963		Nữ	Kinh	Tự do	ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
52	BÙI THỊ TUYẾN	8/15/1954		Nữ	Kinh	Tự do	ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
53	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	11/20/1988		Nữ	Kinh	Tự do	ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
54	NGUYỄN HỮU TRUNG	11/4/1960	Nam		Kinh	Tự do	SN 11, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
55	NGUYỄN THỊ LIÊN	3/10/1971		Nữ	Kinh	Tự do	Ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
56	BÙI THỊ CẦU	10/5/1951		Nữ	Kinh	Tự do	SN 10, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
57	NGUYỄN VĂN MINH	6/7/1963	Nam		Kinh	Tự do	SN 12, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
58	VŨ THỊ HUỆ	11/14/1963		Nữ	Kinh	Tự do	SN 12, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
59	NGUYỄN NGỌC SÁNG	6/6/1965	Nam		Kinh	Tự do	SN 14, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
60	NGUYỄN THỊ ĐÓN	11/11/1967		Nữ	Kinh	Tự do	SN 14, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
61	NGUYỄN THỊ MAI QUYÊN	4/4/1991		Nữ	Kinh	Tự do	SN 14, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
62	TRẦN THỊ ĐAN MY	9/25/1988		Nữ	Kinh	Tự do	SN 14, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
63	BÙI THỊ HẢO	10/27/1959		Nữ	Kinh	Tự do	SN 15, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
64	NGUYỄN THỊ DẠ HƯƠNG	2/22/1982		Nữ	Kinh	Tự do	SN 15, ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
65	NGUYỄN THỊ TỨ	8/6/1969		Nữ	Kinh	Tự do	ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
66	TRẦN QUỐC DUY	6/1/2004	Nam		Kinh	Tự do	ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
67	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	11/17/2002		Nữ	Kinh	Tự do	ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
68	TRẦN THỊ BÉ	1/1/1932		Nữ	Kinh	Tự do	SN 17 ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
69	TRẦN VĂN THẮNG	1/20/1962	Nam		Kinh	Tự do	SN 17 ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
70	TRẦN VĂN THÀNH	4/23/1978	Nam		Kinh	Tự do	Ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
71	NGUYỄN ĐỨC VƯỢNG	7/13/1951	Nam		Kinh	Tự do	SN 19 ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
72	NGUYỄN THỊ MAI	10/20/1977		Nữ	Kinh	Tự do	SN 19 ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
73	NGUYỄN THỊ THU HÀ	5/18/1999		Nữ	Kinh	Tự do	SN 19 ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
74	TRẦN THỊ LAN	12/20/1954		Nữ	Kinh	Tự do	SN 19 ngõ 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
75	LÊ THANH PHƯỢNG	12/17/1999		Nữ	Kinh	Tự do	SN 50, Trần Hưng Đạo Khu 3	
76	NGUYỄN NGỌC TOẢN	12/10/1986	Nam		Kinh	Tự do	SN 50, Trần Hưng Đạo Khu 3	
77	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	8/20/1965		Nữ	Kinh	Tự do	SN 50, Trần Hưng Đạo Khu 3	
78	TRẦN QUANG HUY	3/27/1988	Nam		Kinh	Tự do	SN 50, Trần Hưng Đạo Khu 3	
79	TRẦN THU HẰNG	10/9/1985		Nữ	Kinh	Tự do	SN 50, Trần Hưng Đạo Khu 3	
80	TRẦN VĂN TOÀN	1/14/1959	Nam		Kinh	Tự do	SN 50, Trần Hưng Đạo Khu 3	
81	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	12/31/1982	Nam		Kinh	Tự do	SN 52, Trần Hưng Đạo Khu 3	
82	NGUYỄN NGỌC QUANG	7/19/1958	Nam		Kinh	Tự do	SN 52, Trần Hưng Đạo Khu 3	
83	TRƯƠNG THỊ HIỆP	10/10/1986		Nữ	Kinh	Tự do	SN 52, Trần Hưng Đạo Khu 3	
84	VŨ THỊ XUÂN	12/31/1962		Nữ	Kinh	Tự do	SN 52, Trần Hưng Đạo Khu 3	
85	TRẦN QUANG VINH	5/15/1939	Nam		Kinh	Tự do	SN 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
86	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	12/28/1975		Nữ	Kinh	Công nhân	SN 54, Trần Hưng Đạo Khu 3	
87	BÙI THỊ NGA	8/9/1962		Nữ	Kinh	Tự do	SN 56, Trần Hưng Đạo Khu 3	
88	NGUYỄN VĂN ÚT	9/28/1949	Nam		Kinh	Tự do	SN 56, Trần Hưng Đạo Khu 3	
89	BÙI VĂN HUY	5/11/1986	Nam		Kinh	Tự do	SN 58, Trần Hưng Đạo Khu 3	
90	HOÀNG THỊ ĐỨC	8/16/1958		Nữ	Kinh	Tự do	SN 58, Trần Hưng Đạo Khu 3	
91	HOÀNG THANH	5/18/1971		Nữ	Kinh	Tự do	SN 60, Trần Hưng Đạo Khu 3	
92	TRƯƠNG VĂN ĐĂNG	11/29/1936	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 62, Trần Hưng Đạo Khu 3	
93	BÙI THỊ CHIẾN	8/4/1942		Nữ	Kinh	Tự do	SN 62, Trần Hưng Đạo Khu 3	
94	VŨ THỊ LÊ MINH	4/24/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 64, Trần Hưng Đạo Khu 3	
95	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	12/29/1962		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 64B, Trần Hưng Đạo Khu 3	
96	NGUYỄN TIẾN DŨNG	9/13/1959	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 64B, Trần Hưng Đạo Khu 3	
97	HÀ THỊ NGA	9/8/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SN 66, Trần Hưng Đạo Khu 3	
98	NGUYỄN QUANG ĐỨC	11/20/1998	Nam		Kinh	Tự do	SN 66, Trần Hưng Đạo Khu 3	
99	NGUYỄN QUANG VINH	7/5/1966	Nam		Kinh	Tự do	SN 66, Trần Hưng Đạo Khu 3	
100	PHẠM THỊ HIỀN	1/30/1994		Nữ	Kinh	Công chức	SN 70, Trần Hưng Đạo Khu 3	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
101	TRẦN VĂN CƯỜNG	5/4/1986	Nam		Kinh	Tự do	SN 70, Trần Hưng Đạo Khu 3	
102	NGUYỄN MINH CHÂNG	8/13/1981	Nam		Kinh	Tự do	SN 72, Trần Hưng Đạo Khu 3	
103	NGUYỄN THỊ GIANG	6/30/1952		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 72, Trần Hưng Đạo Khu 3	
104	PHẠM HOÀI NAM	2/18/1991	Nam		Kinh	Bán thuốc tây	SN 74, Trần Hưng Đạo Khu 3	
105	PHẠM MINH HÒA	9/30/1955	Nam		Kinh	Bác sĩ	SN 74, Trần Hưng Đạo Khu 3	
106	PHẠM THỊ VÂN HÒA	10/1/1991		Nữ	Kinh	Bán thuốc tây	SN 74, Trần Hưng Đạo Khu 3	
107	TẠ THỊ THANH	4/15/1959		Nữ	Kinh	Bán thuốc tây	SN 74, Trần Hưng Đạo Khu 3	
108	BÙI THỊ RẠM	6/10/1951		Nữ	Kinh	Tự do	Trần Hưng Đạo Khu 3	
109	HOÀNG MINH ĐỨC	10/10/1950	Nam		Hưu trí	Tự do	Trần Hưng Đạo Khu 3	
110	HOÀNG BÍCH SƠN	8/1/1982	Nam		Kinh	Tự do	Trần Hưng Đạo Khu 3	
111	PHẠM THỊ SEN	3/10/1992		Nữ	Kinh	Tự do	Trần Hưng Đạo Khu 3	
112	LÊ THỊ THE	5/26/1957		Nữ	Kinh	Tự do	SN 102, Trần Hưng Đạo Khu 3	
113	TRẦN THANH SƠN	11/1/1957	Nam		Kinh	Tự do	SN 102, Trần Hưng Đạo Khu 3	
114	PHẠM THÀNH TRUNG	8/12/2002	Nam		Kinh	Tự do	SN 104, Trần Hưng Đạo Khu 3	
115	PHẠM VĂN HOÀNG	10/12/1963	Nam		Kinh	Lái xe	SN 104, Trần Hưng Đạo Khu 3	
116	VŨ QUỲNH TUYẾT	10/7/1970		Nữ	Kinh	Tự do	SN 104, Trần Hưng Đạo Khu 3	
117	ĐÀO THỊ HƯỜNG	12/24/1954		Nữ	Kinh	Tự do	SN 106, Trần Hưng Đạo Khu 3	
118	ĐỖ MINH TUẤN	3/23/1959	Nam		Kinh	Tự do	SN 110, Trần Hưng Đạo Khu 3	
119	VŨ THỊ BÍCH	10/15/1968		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 110, Trần Hưng Đạo Khu 3	
120	TRẦN THỊ HẠNH	6/25/1966		Nữ	Kinh	Tự do	SN 112, Trần Hưng Đạo Khu 3	
121	BÀNG HƯNG KHANG	12/30/1955	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 114, Trần Hưng Đạo Khu 3	
122	THÁI THỊ TỊ	1/1/1966		Nữ	Kinh	Tự do	SN 118, Trần Hưng Đạo Khu 3	
123	TRƯƠNG THỊ ÚT	3/2/1931		Nữ	Kinh	Tự do	SN 118, Trần Hưng Đạo Khu 3	
124	HÀ THỊ TỚI	5/21/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 120, Trần Hưng Đạo Khu 3	
125	NGUYỄN THỊ NHÀN	12/21/1992		Nữ	Kinh	Công chức BHXH	SN 120, Trần Hưng Đạo Khu 3	
126	THÁI DUY HÀ	10/24/1989	Nam		Kinh	NV ngân hàng	SN 120, Trần Hưng Đạo Khu 3	
127	BÙI XUÂN LỤC	7/28/1958	Nam		Kinh	Tự do	SN 122, Trần Hưng Đạo Khu 3	
128	ĐỖ THỊ HẰNG	4/22/1960		Nữ	Kinh	Tự do	SN 122, Trần Hưng Đạo Khu 3	
129	NGUYỄN THỊ HUẾ	9/11/1995		Nữ	Kinh	Tự do	SN 128, Trần Hưng Đạo Khu 3	
130	TRẦN QUỐC KHÁNH	11/8/1988	Nam		Kinh	Tự do	SN 128, Trần Hưng Đạo Khu 3	
131	BÙI VĂN KHẢI	10/14/1964	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 130, Trần Hưng Đạo Khu 3	
132	PHẠM THỊ LÝ	1/21/1970		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 130, Trần Hưng Đạo Khu 3	
133	NGUYỄN THỊ NGHE	4/4/1937		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 132, Trần Hưng Đạo Khu 3	
134	PHẠM QUANG HƯNG	6/8/1997	Nam		Kinh	Tự do	SN 134, Trần Hưng Đạo Khu 3	
135	PHẠM QUANG TRUNG	5/12/1963	Nam		Kinh	Tự do	SN 134, Trần Hưng Đạo Khu 3	
136	PHAN THỊ THANH HIẾU	4/8/1970		Nữ	Kinh	Tự do	SN 134, Trần Hưng Đạo Khu 3	
137	NGUYỄN THỊ HIỀN	6/30/1962		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 136, Trần Hưng Đạo Khu 3	
138	NGUYỄN VĂN HƯNG	2/6/1954	Nam		Kinh	Sửa chữa xe máy	SN 136, Trần Hưng Đạo Khu 3	
139	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	5/1/1963	Nam		Kinh	Giáo viên	SN 138, Trần Hưng Đạo Khu 3	
140	NGUYỄN ĐỨC TÂN	6/22/2000	Nam		Kinh	Tự do	SN 138, Trần Hưng Đạo Khu 3	
141	NGUYỄN TUYẾT NHUNG	9/20/1970		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 138, Trần Hưng Đạo Khu 3	
142	NGUYỄN THỊ BÍCH DUNG	11/29/1965		Nữ	Kinh	Tự do	SN 140, Trần Hưng Đạo Khu 3	
143	PHẠM MINH LONG	3/6/1986	Nam		Kinh	Tự do	SN 140, Trần Hưng Đạo Khu 3	
144	NGUYỄN THỊ XUYÊN	11/24/1954		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 142A, Trần Hưng Đạo Khu 3	
145	PHẠM THỊ THƯ	5/15/1987		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 142A, Trần Hưng Đạo Khu 3	
146	TRƯƠNG VĂN HAI	1/1/1945	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 142A, Trần Hưng Đạo Khu 3	
147	TRƯƠNG VŨ HOÀN	12/29/1983	Nam		Kinh	Công nhân	SN 142B, Trần Hưng Đạo Khu 3	
148	ĐÀO MẠNH THẮNG	10/14/1994	Nam		Kinh	Tự do	SN 142B, Trần Hưng Đạo Khu 3	
149	ĐÀO QUANG TOÀN	12/24/1968	Nam		Kinh	Buôn bán	SN 142B, Trần Hưng Đạo Khu 3	
150	ĐÀO THÙY DƯƠNG	5/10/2000		Nữ	Kinh	Tự do	SN 142B, Trần Hưng Đạo Khu 3	
151	VŨ THỊ THÚY LIỄU	6/22/1974		Nữ	Kinh	Buôn bán	SN 142B, Trần Hưng Đạo Khu 3	
152	ĐẶNG HẠNH NGA	11/28/1990		Nữ	Kinh	Tự do	SN 144, Trần Hưng Đạo Khu 3	
153	ĐẶNG THU THỦY	7/17/1983		Nữ	Kinh	Tự do	SN 144, Trần Hưng Đạo Khu 3	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
154	ĐẶNG VĂN HOÀ	5/8/1954	Nam		Kinh	Tự do	SN 144, Trần Hưng Đạo Khu 3	
155	TRẦN THỊ HẠNH	5/8/1961		Nữ	Kinh	Tự do	SN 144, Trần Hưng Đạo Khu 3	
156	DƯƠNG THỊ NHẪN	6/13/1951		Nữ	Kinh	Tự do	SN 148, Trần Hưng Đạo Khu 3	
157	LÊ QUANG HƯNG	5/28/1950	Nam		Kinh	Tự do	SN 148, Trần Hưng Đạo Khu 3	
158	NGUYỄN THÀNH CÔNG	4/21/1990	Nam		Kinh	Giáo viên	SN 152A, Trần Hưng Đạo Khu 3	
159	NGUYỄN THỊ ĐÀO	8/20/1954		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 152A, Trần Hưng Đạo Khu 3	
160	BÙI ĐỨC THÀNH	3/9/1953	Nam		Kinh	Tự do	SN 156, Trần Hưng Đạo Khu 3	
161	NGUYỄN THỊ THƯ	4/3/1953		Nữ	Kinh	Tự do	SN 156, Trần Hưng Đạo Khu 3	
162	NGUYỄN THỊ QUẾ	4/17/1989		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 158, Trần Hưng Đạo Khu 3	
163	TRỊNH ĐỨC LẬP	1/15/1978	Nam		Kinh	Y sỹ	SN 158, Trần Hưng Đạo Khu 3	
164	ĐÀM NGỌC CHINH	9/18/1953	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 160, Trần Hưng Đạo Khu 3	
165	TRỊNH MINH SƠN	7/5/1953		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 160, Trần Hưng Đạo Khu 3	
166	PHẠM THỊ THỦY	8/9/1965		Nữ	Kinh	Tự do	Trần Hưng Đạo Khu 3	
167	VŨ ĐỨC HIẾU	2/2/1962	Nam		Kinh	Tự do	Trần Hưng Đạo Khu 3	
168	ĐÀM THỊ NGHĨA	9/18/1983		Nữ	Kinh	Bán thuốc	SN 162B, Trần Hưng Đạo Khu 3	
169	TRƯƠNG HUY KHÔI	2/5/1976	Nam		Kinh	Bán thuốc	SN 162B, Trần Hưng Đạo Khu 3	
170	TRƯƠNG TUYẾT GIANG	11/7/2004		Nữ	Kinh	Tự do	SN 162, Trần Hưng Đạo Khu 3	
171	HOÀNG THỊ MAI	2/1/1948		Nữ	Kinh	Già yếu	SN 164, Trần Hưng Đạo Khu 3	
172	NGUYỄN VĂN QUANG	9/7/1941	Nam		Kinh	Tự do	SN 164, Trần Hưng Đạo Khu 3	
173	HOÀNG THỊ DUNG	8/18/1951		Nữ	Kinh	Tự do	SN 166, Trần Hưng Đạo Khu 3	
174	TRẦN NAM HẢI	8/22/1980	Nam		Kinh	Lái xe	SN 166, Trần Hưng Đạo Khu 3	
175	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	1/4/1977		Nữ	Kinh	Tự do	SN 166, Trần Hưng Đạo Khu 3	
176	TRẦN VĂN BÌNH	7/31/1972	Nam		Kinh	Lái xe	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
177	LÊ TRUNG DŨNG	9/20/1959	Nam		Kinh	Tự do	SN 170, Trần Hưng Đạo Khu 3	
178	TRẦN THỊ OANH	1/8/1960		Nữ	Kinh	Tự do	SN 170, Trần Hưng Đạo Khu 3	
179	LÊ THÀNH TRUNG	6/15/1983	Nam		Kinh	Tự do	SN 170, Trần Hưng Đạo Khu 3	
180	NGUYỄN THỊ VÌ	8/26/1961		Nữ	Kinh	Tự do	SN 172, Trần Hưng Đạo Khu 3	
181	PHẠM THỊ TRANG	10/5/1998		Nữ	Kinh	Tự do	SN 172, Trần Hưng Đạo Khu 3	
182	TRẦN THỊ HẠNH	12/29/1984		Nữ	Kinh	Buôn bán	SN 172, Trần Hưng Đạo Khu 3	
183	TRẦN THỊ HOÀI	8/29/1995		Nữ	Kinh	Buôn bán	SN 172, Trần Hưng Đạo Khu 3	
184	TRẦN TRỌNG ĐẠI	3/10/1998	Nam		Kinh	Buôn bán	SN 172, Trần Hưng Đạo Khu 3	
185	HOÀNG NGỌC VĨNH	1/21/1954	Nam		Kinh	Buôn bán	SN 174, Trần Hưng Đạo Khu 3	
186	HOÀNG QUÂN ANH	8/12/1998	Nam		Kinh	Tự do	SN 174, Trần Hưng Đạo Khu 3	
187	HOÀNG QUÂN VƯƠNG	6/26/1996	Nam		Kinh	Tự do	SN 174, Trần Hưng Đạo Khu 3	
188	LÊ THỊ NHUNG	10/5/1973		Nữ	Kinh	Buôn bán	SN 174, Trần Hưng Đạo Khu 3	
189	HOÀNG THỊ HIỀN	8/28/1974		Nữ	Kinh	Làm tóc	SN 176, Trần Hưng Đạo Khu 3	
190	NGUYỄN HOÀNG ANH	9/11/1970	Nam		Kinh	Buôn bán	SN 176, Trần Hưng Đạo Khu 3	
191	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG LINH	11/12/1999		Nữ	Kinh	Tự do	SN 176, Trần Hưng Đạo Khu 3	
192	NGUYỄN NGỌC CHI	2/15/1943	Nam		Kinh	Tự do	SN 178, Trần Hưng Đạo Khu 3	
193	HÀ THỊ HẰNG	4/6/1975		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 180, Trần Hưng Đạo Khu 3	
194	PHẠM HÀ NHẬT THU	8/23/2004		Nữ	Kinh	Tự do	SN 180, Trần Hưng Đạo Khu 3	
195	PHẠM NGỌC QUỲNH	5/20/1963	Nam		Kinh	Công chức	SN 180, Trần Hưng Đạo Khu 3	
196	PHẠM THU HỒNG	10/24/1997		Nữ	Kinh	Tự do	SN 180, Trần Hưng Đạo Khu 3	
197	NGUYỄN THỊ XUÂN	4/12/1959		Nữ	Kinh	Tự do	SN 182, Trần Hưng Đạo Khu 3	
198	LÊ HOÀNG VŨ HẢI	3/3/1993	Nam		Kinh	Tự do	SN 184, Trần Hưng Đạo Khu 3	
199	LÊ XUÂN THẢO	2/15/1953	Nam		Kinh	Tự do	SN 184, Trần Hưng Đạo Khu 3	
200	THÁI THỊ CÁT	4/11/1952		Nữ	Kinh	Tự do	SN 184, Trần Hưng Đạo Khu 3	
201	LONG THỊ THƠM	11/28/2001		Nữ	Kinh	Tự do	SN 1, Trần Hưng Đạo Khu 3	
202	TRẦN VĂN MẠNH	8/3/1992	Nam		Kinh	Tự do	SN 1, Trần Hưng Đạo Khu 3	
203	ĐẶNG THÁI SƠN	11/8/1988	Nam		Kinh	Tự do	SN 1, Trần Hưng Đạo Khu 3	
204	ĐẶNG VĂN TOÀN	6/11/1962	Nam		Kinh	Tự do	SN 1, Trần Hưng Đạo Khu 3	
205	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	11/21/1970		Nữ	Kinh	Tự do	SN 1, Trần Hưng Đạo Khu 3	
206	ĐÀO ĐÌNH LÂM	2/20/1954	Nam		Kinh	Buôn bán	SN 3, Trần Hưng Đạo Khu 3	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
207	ĐÀO HUY THẠCH	1/30/1985	Nam		Kinh	Buôn bán	SN 3, Trần Hưng Đạo Khu 3	
208	NGUYỄN THỊ HẠNH	9/17/1961		Nữ	Kinh	Tự do	SN 3, Trần Hưng Đạo Khu 3	
209	NGUYỄN THỊ ÚT	2/19/1930		Nữ	Kinh	Tự do	SN 5, Trần Hưng Đạo Khu 3	
210	PHÙNG THỊ OANH	12/5/1965		Nữ	Kinh	Tự do	SN 5, Trần Hưng Đạo Khu 3	
211	NGUYỄN THỊ ĐÀO	6/6/1955		Nữ	Kinh	Tự do	SN 7, Trần Hưng Đạo Khu 3	
212	NGUYỄN VĂN MINH	2/26/1956	Nam		Kinh	Bán thuốc bắc	SN 7, Trần Hưng Đạo Khu 3	
213	BÙI THỊ HẢI	9/21/1971		Nữ	Kinh	Buôn bán	SN 9, Trần Hưng Đạo Khu 3	
214	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	1/21/1997		Nữ	Kinh	Buôn bán	SN 9, Trần Hưng Đạo Khu 3	
215	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	11/23/1969	Nam		Kinh	Buôn bán	SN 9, Trần Hưng Đạo Khu 3	
216	NGUYỄN VĂN DUY	1/25/1994	Nam		Kinh	Tự do	SN 9, Trần Hưng Đạo Khu 3	
217	NGUYỄN VĂN NGHĨA	9/7/1995	Nam		Kinh	Tự do	SN 9, Trần Hưng Đạo Khu 3	
218	PHẠM THỊ THANH THỦY	2/10/1997		Nữ	Kinh	Tự do	SN 9, Trần Hưng Đạo Khu 3	
219	NGUYỄN HỒNG TRUNG	10/6/1977	Nam		Kinh	Buôn bán	SN 11, Trần Hưng Đạo Khu 3	
220	TRẦN THỊ THÚY	5/16/1978		Nữ	Kinh	Buôn bán	SN 11, Trần Hưng Đạo Khu 3	
221	ĐỖ THỊ LOAN	2/24/1965		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 15, Trần Hưng Đạo Khu 3	
222	TẠ HỒNG ĐIỆP	1/12/1989		Nữ	Kinh	Công chức	SN 15, Trần Hưng Đạo Khu 3	
223	TẠ MINH HOÀNG	1/17/1997	Nam		Kinh	Tự do	SN 15, Trần Hưng Đạo Khu 3	
224	TẠ VĂN MINH	3/2/1956	Nam		Kinh	Tự do	SN 15, Trần Hưng Đạo Khu 3	
225	NGUYỄN THỊ NGỌC	11/14/1978		Nữ	Kinh	Tự do	SN 17, Trần Hưng Đạo Khu 3	
226	TRƯƠNG THỦY TRANG	5/26/2002		Nữ	Kinh	Tự do	SN 17, Trần Hưng Đạo Khu 3	
227	TRƯƠNG VĂN QUYẾT	1/9/1973	Nam		Kinh	Sửa chữa xe máy	SN 17, Trần Hưng Đạo Khu 3	
228	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	7/25/1959	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 19, Trần Hưng Đạo Khu 3	
229	NGUYỄN THỊ QUẾ	4/1/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 19, Trần Hưng Đạo Khu 3	
230	NGUYỄN QUANG TOÀN	4/30/1977	Nam		Kinh	Giáo viên	SN 21, Trần Hưng Đạo Khu 3	
231	NGUYỄN QUANG TÒNG	3/15/1951	Nam		Kinh	Tự do	SN 21, Trần Hưng Đạo Khu 3	
232	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	12/7/1952		Nữ	Kinh	Tự do	SN 21, Trần Hưng Đạo Khu 3	
233	NGUYỄN THỊ LIÊN	11/26/1956		Nữ	Kinh	Tự do	SN 23, Trần Hưng Đạo Khu 3	
234	TRẦN NGỌC QUẾ	4/12/1953	Nam		Kinh	Tự do	SN 23, Trần Hưng Đạo Khu 3	
235	LÊ THÀNH LÂM	3/30/1985	Nam		Kinh	Tự do	SN 29, Trần Hưng Đạo Khu 3	
236	LÊ VĂN THẢO	12/6/1954	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 29, Trần Hưng Đạo Khu 3	
237	TRẦN THỊ XIÊM	10/20/1956		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 29, Trần Hưng Đạo Khu 3	
238	NGUYỄN QUANG PHƯƠNG	1/24/1977	Nam		Kinh	Tự do	SN 33, Trần Hưng Đạo Khu 3	
239	PHẠM THỊ DẦN	8/19/1949		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 33, Trần Hưng Đạo Khu 3	
240	NGUYỄN QUANG HÀ	9/16/1975	Nam		Kinh	Tự do	SN 33, Trần Hưng Đạo Khu 3	
241	NGUYỄN THÚY HUYỀN	1/26/1998		Nữ	Kinh	Tự do	SN 33, Trần Hưng Đạo Khu 3	
242	TRẦN THỊ HẠNH	11/13/1981		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 35, KHU 3, TTNG	
243	VŨ ĐÌNH TOÀN	11/27/1979	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 35, KHU 3, TTNG	
244	TRẦN THỊ HÒA	12/30/1990		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 37 KHU PHỐ 3, TTNG	
245	BÙI THỊ NGUYỆT	7/14/1961		Nữ	Kinh	Tự do	SN 39 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU PHỐ 3	
246	ĐÀO THỊ HOẠT	3/18/1983		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 41 KHU 3, TTNG	
247	ĐINH GIA KHÁNH	8/29/2005	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
248	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	9/2/1989		Nữ	Kinh	Tự do	43 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
249	PHAN ANH VŨ	10/16/1987	Nam		Kinh	Tự do	43 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
250	PHAN LÊ NAM DƯƠNG	7/20/1981	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
251	PHAN VĂN HỢP	3/25/1956	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 43, KHU 3, TTNG	
252	PHAN THỊ TẢN	6/8/1946		Nữ	Kinh	Tự do	SN 43, Trần Hưng Đạo Khu 3	
253	BÙI THỊ DUYÊN	4/7/1965		Nữ	Kinh	Tự do	SN 43A, Trần Hưng Đạo Khu 3	
254	PHAN VĂN HÙNG	3/1/1957	Nam		Kinh	Tự do	SN 43A, Trần Hưng Đạo Khu 3	
255	BÙI ĐỨC ANH	2/21/2000	Nam		Kinh	Tự do	SN 45, Trần Hưng Đạo Khu 3	
256	BÙI ĐỨC TRƯỜNG	8/9/1968	Nam		Kinh	Tự do	SN 45, Trần Hưng Đạo Khu 3	
257	BÙI THỊ LAN	1/13/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SN 45, Trần Hưng Đạo Khu 3	
258	NÔNG TUYẾT LAN	11/29/1995		Nữ	Kinh	Tự do	SN 45, Trần Hưng Đạo Khu 3	
259	ĐÀO DUY KHÔI	9/19/1943	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 47, Trần Hưng Đạo Khu 3	

STT	Họ và	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
260	ĐÀO THỊ LAN HƯƠNG	10/23/1971		Nữ	Kinh	Tự do	SN 47, Trần Hưng Đạo Khu 3	
261	NGUYỄN VŨ HUYỀN TRANG	9/11/2001		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 49, KHU 3, TTNG	
262	NGUYỄN VŨ TÂM	11/2/1976	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 49, KHU 3, TTNG	
263	NGUYỄN VŨ TUẤN	9/15/2005	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 49, KHU 3, TTNG	
264	PHẠM THỊ PHƯƠNG	9/10/1981		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 49, KHU 3, TTNG	
265	PHẠM THỊ VÂN	3/1/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 51 KHU PHỐ 3, TTNG	
266	PHẠM VĂN VINH	6/9/1961	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 51 KHU PHỐ 3, TTNG	
267	ĐINH THỊ HƯƠNG	12/17/1982		Nữ	Kinh	Tự do	SN 53, Trần Hưng Đạo Khu 3	
268	PHẠM THÀNH LONG	5/11/1978	Nam		Kinh	Tự do	SN 53, Trần Hưng Đạo Khu 3	
269	NGUYỄN ANH NĂNG	3/8/1939	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 53, Trần Hưng Đạo Khu 3	
270	NGUYỄN NHƯ TÁM	4/25/1968	Nam		Kinh	Tự do	SN 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
271	NGUYỄN THỊ CHÂM	6/15/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SN 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
272	NGUYỄN THỊ HUYỀN	11/26/1995		Nữ	Kinh	Ngân hàng	SN 55, Trần Hưng Đạo Khu 3	
273	NGUYỄN THỊ HẠNH	3/3/1965		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 55C, KHU 3, TTNG	
274	VŨ DUY HƯNG	9/27/1994	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 55C, KHU 3, TTNG	
275	VŨ QUANG HỢP	4/13/1963	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 55C, KHU 3, TTNG	
276	VŨ THÀNH ĐẠT	10/23/1991	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 55C, KHU 3, TTNG	
277	TRẦN VĂN ĐÀM	5/5/1958	Nam		Kinh	Tự do	SN 57, Trần Hưng Đạo Khu 3	
278	VŨ THỊ ANH	5/26/1967		Nữ	Kinh	Tự do	SN 57, Trần Hưng Đạo Khu 3	
279	NGUYỄN QUANG DƯ	1/1/1952	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 59 KHU PHỐ 3, TTNG	
280	NGUYỄN THỊ QUANG	8/10/1952		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 59 KHU PHỐ 3, TTNG	
281	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	4/28/1975		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 59 KHU PHỐ 3, TTNG	
282	TRẦN VĂN DŨNG	5/25/1971	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 59 KHU PHỐ 3, TTNG	
283	TRẦN VĂN DŨNG MẠNH	10/21/2005	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 59 KHU PHỐ 3, TTNG	
284	BÙI ĐỨC LÂN	9/26/1968	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 61 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
285	PHẠM THỊ HÀ	12/21/1975		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 61 KHU PHỐ 3, TTNG	
286	TRẦN THỊ LÝ	2/19/1925		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 61 KHU PHỐ 3, TTNG	
287	ĐOÀN THỊ THỦY	8/18/1959		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 63 KHU PHỐ 3, TTNG	
288	NGUYỄN VĂN BAN	2/20/1954	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 63 KHU PHỐ 3, TTNG	
289	NGUYỄN THỊ TÂM	11/10/1963		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 65, KHU 3, TTNG	
290	VŨ THỊ HỒNG	5/12/1988		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 65, KHU 3, TTNG	
291	VŨ THỊ LIÊN	10/9/1989		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 65, KHU 3, TTNG	
292	VŨ VĂN TRƯỜNG	7/17/1952	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 65, KHU 3, TTNG	
293	BÙI THÀNH CÔNG	6/26/2000	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 67 KHU 3, TTNG	
294	BÙI VĂN BÌNH	3/22/1956	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 67 KHU 3, TTNG	
295	HÀ THỊ TUYẾT	4/24/1966		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 67 KHU 3, TTNG	
296	PHẠM THỊ LÀNH	11/25/1944		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 69 KHU 3, TTNG	
297	TRẦN ĐỨC THẾ	8/19/1944	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 69 KHU 3, TTNG	
298	LÊ THỊ NGỌC	3/12/1978		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 71, KHU 3, TTNG	
299	NGUYỄN BÍCH PHƯƠNG	11/29/1999		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 71, KHU 3, TTNG	
300	NGUYỄN KHẮC PHONG	2/9/1973	Nam		Kinh	Nhân viên điện lực	SỐ NHÀ 71, KHU 3, TTNG	
301	NGUYỄN NHƯ NINH	3/16/1957	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 73,KHU PHỐ 3, TTNG	
302	NGUYỄN THỊ NHƯ THẢO	11/3/1995		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 73,KHU PHỐ 3, TTNG	
303	TRẦN THỊ CẨM	5/21/1960		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 73,KHU PHỐ 3, TTNG	
304	HÀ THỊ DUNG	7/24/1991		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 73,KHU PHỐ 3, TTNG	
305	NGUYỄN NHƯ MẠNH	11/9/1988	Nam		Kinh	Điện lực	SỐ NHÀ 73,KHU PHỐ 3, TTNG	
306	ĐẶNG NGỌC ÁNH	9/18/1995		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
307	LÊ ĐÌNH DŨNG	8/7/1986	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 75 KHU 3, TTNG	
308	LÊ THANH ĐỊNH	3/12/1953	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 75 KHU 3, TTNG	
309	NGUYỄN THỊ HÒA	4/25/1954		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 75 KHU 3, TTNG	
310	DƯ QUÝ HẢI	1/27/1964	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 77, KHU 3, TTNG	
311	DƯ TRÍ TRUNG	10/30/1994	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 77, KHU 3, TTNG	
312	NGUYỄN THỊ DẬU	4/7/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 77, KHU 3, TTNG	

STT	Họ và tê	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
313	NGUYỄN KHẮC HẢI	7/12/1946	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 79, KHU 3, TTNG	
314	NGUYỄN THỊ BÉ	12/10/1947		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 79, KHU 3, TTNG	
315	ĐÀO ĐÌNH TỨC	1/1/1950	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 81 KHU PHỐ 3, TTNG	
316	ĐÀO TRÍ TRUNG	7/16/1983	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 81 KHU PHỐ 3, TTNG	
317	HỒ THỊ ÚT	9/17/1943		Nữ	Kinh	Hưu trí	Số nhà 83, KHU 3, TTNG	
318	PHẠM QUỐC TIỆP	11/3/1988	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 83, KHU 3, TTNG	
319	PHẠM VĂN TÂN	10/8/1951	Nam		Kinh	Hưu trí	Số nhà 83, KHU 3, TTNG	
320	LƯU PHƯƠNG THẢO	7/7/2005		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 83, KHU 3, TTNG	
321	PHẠM THỊ MINH KHÁNH	9/2/1981		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 83, KHU 3, TTNG	
322	ĐÀO THỊ TÂM	8/20/1947		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 85 KHU PHỐ 3, TTNG	
323	NGUYỄN HỒNG ĐIỀU	12/14/1941	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 85 KHU PHỐ 3, TTNG	
324	LÊ QUỐC BẢO	6/22/1989	Nam		Kinh	Tự do	87 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
325	LÊ QUỐC HÙNG	1/29/1957	Nam		Kinh	Tự do	87 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
326	LÊ QUỐC HUY	1/29/1987	Nam		Kinh	Tự do	87 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
327	NGUYỄN THỊ HIỀN	1/29/1993		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
328	NGUYỄN THỊ THU	10/15/1963		Nữ	Kinh	Tự do	87 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
329	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	7/7/1985		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 91, KHU 3, TTNG	
330	NGUYỄN THỊ THỦY	8/15/1972		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 93 KHU 3, TTNG	
331	PHẠM NGUYỄN ÁI LY	7/11/2005		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 93 KHU 3, TTNG	
332	PHẠM VĂN MINH	3/27/1966	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 93 KHU 3, TTNG	
333	TRẦN NGỌC PHÚ	10/8/1955	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 97, KHU 3, TTNG	
334	TRẦN NGỌC TÚ	3/31/1996	Nam		Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 97, KHU 3, TTNG	
335	TRẦN THỊ BÍCH	7/7/1959		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 97, KHU 3, TTNG	
336	NGUYỄN THỊ THẮNG	6/15/1968		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 99 KHU PHỐ 3, TTNG	
337	PHẠM THANH THANH	3/28/2003		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 99 KHU PHỐ 3, TTNG	
338	BÙI THỊ TÝ	11/15/1942		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
339	VŨ ĐỨC HIỂN	7/24/1980	Nam		Kinh	Tự do	SN 115 - TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3,	
340	VŨ ĐỨC HOÀI	12/25/1978	Nam		Kinh	Tự do	SN 115 - TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3,	
341	VŨ ĐỨC TÙNG	8/2/1974	Nam		Kinh	Tự do	SN 115 - TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3,	
342	BÙI THỊ HÒA	8/2/1955		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 121, KHU 3, TTNG	
343	BÙI VĂN THIỆU	8/14/1932	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 121, KHU 3, TTNG	
344	NGUYỄN THỊ TRÀ MI	9/18/1992		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 121, KHU 3, TTNG	
345	TRẦN THÁI HẠNH	11/14/1985	Nam		Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 121, KHU 3, TTNG	
346	ĐÀO VĂN HÙNG	10/13/1974	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
347	ĐÀO VIỆT ĐỨC	1/30/2005	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 123, KHU 3, TTNG	
348	LÊ THỊ QUY	12/16/1975		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 123, KHU 3, TTNG	
349	PHAN THỊ YẾN NHI	10/25/2002		Nữ	Kinh	Tự do	129, TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
350	PHAN VĂN VĨ	8/25/1964	Nam		Kinh	Tự do	129, TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
351	TRẦN THỊ YẾN	5/8/1969		Nữ	Kinh	Tự do	129, TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
352	DƯƠNG VĂN QUÝ	8/5/1953	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 133 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
353	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	6/29/1956		Nữ	Kinh	Tự do	SN 133 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
354	NGUYỄN THỊ NGUYÊN	10/15/1933		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 135A, KHU PHỐ 3, TTNG	
355	NGUYỄN THỊ THÚY	2/20/1978		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 135, KHU PHỐ 3, TTNG	
356	VŨ THỊ DẬU	3/20/1958		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 135, KHU PHỐ 3, TTNG	
357	VŨ VĂN HÙNG	3/1/1962	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 135, KHU PHỐ 3, TTNG	
358	PHẠM VĂN ĐỨC	12/12/1988	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 135, KHU PHỐ 3, TTNG	
359	QUÁCH THỊ HÀ	7/20/1954		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 135, KHU PHỐ 3, TTNG	
360	VŨ THỊ THÙY LINH	8/26/1994		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 135, KHU PHỐ 3, TTNG	
361	LÊ QUANG DŨNG	6/6/1984	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 139, KHU 3, TTNG	
362	LÊ QUANG TRỰC	2/10/1953	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 139, KHU 3, TTNG	
363	LÊ THỊ THU HUYỀN	12/2/1980		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 139, KHU 3, TTNG	
364	PHẠM THỊ TUẤN	10/6/1955		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 139, KHU 3, TTNG	
365	BÙI THỊ YẾN	1/1/1938		Nữ	Kinh	Tự do	SN 141B TRẦN HƯNG ĐẠO KHU 3	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	3	4	5	6	7	
366	BÙI THỊ THÚY	3/15/1965		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
367	ĐÀO ĐỨC ĐẠI	5/28/1997	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
368	ĐÀO ĐỨC HUY	5/22/1994	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
369	BÙI THỊ DUNG	9/11/1995		Nữ	Kinh	Buôn bán	SỐ NHÀ 189 KHU 3, TTNG	
370	BÙI VĂN THỰ	5/8/1957	Nam		Kinh	Buôn bán	SỐ NHÀ 189 KHU 3, TTNG	
371	NGUYỄN THỊ XUÂN	10/12/1965		Nữ	Kinh	Buôn bán	SỐ NHÀ 189 KHU 3, TTNG	
372	ĐÀM THỊ HIỀN	8/7/1980		Nữ	Kinh	Buôn bán	SỐ NHÀ 193, KHU 3, TTNG	
373	PHẠM ĐÌNH PHỤ	10/10/1971	Nam		Kinh	Buôn bán	SỐ NHÀ 193, KHU 3, TTNG	
374	PHẠM ĐÌNH THÁI	8/24/2001	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 193, KHU 3, TTNG	
375	BÙI ĐỨC THANH	11/14/1962	Nam		Kinh	Buôn bán	SỐ NHÀ 195, KHU 3, TTNG	
376	NGUYỄN THỊ XUYÊN	9/26/1970		Nữ	Kinh	Buôn bán	SỐ NHÀ 195, KHU 3, TTNG	
377	ĐOÀN THỊ THÚY	3/10/1966		Nữ	Kinh	Buôn bán	SỐ NHÀ 197 KHU PHỐ 3, TTNG	
378	NGUYỄN THỊ LIÊN	1/4/1996		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 197 KHU PHỐ 3, TTNG	
379	NGUYỄN THU TRANG	8/1/2000		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 197 KHU PHỐ 3, TTNG	
380	NGUYỄN VĂN ƠN	10/10/1962	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 197 KHU PHỐ 3, TTNG	
381	BÙI ĐỨC HIỆP	7/9/1956	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
382	HOÀNG THỊ TUYẾT	10/22/1961		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
383	NGUYỄN THỊ BÍCH NGÂN	11/18/1963		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 205 KHU 3, TTNG	
384	TRỊNH THỊ THU HIỀN	11/23/1995		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 205 KHU 3, TTNG	
385	VŨ THÀNH CÔNG	10/23/1994	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 205 KHU 3, TTNG	
386	NGUYỄN QUANG DUY	9/1/1960	Nam		Kinh	Tự do	SN 207 KHU 3, TTNG	
387	PHẠM THỊ THƠM	3/22/1967		Nữ	Kinh	Tự do	SN 207 KHU 3, TTNG	
388	BÙI ĐỨC ĐẠI	10/3/1952	Nam		Kinh	Tự do	SN 209 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
389	ĐÀO THỊ LỊCH	7/3/1953		Nữ	Kinh	Tự do	209 TRẦN HƯNG ĐẠO KHU 3, TTNG	
390	BÙI THỊ HỒNG GẤM	11/16/1998		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 211, KHU 3, TTNG	
391	BÙI TRUNG KIÊN	6/11/1973	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 211, KHU 3, TTNG	
392	VŨ THỊ PHI YẾN	8/3/1975		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 211, KHU 3, TTNG	
393	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	10/4/1957	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
394	PHẠM THỊ QUY	9/25/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
395	PHẠM THỊ NHUNG	1/20/1959		Nữ	Kinh	Buôn bán	188 TRẦN HƯNG ĐẠO KHU 3, TTNG	
396	QUÁCH THỊ THU HƯƠNG	9/15/1988		Nữ	Kinh	Tự do	189 TRẦN HƯNG ĐẠO KHU 3, TTNG	
397	QUÁCH VĂN HUY	5/19/1992	Nam		Kinh	Tự do	190 TRẦN HƯNG ĐẠO KHU 3, TTNG	
398	QUÁCH VĂN SINH	4/15/1952	Nam		Kinh	Tự do	191 TRẦN HƯNG ĐẠO KHU 3, TTNG	
399	BÙI NHƯ CUNG	5/19/1936	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
400	BÙI THỊ THÙY TRANG	1/11/1997		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 190 KHU PHỐ 3, TTNG	
401	PHẠM THỊ LIỄU	4/7/1973		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 190 KHU PHỐ 3, TTNG	
402	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	4/5/1973		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 192, KHU 3, TTNG	
403	PHẠM HOÀNG HẠNH	1/2/1994	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 192, KHU 3, TTNG	
404	PHẠM TRUNG HIẾU	8/17/1999	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 192, KHU 3, TTNG	
405	PHẠM VĂN HOÀI	12/30/1960	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 192, KHU 3, TTNG	
406	PHÙNG THỊ MÙI	5/27/1940		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 192, KHU 3, TTNG	
407	BÙI ĐỨC NGHỊ	8/1/1958	Nam		Kinh	Tự do	194, TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3	
408	BÙI PHƯƠNG THẢO	8/14/2002		Nữ	Kinh	Tự do	194, TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 4	
409	NGUYỄN THỊ HOÀI	4/25/1979		Nữ	Kinh	Tự do	194, TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 5	
410	ĐẶNG THỊ VUỐT	6/21/1962		Nữ	Kinh	Tự do	SN 196 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
411	NGUYỄN THỊ TƯỜNG ANH	1/4/1985		Nữ	Kinh	Tự do	SN 196 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
412	VŨ QUỐC HUY	5/30/1971	Nam		Kinh	Tự do	SN 196 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
413	NGUYỄN HUY HÙNG	12/10/2005	Nam		Kinh	Tự do	SN 196 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
414	BÙI THỊ MÙI	7/1/1945		Nữ	Kinh	Tự do	SN 198 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
415	PHẠM THỊ VÂN	12/18/1968		Nữ	Kinh	Tự do	SN 198 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
416	NGUYỄN DUY LỚ	8/10/1946	Nam		Kinh	Hưu trú	SN 200 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
417	BÙI ĐỨC THÁI	9/20/1990	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 202, KHU 3, TTNG	
418	BÙI ĐỨC THÔNG	7/9/1960	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 202, KHU 3, TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
419	BÙI THỊ DUNG	2/24/1957		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 202, KHU 3, TTNG	
420	BÙI THỊ HẰNG	7/12/1954		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 202, KHU 3, TTNG	
421	BÙI THỊ THỊNH	2/21/1950		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 204, KHU 3, TTNG	
422	PHẠM KIM CHUÔNG	4/23/1950	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 204, KHU 3, TTNG	
423	BÙI THỊ XUÂN	11/5/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 206, KHU 3, TTNG	
424	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	9/3/1993	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 206, KHU 3, TTNG	
425	NGUYỄN QUANG NAM	12/15/1998	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 206, KHU 3, TTNG	
426	NGUYỄN THANH HÀ	7/16/1961	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 206, KHU 3, TTNG	
427	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	6/16/1994		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
428	PHẠM THỊ CẨM	8/22/1942		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 210, KHU 3, TTNG	
429	PHẠM VĂN CÁCH	1/1/1940	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 210, KHU 3, TTNG	
430	TRẦN QUANG NHẬT	10/24/1995	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 210, KHU 3, TTNG	
431	ĐÀO THỊ HẠNH	6/26/1976		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
432	PHẠM ĐỨC THÀNH	11/13/1970	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
433	PHẠM THỊ MỸ LINH	6/9/1996		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
434	NGUYỄN THỊ CHÂM	1/1/1962		Nữ	Kinh	Tự do	khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
435	NGUYỄN THỊ HUỆ	12/24/1959		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
436	VŨ XUÂN PHONG	8/4/1992	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
437	TRẦN THỊ LIÊN	2/28/1979		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 214, KHU 3, TTNG	
438	VŨ DUY TÂN	8/11/1960	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 214, KHU 3, TTNG	
439	VŨ THỊ KIM NGÂN	12/1/2004		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 214, KHU 3, TTNG	
440	VŨ THỊ MAI	3/20/2001		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 214, KHU 3, TTNG	
441	NGUYỄN QUANG HƯNG	6/11/1989	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
442	NGUYỄN QUANG VIỆT	8/5/1986	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
443	NGUYỄN THỊ HÀ	10/17/1990		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
444	LÊ THỊ VÂN	2/3/1972		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ 218 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
445	VŨ LÊ HUY HOÀNG	1/20/1997	Nam		Kinh	Tự do	SỐ 218 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
446	VŨ THỊ VÂN ANH	10/7/1994		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ 218 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
447	TRƯƠNG NGỌC ANH	2/29/2000		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
448	TRƯƠNG TẤT QUÍ	12/25/1961	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
449	TRƯƠNG VŨ ANH QUYỀN	1/8/1992	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
450	VŨ THỊ LIÊN	7/18/1968		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
451	BÙI THỊ THANH	4/20/1953		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
452	TRẦN VĂN KHẢI	2/3/1979	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
453	TRỊNH THỊ HUẤN	12/2/1981		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
454	BÙI THU HUYỀN	3/22/2000		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
455	BÙI TRỌNG PHÚC	2/17/1990	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
456	BÙI TRỌNG THƠM	1/1/1959	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
457	LÊ THỊ HẠNH	11/12/1970		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
458	BÙI THỊ THANH HƯƠNG	2/20/1983		Nữ	Kinh	Tự do	228 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
459	CAO THỊ LOAN	7/22/1961		Nữ	Kinh	Hưu trí	229 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
460	LÊ MINH TÂN	7/19/1988	Nam		Kinh	Lái xe	230 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
461	LÊ THÙY DƯƠNG	9/5/1986		Nữ	Kinh	Tự do	231 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
462	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	7/7/1955		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 230, KHU 3, TTNG	
463	VŨ THỊ THANH NGA	11/10/1982		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 230, KHU 3, TTNG	
464	BÙI THỊ THÊU	3/15/1983		Nữ	Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
465	LÊ THỊ CÚC	1/1/1935		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 237, KHU 3, TTNG	
466	VÕ TIẾN TRUNG	1/8/1972	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 237, KHU 3, TTNG	
467	TRẦN THỊ NGỌC	1/1/1968		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 239, KHU 3, TTNG	
468	VÕ THỊ THU HẰNG	5/8/1996		Nữ	Kinh	Giáo viên	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
469	VÕ TIẾN DŨNG	7/15/1963	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 239, KHU 3, TTNG	
470	ĐỖ VĂN HƯNG	9/29/1958	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 243 KHU 3, TTNG	
471	NGUYỄN THỊ KIM LAN	11/16/1961		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 243 KHU 3, TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
472	LÊ THỊ MẬY	2/15/1959		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 245, KHU 3, TTNG	
473	NGUYỄN THỊ THÚY LOAN	1/29/1992		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 245, KHU 3, TTNG	
474	NGUYỄN VĂN LẬP	2/9/1956	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 245, KHU 3, TTNG	
475	TRẦN THỊ THANH	5/19/1964		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 247, KHU 3, TTNG	
476	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	1/5/1984		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 247, KHU 3, TTNG	
477	TRẦN NGỌC SƠN	12/5/1970	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 247, KHU 3, TTNG	
478	ĐỖ THỊ HỮU	7/1/1952		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 251, KHU 3, TTNG	
479	BÙI XUÂN MẠNH	3/10/1972	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 251, KHU 3, TTNG	
480	BÙI XUÂN TIẾN	4/26/2002	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 251, KHU 3, TTNG	
481	VŨ THỊ THANH	10/10/1979		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 251, KHU 3, TTNG	
482	NGUYỄN TUYẾT MINH	6/13/1965		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
483	VŨ DƯƠNG HƯNG	7/18/1965	Nam		Kinh	Cty Đông Bắc	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
484	VŨ HUY HOÀNG	7/27/1996	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
485	NGUYỄN THỊ LƯỢT	7/5/1958		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
486	PHẠM HỮU HƯỜNG	10/16/1960	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
487	NGUYỄN THỊ CƯ	8/12/1941		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
488	PHẠM THỊ HƯỜNG	10/11/1979		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
489	VŨ TRỌNG HẬU	2/24/1979	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
490	NGUYỄN THỊ YẾN	10/4/1984		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
491	VŨ ĐIỆN HẠ	10/13/1982	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
492	ĐÀO THỊ THẢO	10/29/1988		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
493	ĐOÀN THỊ TRIỆU	7/24/1955		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
494	PHẠM XUÂN HÙNG	10/2/1981	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
495	PHẠM THỊ THƯA	12/16/1948		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 263, KHU 3, TTNG	
496	PHẠM THỊ TÁM	8/1/1950		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
497	VŨ ĐỨC MÃO	1/15/1951	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
498	VŨ MẠNH CƯỜNG	2/10/1995	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
499	VŨ THỊ HỒNG MINH	10/4/1983		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
500	BÙI THỊ CHƯ	2/2/1959		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 267, KHU PHỐ 3, TTNG	
501	NGUYỄN MINH HỢI	8/19/1959	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 267, KHU PHỐ 3, TTNG	
502	NGUYỄN THÙY ANH	3/27/1988		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
503	BÙI NGỌC HƯNG	4/17/1989	Nam		Kinh	Công chúc	SỐ NHÀ 269, KHU 3, TTNG	
504	PHẠM THỊ NGHĨA	7/24/1947		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 269, KHU 3, TTNG	
505	PHẠM QUANG ANH	8/12/1997	Nam		Kinh	Tự do	275 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
506	PHẠM VĂN TOÀN	9/7/1959	Nam		Kinh	Tự do	276 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
507	TRẦN THỊ HUỆ	3/14/1962		Nữ	Kinh	Tự do	277 TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU 3, TTNG	
508	VŨ THỊ KIM LƯƠNG	6/9/1969		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
509	PHAN VĂN HÓA	10/10/1984	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
510	VŨ THỊ MẾN	4/27/1986		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
511	NGUYỄN THỊ VIỆT	2/3/1954		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
512	NGUYỄN VĂN VĨNH	1/1/1953	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
513	LÊ THỊ BÍCH	9/28/1956		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
514	NGUYỄN THỊ TRANG NHÃ	8/20/1987		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
515	LƯU ĐỨC CUỐI	11/20/1957	Nam		Kinh	Hưu trí	Số 287 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
516	LƯU ĐỨC LỘC	8/14/1993	Nam		Kinh	Tự do	Số 287 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
517	NGUYỄN THỊ GIANG	11/25/1958		Nữ	Kinh	Tự do	Số 287 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
518	NGUYỄN QUANG CẢU	4/17/1949	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 289, KHU 3, TTNG	
519	NGUYỄN QUANG PHONG	6/18/1983	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 289, KHU 3, TTNG	
520	VŨ THỊ NHÂM	10/4/1952		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 289, KHU 3, TTNG	
521	BÙI HOÀNG ĐIỆP	5/4/1983	Nam		Kinh	Tự do	Số 291 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
522	BÙI THANH TÙNG	9/2/1980	Nam		Kinh	Tự do	Số 291 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
523	HÀ THỊ TUYẾN	7/27/1983		Nữ	Kinh	Tự do	Số 291 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
524	HOÀNG THỊ LOAN	1/1/1956		Nữ	Kinh	Tự do	Số 291 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
525	LÊ THỊ THÚY	11/10/1990		Nữ	Kinh	Tự do	Số 291 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
526	NGUYỄN THỊ TÂM	7/16/1959		Nữ	Kinh	Hưu trí	Số 295 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
527	PHAN VĂN CHÍNH	1/20/1954	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 295 KHU 3, TTNG	
528	BÙI ĐỨC NĂM	8/25/1960	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 297, KHU 3, TTNG	
529	CHU THỊ HIỀN	6/17/1972		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 297, KHU 3, TTNG	
530	BÙI ĐỖ HOÀNG HẢI	11/5/1977	Nam		Kinh	Giáo viên	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
531	TRẦN VĂN KHA	1/1/1933	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 301, KHU PHỐ 3, TTNG	
532	VŨ THỊ THU	12/4/1944		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 301, KHU PHỐ 3, TTNG	
533	BÙI THỊ PHƯỢNG	4/22/1977		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
534	TRẦN MINH QUANG	4/16/1976	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 303, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
535	TRẦN THỊ HOA	4/6/1999		Nữ	Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
536	NGUYỄN THỊ YẾN	8/7/1968		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
537	PHẠM THỊ THÚY LIỄU	2/13/1989		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 305 KHU PHỐ 3, TTNG	
538	PHẠM VĂN THÀNH	10/3/1960	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 305 KHU PHỐ 3, TTNG	
539	NGUYỄN MINH ĐỨC	10/20/1958	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
540	NGUYỄN MINH TUẤN	10/3/1995	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
541	NGUYỄN MINH TÙNG	11/19/1989	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
542	NGUYỄN THỊ NGÂN	4/20/1963		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
543	NGUYỄN MINH TUẤN	12/10/1987	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
544	VŨ THỊ HƯƠNG	1/12/1988		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
545	NGUYỄN THỊ HỒNG THƯƠNG	12/10/1999		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
546	PHẠM THÀNH CÔNG	9/8/1995	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG	
547	PHẠM THỊ TÚ QUỲNH	10/11/1989		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
548	PHẠM VĂN CHIẾN	12/22/1965	Nam		Kinh	Tự do	Số 309 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
549	PHAN THỊ THÚY	8/17/1968		Nữ	Kinh	Tự do	Số 309 KHU PHỐ 3, TTNG	
550	PHẠM THỊ HÒA	1/2/1949		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 313, KHU 3, TTNG	
551	BÙI MẠNH HÙNG	12/19/1974	Nam		Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 313, KHU 3, TTNG	
552	BÙI THỊ QUỲNH ANH	11/10/1998		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 313, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
553	PHẠM THỊ LIỄU	9/8/1977		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 313, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
554	BÙI QUANG HUY	11/29/2005	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 313, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
555	PHẠM THỊ THANH THÚY	7/17/1973		Nữ	Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
556	TRẦN TRỌNG THU	9/15/1967	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
557	BÙI THỊ XUÂN	8/26/1989		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
558	NGUYỄN THỊ DIỆP	12/8/1950		Nữ	Kinh	Hưu trí	Số nhà 20 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
559	NGUYỄN TIẾN TRÍ	2/22/1984	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
560	NGUYỄN NHƯ Ý	7/17/1982	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
561	PHẠM VĂN BỐT	8/23/1945	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 22, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
562	BÙI THỊ PHƯỢNG	11/17/1975		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 22 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
563	PHẠM BÁ VƯƠNG	9/9/1973	Nam		Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 22, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
564	PHẠM QUỲNH NGA	4/10/2001		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 22 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
565	PHẠM TUẤN KIỆT	10/25/2003	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 22 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
566	BÙI THỊ HUÊ	2/28/1987		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 24, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
567	ĐẶNG QUANG HUY	10/27/1984	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 24, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
568	LÊ THỊ MINH KHẢI	4/10/1948		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 24, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
569	BÙI MẠNH HÀ	12/23/1979	Nam		Kinh	Công chức	SỐ 26 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
570	BÙI NHƯ QUỲNH	1/16/1946	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 26 KHU 6, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
571	BÙI THIỆN TUẤN	12/15/1981	Nam		Kinh	Tự do	SỐ 26 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
572	NGUYỄN THỊ NGA	8/16/1998		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ 26 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
573	VŨ THỊ TINH	5/20/1947		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ 26 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
574	BÙI THÀNH ĐẠT	9/28/2005	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
575	BÙI TRỌNG HIỆP	2/22/1972	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
576	NGUYỄN THỊ HÀ	3/16/1976		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
577	BÙI ANH SƠN	7/15/1977	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 26, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	3	4	5	6	7	
578	PHAN THỊ DUNG	10/16/1989		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 26, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
579	NGUYỄN MẠNH HÙNG	8/12/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 28, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
580	VŨ MINH ĐOÀI	6/16/1965		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 28, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
581	NGUYỄN MẠNH HÀ	10/2/1993	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 28, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
582	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG	6/24/1993		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 28, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
583	NGUYỄN CÔNG ANH	8/25/1998	Nam		Kinh	Tự do	khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
584	NGUYỄN QUANG VINH	7/15/1960	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 32 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
585	NGUYỄN THỊ ĐÔNG	7/12/1953		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 34 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
586	TỐNG THỊ THÚY	9/4/1978		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
587	TRƯƠNG THU PHƯƠNG	7/26/2002		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
588	TRƯƠNG TIẾN ĐẠT	2/21/2000	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
589	TRƯƠNG VĂN THẮNG	3/15/1967	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
590	BÙI THỊ NGUYỆT	10/15/1966		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
591	NGUYỄN NGỌC HÀ	8/9/1960	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
592	NGUYỄN THỊ NHUNG	4/27/1993		Nữ	Kinh	Khuyết tật	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
593	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	5/24/1989	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
594	ĐÀO THỊ CHÍNH	5/30/1951		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
595	ĐỖ VĂN THIỆNG	5/2/1951	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
596	NGUYỄN NGỌC ÁNH	12/4/2005		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
597	NGUYỄN HỮU QUÝ	7/20/1957	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
598	PHẠM THỊ DUNG	12/23/1957		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 42 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
599	LÊ THỊ MINH THU	3/7/1987		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
600	NGUYỄN HỮU HUY	6/8/1985	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
601	ĐẶNG VĂN CHÍNH	5/10/1951	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 44 KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
602	TRẦN THỊ MƯỜI	10/8/1952		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
603	ĐẶNG THỊ THANH THẢO	5/5/1990		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
604	ĐẶNG VĂN SƠN	10/23/1962	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
605	NGUYỄN THỊ HÀ	5/6/1968		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
606	HOÀNG THỊ MƠ	10/5/1993		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
607	TRẦN THỊ KIM	5/26/1960		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 48, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
608	VŨ TRUNG TÂN	3/8/1990	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
609	VŨ TRUNG THƯỜNG	3/15/1955	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
610	VŨ THỊ OÁNH	1/15/1968		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
611	VŨ THỊ VINH	1/25/1959		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
612	VŨ THỊ HẠNH	4/12/1967		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
613	VŨ THỊ QUỲNH ANH	9/14/2000		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
614	VŨ THỊ QUỲNH HOA	9/14/2004		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
615	VŨ VĂN HẰNG	12/26/1962	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 52 TỔ 1, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
616	NGUYỄN THỊ HOA	4/26/1977		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
617	VŨ VĂN ĐỨC	12/28/1997	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
618	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	2/26/2006		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
619	VŨ VĂN HÙNG	6/16/1960	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
620	ĐẶNG KIỀU ANH	1/10/1994		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
621	ĐẶNG VĂN PHÚC	1/20/1964	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
622	VŨ THỊ HƯỜNG	9/29/1968		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
623	VŨ THỊ KÍNH	7/15/1922		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
624	BÙI TRỌNG HƯNG	10/10/1949	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
625	BÙI TRỌNG TUỆ	7/12/1979	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
626	TRẦN THỊ LAN	5/27/1951		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
627	BÙI THỊ THANH THẢO	6/21/2004		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
628	BÙI TRỌNG NGUYÊN	8/15/1972	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
629	HÀ THỊ NGA	6/23/1949		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
630	VŨ THỊ THÚY VÂN	10/15/1986		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
631	BÙI ĐỨC TÚ	4/18/2005	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 68 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
632	BÙI ĐỨC TÙNG	10/24/1970	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 68 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
633	BÙI NGỌC MAI CHI	12/28/2000		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 68 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
634	PHẠM THỊ DIỆP	7/5/1974		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 68 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
635	NGUYỄN THỊ CHÂM	3/17/1947		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 70 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
636	LƯU THỊ NHẪN	12/10/1954		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 61 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
637	TRẦN ANH DŨNG	8/27/1982	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 61 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
638	TRẦN NGỌC QUÝ	4/20/1952	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 61 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
639	BÙI THỊ LINH	1/21/1954		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 76, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
640	NGUYỄN VĂN THÀNH	5/6/1979	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 76, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
641	PHAN THỊ HÀ THANH	10/31/1985		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 76, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
642	NGUYỄN VĂN KHANG	1/1/1952	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 78 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
643	ĐÀO VĂN NGỌC	12/10/1983	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
644	NGUYỄN THỊ HUẾ	1/30/1992		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
645	PHẠM THỊ GÁI	1/1/1957		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
646	NGUYỄN THỊ THÁI	5/12/1978		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 90 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
647	TRỊNH TUẤN HẢI	5/24/1975	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
648	VƯƠNG THỊ VẬN	7/22/1945		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 90 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
649	NGUYỄN ĐÌNH BÁU	6/28/1990	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
650	NGUYỄN ĐÌNH LIM	8/20/1951	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 92 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
651	PHẠM THỊ NGÀ	11/23/1957		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 92 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
652	Y HIẾU	3/20/1991		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
653	NGUYỄN THANH SƠN	2/15/1975	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
654	LÊ THẾ SƠN	7/2/1968	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 96 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
655	VŨ THỊ HỒNG MINH	7/5/1970		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 96 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
656	LÊ THỊ YẾN	6/1/1971		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 98 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
657	BÙI THỊ MINH	8/12/1957		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
658	NGUYỄN THỊ THANH HỒNG	3/29/1999		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 104, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
659	NGUYỄN THỊ THỦY	5/22/1978		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 104, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
660	NGUYỄN VĂN KIÊM	4/28/1972	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 104, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
661	NGUYỄN HẢI HÀ	3/18/1961	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
662	NGUYỄN HẢI TIẾN	12/15/2000	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 106 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
663	PHẠM THỊ TOÀN	2/8/1964		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 106, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
664	NGUYỄN THỊ HỢI	3/17/1946		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 108 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
665	BÙI THỊ NGUYỆT	8/17/1968		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
666	VŨ ĐỨC TÙNG	1/3/1995	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
667	VŨ ĐỨC VĂN	11/3/1959	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
668	ĐỖ THỊ GIANG	9/2/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
669	NGUYỄN VĂN THIÊM	5/8/1957	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
670	NGUYỄN THỊ HÒA	1/1/1960		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 120 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
671	ĐÀO ĐÌNH MINH	4/5/1979	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 120 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
672	PHẠM THỊ NHẠN	9/22/1981		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 120 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
673	PHẠM THỊ HỒI	10/4/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 87 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
674	PHẠM VĂN HẢI	2/27/1961	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 87 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
675	TRẦN THỊ HẢI YẾN	2/16/1996		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
676	PHẠM VĂN KHÁNH	12/17/1988	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
677	TRỊNH THỊ LÝ	6/14/1956		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
678	ĐOÀN HÙNG HIỂN	10/10/1952	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 83 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
679	ĐOÀN THỊ NGA	11/23/1987		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 83 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
680	ĐOÀN THỊ THỦY	6/6/1990		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 83 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
681	NGUYỄN THỊ LƯỢT	9/14/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 83 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
682	ĐOÀN VĂN CHIỀU	8/19/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 81, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
683	PHAN THỊ HÀ	12/27/1965		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 81, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	3	4	5	6	7	
684	NGUYỄN VĂN THÁI	8/25/1952	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
685	VŨ THỊ LAN	12/1/1948		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
686	NGUYỄN THANH TÙNG	1/17/1980	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
687	PHẠM THU MINH	4/1/1987		Nữ	Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
688	NGUYỄN TUẤN NINH	8/26/1996	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
689	NGUYỄN TUẤN VIỆT	4/18/1958	Nam		Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
690	VÕ THỊ THU	9/17/1962		Nữ	Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
691	ĐẶNG THỊ TƯNG	6/1/1962		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 65 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
692	TRẦN NGỌC CHIẾN	4/20/1948	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 65 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
693	BÙI THỊ SỢI	3/6/1964		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
694	NGUYỄN NGỌC TÂN	6/12/1987	Nam		Kinh	Bộ đội	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
695	NGUYỄN VĂN TIẾN	4/4/1995	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
696	BÙI XUÂN DŨNG	2/25/1997	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
697	BÙI XUÂN VĨNH	4/23/1958	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
698	NGUYỄN THỊ NGỌC	7/21/1999		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
699	PHẠM THỊ PHÚC	10/6/1961		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
700	BÙI MẠNH DŨNG	1/26/1998	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 43 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
701	BÙI NGỌC NĂM	11/26/1956	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 43 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
702	PHẠM THỊ THẮM	5/2/1966		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 43 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
703	BÙI THỊ VÂN	4/8/1970		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 39, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
704	PHẠM NGỌC HƯNG	4/30/1966	Nam		Kinh	Tự do	Số nhà 39, khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
705	PHẠM NGỌC MẠNH	9/1/1997	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
706	PHẠM THỊ VÂN	10/6/1981		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 37, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
707	ĐẶNG THỊ LAN	8/20/1958		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 35 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
708	HÀ VĂN NINH	2/20/1954	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 35 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
709	TRẦN XUÂN HIỆP	6/16/1980	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 33 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
710	BÙI ĐỨC MINH	11/5/2003	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 27, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
711	BÙI ĐỨC QUANG	3/17/1967	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 27, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
712	ĐẶNG THỊ NANG	1/1/1937		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 27, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
713	HÀ THỊ LUYẾN	9/19/1977		Nữ	Kinh	Giáo viên	SỐ NHÀ 27, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
714	BÙI ĐỨC CƯỜNG	3/10/1964	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 25B, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
715	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	9/19/1984		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 25B, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
716	HÀ NHẬT SÁNG	12/6/1980	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
717	NGUYỄN THỊ GẤM	8/2/1979		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
718	BÙI NGỌC THÍCH	4/18/1948	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 313, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
719	VŨ THỊ HIỀN	10/10/1952		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 313, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
720	LÊ THỊ SINH	2/22/1953		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
721	LÊ THỊ HIỀN	2/2/1957		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
722	NGUYỄN VĂN VINH	2/1/1953	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
723	LÊ THỊ NIÊN	3/27/1990		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
724	NGUYỄN VĂN QUÂN	1/1/1981	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
725	NGUYỄN THỊ GIANG	3/8/1975		Nữ	Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
726	PHAN NGUYỄN NAM PHƯƠNG	11/1/2001		Nữ	Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
727	PHAN THANH NAM	3/10/1969	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
728	NGUYỄN HOÀNG ANH	3/1/2002	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
729	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	7/18/1976	Nam		Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
730	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	10/26/1983		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
731	BÙI THỊ DUNG	10/2/1997		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
732	NGUYỄN THỊ HUỆ	5/10/1971		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
733	NGUYỄN THỊ HUYỀN	10/14/1993		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
734	VŨ ĐỨC DŨNG	9/25/1993	Nam		Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
735	VŨ ĐỨC DƯƠNG	5/30/1997	Nam		Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
736	VŨ VĂN DỰA	6/10/1969	Nam		Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
737	TRẦN THỊ HÒA	6/20/1958		Nữ	Kinh	Buôn bán	SỐ NHÀ 17, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
738	TRẦN THỊ VINH	6/15/1988		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
739	VŨ THỊ HỒNG PHƯƠNG	7/27/1993		Nữ	Kinh	Buôn bán	SỐ NHÀ 17, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
740	VŨ VĂN QUANG	3/16/1989	Nam		Kinh	Buôn bán	SỐ NHÀ 17, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
741	BÙI NGỌC TRUNG	4/28/1981	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 313B, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
742	ĐỖ THỊ KHUYÊN	6/23/1986		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 313B, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
743	NGUYỄN THỊ KHUYÊN	2/6/1975		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
744	PHAN ĐÌNH CHIẾN	1/10/1972	Nam		Kinh	Tự do	SỐ 15 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
745	PHAN MINH HÀ	11/5/2003		Nữ	Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
746	PHAN THỊ HỒNG DUNG	11/18/1995		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 15 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
747	ĐỖ MINH QUANG	12/23/1997	Nam		Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
748	LÊ THỊ GIANG	3/28/1976		Nữ	Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
749	BÙI THỊ MINH	7/13/1983		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
750	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO VÂN	7/13/2004		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
751	NGUYỄN THỊ ÚT THƯƠNG	3/16/2003		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
752	NGUYỄN TRỌNG LUẬT	4/25/1963	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
753	CAO THỊ BÍCH LIÊN	8/22/1960		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 124 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
754	NGUYỄN NGỌC MINH	9/10/1954	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
755	BÙI THỊ MỸ DUYÊN	1/29/2003		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
756	BÙI THỊ THƯƠNG	6/10/1982		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
757	BÙI VĂN HÀ	6/23/1978	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
758	LƯƠNG HỮU HỢI	1/1/1933	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
759	NGHIÊM THỊ MÌ	5/12/1933		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
760	LƯƠNG THỊ HỒNG	8/5/1968		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
761	PHẠM ÁNH TUYẾT	5/5/2002		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
762	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC	12/22/1999		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
763	PHẠM VĂN DUYỆT	12/24/1963	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
764	CAO THỊ LÝ	1/21/1980		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 127 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
765	LƯƠNG HỮU HÙNG	2/5/1975	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
766	LƯƠNG THỊ VÂN	2/22/1961		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
767	VŨ QUỐC SỬ	10/22/1959	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
768	VŨ THỊ THẢO	12/10/1991		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
769	VĂN THỊ QUỲNH NHI	1/15/1996		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
770	VŨ QUANG HUY	7/7/1989	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
771	BÙI THỊ TÂM	1/14/1984		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 135, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
772	BÙI VĂN SÓC	1/26/1949	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 135, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
773	BÙI VĂN SƠN	3/1/1978	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 135, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
774	ĐỒNG THỊ LỤA	10/20/1950		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 135, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
775	NGUYỄN THỊ HUYỀN	10/16/1987		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 136, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
776	TẠ ĐÌNH DŨNG	10/7/1980	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 136, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
777	NGUYỄN THỊ ÁI	8/13/1945		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 136 KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
778	TẠ ĐÌNH UYỂN	6/20/1943	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 136, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
779	NGUYỄN THỊ THÙY	2/20/1980		Nữ	Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
780	PHẠM VĂN TRIỂN	8/29/1955	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 137 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
781	TRẦN THỊ TRẤN	5/1/1962		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 137 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
782	BÙI THỊ ĐIỀU	8/20/1955		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
783	LÊ HỒNG THỊNH	7/20/1950	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
784	LÊ THANH TÙNG	9/24/1979	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
785	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA	5/31/1989		Nữ	Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
786	NGUYỄN NGỌC VÂN CHI	12/14/1999		Nữ	Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
787	NGUYỄN THANH TUẤN	9/2/1964	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
788	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	12/29/1968		Nữ	Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
789	NGUYỄN THỊ QUYÊN	10/27/1992		Nữ	Kinh	Giáo viên	SỐ 139, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
790	BÙI THỊ HIẾU	11/10/1980		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 141 ĐƯỜNG HỒNG CHÂU, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
791	TRỊNH THỊ THU THẢO	7/28/2003		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
792	TRỊNH VĂN NGHĨA	7/4/1973	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
793	ĐẶNG THỊ NHẬT	6/17/1962		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
794	NGUYỄN VĂN ĐỨC	7/13/1988	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
795	BÙI NGỌC BIỀN	2/4/1953	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
796	BÙI THỊ THẢO	4/8/1985		Nữ	Kinh	Khuyết tật	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
797	DƯƠNG THỊ MINH	7/1/1954		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
798	NGUYỄN QUANG LINH	3/25/2002	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 144 KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
799	NGUYỄN XUÂN LƯỢNG	1/7/1965	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 144 KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
800	HÀ THỊ KIM NHƯ	12/16/1958		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 147 KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
801	NGUYỄN THỊ THẢO	8/16/1983		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
802	NGUYỄN TRỌNG TRÁNG	7/4/1956	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 148, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
803	NGUYỄN TRUNG	12/9/1983	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
804	PHẠM ĐỨC THUẬN	12/9/1995	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 150 KHU PHỐ 6, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
805	PHẠM VĂN PHƯỚC	7/18/1953	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 150, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
806	VŨ THỊ VẺ	9/29/1957		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 150 KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
807	NGUYỄN ANH TUẤN	11/29/1979	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
808	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	4/5/1983	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
809	NGUYỄN THỊ NỤ	5/3/1955		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
810	NGUYỄN THỊ TÍNH	3/14/1958		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 152 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
811	NGUYỄN XUÂN THU	7/19/1950	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
812	ĐÀM THỊ UY	4/20/1951		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 153 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
813	ĐẶNG THỊ NGỌC ANH	2/16/1997		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ 154 ĐƯỜNG HỒNG CHÂU, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
814	NGUYỄN THỊ HUỆ	10/13/1971		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 154 ĐƯỜNG HỒNG CHÂU, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
815	NGÔ THỊ LƯƠNG	7/4/1990		Nữ	Kinh	Buôn bán	SỐ 156 KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
816	NGUYỄN TUẤN HIẾU	9/28/1984	Nam		Kinh	Buôn bán	SỐ 156 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
817	NGUYỄN TUẤN MIN	5/11/1945	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ 156 KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
818	VŨ THỊ VÙNG	12/27/1950		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
819	LÊ TRUNG HỆ	8/19/1953	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ 157 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
820	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	7/2/1961		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ 157 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
821	PHẠM THỊ BỐN	4/11/1959		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 159 KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
822	VŨ VĂN THÉ	5/6/1956	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 159 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
823	VŨ THỊ ANH	11/9/1973		Nữ	Kinh	Tự do	NGÕ 1, HỒNG CHÂU, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
824	ĐỖ NGỌC MAI	11/26/1996		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
825	NGUYỄN THỊ HẢI	9/19/1972		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
826	LÊ MẠNH HÙNG	9/7/2002	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
827	NGUYỄN THỊ NGỌC	11/17/1977		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
828	NGUYỄN THỊ THƠ	7/16/1976		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
829	NGUYỄN THỊ TUYẾT	8/1/1978		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
830	NGUYỄN THANH QUANG	11/1/1935	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 160 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
831	BÀNH ĐỨC CƯƠNG	8/4/2003	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 163 ĐƯỜNG HỒNG CHÂU, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
832	BÀNH VĂN LONG	6/21/1964	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 163 ĐƯỜNG HỒNG CHÂU, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
833	CAO THỊ THUẬN	11/19/1971		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 163 ĐƯỜNG HỒNG CHÂU, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
834	CAO THỊ SINH	4/20/1968		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 163, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
835	CAO THỊ ĐÀNG	10/20/1941		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 163, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
836	CAO XUÂN BIỂN	11/10/1940	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 163, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
837	CAO XUÂN ĐẠT	7/22/2003	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 163 KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
838	CAO XUÂN HÒA	10/25/1974	Nam		Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 163 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
839	TRẦN THỊ THƠ	3/18/1979		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 163 KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
840	CAO VĂN QUÝ	12/30/1961	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 161 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
841	CAO XUÂN QUYỀN	9/16/1994	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 161 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
842	NGÔ MAI HƯƠNG	5/26/1995		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 161 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
843	NGUYỄN THỊ DUNG	8/23/1961		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 161 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
844	CAO THỊ NGỌC QUYÊN	11/26/1989		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 161 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
845	TRỊNH HỒNG QUÂN	2/10/1985	Nam		Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 161 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
846	HÀ NGỌC QUANG	9/16/1979	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 165 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
847	PHAN THỊ THU	8/20/1982		Nữ	Kinh	Viên chức	SỐ NHÀ 165 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
848	HOÀNG THỊ HỒNG HUỆ	4/2/1971		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
849	NGUYỄN DIỆU LINH	11/11/1996		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 166 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
850	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	6/3/1966	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 166 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
851	NGUYỄN HOÀNG HOÀI NAM	4/6/2003	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 166 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
852	HÀ THỊ NỤ	10/30/1955		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 168, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
853	LÊ TUẤN ĐẠT	5/25/1993	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 168, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
854	LÊ VĂN SANG	1/20/1955	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 168, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
855	PHẠM THỊ HƯƠNG	2/9/2000		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 168, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
856	PHẠM ĐỨC LONG	3/17/1957	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 169 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
857	PHẠM THỊ HẢO	8/9/1961		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 169 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
858	PHẠM ĐỨC LÂM	7/23/1986	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
859	TRỊNH THỊ TUYỀN	5/19/1991		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 169 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
860	NGUYỄN BẢO ANH	2/14/1996	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
861	NGUYỄN VINH LONG	3/28/1963	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
862	BÀNH THỊ THỦY	3/15/1967		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 171 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
863	LÊ ĐÌNH THƠM	8/5/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 171 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
864	LÊ THỊ THÚY QUỲNH	8/2/1989		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 171 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
865	ĐOÀN TĂNG PHONG	12/19/1974	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
866	ĐOÀN THỊ HƯƠNG LAN	11/6/1993		Nữ	Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
867	TRẦN THỊ DIỆP	4/15/1974		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
868	ĐOÀN THỊ PHƯỢNG	11/5/1981		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
869	VŨ GIA KHIÊM	10/10/1999	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 173 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
870	VŨ THỊ HẰNG	1/1/1970		Nữ	Kinh	Tự do	số nhà 173 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
871	LÊ QUỐC VƯỢNG	10/31/2005	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
872	PHẠM THỊ VÂN	10/10/1977		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
873	NGUYỄN THỊ XUÂN	7/15/1960		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
874	HÀ THỊ YẾN	4/29/1986		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 175 KHU P3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
875	NGUYỄN VĂN NAM	9/6/1987	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 175 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
876	NGUYỄN THỊ NINH	1/1/1947		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
877	BÙI THỊ PHƯỢNG	7/30/1981		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
878	NGUYỄN KHÁNH DUY	4/18/2005	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
879	NGUYỄN VĂN SƠN	6/2/1977	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
880	LÊ PHƯƠNG ANH	7/28/2002		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
881	NGUYỄN THỊ HẰNG	5/3/1954		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
882	NGUYỄN THỊ THẢO	7/8/2000		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
883	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	11/24/1979	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
884	NGUYỄN THANH HUY	10/23/1957	Nam		Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 179 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
885	NGUYỄN THANH PHONG	11/20/1993	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 179 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
886	PHẠM THỊ HUYỀN	1/7/1961		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 179 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
887	TRẦN ĐỨC THÀNH	5/13/1950	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 181 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
888	LÊ THỊ BÌNH	2/19/1961		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
889	TRẦN ĐỨC HỒNG	11/1/1953	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
890	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	8/29/1989		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
891	TRẦN LÊ LÂM	1/5/1984	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
892	ĐINH CÔNG LUYỆN	3/1/1961	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
893	ĐINH TUẤN VŨ	5/5/1996	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
894	TRẦN THỊ THÚY VÂN	9/25/1971		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
895	BÙI THỊ TỴ	1/1/1940		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 183 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
896	NGUYỄN TRỌNG LONG	7/29/2000	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 183 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
897	NGUYỄN TRỌNG THỦY	1/1/1968	Nam		Kinh	Khuyết tật	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
898	TRẦN THỊ LIỄU	6/27/1972		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 183 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
899	LÊ THẾ TUẤN	11/24/1961	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 183 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
900	LÊ THỊ TRINH	1/23/2000		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 183, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
901	LÊ THÙY CHI	8/4/1993		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 183, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
902	PHẠM THỊ TÂM	2/6/1966		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 183, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
903	BÙI ĐÌNH THÀNH	6/20/1960	Nam		Kinh	Buôn bán	khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
904	BÙI VĂN TUẤN	6/11/1988	Nam		Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
905	TRẦN THỊ MAI	1/26/1961		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
906	BÙI VĂN TÂM	10/18/1984	Nam		Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
907	NGUYỄN THỊ HOÀI	12/18/1988		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
908	BÙI THỊ NGỌC LÝ	12/17/1986		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
909	ĐÀO XUÂN HƯNG	8/10/1984	Nam		Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
910	ĐỖ THỊ TUYẾT	11/12/1977		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
911	NGUYỄN VĂN PHƯỢNG	4/28/1969	Nam		Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
912	CAO THỊ VÂN	11/19/1964		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 190 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
913	NGUYỄN ĐỨC THU	4/12/1960	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 190, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
914	NGUYỄN NHƯ TÒA	1/22/1950	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 192 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
915	NGUYỄN THỊ DIỆP	1/1/1952		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 192 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
916	PHẠM THỊ THI	7/9/1960		Nữ	Kinh	Buôn bán	SN 194 Khu 3	
917	PHÙNG VĂN THỰC	2/6/1960	Nam		Kinh	Tự do	SN 194 Khu 3	
918	NGUYỄN THỊ TIỆN	3/2/1947		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 196 Khu 3	
919	NGUYỄN THỊ XUYẾN	10/8/1990		Nữ	Kinh	Tự do	SN 196 Khu 3	
920	BÙI THỊ NINH	1/1/1940		Nữ	Kinh	Tự do	SN 198 Khu 3	
921	VŨ DƯƠNG BÁU	1/1/1938	Nam		Kinh	Tự do	SN 198 Khu 3	
922	ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN	3/2/1949		Nữ	Kinh	Tự do	SN 200 Khu 3	
923	BÙI CÔNG HOAN	9/3/1975	Nam		Kinh	Tự do	SN 200 Khu 3	
924	KIM THỊ CẦN	12/8/1982		Nữ	Kinh	Tự do	SN 200 Khu 3	
925	PHẠM NGỌC THÁI	3/11/1961	Nam		Kinh	Tự do	SN 202 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
926	PHẠM NGỌC VIỆT ANH	7/12/1999	Nam		Kinh	Tự do	SN 202 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
927	VŨ THỊ PHƯỢNG	8/11/1970		Nữ	Kinh	Tự do	SN 202 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
928	BÙI THỊ THƠM	1/12/1963		Nữ	Kinh	Tự do	SN 206 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
929	NGUYỄN VĂN TOÀN	8/17/1955	Nam		Kinh	Tự do	SN 206 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
930	NGUYỄN ANH TIẾN	10/23/1989	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
931	NGUYỄN THỊ QUỲNH	5/2/1989		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
932	BÙI HUY THANH	8/4/1949	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 208 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
933	BÙI THANH HÀ	12/4/1988	Nam		Kinh	Giáo viên	SN 208 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
934	HÀ THỊ NHUẬN	4/4/1955		Nữ	Kinh	Buôn bán	SN 208 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
935	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	2/1/1993		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 208 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
936	BÙI HOÀNG GIANG	10/13/1981	Nam		Kinh	Giáo viên	SN 210 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
937	ĐOÀN THỊ HUYỀN	3/14/1983		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 210 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
938	VŨ THỊ LỢI	4/18/1946		Nữ	Kinh	Tự do	SN 210 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
939	ĐÀO THỊ LIỆU	4/16/1972		Nữ	Kinh	Tự do	SN 212 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
940	LÊ ĐỨC THÁI	12/3/2001	Nam		Kinh	Tự do	SN 212 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
941	LÊ THỊ THU THẢO	9/15/1994		Nữ	Kinh	Nhân viên bệnh viện	SN 212 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
942	LÊ VĂN TUẤN	2/2/1971	Nam		Kinh	Tự do	SN 212 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
943	NGUYỄN THỊ THU	8/28/1975		Nữ	Kinh	Tự do	SN 214 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
944	NGUYỄN THỊ ÚT	9/11/1984		Nữ	Kinh	Tự do	SN 214 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
945	NGUYỄN VĂN DƯỠNG	2/20/1952	Nam		Kinh	Tự do	SN 214 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
946	TRẦN THỊ DỊU	6/2/1953		Nữ	Kinh	Tự do	SN 214 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
947	MAI THỊ LAN	9/30/1953		Nữ	Kinh	Tự do	SN 216 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
948	NGUYỄN TRỌNG HẢI	10/20/1946	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 216 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
949	NGUYỄN SÔNG TÙNG	10/23/2005	Nam		Kinh	Tự do	SN 02 ngõ 2 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
950	NGUYỄN THỊ HUYỀN	6/28/1981		Nữ	Kinh	Tự do	SN 02 ngõ 2 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
951	BÙI THỊ HUỆ	3/20/1948		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 11 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
952	PHẠM ĐỨC PHU	1/24/1942	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 11 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
953	PHẠM QUỐC PHI	8/26/1968	Nam		Kinh	NV thuỷ lợi	SN 10 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
954	PHẠM THỊ GIANG	11/20/1976		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 10 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
955	PHẠM THỊ VÂN YẾN	12/15/2000		Nữ	Kinh	Tự do	SN 10 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
956	NGUYỄN THỊ LAN	12/4/1964		Nữ	Kinh	Tự do	SN 12 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
957	TRẦN BÍCH PHƯƠNG	6/4/1995		Nữ	Kinh	Tự do	SN 12 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
958	NGUYỄN TRỌNG KHA	1/4/1959	Nam		Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
959	TRẦN THỊ ĐÔNG	1/28/1958		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
960	NGUYỄN THỊ NHÀN	1/15/1983		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
961	PHẠM THỊ THU HÀ	7/13/1974		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 07 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
962	TRẦN HUY HOÀNG	12/9/1996	Nam		Kinh	Tự do	SN 07 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
963	TRẦN NGỌC ANH	1/14/2005		Nữ	Kinh	Tự do	SN 07 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
964	HÀ DANH THẮNG	6/26/1979	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
965	NGUYỄN THÙY LINH	12/4/1983		Nữ	Kinh	Bệnh viện	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
966	BÙI THỊ HOÀI PHƯƠNG	11/10/1977		Nữ	Kinh	Kế toán	SN 210 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
967	NGUYỄN HỮU TẤN	5/12/1977	Nam		Kinh	Công chức	SN 210 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
968	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	12/20/2001	Nam		Kinh	Tự do	SN 210 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
969	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	6/4/1944		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
970	TRƯƠNG THỊ THẢO	11/3/1986		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
971	NGUYỄN NGỌC BẢO	12/20/1960	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
972	NGUYỄN TẤN TÀI	6/22/1984	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
973	NGUYỄN THỊ THE	2/1/1953		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
974	NGUYỄN VĂN TUẤN	10/12/1979	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
975	PHAN THỊ THANH THỦY	4/30/1986		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
976	LÊ THỊ LAN	2/24/1952		Nữ	Kinh	Tự do	SN 218 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
977	VŨ DƯƠNG SINH	3/20/1952	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 218 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
978	PHẠM THANH NGA	11/6/1975		Nữ	Kinh	Tự do	SN 220 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
979	TRỊNH CÔNG THỦY	10/10/1971	Nam		Kinh	Tự do	SN 220 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
980	TRỊNH THU TRANG	3/20/1999		Nữ	Kinh	Tự do	SN 220 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
981	BÙI THỊ MINH HIỀN	11/25/1960		Nữ	Kinh	Tự do	SN 224 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
982	TRỊNH QUANG HUY	11/4/1984	Nam		Kinh	Tự do	SN 224 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
983	TRỊNH VIẾT HỢP	5/20/1956	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 224 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
984	ĐOÀN ĐÌNH CƯỜNG	1/7/1969	Nam		Kinh	Bệnh tật	SN 228 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
985	NGUYỄN THỊ QUYẾT HƯỜNG	12/19/1976		Nữ	Kinh	Tự do	SN 228 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
986	HÀ THỊ THÚY	8/2/1982		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
987	NGUYỄN HỮU HUY	11/10/2002	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
988	NGUYỄN HỮU TRONG	2/16/1972	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
989	VŨ THỊ THANH	7/20/1939		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
990	ĐOÀN VĂN THỦY	3/10/1961	Nam		Kinh	Tự do	SN 240 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
991	NGUYỄN THỊ NGĂN	8/18/1965		Nữ	Kinh	Tự do	SN 240 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
992	ĐOÀN THỊ HÀ	4/24/1988		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 240 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
993	NGUYỄN ĐẮC ĐIỆP	7/26/1983	Nam		Kinh	Tự do	SN 240 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
994	ĐOÀN THỊ XUÂN	4/12/1964		Nữ	Kinh	Tự do	SN 240 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
995	NGUYỄN THỊ MAI	2/24/1968		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
996	ĐOÀN THANH NHÀN	8/21/1999		Nữ	Kinh	Tự do	SN 244 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
997	ĐOÀN VĂN TRƯỜNG	12/7/1965	Nam		Kinh	Tự do	SN 244 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
998	NGUYỄN THỊ LÝ	2/2/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SN 244 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
999	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	7/4/1954	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1000	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	12/18/1992		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1001	TRẦN THỊ CÚC	2/2/1957		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1002	HOÀNG VĂN LONG	4/7/1958	Nam		Kinh	Tự do	SN 239 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1003	LÊ THỊ LY	5/18/1960		Nữ	Kinh	Tự do	SN 239 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1004	ĐỖ THỊ ĐIỆP	2/10/1964		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1005	NGUYỄN THỊ CHINH	1/3/1998		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1006	NGUYỄN VĂN LONG	4/1/1960	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1007	NGUYỄN VĂN PHƯỢNG	11/28/1987	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1008	NGUYỄN THỊ HÀ THU	9/11/1986		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1009	NGUYỄN XUÂN HIẾU	11/20/1982	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1010	NGUYỄN VĂN HẢI	6/19/1939	Nam		Kinh	Tự do	SN 233 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1011	BÙI THỊ BÌNH	8/3/1975		Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	SN 233 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1012	NGUYỄN NGỌC THỊNH	5/25/2005	Nam		Kinh	Tự do	SN 233 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1013	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	7/27/2000		Nữ	Kinh	Tự do	SN 233 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1014	NGUYỄN VĂN HƯNG	6/4/1970	Nam		Kinh	Tự do	SN 233 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1015	NGUYỄN MẠNH HÀ	7/6/2003	Nam		Kinh	Tự do	SN 264 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1016	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	1/12/2002		Nữ	Kinh	Tự do	SN 264 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1017	NGUYỄN VĂN HÙNG	6/4/1980	Nam		Kinh	Tự do	SN 264 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1018	VŨ THỊ NGÂN	1/3/1983		Nữ	Kinh	Tự do	SN 264 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1019	ĐỖ THỊ NGUYÊN	2/24/1968		Nữ	Kinh	Tự do	SN 229 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1020	ĐỖ THỊ OANH	11/11/1958		Nữ	Kinh	Tự do	SN 229 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1021	VŨ THỊ SỬU	12/24/1931		Nữ	Kinh	Tự do	SN 229 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1022	ĐÀO THỊ THANH MAI	2/15/1987		Nữ	Kinh	Tự do	SN 227A KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1023	NGUYỄN THỊ THAO	7/28/1958		Nữ	Kinh	Tự do	SN 227A KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1024	ĐÀO THỊ HOA	8/8/1985		Nữ	Kinh	Tự do	SN 227 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1025	PHẠM VĂN SÁNG	5/6/1984	Nam		Kinh	Tự do	SN 227 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1026	BÙI THỊ HUỆ	1/28/1982		Nữ	Kinh	Tự do	SN 227B KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1027	ĐÀO KHÁNH LY	1/31/2005		Nữ	Kinh	Tự do	SN 227B KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1028	HỒ VĂN MINH	2/10/1950	Nam		Kinh	Tự do	SN 223 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1029	HÀ NGỌC NHẬT	7/23/1950	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 229A KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1030	PHAN THỊ THU	8/14/1955		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 229A KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1031	MAI THỊ THẢO	6/11/1986		Nữ	Kinh	Tự do	SN 229B KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1032	HÀ NGỌC TRUNG	10/9/1983	Nam		Kinh	Tự do	SN 229B KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1033	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	5/12/1985		Nữ	Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1034	BÙI TUẤN VIỆT	11/19/1982	Nam		Kinh	Tự do	SN 219 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1035	NGUYỄN THỊ NGÀ	7/7/1953		Nữ	Kinh	Tự do	SN 219 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1036	BÙI ĐÌNH HOÀNG	8/11/1980	Nam		Kinh	Tự do	SN 230 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1037	ĐINH THỊ HẢI VÂN	9/27/1980		Nữ	Kinh	Tự do	SN 230 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1038	HÀ HUY DƯƠNG	5/15/2004	Nam		Kinh	Tự do	SN 215 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1039	HÀ NGỌC MINH	10/20/1962	Nam		Kinh	Tự do	SN 215 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1040	VŨ THỊ SỬU	11/27/1973		Nữ	Kinh	Tự do	SN 215 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1041	ĐOÀN THỊ PHƯỢNG	10/29/1970		Nữ	Kinh	Tự do	SN 213 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1042	TRƯƠNG ANH DŨNG	10/31/1968	Nam		Kinh	Tự do	SN 213 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1043	TRƯƠNG NGỌC DIỆP	9/27/2005		Nữ	Kinh	Tự do	SN 213 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1044	TRƯƠNG THU TRANG	9/22/1995		Nữ	Kinh	Tự do	SN 213 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1045	ĐỖ THỊ LANH	11/7/1963		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1046	VŨ VĂN ĐẠI	12/15/1955	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1047	PHẠM THU UYÊN	11/10/2004		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1048	VŨ THỊ HUỆ	12/25/1983		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1049	BÙI THỊ OANH	8/27/1991		Nữ	Kinh	Tự do	SN 209 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1050	ĐÀO VĂN THẢO	10/4/1985	Nam		Kinh	Tự do	SN 209 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1051	ĐOÀN THỊ MÙI	5/4/1955		Nữ	Kinh	Tự do	SN 209 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1052	HOÀNG THỊ NGỌC ANH	8/26/1985		Nữ	Kinh	Điện lực	SN 207 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1053	PHAN TIẾN HƯNG	7/4/1985	Nam		Kinh	Ngân hàng	SN 207 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1054	HOÀNG NGỌC SƠN	4/15/2000	Nam		Kinh	Tự do	SN 205 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
1055	HOÀNG NGỌC TRUNG	2/13/1955	Nam		Kinh	Tự do	SN 205 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1056	NGUYỄN THỊ LAN	11/9/1960		Nữ	Kinh	Tự do	SN 205 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1057	PHẠM THỊ MAI	7/6/1947		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 199 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1058	VŨ VĂN TÂN	8/13/1941	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 199 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1059	VŨ THỊ THÙY DUNG	5/1/1990		Nữ	Kinh	Bệnh viện	SN 199 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1060	BÙI THỊ ĐIỆP	1/1/1949		Nữ	Kinh	Tự do	SN 195 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1061	VŨ ĐỨC LỘC	5/25/1948	Nam		Kinh	Tự do	SN 195 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1062	VŨ ĐỨC THẮNG	6/6/1975	Nam		Kinh	Tự do	SN 195 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1063	VŨ THỊ PHƯƠNG	8/30/1971		Nữ	Kinh	Tự do	SN 195 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1064	NGUYỄN NGỌC SÁNG	3/23/1990	Nam		Kinh	Tự do	SN 05 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1065	NGUYỄN THỊ THỦY	9/23/1992		Nữ	Kinh	Tự do	SN 05 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1066	ĐÀO VĂN HẢI	11/18/1981	Nam		Kinh	Điện lực	SN 209 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1067	NGUYỄN THỊ TRANG	6/30/1983		Nữ	Kinh	Công chức	SN 209 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1068	LƯƠNG HOÀNG HIỆP	9/18/1996	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1069	LƯƠNG HỮU THANH	6/18/1959	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1070	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG LINH	1/28/2003		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1071	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	10/21/1967		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1072	CAO THỊ MINH	11/7/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SN 05 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1073	ĐÀO THỊ LOAN	1/1/1942		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 05 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1074	LÊ NGỌC LÂN	5/1/1962	Nam		Kinh	Tự do	SN 05 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1075	LÊ NGỌC LONG	1/22/1995	Nam		Kinh	Tự do	SN 05 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1076	LÊ THỊ DIỆU LINH	12/12/1998		Nữ	Kinh	Tự do	SN 05 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1077	BÙI VĂN QUÝ	6/11/1983	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1078	LÊ THỊ HIỀN	10/10/1984		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1079	NGUYỄN THỊ BÉ	10/11/1959		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1080	NGUYỄN VĂN MINH	6/4/1959	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1081	NGUYỄN QUỐC DUY	9/13/1997	Nam		Kinh	Tự do	SN 03 ngõ 01 KHU 3, TTNG	
1082	NGUYỄN TIẾN KHU	3/1/1972	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 03 ngõ 01 KHU 3, TTNG	
1083	VŨ THỊ PHI NGA	12/22/1972		Nữ	Kinh	Tự do	SN 03 ngõ 01 KHU 3, TTNG	
1084	KHƯƠNG THỊ THANH	7/26/1977		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 01, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1085	NGUYỄN THỊ BÌNH	1/1/1954		Nữ	Kinh	Tự do	SN 01 ngõ 01 KHU 3, TTNG	
1086	PHẠM HỒNG THÚY	3/14/2002		Nữ	Kinh	Tự do	SN 01 ngõ 01 KHU 3, TTNG	
1087	LÊ NGỌC ANH	3/13/1969		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1088	NGUYỄN LÊ HOÀNG	11/29/1990	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1089	NGUYỄN THÀNH HUY	5/6/2000	Nam		Kinh	Khuyết tật	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1090	TÔ THỊ VÂN ANH	12/29/1992		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1091	ĐOÀN TRUNG KIÊN	8/8/1999	Nam		Kinh	Tự do	SN 248 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1092	ĐOÀN VĂN PHONG	12/12/1956	Nam		Kinh	Tự do	SN 248 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1093	BÙI NGỌC HÂN	9/1/1957	Nam		Kinh	Tự do	SN 250 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1094	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	8/30/1963		Nữ	Kinh	Tự do	SN 250 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1095	BÙI THỊ LOAN	9/6/1948		Nữ	Kinh	Tự do	SN 252 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1096	TRẦN ĐỨC THẮNG	10/25/1946	Nam		Kinh	Thương binh	SN 252 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1097	TRẦN ĐỨC TRƯỜNG	12/29/1974	Nam		Kinh	Tự do	SN 252 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1098	NGUYỄN THANH THỦY	6/28/1985		Nữ	Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1099	TRẦN ĐỨC ĐẠI	2/22/1983	Nam		Kinh	Công an	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1100	ĐINH VIẾT TỰ	9/23/1946	Nam		Kinh	Buôn bán	SN 254 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1101	ĐOÀN THỊ SỬU	9/19/1949		Nữ	Kinh	Buôn bán	SN 254 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1102	ĐINH PHƯƠNG CHI	5/6/2005		Nữ	Kinh	Tự do	SN 254 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1103	ĐINH VIẾT TOÀN	9/21/1980	Nam		Kinh	Giáo viên	SN 254 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1104	TRẦN THỊ PHƯƠNG HƯỜNG	8/2/1980		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 254 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1105	TRƯƠNG THỊ NHẠN	1/1/1932		Nữ	Kinh	Tự do	SN 256 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1106	ĐÀO THỊ MINH	6/3/1953		Nữ	Kinh	Tự do	SN 258 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1107	VŨ VĂN NHÂM	8/10/1952	Nam		Kinh	Tự do	SN 258 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
1108	VŨ THỊ NGOÃN	6/23/1951		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 262 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1109	HÀ NGỌC HUÂN	4/4/1941	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 266 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1110	VŨ THỊ LAI	12/5/1944		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 266 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1111	NGUYỄN THỊ VÂN	1/21/1942		Nữ	Kinh	Tự do	SN 268 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1112	PHẠM NGỌC TUẤN	4/8/1934	Nam		Kinh	Tự do	SN 268 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1113	NGUYỄN THỊ QUỲNH TÂM	4/12/1972		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 268 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1114	PHẠM NGỌC KHÁNH	1/17/1993	Nam		Kinh	Tự do	SN 268 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1115	PHẠM NGỌC LẬP	4/26/1963	Nam		Kinh	Tự do	SN 268 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1116	PHẠM PHƯƠNG THẢO	2/2/1999		Nữ	Kinh	Tự do	SN 268 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1117	VŨ THỊ HUYỀN	9/14/1976		Nữ	Kinh	Tự do	SN 270 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1118	NGUYỄN KHẮC THỊNH	1/1/1937	Nam		Kinh	Tự do	SN 272 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1119	NGUYỄN THỊ THO	1/1/1943		Nữ	Kinh	Tự do	SN 272 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1120	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	6/1/1975		Nữ	Kinh	Giáo viên	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1121	NGUYỄN TUẤN MINH	7/28/2003	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1122	PHAN THỊ LAN	1/6/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 274A KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1123	QUÁCH THỊ YẾN	11/14/1964		Nữ	Kinh	Tự do	SN 274B KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1124	TRẦN QUANG TRƯỜNG	8/2/1991	Nam		Kinh	Tự do	SN 274B KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1125	TRẦN YẾN OANH	11/9/1999		Nữ	Kinh	Tự do	SN 274B KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1126	HÀ MINH TÂN	6/15/1966	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 276 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1127	HÀ TUẤN MINH	1/19/2003	Nam		Kinh	Tự do	SN 276 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1128	TRỊNH THỊ ÁNH	1/1/1938		Nữ	Kinh	Tự do	SN 276 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1129	HOÀNG THỊ ĐẶNG	8/11/1983		Nữ	Kinh	Tự do	SN 278 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1130	NGUYỄN THỊ VIỆT	12/18/1952		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 278 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1131	VŨ ĐỨC HÙNG	11/9/1982	Nam		Kinh	Tự do	SN 278 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1132	ĐỖ ĐỨC VINH	6/9/1957	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 282 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1133	ĐỖ NGỌC TRINH	11/23/1994		Nữ	Kinh	Tự do	SN 282 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1134	ĐỖ NGUYỄN ĐỨC HIẾU	5/4/2004	Nam		Kinh	Tự do	SN 282 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1135	NGUYỄN THỊ THOAN	10/12/1966		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 282 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1136	ĐỖ TÙNG SƠN	3/27/1990	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1137	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	7/21/1990		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1138	ĐỖ ĐỨC HẢI	6/15/1992	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1139	ĐỖ ĐỨC HƯNG	2/18/2002	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1140	ĐỖ ĐỨC NINH	3/19/1962	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1141	ĐỖ THỊ TUYẾT	10/3/1970		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1142	ĐOÀN THỊ LƯƠNG	9/10/1951		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 284 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1143	PHẠM XUÂN HÙNG	9/9/1948	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 284 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1144	BÙI THỊ BÍCH THỦY	10/3/1963		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 286 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1145	PHẠM KHÁNH HUYỀN	9/2/2003		Nữ	Kinh	Tự do	SN 286 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1146	PHẠM QUANG XỨ	2/7/1961	Nam		Kinh	Tự do	SN 286 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1147	HÀ THỊ TUYẾT	8/2/1966		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1148	NGUYỄN VÂN ANH	7/16/1999		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1149	HÀ THỊ QUỲNH	8/28/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1150	HOÀNG THỊ MINH NGHĨA	11/11/1962		Nữ	Kinh	Tự do	SN 294 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1151	VŨ DƯƠNG PHONG	6/28/1998	Nam		Kinh	Tự do	SN 294 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1152	VŨ DƯƠNG TUẤT	7/16/1958	Nam		Kinh	Tàn tật	SN 294 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1153	ĐINH THỊ HƯƠNG	12/11/1973		Nữ	Kinh	Tàn tật	SN 298 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1154	ĐINH VĂN THUẬN	1/1/1938	Nam		Kinh	Tự do	SN 298 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1155	ĐINH VĂN THỤY	7/2/1971	Nam		Kinh	Tự do	SN 298 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1156	NGUYỄN THỊ NGHĨA	5/22/1981		Nữ	Kinh	Tự do	SN 298 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1157	HÀ THỊ HÀ	7/17/1975		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1158	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	5/20/2005		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1159	NGUYỄN XUÂN HOÀN	1/25/1995	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1160	NGUYỄN XUÂN HƯNG	7/27/1971	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1161	ĐỖ ĐỨC QUYNH	12/15/1954	Nam		Kinh	Tự do	SN 302 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1162	ĐỖ ĐỨC TRUNG	2/13/1987	Nam		Kinh	Tự do	SN 302 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1163	PHẠM THỊ BÍCH LUẬN	10/18/1958		Nữ	Kinh	Tự do	SN 302 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1164	TRẦN THỊ HẰNG	3/2/1991		Nữ	Kinh	Buôn bán	SN 302 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1165	NGUYỄN THỊ ANH	1/15/1975		Nữ	Kinh	Buôn bán	SN 306 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1166	VŨ ANH TUẤN	11/8/1961	Nam		Kinh	Buôn bán	SN 306 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1167	VŨ ANH VŨ	7/3/2003	Nam		Kinh	Tự do	SN 306 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1168	ĐOÀN ĐỨC CHÍNH	8/13/1935	Nam		Kinh	Tự do	SN 308 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1169	ĐOÀN THỊ HẠNH	12/8/1957		Nữ	Kinh	Tự do	SN 308 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1170	ĐOÀN THỊ TÂM	9/27/1963		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 308 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1171	VŨ THỊ GIÁP	9/28/1938		Nữ	Kinh	Tự do	SN 308 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1172	NGUYỄN THỊ KẾ	1/20/1965		Nữ	Kinh	Tự do	SN 312 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1173	VŨ HOÀNG SƠN	2/28/1994	Nam		Kinh	Tự do	SN 312 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1174	VŨ VĂN TÒNG	12/21/1963	Nam		Kinh	Tự do	SN 312 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1175	NGUYỄN VĂN SINH	12/16/1961	Nam		Kinh	Tự do	SN 293 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1176	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	6/15/1988	Nam		Kinh	Tự do	SN 293 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1177	VŨ THỊ TUYẾT	12/16/1961		Nữ	Kinh	Tự do	SN 293 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1178	NGUYỄN THỊ CÚC	3/18/1994		Nữ	Kinh	Tự do	khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1179	PHẠM VĂN THẮNG	3/15/1985	Nam		Kinh	Buôn bán	khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1180	BÙI ĐỨC THÀNH	2/13/1996	Nam		Kinh	Tự do	SN 291 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1181	BÙI MẠNH ĐẠT	8/21/2005	Nam		Kinh	Tự do	SN 291 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1182	BÙI MINH TRUNG	12/22/1992	Nam		Kinh	Tự do	SN 291 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1183	BÙI VĂN KHẢI	9/20/1963	Nam		Kinh	Tự do	SN 291 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1184	VŨ THỊ LÊ	1/30/1972		Nữ	Kinh	Tự do	SN 291 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1185	NGUYỄN TRẦN MẠNH HƯNG	1/3/2005	Nam		Kinh	Tự do	SN 289 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1186	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	1/10/1977		Nữ	Kinh	Tự do	SN 289 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1187	NGUYỄN DUY TÙNG	10/27/1996	Nam		Kinh	Tự do	SN 287 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1188	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN	4/8/1969		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 287 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1189	NGUYỄN THỊ NHÜN	1/24/1938		Nữ	Kinh	Tự do	SN 287 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1190	NGUYỄN VĂN DUY	5/1/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 287 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1191	NGUYỄN THỊ NHÀN	8/2/1958		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 285, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1192	PHẠM THỊ THÚY HẰNG	8/20/1991		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 285, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1193	NGUYỄN THỊ YẾN PHƯƠNG	1/15/1967		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 281, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1194	TRƯƠNG TIẾN HÙNG	3/15/2001	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 281, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1195	PHẠM NGỌC LẬP	1/20/1952	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 279 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1196	VŨ THỊ BÌNH	10/10/1955		Nữ	Kinh	Tự do	SN 279 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1197	BÙI THỊ VƯỢT	5/11/1984		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 277 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1198	NGUYỄN THỊ LOAN	12/11/1949		Nữ	Kinh	Tự do	SN 277 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1199	NGUYỄN TRỌNG LÂN	11/11/1979	Nam		Kinh	Công chức	SN 277 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1200	NGUYỄN TRỌNG LONG	2/2/1947	Nam		Kinh	Già yếu	SN 277 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1201	PHẠM THỊ NGỌC MINH	1/17/1986		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 275 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1202	TRẦN THỊ NGUYỆT	9/27/1958		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 275 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1203	ĐOÀN THỊ XUÂN	6/10/1930		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1204	ĐỖ THỊ THAO	2/27/1965		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1205	MAI LINH CHI	10/7/2003		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1206	MAI QUANG BẢO	11/3/1962	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1207	NGUYỄN THÙY PHƯƠNG	5/20/1959		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 269 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1208	NGUYỄN ĐÌNH THỰC	12/29/1966	Nam		Kinh	Hưu trí	SN 265 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1209	NGUYỄN HỒNG HẠNH	5/4/2005		Nữ	Kinh	Tự do	SN 265 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1210	NGUYỄN THỊ HÒA	8/13/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SN 265 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1211	NGUYỄN THỊ NGA	4/4/1993		Nữ	Kinh	Tự do	SN 265 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1212	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	3/18/1993	Nam		Kinh	Tự do	SN 265 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1213	NGUYỄN THỊ HẢI BÍCH	2/12/1947		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 263 KHU 3, TTNG, huyện NG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
		2	3	4	5	6	7	
1214	NGUYỄN THU HỒNG HUỆ	4/20/1983		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 261 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1215	NGUYỄN THỊ XUÂN	12/4/1956		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 261 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1216	NGUYỄN THANH ĐÔNG	3/9/1979	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG	
1217	NGUYỄN THỊ THANH HOA	4/26/1981		Nữ	Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG	
1218	TRẦN THỊ DỪA	2/15/1949		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 259 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1219	HỒ THỊ THANH THÚY	3/28/1980		Nữ	Kinh	Giáo viên	SN 257 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1220	LÊ HẢI SƠN	6/4/1979	Nam		Kinh	Tự do	SN 257 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1221	TRẦN THỊ KIM	9/17/1956		Nữ	Kinh	Hưu trí	SN 257 KHU 3, TTNG, huyện NG	
1222	LÊ HẢI MINH	3/1/1984		Nữ	Kinh	Bệnh viện	KHU 3, TTNG, huyện NG	
1223	NGUYỄN THỊ BÍCH	7/22/1967		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 255 TỔ 4 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1224	PHẠM NHẬT MINH	9/6/1998	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 255 TỔ 4 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1225	PHẠM VĂN TÂN	3/27/1961	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 255 TỔ 4 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1226	TẠ THỊ HẰNG	9/17/1969		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 253 TỔ 4, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1227	ĐẶNG THỊ CỠI	5/10/1955		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 251 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1228	HÀ NGỌC QUỲNH	2/28/1952	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 251 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1229	HÀ NGỌC QUANG	11/27/1979	Nam		Kinh	Bệnh viện	SỐ NHÀ 251 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1230	PHẠM THỊ MIÊN	5/12/1985		Nữ	Kinh	Bệnh viện	SỐ NHÀ 251 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1231	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	1/18/1950		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 247, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1232	NGUYỄN THỊ PHÚC	11/13/1973		Nữ	Kinh	Buôn bán	SỐ NHÀ 256, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1233	NGUYỄN THỊ XANH	8/25/1951		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ 243 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1234	BÙI MINH TUẤN	5/21/1977	Nam		Kinh	Bệnh viện	SỐ NHÀ 243, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1235	BÙI NHẬT HÀ ANH	1/8/2003		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 243, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1236	BÙI THỊ TỐ NGA	11/11/1977		Nữ	Kinh	Giáo viên	SỐ NHÀ 243, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1237	BÙI THỊ THU HẰNG	8/17/1975		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ 313 KHU 6, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1238	VŨ QUỐC HÙNG	10/9/1999	Nam		Kinh	Công chức	SỐ 313 KHU 6, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1239	VŨ THU HÀ	10/3/2005		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 313, KHU 6, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1240	ĐẶNG THỊ THỦY NGÂN	10/9/1959		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 325 KHU PHỐ 6, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1241	ĐỖ ĐỨC PHAN	12/17/2001	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 326, KHU 6, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1242	ĐỖ VĂN TỐT	10/13/1973	Nam		Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 326, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1243	PHẠM THỊ THU HÀ	10/25/1977		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 326, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1244	HÀ THỊ XUYẾN	1/1/1948		Nữ	Kinh	Hưu trí	Số 333 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1245	NGUYỄN VĂN PHÒNG	4/15/1945	Nam		Kinh	Hưu trí	Số 333 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1246	ĐỖ THỊ XUÂN THUẦN	1/22/1983		Nữ	Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1247	NGUYỄN VĂN PHÚ	8/23/1981	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1248	NGUYỄN THỊ LOAN	6/30/1980		Nữ	Kinh	Giáo viên	SỐ NHÀ 335, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1249	NGUYỄN VĂN HÙNG	2/23/1977	Nam		Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 335, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1250	NGUYỄN VIỆT ANH	5/26/2004	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 335, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1251	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	7/12/1974	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 339, KHU PHỐ 6, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1252	NGUYỄN VĂN THẮNG	1/27/2000	Nam		Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 339, KHU PHỐ 6, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1253	NGUYỄN THỊ TUẤT	1/4/1946		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1254	NGUYỄN VĂN NAM	5/26/1984	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1255	ĐÀO ĐÌNH VIỆT	12/14/1970	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1256	ĐÀO ĐÌNH DŨNG	6/24/1990	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1257	LÊ ĐÌNH TÚ	7/14/1993	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 174 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1258	LÊ VĂN ĐÔNG	9/7/1962	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 174 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1259	VŨ THỊ MÙI	1/25/1967		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 174 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1260	NGUYỄN THỊ THẮM	7/10/1981		Nữ	Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 331 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1261	PHẠM MAI ANH	12/31/2004		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 331 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1262	PHẠM XUÂN QUÝ	9/25/1971	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 331 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1263	NGUYỄN KHÁNH ĐẠI	1/14/1997	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1264	NGUYỄN NGỌC CHÍNH	2/5/1962	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 332, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1265	PHẠM THỊ THANH	12/25/1960		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 332 TỔ 5 KHU 6, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1266	CAO THỊ THỦY	1/13/1968		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 342, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
1267	KIỀU THỊ HÀ	10/30/1996		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1268	NGUYỄN VĂN BÌNH	9/17/1965	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 342, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1269	NGUYỄN VIỆT HÙNG	3/26/1994	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 342, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1270	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	7/24/2002		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1271	NGUYỄN THÁI HÀ	4/15/1997		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1272	NGUYỄN THÁI HOÀN	11/5/1969	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1273	NGUYỄN THỊ YẾN	6/20/1971		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1274	NGUYỄN THỊ OANH	2/20/1961		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 340, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1275	PHẠM NGỌC CƯỜNG	10/25/1957	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 340, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1276	KHƯƠNG THỊ THÚY	1/15/1958		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 339 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1277	PHÙNG VĂN THẮNG	7/13/1954	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 339 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1278	NGUYỄN THỊ XIÊM	7/30/1990		Nữ	Kinh	Giáo viên	SỐ NHÀ 339 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1279	PHÙNG VĂN PHƯƠNG	8/22/1990	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 339 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1280	NGUYỄN THỊ VÂN	9/23/1961		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 323 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1281	PHÙNG VĂN THUẦN	6/13/1958	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 323 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1282	NGUYỄN BÁ TÂM	1/20/1948	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 321, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1283	NGUYỄN THỊ BÉ	9/16/1952		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 321, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1284	NGUYỄN THỊ TIỆP	11/17/1983		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 321, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1285	NGUYỄN VĂN TÚ	12/10/1982	Nam		Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 321 TỔ 5 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1286	BÙI THỊ BÌNH	6/3/1956		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 320, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1287	NGUYỄN QUANG ĐỨC	5/10/1990	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 320, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1288	NGUYỄN THỊ NHƯ AN	7/11/1984		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1289	NGUYỄN THỊ Y HIẾU	8/1/1982		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1290	TRẦN THỊ ĐIỀU	3/29/1990		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1291	BÙI VĂN CHỬ	9/20/1956	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1292	PHẠM THỊ SEN	3/23/1958		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1293	BÙI THỊ HÒA	6/2/1954		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 318, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1294	NGUYỄN THỊ GẤM	5/10/1946		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1295	BÙI HIỀN SỸ	11/1/1967	Nam		Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 317, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1296	BÙI NHẬT MINH	8/2/2005	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 317, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1297	PHẠM THỊ TÌNH	11/30/1975		Nữ	Kinh	Giáo viên	SỐ NHÀ 317, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1298	HOÀNG VĂN TIẾN	5/9/1963	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 316 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1299	HOÀNG VIỆT LÂM	8/1/1986	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 316 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1300	LÊ THỊ LÝ	5/9/1967		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 316, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1301	NGUYỄN THỊ HẰNG DUNG	9/15/1993		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 316 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1302	NGUYỄN THỊ UYÊN	7/20/1997		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1303	BÙI ĐỨC ĐÔNG	7/13/1983	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1304	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	7/6/1989		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1305	BÙI ĐỨC NAM	12/8/1988	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 343 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1306	BÙI ĐỨC TRƯỜNG	10/1/1957	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 343 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1307	BÙI THỊ HOA	2/27/1961		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 343 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1308	NGUYỄN THỊ LỰU	5/19/1991		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1309	BÙI NAM ANH	8/13/1995	Nam		Kinh	Tự do	SỐ 344 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1310	NGUYỄN ĐỨC DUY	6/8/1984	Nam		Kinh	Tự do	SỐ 344 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1311	VŨ THỊ HỒNG	4/12/1953		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 344 KHU 6, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1312	ĐÀO THỊ HẠNH	3/10/1950		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1313	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	4/2/2003		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1314	PHẠM ANH ĐỨC	6/27/1989	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1315	PHẠM LƯƠNG QUANH	2/25/1950	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1316	ĐÀO THỊ THÌN	2/12/1953		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1317	BÙI THANH THỦY	8/8/1977		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 349, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1318	BÙI THỊ DIỆU THÚY	4/1/1980		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 349, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1319	BÙI THỊ THỤC	4/20/1952		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 349, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
1320	HÀ THỊ LOAN	8/25/1964		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 348, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1321	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	10/15/1998		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 347, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1322	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	7/6/1975		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 347, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1323	NGUYỄN XUÂN LY	1/1/1974	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 347, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1324	BÙI MẠNH ĐẠT	8/3/1994	Nam		Kinh	Tự do	khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1325	BÙI VĂN LONG	9/11/1963	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1326	ĐÀO THỊ HIÊN	3/25/1962		Nữ	Kinh	Tự do	khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1327	VŨ KIM OANH	9/25/2001		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1328	PHÙNG THỊ KÝ	2/10/1944		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 352 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1329	NGUYỄN THỊ LIÊN	9/20/1987		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1330	ĐÀO ĐÌNH TIẾN	5/21/1980	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1331	PHẠM THỊ LOAN	7/9/1985		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1332	NGUYỄN THỊ LIÊN	8/13/1943		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 356, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1333	VŨ THỊ NGA	7/14/1966		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ 357 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1334	VŨ THỊ OANH	8/10/1931		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ 357 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1335	NGUYỄN THỊ TIẾP	8/20/1975		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1336	VŨ NGỌC MAI	10/27/2005		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 357, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1337	VŨ VĂN TUẤN	3/18/1972	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 357 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1338	VŨ VĂN TÙNG	9/10/2004	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 357, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1339	NGUYỄN HỮU HIẾU	10/1/2001	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1340	NGUYỄN THỊ MINH	10/2/1958		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 362 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1341	VŨ QUANG DUY	6/25/1985	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 362 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1342	VŨ THỊ THỦY	8/12/1980		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1343	VŨ VĂN TUẤN	2/2/1952	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 362 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1344	NGUYỄN NGỌC TRINH	8/10/2004		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1345	VŨ THỊ HUYỀN	6/18/1983		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1346	BÙI ĐÌNH THẠO	9/29/1965	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1347	BÙI THANH HOÀI	11/11/1993	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1348	BÙI TUẤN CƯỜNG	11/12/1989	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1349	LƯU THỊ TRANG	12/17/1998		Nữ	Kinh	Tự do	khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1350	NGUYỄN THỊ HẰNG	5/18/1990		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1351	NGUYỄN THỊ MƯỜI	7/31/1968		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1352	BÙI QUỐC HUY	6/13/1996	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 360, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1353	BÙI VĂN THƠM	3/1/1972	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 360, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1354	BÙI VIỆT HOÀNG	6/27/1998	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 360, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1355	PHAN THỊ THƯ	9/26/1976		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 360, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1356	BÙI PHƯƠNG NAM	11/30/1996	Nam		Kinh	Công chức	SỐ NHÀ 361, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1357	BÙI QUÍ HƠN	9/16/1987	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 361, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1358	BÙI VĂN DỤ	1/5/1966	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 360, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1359	PHẠM THỊ NHƯỜNG	11/21/1966		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 361, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1360	BÙI VĂN LÂM	7/17/1989	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 361, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1361	CHU THỊ ĐÀO	3/3/1985		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 361, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1362	NGUYỄN THỊ HIỀN	7/12/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 363 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1363	NGUYỄN THỊ THỨ	6/6/1957		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 363 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1364	CAO MINH CHIẾN	8/23/1995	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 355, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1365	CAO MINH CHÍNH	1/31/1966	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 355, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1366	CAO THỊ NGỌC ÁNH	2/26/2002		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 355, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1367	LƯU THỊ QUYÊN	10/20/1975		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 355, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1368	CAO THỊ HÀ	6/20/1959		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 355, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1369	PHẠM XUÂN SƠN	10/9/1999	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 355, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1370	NGUYỄN THỊ HÒA	1/1/1988		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ 354 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1371	NGUYỄN VĂN HƯNG	5/15/1986	Nam		Kinh	Tự do	SỐ 354 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1372	NGUYỄN THỊ THÀNH	9/24/1962		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 354, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
1373	NGUYỄN VĂN HƯNG	6/4/1984	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 354, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1374	NGUYỄN THANH RỒNG	2/20/1995	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1375	NGUYỄN THỊ THANH MAI	11/1/1972		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 366, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1376	NGUYỄN VĂN TẤN	11/13/1969	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 366, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1377	ĐẶNG ĐỨC ANH	10/3/1994	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 367, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1378	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	3/21/2005		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 367, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1379	NGUYỄN THỊ NGA	7/4/1994		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1380	NGUYỄN THỊ THÚY VINH	1/5/1972		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 367, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1381	NGUYỄN KIM SAN	2/6/1940	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 368, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1382	NGUYỄN HOÀNG HÀ	1/24/2000		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1383	NGUYỄN THỊ LUYẾN	11/8/1978		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1384	HOÀNG THỊ NỮ	9/18/1962		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 370, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1385	NGUYỄN MINH TIẾN	9/13/1990	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 370, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1386	NGUYỄN VĂN TÂN	4/24/1963	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 370, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1387	TRẦN QUỐC QUÂN	10/25/1994	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 371 TỔ 5 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1388	TRẦN QUỐC TỚI	10/2/1990	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 371 TỔ 5 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1389	VŨ THỊ HỒNG	7/16/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 371 TỔ 5 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1390	ĐẶNG THỊ THU	6/20/1978		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 372, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1391	TRẦN QUỐC BẢO	6/16/1969	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1392	TRẦN THỊ THẺ	1/1/1938		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1393	TRẦN VĂN VIỆT	6/9/1999	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1394	NGUYỄN THỊ NHẬT	2/26/1955		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 373 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1395	HÀ THỊ LY	7/21/1999		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1396	NGUYỄN HỒNG NAM	8/7/1990	Nam		Kinh	Công an	SỐ NHÀ 374 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1397	NGUYỄN THỊ MƠ	3/29/1959		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 374 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1398	NGUYỄN VĂN LY	6/15/1957	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 374 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1399	ĐỖ MINH HÙNG	9/28/1994	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 376, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1400	ĐỖ MINH QUANG	11/23/2000	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 376, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1401	ĐỖ VĂN MINH	2/23/1960	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 376 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1402	TRỊNH THỊ THANH BÌNH	12/4/1968		Nữ	Kinh	Giáo viên	SỐ NHÀ 376, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1403	TRẦN THỊ THÂN	8/10/1945		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1404	NGUYỄN SỸ HƯNG	12/1/1973	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1405	HOÀNG VĂN TUẤN	3/15/1956	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1406	VŨ THỊ GIANG	8/25/1958		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1407	MAI THỊ MIẾN	2/20/1963		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 398, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1408	NGUYỄN HÀ MY	7/17/1999		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1409	NGUYỄN NGỌC PHÚ	4/3/1957	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 398, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1410	NGUYỄN TẤN PHONG	7/2/1996	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 398, KHU 3, TTNG, huyện NG	
1411	NGUYỄN VĂN THÀNH	2/12/1960	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 388, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1412	PHẠM THỊ THI	8/2/1960		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 388, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1413	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	1/4/2001		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 388 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1414	NGUYỄN VĂN HÓA	1/21/1982	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 388 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1415	NGUYỄN THỊ THỦY	7/12/1988		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 388 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1416	LƯƠNG THỊ ĐÀO	10/25/1965		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 380, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1417	PHẠM VĂN NINH	3/25/1992	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 380, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1418	PHẠM VĂN QUẢNG	11/12/1959	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 380, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1419	PHẠM CÔNG VŨ	9/24/1986	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 381, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1420	PHẠM VĂN TIẾN	6/20/1952	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 381, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1421	VŨ THỊ HOA	11/21/1963		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ NHÀ 381, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1422	BÙI THỊ HUỆ	10/20/1969		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1423	NGUYỄN VĂN HIỀN	9/11/1964	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1424	NGUYỄN VĂN KIÊN	8/25/2000	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1425	ĐỖ THỊ NGA	2/1/1940		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
1426	NGÔ THỊ NGỌC TÚ	9/13/1984		Nữ	Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1427	TRẦN THỊ NHẤT	9/10/1962		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1428	NGUYỄN THỊ THU HÀ	1/2/2006		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1429	ĐINH THỊ THẮNG	3/29/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 385 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1430	HOÀNG ĐẠI HIỆP	9/27/1994	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 385 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1431	HOÀNG THỊ ANH VÂN	6/10/1991		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 385 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1432	NGUYỄN NGỰ TIỀN	11/1/1962	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 390, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1433	NGUYỄN THỊ NGỌC	7/1/1969		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 390, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1434	NGUYỄN TRƯỜNG NAM	6/14/2001	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 390, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1435	NGUYỄN THỊ MAI	5/25/1959		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1436	NGUYỄN VĂN THÌN	2/15/1955	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1437	PHẠM THỊ HÀ	2/10/1992		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1438	NGHIÊM THỊ GIANG	1/27/1986		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1439	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	12/6/1984	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1440	ĐOÀN THỊ LIÊN	10/19/1969		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1441	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	1/24/1970	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1442	NGUYỄN LAN HƯƠNG	8/9/2004		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1443	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	5/3/1976		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1444	VŨ ĐÌNH TÁ	11/10/1960	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1445	VŨ THỊ PHƯỢNG	6/8/2001		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1446	BÙI THỊ YẾN	4/5/1995		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1447	NGUYỄN THỊ VÍN	1/25/1942		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1448	VŨ QUỐC TÚ	9/8/1995	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1449	VŨ QUỐC TUẤN	12/22/1965	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1450	ĐÀO THỊ LÝ	5/27/1964		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1451	HOÀNG VĂN THỊNH	6/6/1957	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1452	VŨ ĐÌNH PHI	9/12/1965	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1453	VŨ TRUNG THỰC	10/16/1979	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1454	HOÀNG THỊ LAN	6/28/1959		Nữ	Kinh	Tự do	khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1455	NGUYỄN THỊ HUẾ	7/18/2001		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1456	NGUYỄN THỊ LIÊN	6/12/1964		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1457	ĐÀO THỊ HÀ	12/22/1966		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1458	MAI QUANG DƯƠNG	8/12/2001	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1459	MAI QUANG THANH	2/6/1965	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1460	MAI THÚY TRANG	6/23/1997		Nữ	Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1461	CAO XUÂN ĐĨNH	1/11/1965	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1462	ĐÀO THỊ VƠN	9/29/1968		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1463	TRỊNH THỊ LIỄU	4/8/1997		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1464	BÙI THỊ HẢI	9/23/1951		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1465	ĐÀO HÀ MẠNH	9/9/1987	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1466	LÊ THỊ HIỀN	12/22/1990		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1467	ĐỖ THỊ LƯA	8/6/1958		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1468	NGUYỄN DUY KHA	10/20/1957	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1469	ĐỖ THỊ HÓA	7/20/1982		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1470	NGUYỄN THANH TUẤN	12/2/1980	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1471	NGUYỄN THẾ ANH	10/2/2001	Nam		Kinh	Tự do	KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1472	LÊ THỊ CHỜ	2/8/1989		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1473	BÙI THỊ CHIẾN	8/30/1950		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1474	NGUYỄN THỊ NGA	4/2/1960		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1475	NGUYỄN VĂN SANG	3/2/1959	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1476	NGUYỄN VĂN KHOA	7/14/1963	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1477	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	9/20/2001	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1478	TRẦN THỊ ĐÀO	8/19/1964		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
1479	NGUYỄN ANH TUẤN	11/8/1997	Nam		Kinh	Tự do	khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1480	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	2/5/1974	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1481	PHẠM THỊ LÀNH	9/16/1975		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1482	TRẦN THỊ BÍCH THỦY	10/7/1972		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1483	NGUYỄN DUY ANH	11/24/1991	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1484	NGUYỄN VĂN NGUYÊN	1/2/1966	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1485	NGUYỄN VIỆT HÀ	3/1/1997	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1486	TRƯƠNG THỊ THẮNG	9/22/1965		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1487	BÙI QUANG HUY	1/17/2004	Nam		Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1488	BÙI THÙY LINH	11/19/1996		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1489	BÙI VĂN HÙNG	4/17/1972	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1490	PHẠM THỊ HẠNH	10/20/1976		Nữ	Kinh	Cc	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1491	BÙI THỊ NHIÊN	7/20/1956		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1492	BÙI VĂN NGUYỄN	2/12/1954	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1493	BÙI HUY HOÀNG	6/27/2003	Nam		Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1494	BÙI THỊ NGUYỆT	10/2/1975		Nữ	Kinh	Tự do	Khu3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1495	PHẠM THU THỦY	5/24/1997		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1496	PHẠM VĂN ĐỄ	10/10/1968	Nam		Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1497	NGUYỄN THỊ SAN	8/16/1966		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1498	VŨ BÁ DUY	1/17/1964	Nam		Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1499	VŨ BÁ HIẾU	2/10/1994	Nam		Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1500	BÙI THỊ HÒA	11/11/1995		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1501	VŨ BÁ HUY	8/31/1991	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1502	ĐÀO THỊ MINH LÝ	5/11/1979		Nữ	Kinh	Giáo viên	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1503	TRƯƠNG MẠN NGỌC	9/24/2003		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1504	TRƯƠNG XUÂN ĐỊNH	10/13/1975	Nam		Kinh	Công chức	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1505	NGUYỄN THỊ THÊU	1/12/1952		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1506	TRƯƠNG VĂN ĐẮC	2/24/1944	Nam		Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1507	NGUYỄN ĐỨC QUÝ	4/18/1972	Nam		Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1508	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	1/31/1997	Nam		Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1509	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	4/15/1976	Nam		Kinh	Bộ đội 513	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1510	NGUYỄN ĐỨC DUY	5/12/2002	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1511	NGUYỄN THỊ THÚY	11/6/1978		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1512	NGUYỄN THỊ LIÊN	8/22/1964		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1513	NGUYỄN THỊ DUNG	8/20/1960		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1514	NGUYỄN VĂN KHOÀN	2/2/1936	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1515	MAI HỒNG HẢI	7/14/2001	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1516	MAI HỒNG SƠN	9/20/1992	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1517	MAI HỒNG TRƯỜNG	3/8/1970	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1518	PHẠM THỊ HỒNG	5/14/1970		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1519	MAI THỊ PHƯỢNG	11/20/1958		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1520	ĐÀO THỊ HOÀN	10/10/1943		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1521	HOÀNG THỊ NGỌC QUỲNH	10/18/1983		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1522	HOÀNG XUÂN HƯNG	8/28/1979	Nam		Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1523	HOÀNG THỊ HƯƠNG	11/21/1991		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1524	PHẠM THỊ ĐOÀN	7/4/1947		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1525	PHẠM VĂN KHOÁI	5/10/1987	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1526	NGUYỄN THỊ THẮM	2/9/1950		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1527	ĐẶNG TUẤN TÚ	7/7/1943	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1528	TRẦN THỊ LỘC	12/22/1947		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1529	NGUYỄN THỊ TÂN	11/20/1955		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1530	VŨ VĂN THẮNG	5/15/1957	Nam		Kinh	Buôn bán	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1531	NGUYỄN VĂN TRANH	2/23/1947	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1532	TRẦN THỊ NẾP	8/28/1951		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1533	ĐỖ THỊ THẢO	4/11/1981		Nữ	Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1534	NGUYỄN TIẾN CẢNH	8/10/1973	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1535	LÊ CƯỜNG QUYỀN	5/7/1951	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1536	TRẦN THỊ BẠCH VÂN	1/19/1955		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1537	ĐỖ THỊ THỦY	11/1/1979		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1538	NGUYỄN NHẬT QUANG	10/13/1969	Nam		Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1539	NGUYỄN VIỆT HƯNG	3/27/1981	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1540	VŨ THỊ MƠ	10/5/1942		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1541	NGUYỄN TIẾN DŨNG	8/29/2001	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1542	NGUYỄN VĂN GIẢNG	11/1/1968	Nam		Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1543	PHẠM THỊ QUYÊN	1/30/1972		Nữ	Kinh	Giáo viên	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1544	ĐOÀN THỊ XUÂN	1/25/1962		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1545	NGUYỄN GIA NỘI	3/2/1962	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1546	NGUYỄN GIA THẮNG	1/1/1960	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1547	PHẠM THỊ THANH	5/20/1958		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1548	BÙI THỊ DỌNG	7/20/1948		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1549	PHẠM MINH HOAN	5/6/1942	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1550	LÊ THỊ THU HIẾU	10/29/1978		Nữ	Kinh	Công chức	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1551	NGUYỄN LÊ MINH	9/5/2005	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1552	NGUYỄN XUÂN THÀNH	12/23/1974	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1553	NGUYỄN THỊ QUÝ	10/30/1946		Nữ	Kinh	Hưu trí	SỐ 11 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1554	TRẦN TRỌNG NGÂN	3/21/1938	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1555	NGUYỄN THỊ HƠN	4/8/1977		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1556	TRẦN TRỌNG MINH	2/8/1971	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1557	TRẦN TRỌNG SÁNG	10/24/2001	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1558	ĐỖ THANH THẢO	3/30/1976		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1559	TRẦN THỊ THẢO LINH	4/27/1998		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1560	TRẦN TRỌNG KHOA	8/2/2003	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1561	TRẦN TRỌNG NGHĨA	1/24/1973	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1562	TRẦN TRỌNG TÂN	4/20/1996	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1563	ĐẶNG THỊ HƯỜNG	8/10/1967		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1564	NGUYỄN CÔNG CƯỢC	2/14/1959	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1565	NGUYỄN CÔNG HIẾU	7/20/1992	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1566	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	2/20/2002		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1567	PHAN THỊ ĐIỀU	4/1/1994		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1568	LÊ HUY THÀNH	9/26/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 03, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1569	NGUYỄN THỊ THỦY	6/26/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1570	LÊ HUY THANH	11/10/1986	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1571	NGUYỄN THỊ BÉ	11/15/1990		Nữ	Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1572	HOÀNG MINH PHƯƠNG	11/28/1969		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1573	ĐÀO THỊ YẾN	9/9/1992		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1574	LỤC QUỐC HUY	7/11/1985	Nam		Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1575	NGUYỄN THỊ BÌNH	12/20/1960		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1576	BÙI BÁ LONG	1/29/2000	Nam		Kinh	Tự do	KHU 03, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1577	BÙI QUỐC TUẤN	10/10/1969	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1578	TẠ THỊ HỒNG	3/25/1979		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 03, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1579	BÙI ĐỨC BÁCH	3/2/2003	Nam		Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1580	BÙI ĐỨC HIẾU	9/23/1995	Nam		Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1581	BÙI ĐỨC HOÀN	10/29/1972	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1582	BÙI THỊ THU HƯƠNG	1/10/1974		Nữ	Kinh	Buôn bán	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1583	BÙI VĂN HÙNG	10/7/1975	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1584	NGUYỄN THỊ VÓC	1/2/1982		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tê	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
1585	BÙI NGỌC TUẤN	2/10/1963	Nam		Kinh	Hưu trí	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1586	BÙI QUỲNH ANH	9/11/1998		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1587	BÙI TÙNG DƯƠNG	9/14/2003	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1588	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	5/6/1971		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1589	NGUYỄN QUANG HƯNG	4/28/1984	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1590	NGUYỄN THỊ LAN	3/14/1986		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1591	NGUYỄN LÊ MINH	12/5/2003	Nam		Kinh	Công chức	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1592	NGUYỄN NHẬT MINH	6/14/1994	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1593	HOÀNG VĂN QUANG	4/22/1957	Nam		Kinh	Tự do	TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1594	BÙI NGỌC THÀNH	11/15/1975	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1595	BÙI NGỌC THÀNH CÔNG	3/20/2000	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 46B NGÕ 55, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1596	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	3/30/1977		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1597	NGUYỄN THỊ THANH	8/26/1959		Nữ	Kinh	Tự do	NGÕ 54, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1598	HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC	5/2/1989		Nữ	Kinh	Tự do	khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1599	NGUYỄN THỊ NGÀ	3/23/1961		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1600	NGUYỄN THỊ DUNG	12/24/1956		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1601	NGUYỄN THỊ LOAN	10/17/1952		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 156B KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1602	PHẠM THỊ TUYẾN	6/12/1946		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1603	TRỊNH ĐỨC VINH	4/22/1944	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1604	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	5/16/1984	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1605	NGUYỄN THỊ ÁNH	6/30/1990		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1606	BÙI BÍCH HẢO	12/1/1974		Nữ	Kinh	Tự do	141B TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1607	LÊ BÁ VƯƠNG	1/5/1969	Nam		Kinh	Tự do	141B TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1608	LÊ MẠNH HÂN	8/6/1998	Nam		Kinh	Tự do	141B TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1609	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	12/30/2002		Nữ	Kinh	Tự do	141B TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1610	NGUYỄN QUANG VƯỢNG	6/18/1986	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 207 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1611	NGUYỄN THỊ THU QUỲNH	2/6/1989		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1612	NGUYỄN THỊ SÁU	8/25/1950		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1613	BÙI THỊ SÁU	7/10/1942		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1614	BÙI THỊ OANH	10/21/1990		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1615	TRƯƠNG CÔNG NAM	10/27/1984	Nam		Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1616	HÀ THỊ CHẤT	9/8/1982		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 340, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1617	PHẠM THANH HẢI	7/20/1985	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 340, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1618	NGUYỄN THỊ KIM ANH	4/9/1962		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1619	VŨ THỊ BÌNH	11/12/1954		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ 357 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1620	ĐẶNG THỊ THỦY	9/6/1991		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1621	NGUYỄN VĂN DŨNG	12/27/1983	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 388, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1622	NGUYỄN THỊ THẢO	1/20/1983		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1623	NGUYỄN VĂN CÔNG	2/2/1982	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1624	NGUYỄN TUẤN HẢI	11/8/1982	Nam		Kinh	Tự do	SỐ 156 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1625	HỒ TRƯỜNG GIANG	9/7/2005	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1626	HỒ VĂN NINH	8/28/1978	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1627	NGUYỄN THỊ NHUNG	8/29/1972		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1628	ĐỖ PHẠM TÚ QUYÊN	12/13/1994		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1629	HÀ HUY HOÀNG	1/28/1983	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1630	HÀ VĂN AN	10/2/1952	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1631	TRẦN THỊ DUNG	7/18/1958		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1632	ĐÀO THỊ LOAN	12/14/1984		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 247, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1633	TRẦN HỒNG HẢI	1/25/1983	Nam		Kinh	Tự do	SỐ 247 KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1634	NGUYỄN THANH TRANG	11/12/1995		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1635	PHẠM VĂN TÙNG	7/31/1993	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1636	NGUYỄN VĂN THỰC	8/11/1964	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1637	CHỬ ĐỨC PHẢ	8/8/1970	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1638	HOÀNG THỊ LIÊN	10/7/1974		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1639	CHỬ ĐỨC THIỆN	6/20/1998	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1640	PHẠM THỊ UYÊN	8/10/2000		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1641	BÙI KHÁNH HUYỀN	10/2/2003		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1642	BÙI THỊ HOA	2/18/1977		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1643	BÙI VĂN QUYỀN	7/4/1975	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1644	ĐÀO THỊ MAI	8/12/1961		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1645	BÙI ĐỨC THƯỜNG	12/17/1968	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1646	ĐÀO THANH LÂM	4/19/2002	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1647	TRẦN THỊ DỊU	1/1/1940		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 142B, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1648	PHẠM THỊ HƯƠNG HỒI	11/5/1991		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1649	VŨ TUẤN DƯƠNG	12/23/1989	Nam		Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1650	NGUYỄN THỊ THANH LAN	4/3/1967		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1651	BÙI NGUYỄN TRANG PHƯỢNG	4/22/2003		Nữ	Kinh	Tự do	Ngõ 54 Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1652	BÙI QUANG HUY	1/29/1972	Nam		Kinh	Tự do	Ngõ 54 Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1653	NGUYỄN THỊ MAI LOAN	4/12/1973		Nữ	Kinh	Tự do	Ngõ 54 Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1654	LÊ THỊ MINH	12/28/1971		Nữ	Kinh	Tự do	Số nhà 392, Cống Sáo, khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1655	NGÔ THỊ TRANG	7/11/1999		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1656	NGUYỄN TRƯỜNG AN	6/3/1996	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 390, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1657	NGUYỄN THỊ THÚY	10/14/1986		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1658	VŨ MẠNH TOÀN	11/30/1985	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1659	NGUYỄN HIỆP CHINH	6/9/1986	Nam		Kinh	Tự do	khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1660	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	2/25/1985		Nữ	Kinh	Tự do	khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1661	HÀ THỊ ÁNH	5/26/1998		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1662	HÀ VĂN BÁCH	6/28/1996	Nam		Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1663	LÊ TRUNG HIẾU	9/5/1988	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 170, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1664	NGUYỄN HẢI YẾN	10/4/2001		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 170, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1665	VŨ THỊ THANH LOAN	10/2/1980		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 230, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1666	TRỊNH THỊ THỦY	6/15/1984		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3 TT NINH GIANG, TTNG	
1667	LÊ THỊ NHUNG	2/11/1995		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 218, ĐƯỜNG NGUYỄN LƯƠNG BẰNG, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh	
1668	NGUYỄN VĂN HƯNG	6/21/1992	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 218, ĐƯỜNG NGUYỄN LƯƠNG BẰNG, KHU PHỐ 3, TTNG, huyện NG, tỉnh	
1669	NGUYỄN THỊ THẢO	7/1/1969		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1670	BÙI MẠNH DŨNG	10/30/1976	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 209, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1671	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	2/12/1978		Nữ	Kinh	Tự do	Khu 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1672	NGUYỄN THỊ TUYẾT	1/20/1957		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1673	TRẦN NGỌC VĨNH	9/2/1950	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1674	PHẠM THỊ THỦY	10/8/1982		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1675	PHẠM THU HIỀN	10/1/1984		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1676	NGUYỄN THỊ LUYÊN	12/9/1971		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 55, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1677	VŨ DUY HÀNG	4/20/1960	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1678	VŨ THỊ LAN ANH	1/9/1994		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 55, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1679	NGUYỄN THỊ THANH HUẾ	11/16/1990		Nữ	Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 340, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1680	PHẠM QUANG HẬU	8/19/1987	Nam		Kinh	Tự do	SỐ NHÀ 340, TỔ 5, KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1681	TRỊNH PHƯƠNG LINH	4/16/2004		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1682	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	1/30/1993	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1683	HÀ THỊ XIÊM	1/8/1973		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1684	NGUYỄN DUY TÙNG	7/13/1996	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1685	PHẠM VĂN TOÀN	3/15/1984	Nam		Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1686	HÀ THỊ PHƯƠNG	5/25/1999		Nữ	Kinh	Tự do	KHU 3, TTNG, huyện NG, tỉnh HD	
1687	NGUYỄN THẾ HOÀ	5/25/1956	Nam		Kinh	Buôn bán	P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, TP Hà Nội	Tạm trú
1688	NGUYỄN THỊ TUYẾT LOAN	8/5/1961		Nữ	Kinh	Buôn bán	P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, TP Hà Nội	Tạm trú
1689	VÕ THỊ XUÂN	12/12/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	P. Vĩnh Phúc, Q. Ba Đình, TP Hà Nội	Tạm trú
1690	PHẠM HUỆ CHI	4/16/2001		Nữ	Kinh	Tự do	P. Vĩnh Phúc, Q. Ba Đình, TP Hà Nội	Tạm trú

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1691	NGUYỄN THANH VIỆT	4/1/1991	Nam		Kinh	Công chức	P. Tân Bình, TP Hải Dương	Tạm trú
1692	VŨ THU HUYỀN	11/26/2000		Nữ	Kinh	Tự do	Xã Lệ Chi, H.Gia Lâm, TP Hà Nội	Tạm trú

Tổng số hộ gia đình của khu dân cư là: 708 hộ; trong đó:

Hộ có 01 cử tri là 145 hộ;

Hộ có 02 cử tri là 281 hộ;

Hộ có 03 cử tri là 161 hộ;

Hộ có 04 cử tri là 102 hộ;

Hộ có 05 cử tri là 15 hộ;

Hộ có 06 cử tri là 04 hộ;

04 hộ tạm trú, 6 nhân khẩu, 02 nam, 04 nữ

Tổng số cử tri của khu dân cư là: 1692 người; trong đó có: 772 nam, 920 nữ.

Danh sách này được lập tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Ninh Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2024.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Luận

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN NINH GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỬ TRI
LẤY Ý KIẾN VỀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
Khu dân cư số 4 thuộc Thị trấn Ninh Giang
huyện Ninh Giang - tỉnh Hải Dương

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1	NGÔ CHÍ LÂM	5/31/1989	Nam		Kinh	Công nhân	24-Ninh Lãng- khu 4- TTNG	
2	TRẦN THỊ NHUNG	7/17/1991		Nữ	Kinh	Công nhân	24-Ninh Lãng- khu 4- TTNG	
3	VŨ DUY TIẾN DŨNG	4/10/2002	Nam		Kinh		3A-Ninh Hoà 2- Khu 4 – TTNG	
4	ĐÀO HẢI THANH	8/7/1981	Nam		Kinh	Công nhân	34 – Ninh Thịnh – Khu 4 – TTNG	
5	NGUYỄN THỊ HUỆ	3/10/1981		Nữ	Kinh	LĐTD	34-Ninh Thịnh –Khu 4 – TTNG	
6	BÙI THỊ TRÌNH	8/20/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	2-Ninh Hoà 2 –Khu 4 – TTNG	
7	VŨ XUÂN PHONG	6/27/1990	Nam		Kinh	LĐTD	2-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
8	BÙI THỊ MINH	12/3/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	4-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
9	NGUYỄN ĐẮC TRUNG	3/21/1986	Nam		Kinh	Công nhân	4-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
10	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	12/7/1990		Nữ	Kinh	Nội trợ	4-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
11	BÙI ĐỨC TÚ	3/22/1981	Nam		Kinh	Công nhân	6-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
12	BÙI ĐỨC TUẤN	6/2/1979	Nam		Kinh	Công nhân	6-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
13	NGUYỄN THỊ HÒA	6/7/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	6-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
14	ĐỒNG THỊ HƯỜNG	6/12/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	8-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
15	NGUYỄN MINH ĐỨC	12/27/1990	Nam		Kinh	Công nhân	8-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
16	NGUYỄN THỊ TÂM	10/2/1967		Nữ	Kinh	Nội trợ	8-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
17	NGUYỄN VĂN LẬP	11/14/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	8-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
18	ĐÀO THỊ SUỐT	12/30/1979		Nữ	Kinh	Nội trợ	10 – Ninh Hoà 2 – Khu 4 – TTNG	
19	ĐỖ MINH HIẾU	2/6/1998	Nam		Kinh	Công nhân	10 – Ninh Hoà 2 – Khu 4 – TTNG	
20	ĐỖ THỊ BÀI	1/1/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	12-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
21	NGUYỄN TRỌNG VŨ	5/31/2004	Nam		Kinh	Bộ đội	12-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
22	PHAN THỊ NẮNG	1/1/1973		Nữ	Kinh	LĐTD	12-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
23	ĐÀO THỊ THU HƯƠNG	4/10/1977		Nữ	Kinh	Giáo viên	44-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
24	NGUYỄN HỮU ANH	2/28/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	44-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
25	NGUYỄN VĂN CHIẾN	1/30/1968	Nam		Kinh	Hưu trí	44-Ninh Hoà 2-Khu 4 – TTNG	
26	BÙI THẾ MẠNH	10/27/1995	Nam		Kinh	Công nhân	16-Ninh Hoà 2 –Khu 4 – TTNG	
27	BÙI VĂN MAI	10/15/1968	Nam		Kinh	Buôn bán	16-Ninh Hoà 2 –Khu 4 – TTNG	
28	NGUYỄN THỊ CƯỜNG	9/22/1953		Nữ	Kinh	Nội trợ	16-Ninh Hoà 2 –Khu 4 – TTNG	
29	NGUYỄN THỊ THỊNH	9/10/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	16- Ninh Hoà 2 – Khu 4 – TTNG	
30	NGUYỄN THỊ LIỄU	3/20/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	18 – Ninh Hoà 2 – Khu 4 – TTNG	
31	TRẦN XUÂN HIẾU	3/23/1947	Nam		Kinh	Già yếu	18 – Ninh Hoà 2 – Khu 4 – TTNG	
32	NGUYỄN THÙY HƯƠNG	7/18/1971		Nữ	Kinh	Nội trợ	24-Ninh Hoà 2 – Khu 4 – TTNG	
33	NGUYỄN THỊ CHÂM	11/20/1968		Nữ	Kinh	Nội trợ	24-Ninh Hoà 2 – Khu 4 – TTNG	
34	HÀ THỊ CHÂM	12/29/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	26 –Ninh Hoà 2 – Khu 4 – TTNG	
35	BÙI THỊ XUÂN	9/7/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	28 – Ninh Hoà 2 –Khu 4 – TTNG	
36	BÙI ĐỨC SÁNG	5/21/1970	Nam		Kinh	LĐTD	30–Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
37	NGUYỄN THỊ THỤC QUÂN	1/9/2003		Nữ	Kinh	Công nhân	30–Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
38	NGUYỄN THỊ TƯƠI	7/26/1972		Nữ	Kinh	Buôn bán	30–Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
39	TRỊNH THỊ OANH	2/26/1967		Nữ	Kinh	Khuyết tật	32 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
40	ĐÀO THỊ BIỂN	6/2/1970		Nữ	Kinh	Giáo viên	34 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
41	TRỊNH ĐỨC TÚ	3/4/1996	Nam		Kinh	Sinh viên	34 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
42	TRỊNH HỒNG TUẤN	4/27/1965	Nam		Kinh	LĐTD	34 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
43	TRỊNH THỊ HỒNG TƯƠI	1/6/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	34 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
44	BÙI THỊ VIỆT	5/13/1946		Nữ	Kinh	Nội trợ	20A –Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
45	BÙI THANH KHOA	10/7/1962	Nam		Kinh	LĐTD	20A –Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
46	BÙI THANH TRANG	3/16/2005		Nữ	Kinh	Công nhân	20A –Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
47	BÙI THANH TÙNG	6/25/1988	Nam		Kinh	Công nhân	20A –Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
48	VŨ THỊ YẾN	10/12/1969		Nữ	Kinh	Công nhân	20A –Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
49	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	2/13/1983		Nữ	Kinh	Công nhân	20B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
50	NGUYỄN THỊ MINH	1/3/1951		Nữ	Kinh	Nội trợ	20B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
51	NGUYỄN VĂN THẮNG	8/5/1949	Nam		Kinh	LĐTD	20B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
52	NGUYỄN THỊ ANH CHI	11/3/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	20C – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
53	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	10/17/1968		Nữ	Kinh	Nội trợ	20C – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
54	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	10/23/1967	Nam		Kinh	LĐTD	20C – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
55	NGUYỄN VĂN VŨ	1/20/1992	Nam		Kinh	Công nhân	20C – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
56	VŨ HỒNG NHUNG	10/14/1996		Nữ	Kinh	Công nhân	20C – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
57	BÙI ĐỨC HUY	6/26/1984	Nam		Kinh	Công nhân	36 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
58	BÙI ĐỨC MÃO	8/18/1952	Nam		Kinh	Buôn bán	36 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
59	BÙI THỊ TUYẾT MINH	8/15/1976		Nữ	Kinh	Công nhân	36 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
60	ĐINH THỊ THANH THÚY	9/14/1987		Nữ	Kinh	LĐTD	36 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
61	PHAN THỊ MƠ	5/24/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	36 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
62	TRẦN QUỐC ĐẠT	8/20/1949	Nam		Kinh	Hưu trí	38 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
63	TRẦN TRUNG DŨNG	9/22/1979	Nam		Kinh	Công nhân	38 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
64	VŨ THỊ DUNG	8/20/1955		Nữ	Kinh	Hưu trí	38 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
65	ĐOÀN THỊ BÍCH HẠNH	8/16/1988		Nữ	Kinh	Giáo viên	38 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
66	TRẦN THANH PHONG	7/5/1981	Nam		Kinh	Công nhân	38 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
67	CHU MẠNH HÙNG	3/23/2004	Nam		Kinh	Công nhân	40- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
68	LÊ ĐÌNH TÂN	11/24/1998	Nam		Kinh	Công nhân	40- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
69	NGUYỄN THỊ XÂY	9/15/1973		Nữ	Kinh	Công nhân	40- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
70	PHẠM VĂN TÀI	1/29/1957	Nam		Kinh	Bảo vệ	40- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
71	DƯ THỊ THANH BÌNH	4/29/1953		Nữ	Kinh	Buôn bán	Khu 4 – TTNG	
72	NGUYỄN THẾ ANH	2/10/1988	Nam		Kinh	Buôn bán	Khu 4 – TTNG	
73	VŨ THỊ THỦY	4/30/1991		Nữ	Kinh	Buôn bán	Khu 4 – TTNG	
74	BÙI THỊ LAN	1/1/1949		Nữ	Kinh	Nội trợ	1/40- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
75	NGUYỄN THỊ THOAN	1/28/1975		Nữ	Kinh	LĐTD	1/40- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
76	NGUYỄN VĂN MẠNH	7/12/1978	Nam		Kinh	Thần kinh	1/40- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
77	NGUYỄN VĂN THẢO	6/1/1941	Nam		Kinh	Già yếu	1/40- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
78	NGUYỄN THỊ LỢI	1/26/1975		Nữ	Kinh	Công nhân	46 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
79	PHẠM VĂN VỸ	4/19/1972	Nam		Kinh	LĐTD	46 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
80	NGUYỄN THỊ LÝ	1/1/1935		Nữ	Kinh	Nội trợ	46 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
81	PHẠM VĂN KHOA	7/23/1969	Nam		Kinh	LĐTD	48 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
82	VŨ THỊ HOA	10/20/1975		Nữ	Kinh	Nội trợ	48 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
83	NGUYỄN THỊ HẬU	7/10/1985		Nữ	Kinh	LĐTD	50 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
84	NGUYỄN THỊ HOA	1/1/1962		Nữ	Kinh	Buôn bán	50 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
85	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	1/11/2005		Nữ	Kinh	LĐTD	50 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
86	VŨ VĂN HUY	8/11/1981	Nam		Kinh	LĐTD	50 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
87	PHẠM THỊ TÍU	7/15/1937		Nữ	Kinh	Già yếu	52 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
88	PHAN THỊ BÍCH THỦY	2/20/1977		Nữ	Kinh	Buôn bán	54 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
89	VŨ VĂN DUY	6/6/1999	Nam		Kinh	Bộ đội	54 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
90	VŨ VĂN NGUYÊN	11/17/1970	Nam		Kinh	LĐTD	54 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
91	ĐÀO HUYỀN QUYÊN	1/15/1999		Nữ	Kinh	Công nhân	56 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
92	NGUYỄN THỊ THANH	3/16/1964		Nữ	Kinh	Nội trợ	56 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
93	NGUYỄN VĂN HOAN	10/31/1995	Nam		Kinh	Công nhân	56 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
94	NGUYỄN VĂN TRÍ	9/19/1990	Nam		Kinh	Công nhân	56 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
95	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	3/31/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	58 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
96	PHẠM THỊ DUNG	4/23/1945		Nữ	Kinh	Nội trợ	58 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
97	VŨ VĂN DŨNG	3/3/1976	Nam		Kinh	Công nhân	58 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
98	TRỊNH THỊ XUÂN	3/23/1974		Nữ	Kinh	Giáo viên	58 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
99	VŨ HOÀNG DUY	10/11/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	58 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
100	TRẦN THỊ NGỌC	9/27/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	60 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
101	BÙI THỊ YẾN	8/29/1973		Nữ	Kinh	LĐTD	62 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
102	LÊ YẾN LINH	10/7/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	62 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
103	HÀ THỊ LIỄU	5/7/1990		Nữ	Kinh	Giáo viên	64 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
104	NGUYỄN THỊ NGA	11/11/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	64 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
105	VŨ VĂN TUẤN	1/5/1987	Nam		Kinh	LĐTD	64 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
106	NGUYỄN THỊ MIỀN	11/6/1950		Nữ	Kinh	Hưu trí	6- Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
107	NGUYỄN VĂN THUẦN	8/26/1950	Nam		Kinh	Hưu trí	6- Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
108	NGUYỄN THỊ THUẦN	8/22/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	8- Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
109	NGUYỄN THANH YÊN	6/13/1981	Nam		Kinh	Công nhân	10 - Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
110	VŨ HỒNG LINH	8/10/1986		Nữ	Kinh	Công nhân	10 - Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
111	ĐỖ HOÀNG HÀ	8/4/1989	Nam		Kinh	Công nhân	12 - Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
112	ĐỖ HUY HOÀNG	7/26/1987	Nam		Kinh	Công nhân	12 - Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
113	TẠ THỊ MAI	8/21/1965		Nữ	Kinh	Buôn bán	12 - Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
114	BÙI THỊ TRANG	6/1/1999		Nữ	Kinh	Công nhân	14 - Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
115	BÙI THÚY HUYỀN	6/26/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	14- Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
116	PHẠM THỊ XIÊM	9/22/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	14- Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
117	PHẠM THỊ XIM	10/10/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	14- Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
118	HOÀNG VĂN QUANG	4/22/1957	Nam		Kinh	Già yếu	16 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
119	HOÀNG TRÀ MY	11/18/1990		Nữ	Kinh	LĐTD	16 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
120	NGUYỄN THỊ NGA	1/1/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	16- Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
121	NGUYỄN THỊ MINH	5/24/1961		Nữ	Kinh	Buôn bán	18A – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
122	NGUYỄN ĐỨC BÍCH	2/24/1980	Nam		Kinh	Lái xe	18A – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
123	TRẦN THỊ THÙY	11/12/1990		Nữ	Kinh	LĐTD	18A – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
124	NGUYỄN ANH THƯ	10/19/2005		Nữ	Kinh	LĐTD	18B – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
125	NGUYỄN VĂN LÂN	7/12/1971	Nam		Kinh	Nội trợ	18B – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
126	PHAN THỊ BÍCH	10/30/1975		Nữ	Kinh	Buôn bán	18B – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
127	NGUYỄN BÁ ĐẠT	7/12/1991	Nam		Kinh	LĐTD	20 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
128	ĐẶNG VĂN NHÂN	12/8/1963	Nam		Kinh	LĐTD	22 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
129	ĐẶNG VĂN TIẾN	8/28/1984	Nam		Kinh	Công nhân	22 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
130	NGÔ THỊ HAO	4/2/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	22 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
131	NGUYỄN THỊ NHÀN	2/10/1986		Nữ	Kinh	Công nhân	22 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
132	ĐẶNG VĂN TUẤN	12/30/1990	Nam		Kinh	Công nhân	22 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
133	BÙI THỊ NINH	1/1/1935		Nữ	Kinh	Nội trợ	24 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
134	ĐỖ THỊ LỊCH	1/1/1959		Nữ	Kinh	Già yếu	24 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
135	ĐẶNG THỊ LAN PHƯƠNG	10/13/1967		Nữ	Kinh	Viên chức	26 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
136	ĐÀO ĐỨC MẠNH	9/17/2004	Nam		Kinh	Công nhân	26 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
137	ĐÀO THANH KHƯƠNG	11/10/1992	Nam		Kinh	Công nhân	26 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
138	LÊ THỊ THẢO	8/19/1995		Nữ	Kinh	Công nhân	26 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
139	TRẦN NGỌC THẠCH	9/17/1987	Nam		Kinh	Lái xe	30 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
140	VŨ THỊ MINH	11/3/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	30 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
141	NGUYỄN THỊ HUỆ	12/3/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	30 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
142	TRẦN NGỌC DŨNG	6/2/1958	Nam		Kinh	LĐTD	30 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
143	LÊ MINH TUẤN	6/26/1961	Nam		Kinh	Hưu trí	32 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
144	LÊ THANH BÌNH	7/17/1985	Nam		Kinh	Công chức	32 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
145	NGUYỄN THỊ VUI	10/10/1960		Nữ	Kinh	Nội trợ	32 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
146	LÊ THỊ LAN ANH	7/20/1983		Nữ	Kinh	Công nhân	32 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
147	ĐINH THỊ THU HƯỜNG	5/12/1978		Nữ	Kinh	Giáo viên	34A – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
148	NGUYỄN THÀNH TRUNG	2/14/1976	Nam		Kinh	Công nhân	34A – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
149	NGUYỄN THANH BÌNH	1/12/1948	Nam		Kinh	Hưu trí	34B – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
150	NGUYỄN THẾ ANH	8/2/1979	Nam		Kinh	Công nhân	34B – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
151	NGUYỄN THỊ NGUYÊN	12/21/1947		Nữ	Kinh	Nội trợ	34B – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
152	ĐOÀN THỊ MÃO	6/5/1938		Nữ	Kinh	Nội trợ	36 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
153	LÊ THANH DUY	7/31/2003	Nam		Kinh	Công nhân	36 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
154	LÊ THANH TÙNG	1/1/1970	Nam		Kinh	LĐTD	36 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
155	LÊ THỊ UÂN	6/23/1968		Nữ	Kinh	Buôn bán	36 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
156	ĐOÀN THỊ PHÚ	1/1/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	38 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
157	ĐOÀN ĐÌNH DŨNG	1/1/1963	Nam		Kinh	Khuyết tật	38 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
158	NGUYỄN THẾ DŨNG	11/4/1981	Nam		Kinh	Công chức	40 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
159	ĐINH NGỌC LIỆU	1/25/1948	Nam		Kinh	Hưu trí	46 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
160	HOÀNG THỊ TÁM	4/19/1947		Nữ	Kinh	Hưu trí	46 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
161	NGUYỄN CÔNG THÀNH	9/19/1996	Nam		Kinh	LĐTD	48 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
162	NGUYỄN THÀNH TRUNG	12/20/1990	Nam		Kinh	Công nhân	48 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
163	NGUYỄN THỊ HUỆ	1/1/1942		Nữ	Kinh	Công nhân	48 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
164	NGUYỄN XUÂN HIẾU	12/9/1964	Nam		Kinh	Bảo vệ	48 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
165	TRẦN THỊ KIM HOA	2/5/1969		Nữ	Kinh	Nội trợ	48 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
166	NGUYỄN THỊ YẾN	2/6/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	50 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
167	PHẠM NGỌC CHIẾN	7/6/1994	Nam		Kinh	Công nhân	50 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
168	PHẠM THỊ THÚY	2/7/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	50 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
169	PHẠM VĂN NHÃ	1/6/1959	Nam		Kinh	Hưu trí	50 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
170	NGUYỄN THỊ KHÁNH	11/5/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	52 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
171	NGUYỄN VĂN LONG	3/2/1958	Nam		Kinh	LĐTD	52 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
172	NGUYỄN VĂN TOẢN	7/15/1989	Nam		Kinh	Công nhân	52 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
173	NGUYỄN VĂN TUYÊN	3/11/1985	Nam		Kinh	Công nhân	52 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
174	PHÙNG THỊ NGA	4/28/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	52 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
175	HÀ ĐÌNH QUÂN	9/28/1971	Nam		Kinh	Hưu trí	54A – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
176	HÀ NHẬT QUANG	8/6/2002	Nam		Kinh	Sinh viên	54A – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
177	NGÔ THỊ NGỌC QUỲNH	1/27/1977		Nữ	Kinh	Giáo viên	54A – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
178	HÀ MINH TUÂN	7/7/1970	Nam		Kinh	Công chức	54B – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
179	HÀ NGUYỆT LAN CHI	8/6/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	54B – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
180	NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI	1/30/1973		Nữ	Kinh	Giáo viên	54B – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
181	NGUYỄN THỊ THẮNG	9/17/1951		Nữ	Kinh	Nội trợ	56 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
182	ĐINH THỊ THU HUYỀN	1/25/1974		Nữ	Kinh	Giáo viên	58 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
183	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG QUỲNH	10/5/1996		Nữ	Kinh	Sv	58 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
184	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG THẢO	2/2/2004		Nữ	Kinh	Sv	58 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
185	NGUYỄN PHƯƠNG XA	4/2/1969	Nam		Kinh	Hưu trí	58 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
186	VŨ THỊ THIỆP	12/20/1953		Nữ	Kinh	Già yếu	60 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
187	NGUYỄN HOÀI BẮC	1/25/1969	Nam		Kinh	Hưu trí	62 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
188	NGUYỄN HOÀNG NGUYÊN	12/10/1999	Nam		Kinh	Sinh viên	62 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
189	PHẠM THỊ SANG	12/6/1976		Nữ	Kinh	Giáo viên	62 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
190	DƯƠNG KẾ CHIÊU	6/1/1946	Nam		Kinh	Hưu trí	66 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
191	NGÔ THỊ TÁM	8/13/1949		Nữ	Kinh	Hưu trí	66 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
192	ĐỖ THỊ TỴ	12/30/1954		Nữ	Kinh	Nội trợ	68 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
193	LÊ CHÍ CÔNG	7/12/1989	Nam		Kinh	LĐTD	70 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
194	LÊ ĐÌNH CƯỜNG	2/14/1959	Nam		Kinh	LĐTD	70 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
195	NGUYỄN THỊ LIÊN	2/8/1964		Nữ	Kinh	Nội trợ	70 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
196	NGUYỄN THỊ SAN	10/30/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	72 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
197	VŨ CHÍ DŨNG	9/10/1959	Nam		Kinh	Hưu trí	72 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
198	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	4/20/1988		Nữ	Kinh	Công nhân	72 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
199	NGUYỄN THỊ HÒA	9/16/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	74-Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
200	PHẠM THỊ HẰNG	10/22/1971		Nữ	Kinh	Công chức	76-Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
201	ĐỖ THỊ KIM PHƯƠNG	8/10/1974		Nữ	Kinh	Công chức	80-Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
202	NGUYỄN DUY NAM	1/6/2000	Nam		Kinh	Sinh viên	80-Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
203	NGUYỄN DUY QUÂN	1/2/1973	Nam		Kinh	Công chức	80-Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
204	BÙI BÁ TRUNG	3/11/2001	Nam		Kinh	Sinh viên	82 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
205	BÙI PHƯƠNG NAM	12/8/1974	Nam		Kinh	Công chức	82 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
206	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	7/5/1976		Nữ	Kinh	Giáo viên	82 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
207	NGUYỄN DUY ÁI	7/31/2000	Nam		Kinh	Công nhân	86 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
208	NGUYỄN THỊ CHI	11/30/1995		Nữ	Kinh	Công nhân	86 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
209	NGUYỄN THIỆN HÀ	12/20/1956	Nam		Kinh	LĐTD	86 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
210	NGUYỄN THỊ THU VÂN	4/4/1971		Nữ	Kinh	Buôn bán	86 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
211	NGUYỄN TUẤN ANH	10/26/1996	Nam		Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
212	NGUYỄN VĂN THANH	4/13/1972	Nam		Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
213	VŨ THỊ MINH HUÊ	12/16/1974		Nữ	Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
214	BÙI THỊ LEN	11/10/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	90 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
215	NGUYỄN THỊ PHÚC	6/14/1990		Nữ	Kinh	Buôn bán	90 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
216	NGUYỄN VĂN VỤ	3/6/1958	Nam		Kinh	Phó khu phố	90 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
217	NGUYỄN LAN HƯƠNG	8/28/1998		Nữ	Kinh	Viên chức	92 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
218	NGUYỄN THỊ LÀ	8/8/1958		Nữ	Kinh	Hưu trí	92 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
219	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	8/15/2003	Nam		Kinh	LĐTD	96 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
220	NGUYỄN MẠNH HÙNG	1/8/1968	Nam		Kinh	LĐTD	96 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
221	NGUYỄN NGỌC HÀ	12/22/1970		Nữ	Kinh	Nội trợ	96 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
222	NGUYỄN TIẾN DŨNG	10/27/1982	Nam		Kinh	Công nhân	92 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
223	PHẠN THỊ NHÂN	9/25/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	92 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
224	NGUYỄN THỊ THÚY	9/20/1970		Nữ	Kinh	Nội trợ	90- Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
225	NGUYỄN VĂN SƠN	8/26/2002	Nam		Kinh	Sinh viên	90- Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
226	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	3/24/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	88 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
227	NGUYỄN VĂN HẢI	7/13/1989	Nam		Kinh	Công nhân	88 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
228	VŨ THỊ BÌNH	7/25/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	88 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
229	NGUYỄN QUANG ĐẦU	3/25/1943	Nam		Kinh	Hưu trí	84 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
230	NGUYỄN THỊ LỰU	3/22/1948		Nữ	Kinh	Hưu trí	84 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
231	BÙI THỊ THANH THẢO	3/17/1979		Nữ	Kinh	Công chức	84 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
232	NGUYỄN QUANG ĐẠI	4/2/1975	Nam		Kinh	Công chức	84 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
233	NGUYỄN QUANG ĐỨC	10/1/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	84 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
234	NGUYỄN QUỐC THÁI	10/20/1956	Nam		Kinh	Hưu trí	82 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
235	VŨ THỊ HÀ	10/5/1960		Nữ	Kinh	Hưu trí	82 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
236	ĐỖ VĂN CẦU	2/4/1988	Nam		Kinh	Công nhân	82 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
237	NGUYỄN THỊ QUỲNH	10/27/1991		Nữ	Kinh	LĐTD	82 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
238	ĐỖ VĂN ĐÓA	1/10/1955	Nam		Kinh	Hưu trí	94 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
239	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	8/20/1957		Nữ	Kinh	LĐTD	94 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
240	ĐỖ TRUNG THÀNH	10/13/1983	Nam		Kinh	LĐTD	94 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
241	PHẠM THỊ TÁM	10/10/1948		Nữ	Kinh	Hưu trí	80A – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
242	TRẦN VĂN TIẾN	11/14/1981	Nam		Kinh	LĐTD	80A – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
243	TRẦN VĂN TOAN	5/25/1948	Nam		Kinh	Hưu trí	80A – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
244	HOÀNG NGỌC HẢI	10/14/1983	Nam		Kinh	Lái xe	49B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
245	PHẠM THỊ NGỌC TUYẾT	6/24/1983		Nữ	Kinh	Công nhân	49B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
246	BÙI ĐỨC BÌNH	11/20/1957	Nam		Kinh	LĐTD	47 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
247	BÙI ĐỨC HIẾU	8/10/1988	Nam		Kinh	Công nhân	47 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
248	BÙI THỊ PHƯƠNG	1/20/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	47 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
249	NGUYỄN THỊ LOAN	10/20/1963		Nữ	Kinh	Buôn bán	47 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
250	ĐÀO TIẾN ĐẠT	11/10/1994	Nam		Kinh	Công nhân	43 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
251	ĐÀO VĂN QUÂN	2/3/1964	Nam		Kinh	Buôn bán	43 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
252	PHẠM THỊ ÁNH	8/26/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	43 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
253	VŨ THỊ THÚY	12/15/1964		Nữ	Kinh	Buôn bán	43 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
254	BÙI ĐỨC NAM	5/18/1998	Nam		Kinh	Công nhân	41 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
255	BÙI ĐỨC SỬU	11/9/1961	Nam		Kinh	LĐTD	41 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
256	TRẦN THỊ XUÂN	9/5/1971		Nữ	Kinh	Nội trợ	41 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
257	BÙI ĐỨC AN	1/5/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	39 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
258	BÙI ĐỨC LÂN	9/25/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	39 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
259	ĐÀO THỊ HÀ	9/16/1982		Nữ	Kinh	LĐTD	39 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
260	NGUYỄN SỸ LỢI	1/12/1985	Nam		Kinh	LĐTD	35 –Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
261	NGUYỄN SỸ THẮNG	7/3/1956	Nam		Kinh	LĐTD	35 –Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
262	NGUYỄN THỊ NGA	8/20/1963		Nữ	Kinh	Công nhân	35 –Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
263	NGUYỄN THỊ HUYỀN	10/27/1988		Nữ	Kinh	Công nhân	35 –Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
264	BÙI ĐỨC BẢY	7/27/1948	Nam		Kinh	LĐTD	1A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
265	BÙI ĐỨC CƯƠNG	11/25/2001	Nam		Kinh	LĐTD	1A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
266	BÙI ĐỨC KIÊN	5/25/1979	Nam		Kinh	LĐTD	1A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
267	BÙI THỊ HOA	5/25/1976		Nữ	Kinh	LĐTD	1A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
268	TRƯƠNG THỊ BÍCH	11/1/1949		Nữ	Kinh	Nội trợ	1A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
269	VŨ ÁNH DƯƠNG	11/3/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	1A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
270	BÙI THỊ HUYỀN	4/28/1982		Nữ	Kinh	LĐTD	1A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
271	BÙI ĐỨC CƯỜNG	7/1/1988	Nam		Kinh	Công nhân	1A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
272	PHẠM THỊ HẰNG	7/21/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	1A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
273	NGUYỄN QUANG KHUYNH	12/12/1937	Nam		Kinh	Hưu trí	1B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
274	PHẠM QUANG KHÔI	9/21/1947	Nam		Kinh	LĐTD	3B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
275	VŨ THỊ KIM ANH	2/1/1954		Nữ	Kinh	Nội trợ	3B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
276	ĐỖ THỊ YẾN	12/5/1992		Nữ	Kinh	Công chức	5A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
277	NGUYỄN THỊ MAI	7/30/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	5A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
278	TRẦN HỮU TỪ	8/16/1960	Nam		Kinh	Buôn bán	5A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
279	TRẦN TUẤN VIỆT	8/29/1988	Nam		Kinh	Công chức	5A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
280	HÀ MINH CHÂU	6/18/1949	Nam		Kinh	Hưu trí	5B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
281	HÀ THỊ TUYẾT	1/16/1980		Nữ	Kinh	Công nhân	5B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
282	HÀ MINH TUẤN	6/24/1978	Nam		Kinh	Công nhân	5B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
283	NGÔ THỊ HOA	10/1/1984		Nữ	Kinh	Giáo viên	5B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
284	ĐÀO THỊ MAY	2/23/1975		Nữ	Kinh	Giáo viên	7 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
285	PHẠM VĂN HIỂN	3/19/1969	Nam		Kinh	LĐTD	7 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
286	PHẠM VĂN KIÊN	5/13/2000	Nam		Kinh	Sinh viên	7 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
287	BÙI ĐỨC THẮNG	8/12/1953	Nam		Kinh	LĐTD	13 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
288	BÙI THỊ KIM OANH	8/15/1985		Nữ	Kinh	Kế toán	13 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
289	LƯU THỊ THANH	1/22/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	13 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
290	PHẠM THỊ THUẬN	2/6/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	19 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
291	PHẠM VĂN HÒA	1/2/1954	Nam		Kinh	Hưu trí	19 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
292	PHẠM XUÂN HIỆP	1/21/1985	Nam		Kinh	Viên chức	19 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
293	NGUYỄN VĂN HIỆP	4/13/1992	Nam		Kinh	Công nhân	21 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
294	NGUYỄN VĂN HOA	11/23/1960	Nam		Kinh	LĐTD	21 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
295	TRƯƠNG THỊ LAN	8/17/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	21 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
296	NGUYỄN THỊ GÁI	1/1/1933		Nữ	Kinh	Già yếu	23 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
297	NGUYỄN TRUNG KIÊN	9/27/2002	Nam		Kinh	Công nhân	23 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
298	NGUYỄN THỊ THƠM	1/19/1980		Nữ	Kinh	Nội trợ	25 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
299	TRƯƠNG HẢI ANH	6/19/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	25 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
300	TRƯƠNG VĂN DƯƠNG	1/4/1999	Nam		Kinh	Công nhân	25 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
301	TRƯƠNG VĂN HƯNG	12/20/1973	Nam		Kinh	LĐTD	25 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
302	BÙI HUY HẬU	12/10/1992	Nam		Kinh	Công nhân	27 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
303	HÀ THỊ HƯỜNG	11/26/1996		Nữ	Kinh	Công nhân	27 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
304	NGUYỄN THỊ LIÊN	8/12/1966		Nữ	Kinh	Nội trợ	27 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
305	BÙI THỊ TỴ	2/5/1953		Nữ	Kinh	Nội trợ	29 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
306	NGUYỄN TRUNG KIÊN	4/22/1986	Nam		Kinh	LĐTD	29 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
307	NGUYỄN XUÂN HẢI	7/3/1988	Nam		Kinh	LĐTD	29 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
308	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	5/21/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	29 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
309	NGUYỄN XUÂN HÙNG	12/7/1980	Nam		Kinh	Lái xe	29 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
310	PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	2/20/1982		Nữ	Kinh	LĐTD	29 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
311	TRẦN BÍCH THƯỜNG	1/1/1983		Nữ	Kinh	Giáo viên	31- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
312	BÙI ĐỨC DŨNG	6/10/1975	Nam		Kinh	Lái xe	33 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
313	ĐINH THỊ PHÚC	9/5/1948		Nữ	Kinh	Nội trợ	33 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
314	NGUYỄN THỊ VÂN OANH	4/25/1966		Nữ	Kinh	Hưu trí	35 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
315	PHẠM HUY ĐIỆU	1/15/1957	Nam		Kinh	Hưu trí	35 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
316	ĐỖ THỊ TRANG	10/18/1990		Nữ	Kinh	Công chức	37 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
317	HÀ THỊ TỴ	9/18/1965		Nữ	Kinh	Nội trợ	37 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
318	TRỊNH VĂN MINH	7/9/1956	Nam		Kinh	LĐTD	37 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
319	TRỊNH VĂN TÚ	10/25/1988	Nam		Kinh	Lái xe	37 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
320	HÀ HỒNG NINH	6/13/1952	Nam		Kinh	Hưu trí	41A – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
321	NGUYỄN THỊ MINH ĐÀO	8/29/1974		Nữ	Kinh	Giáo viên	41A – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
322	VŨ TRUNG KIÊN	6/20/2002	Nam		Kinh	Sinh viên	41A – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
323	PHẠM NGỌC TÚ	6/17/1961	Nam		Kinh	Hưu trí	41B – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
324	TRƯƠNG THỊ THUẬN	9/12/1965		Nữ	Kinh	Nội trợ	41B – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
325	NGUYỄN HỮU THANH	10/3/1954	Nam		Kinh	LĐTD	43 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
326	NGUYỄN HỮU TÙNG	11/16/1984	Nam		Kinh	Công nhân	43 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
327	NGUYỄN THỊ HÒA	8/20/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	43 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
328	VŨ THỊ OANH	10/25/1960		Nữ	Kinh	Nội trợ	43 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
329	PHAN THỊ KHIẾN	5/5/1964		Nữ	Kinh	Hưu trí	45 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
330	PHẠM THỊ MẮC	11/5/1937		Nữ	Kinh	Hưu trí	49 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
331	NGUYỄN THỊ CÔI	1/1/1950		Nữ	Kinh	Nội trợ	51 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
332	BÙI THỊ LÊ ANH	1/7/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	51 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
333	BÙI VĂN CƯỜNG	11/1/1972	Nam		Kinh	Công chức	51 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
334	TRẦN THỊ LÊ	9/28/1981		Nữ	Kinh	Công chức	51 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
335	NGUYỄN THỊ HUYỀN	3/26/1970		Nữ	Kinh	Buôn bán	53 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
336	TRẦN THỊ MINH HỢI	9/8/1947		Nữ	Kinh	Nội trợ	53 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
337	VŨ THỊ KHANG	12/1/1930		Nữ	Kinh	Hưu trí	55 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
338	NGUYỄN THỊ CÚC	6/12/1937		Nữ	Kinh	Nội trợ	57 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
339	ĐÀO THÀNH CÔNG	6/13/1992	Nam		Kinh	Công nhân	57 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
340	VŨ THỊ THỦY	4/1/1970		Nữ	Kinh	Giáo viên	57 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
341	BÙI THỊ THANH THỦY	7/27/1977		Nữ	Kinh	Công chức	59 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
342	NGUYỄN MINH CHÂU	1/25/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	59 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
343	NGUYỄN TÔN MẠNH	6/20/1975	Nam		Kinh	Công chức	59 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
344	BÙI ĐỨC BẢY	8/7/1971	Nam		Kinh	LĐTD	61 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
345	BÙI ĐỨC NAM	11/29/1996	Nam		Kinh	Công nhân	61 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
346	BÙI THỊ TRÀ MY	5/24/2003		Nữ	Kinh	Công nhân	61 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
347	PHAN THỊ KHÁNH	3/8/1971		Nữ	Kinh	Buôn bán	61 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
348	BÙI ĐỨC CÔNG	9/6/1989	Nam		Kinh	Công nhân	63 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
349	BÙI TRUNG THÀNH	5/19/1950	Nam		Kinh	Buôn bán	63 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
350	NGUYỄN THỊ NINH	6/23/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	63 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
351	NGUYỄN THỊ HUYỀN	8/11/1964		Nữ	Kinh	Nội trợ	65 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
352	TRỊNH ĐỨC CHIẾN	7/27/1962	Nam		Kinh	Hưu trí	65 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
353	TRỊNH ĐỨC THẮNG	4/5/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	65 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
354	TRỊNH THỊ KHANH	11/8/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	65 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
355	ĐOÀN ANH ĐỨC	11/26/1983	Nam		Kinh	Công nhân	69- Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
356	ĐỖ THỊ QUỲ	12/15/1948		Nữ	Kinh	Già yếu	69- Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
357	ĐOÀN QUỐC VƯƠNG	4/4/1976	Nam		Kinh	Công nhân	69- Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
358	TRỊNH THỊ LAN	8/27/1980		Nữ	Kinh	Công nhân	69- Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
359	BÙI THỊ MAI	8/27/1963		Nữ	Kinh	Buôn bán	73 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
360	NGUYỄN QUANG MINH	2/11/2002	Nam		Kinh	Công nhân	73 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
361	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	9/17/1994		Nữ	Kinh	Viên chức	73 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
362	NGUYỄN VĂN BẢY	9/19/1963	Nam		Kinh	LĐTD	73 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
363	TRẦN THỊ THẢO	1/11/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	75 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
364	VŨ THỊ YÊN	3/13/1957		Nữ	Kinh	Buôn bán	75 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
365	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	6/5/1990	Nam		Kinh	Công nhân	77 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
366	NGUYỄN NAM HẢI	9/3/1995	Nam		Kinh	Công nhân	77 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
367	NGUYỄN VĂN PHIÊN	5/25/1961	Nam		Kinh	Hưu trí	77 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
368	NGUYỄN THỊ KIM KHÁNH	1/10/1949		Nữ	Kinh	Hưu trí	65 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
369	NGUYỄN DUY DŨNG	3/23/1972	Nam		Kinh	Công nhân	65 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
370	NGUYỄN NHẬT HÀ	9/19/2004		Nữ	Kinh	Công nhân	65 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
371	TRƯƠNG THỊ HIỀN	2/19/1974		Nữ	Kinh	Công nhân	65 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
372	BÙI THỊ TỐ HẢO	5/25/1954		Nữ	Kinh	Nội trợ	61 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
373	NGUYỄN ANH VŨ	1/23/1979	Nam		Kinh	LĐTD	61 - Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
374	NGUYỄN QUỐC VIỆT	4/13/1982	Nam		Kinh	LĐTD	61 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
375	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	5/20/2003	Nam		Kinh	Công nhân	59 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
376	NGUYỄN TUẤN ANH	12/16/2000	Nam		Kinh	Công nhân	59 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
377	NGUYỄN VĂN SƠN	8/15/1967	Nam		Kinh	LĐTD	59 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
378	PHAN THỊ HUẾ	12/14/1978		Nữ	Kinh	Công nhân	59 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
379	BÙI THỊ HƯỜNG	11/12/1981		Nữ	Kinh	Công nhân	04/59 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
380	NGUYỄN VĂN TÚ	7/22/1972	Nam		Kinh	Buôn bán	04/59 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
381	NGUYỄN HOÀI NAM	9/2/1996	Nam		Kinh	Sinh viên	03/59 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
382	NGUYỄN VĂN TUẤN	2/9/1970	Nam		Kinh	LĐTD	03/59 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
383	VŨ THỊ THƠ	6/3/1977		Nữ	Kinh	Nội trợ	03/59 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
384	NGUYỄN THANH HÙNG	11/5/1965	Nam		Kinh	LĐTD	01/59 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
385	NGUYỄN THỊ HUÊ	2/21/2003		Nữ	Kinh	Sinh viên	01/59 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
386	NGUYỄN VĂN HƯNG	12/19/1998	Nam		Kinh	Công nhân	01/59 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
387	TRẦN THỊ LA	9/15/1962		Nữ	Kinh	Hưu trí	01/59 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
388	NGUYỄN THỊ HOA	1/29/1991		Nữ	Kinh	Công nhân	57B – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
389	NGUYỄN THỊ LAN	5/11/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	57B – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
390	ĐÀO ĐÌNH VINH	7/20/1952	Nam		Kinh	Hưu trí	14 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
391	NGUYỄN THỊ BÌNH	1/12/1954		Nữ	Kinh	Nội trợ	14 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
392	ĐÀO HẢI THẮNG	9/7/1986	Nam		Kinh	Công nhân	14 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
393	NGUYỄN THỊ ÁNH	3/28/1991		Nữ	Kinh	Công nhân	14 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
394	PHẠM THỊ NGUYỆT	10/16/1961		Nữ	Kinh	Buôn bán	85 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
395	HOÀNG THỊ HUYỀN	12/22/1983		Nữ	Kinh	Công nhân	85 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
396	TRẦN QUANG THAO	9/15/1986	Nam		Kinh	Công nhân	85 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
397	PHẠM THỊ QUẾ	12/27/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	83 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
398	TRẦN QUANG ĐÁ	5/1/1945	Nam		Kinh	Già yếu	81 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
399	TRẦN THỊ THANH LOAN	6/18/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	81 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
400	DƯƠNG HỒNG HẠNH	2/8/1980		Nữ	Kinh	Công nhân	81 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
401	TRẦN QUANG TÚ	3/15/1977	Nam		Kinh	LĐTD	81 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
402	TRẦN ĐỨC DƯƠNG	2/26/2006	Nam		Kinh	Công nhân	81 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
403	BÙI THI HOA	6/28/1978		Nữ	Kinh	Buôn bán	81 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
404	TRẦN QUANG TUẤN	9/8/1975	Nam		Kinh	Buôn bán	81 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
405	TRẦN QUẾ ANH	2/3/2000		Nữ	Kinh	LĐTD	81 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
406	HOÀNG THỊ HƯỜNG	8/6/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	79A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
407	TRẦN QUANG CHÍNH	4/19/1979	Nam		Kinh	LĐTD	79A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
408	TRẦN QUANG HIẾU	12/23/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	79A – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
409	ĐÀO THỊ QUÝ	10/1/1981		Nữ	Kinh	Buôn bán	79B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
410	TRẦN QUANG NGHĨA	8/29/1981	Nam		Kinh	LĐTD	79B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
411	TRẦN QUANG TUẤN ANH	3/14/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	79B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
412	ĐOÀN THỊ TÂM	6/5/1953		Nữ	Kinh	Già yếu	79B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
413	TRẦN QUANG VÀNG	5/25/1947	Nam		Kinh	Hưu trí	79B – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
414	NGUYỄN NGỌC NINH	6/13/1955	Nam		Kinh	LĐTD	77 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
415	VŨ THỊ HUỆ	10/14/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	77 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
416	PHẠM THỊ NHÀN	4/6/1946		Nữ	Kinh	Già yếu	75- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
417	BÙI NGỌC TÚ	10/25/1978	Nam		Kinh	Công chức	73 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
418	BÙI THÙY TRANG	4/3/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	73 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
419	NGUYỄN THỊ HẠNH	5/20/1979		Nữ	Kinh	Công chức	73 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
420	VŨ THỊ QUY	12/8/1950		Nữ	Kinh	Hưu trí	73 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
421	LÊ ĐÌNH NAM	7/1/1980	Nam		Kinh	Công nhân	69 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
422	LÊ THỊ KIM NGA	5/7/1965		Nữ	Kinh	LĐTD	69 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
423	NGUYỄN THỊ HẰNG	1/8/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	69 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
424	LÊ ĐÌNH ĐẠT	9/8/1991	Nam		Kinh	Công chức	67 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
425	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	10/13/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	67 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
426	BÙI ĐỨC DƯƠNG	11/16/1998	Nam		Kinh	Công nhân	65 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
427	BÙI ĐỨC DUY	7/2/1994	Nam		Kinh	Công chức	65 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
428	BÙI ĐỨC THỤY	4/12/1966	Nam		Kinh	Công chức	65 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
429	NGUYỄN THỊ KIỀU	6/2/1972		Nữ	Kinh	Buôn bán	65 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
430	TRẦN ANH CƯỜNG	8/19/1987	Nam		Kinh	Công nhân	63 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
431	TRẦN HÒA BÌNH	4/12/1957	Nam		Kinh	Bảo vệ	63 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
432	VŨ THỊ BIÊN	12/24/1958		Nữ	Kinh	Buôn bán	63 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
433	MAI ANH TUẤN	12/15/1989	Nam		Kinh	Kỹ sư	59 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
434	MAI VĂN TIẾN	11/29/1959	Nam		Kinh	Hưu trí	59 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
435	VŨ THỊ HỒNG VINH	6/26/1962		Nữ	Kinh	Hưu trí	59 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
436	BÙI THỊ MÙI	4/29/1967		Nữ	Kinh	Buôn bán	55 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
437	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	8/8/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	55 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
438	VŨ TRỌNG ĐẠT	10/13/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	55 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
439	NGUYỄN THỊ XUÂN	10/19/1948		Nữ	Kinh	Nội trợ	53 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
440	ĐÀO THỊ AN	4/4/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	51 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
441	HÀ PHI HÙNG	6/22/1990	Nam		Kinh	Công nhân	51 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
442	HÀ VĂN CHIẾN	1/1/1958	Nam		Kinh	LĐTD	51 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
443	NGUYỄN THỊ VIỄN	7/7/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	51 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
444	BÙI ĐỨC KỲ	2/20/1963	Nam		Kinh	Bảo vệ	68 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
445	NGUYỄN THỊ HÒA	10/5/1963		Nữ	Kinh	Buôn bán	68 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
446	BÙI ĐỨC TRUNG	7/24/1991	Nam		Kinh	Buôn bán	68 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
447	HOÀNG THỊ LAN NHI	6/15/1996		Nữ	Kinh	Buôn bán	68 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
448	BÙI ĐỨC KIÊN	8/18/1983	Nam		Kinh	Buôn bán	68 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
449	TRẦN THỊ NÊN	7/31/1983		Nữ	Kinh	Buôn bán	68 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
		2	3	4	5	6	7	
450	LÊ THỊ LAN	1/9/1983		Nữ	Kinh	Công nhân	66 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
451	VŨ THỊ AN	1/1/1950		Nữ	Kinh	Nội trợ	66 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
452	BÙI THỊ LANH	9/12/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	64 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
453	VŨ THỊ MINH	11/26/1960		Nữ	Kinh	Khuyết tật	64 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
454	VŨ THỊ THÌN	11/21/1953		Nữ	Kinh	Khuyết tật	64 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
455	VŨ VĂN TOÀN	3/19/1988	Nam		Kinh	Công nhân	64 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
456	ĐÀO THỊ LƯỢNG	9/21/1980		Nữ	Kinh	Giáo viên	4 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
457	NGUYỄN TỐ QUYÊN	2/22/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	4 - Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
458	BÙI THỊ HƯƠNG	8/25/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	6 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
459	ĐÀO THỊ HỒNG THÚY	1/30/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	6 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
460	ĐÀO THỊ KÉM	6/6/1966		Nữ	Kinh	Buôn bán	8 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
461	NGUYỄN THỊ TRANG	10/26/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	8 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
462	NGUYỄN TRUNG KIÊN	7/6/1995	Nam		Kinh	Công nhân	8 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
463	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	6/4/1963	Nam		Kinh	Khuyết tật	8 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
464	BÙI SƠN GIANG	2/7/1964	Nam		Kinh	Công chức	10 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
465	TRẦN THỊ BÍCH	11/25/1966		Nữ	Kinh	Hưu trí	10 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
466	BÙI VĂN ĐỨC	6/27/1990	Nam		Kinh	Công nhân	12a – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
467	BÙI VĂN DŨNG	8/4/1987	Nam		Kinh	Công nhân	12a – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
468	BÙI VĂN HỌC	1/26/1964	Nam		Kinh	Lái xe	12a – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
469	VŨ THỊ XUÂN	8/8/1966		Nữ	Kinh	Nội trợ	12a – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
470	BÙI THỊ HỒNG	6/20/1970		Nữ	Kinh	Công nhân	12b – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
471	NGUYỄN THỊ HỒNG LY	5/21/2004		Nữ	Kinh	Công nhân	12b – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
472	HỒ THỊ HƯỜNG	3/18/1993		Nữ	Kinh	LĐTD	14 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
473	HỒ VĂN CHUNG	6/21/1989	Nam		Kinh	LĐTD	14 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
474	HỒ VĂN VIỆT	2/5/1948	Nam		Kinh	LĐTD	14 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
475	LÊ THỊ HẢO	1/22/1960		Nữ	Kinh	Buôn bán	14 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
476	LÊ THỊ MIỀN	3/2/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	16 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
477	NGUYỄN THANH DŨNG	2/5/1984	Nam		Kinh	Công nhân	16 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
478	NGUYỄN THANH QUÝ	7/3/1953	Nam		Kinh	Hưu trí	16 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
479	NGUYỄN THỊ MƠ	5/12/1952		Nữ	Kinh	Hưu trí	16 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
480	CHU ANH DŨNG	10/11/1972	Nam		Kinh	LĐTD	18A – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
481	NGÔ THỊ TUYẾN	2/6/1986		Nữ	Kinh	Công nhân	18A – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
482	CHU CÔNG BẢO	5/18/1968	Nam		Kinh	LĐTD	18B – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
483	CHU CÔNG TÂM	10/18/1996	Nam		Kinh	Sinh viên	18B – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
484	KIM THỊ THÙY	4/28/1971		Nữ	Kinh	Buôn bán	18B – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
485	NGUYỄN MẠNH DUY	8/28/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	20 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
486	NGUYỄN VĂN HOÀN	5/21/1968	Nam		Kinh	Buôn bán	20 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
487	PHẠM THỊ NGỌC PHƯỢNG	5/7/1971		Nữ	Kinh	Buôn bán	20 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
488	BÙI THỊ TRỌNG	9/18/1945		Nữ	Kinh	Hưu trí	22 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
489	NGUYỄN VĂNG	1/2/1942	Nam		Kinh	Hưu trí	22 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
490	BÙI ĐỨC THÁI	11/2/1997	Nam		Kinh	Công nhân	24 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
491	BÙI ĐỨC THÙY	12/20/1967	Nam		Kinh	LĐTD	24 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
492	BÙI THỊ THÙY LINH	3/6/2003		Nữ	Kinh	Khuyết tật	24 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
493	TRẦN THỊ OANH	5/28/1973		Nữ	Kinh	Viên chức	24 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
494	BÙI ĐỨC CƯỜNG	7/14/1973	Nam		Kinh	Buôn bán	33 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
495	ĐINH THỊ VÂN	7/4/1989		Nữ	Kinh	Giáo viên	33 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
496	PHẠM THỊ CÁT	7/23/1956		Nữ	Kinh	Hưu trí	1A – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
497	PHẠM THỊ NINH	6/7/1965		Nữ	Kinh	Nội trợ	1B – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
498	NGUYỄN THỊ THỜI	2/3/1953		Nữ	Kinh	Nội trợ	5B – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
499	TRẦN VĂN QUỲNH	5/15/1953	Nam		Kinh	LĐTD	5B – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
500	NGUYỄN VĂN TÂN	1/4/1942	Nam		Kinh	Hưu trí	5A – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
501	PHAN THỊ CHẤT	3/6/1945		Nữ	Kinh	Hưu trí	5A – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
502	BÙI THU HÀ	12/18/2001		Nữ	Kinh	Sinh viên	7B – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
503	BÙI TRỌNG NGHĨA	3/4/2000	Nam		Kinh	Sinh viên	7B – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
504	BÙI VĂN THỊNH	5/12/1962	Nam		Kinh	Hưu trí	7B – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
505	PHẠM THỊ THUYẾN	12/25/1973		Nữ	Kinh	Giáo viên	7B – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
506	BÙI VĂN TUẤN	9/12/1956	Nam		Kinh	LĐTD	11 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
507	NGUYỄN THỊ TUYẾT	8/11/1969		Nữ	Kinh	Giáo viên	17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
508	PHẠM CÔNG ANH	11/3/1992	Nam		Kinh	Công nhân	17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
509	PHẠM ĐỨC HIẾU	8/23/1999	Nam		Kinh	Công nhân	17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
510	PHẠM ĐỨC HOÀN	6/16/1968	Nam		Kinh	LĐTD	17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
511	ĐÀO DUY CƯỜNG	9/3/1986	Nam		Kinh	Công nhân	01/17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
512	ĐÀO DUY KIÊN	9/16/1989	Nam		Kinh	Công nhân	01/17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
513	ĐÀO DUY THẮNG	7/1/1983	Nam		Kinh	Công nhân	01/17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
514	ĐÀO NGỌC QUYẾT	4/10/1954	Nam		Kinh	LĐTD	01/17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
515	NGUYỄN THỊ NGỌ	8/16/1954		Nữ	Kinh	Nội trợ	01/17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
516	VŨ THỊ KIM LIỄN	8/7/1997		Nữ	Kinh	LĐTD	01/17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
517	NGUYỄN THỊ HÒA	12/25/1934		Nữ	Kinh	Nội trợ	12/17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
518	HÀ THỊ NHO	6/26/1967		Nữ	Kinh	Nội trợ	10/17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
519	NGUYỄN NGỌC TUẤN	2/27/1965	Nam		Kinh	LĐTD	10/17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
520	NGUYỄN NGỌC TÙNG	2/3/1994	Nam		Kinh	LĐTD	10/17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
521	ĐẶNG THỊ HÁT	10/8/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	6/17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
522	ĐÀO VĂN NGỌC	10/20/1961	Nam		Kinh	LĐTD	6/17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
523	VŨ VĂN KIM	4/26/1954	Nam		Kinh	Già yếu	4/17 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
524	BÙI THỊ NGA	3/27/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	10/b- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
525	ĐỖ ĐỨC HẬU	11/5/1960	Nam		Kinh	LĐTD	10/b- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
526	ĐỖ QUANG HẢI	8/22/1986	Nam		Kinh	LĐTD	10/b- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
527	NGUYỄN THỊ HIỀN	10/23/1962		Nữ	Kinh	Nội trợ	10/b- Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
528	NGÔ THÙY DƯƠNG	8/28/2001		Nữ	Kinh	Viên chức	19 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
529	NGÔ XUÂN HẢI	9/16/1977	Nam		Kinh	Công chức	19 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
530	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	7/29/1978		Nữ	Kinh	Công chức	19 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
531	ĐINH THỊ GIANG	7/6/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	23 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
532	TRỊNH THỊ LÂM	10/22/1991		Nữ	Kinh	Công nhân	23 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
533	VŨ HOÀI NAM	6/10/1989	Nam		Kinh	Công nhân	23 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
534	PHAN THỊ LÂM	12/19/1969		Nữ	Kinh	Buôn bán	25 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
535	VŨ THỊ KHÁNH LY	4/20/2003		Nữ	Kinh	Công nhân	25 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
536	VŨ TRUNG THÀNH	7/24/1992	Nam		Kinh	Công nhân	25 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
537	VŨ VĂN NGÂN	10/13/1965	Nam		Kinh	Buôn bán	25 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
538	LẠI HUYỀN DIỆU	12/23/1983	Nam		Kinh	Công chức	27 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
539	NGUYỄN THỊ THANH	9/26/1983		Nữ	Kinh	Công chức	27 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
540	NGUYỄN MẠNH HÙNG	6/15/1958	Nam		Kinh	LĐTD	31 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
541	NGUYỄN VĂN HUY	3/24/1991	Nam		Kinh	Công nhân	31 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
542	VŨ THỊ HIỀN	10/30/1963		Nữ	Kinh	Buôn bán	31 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
543	ĐÀO THỊ THƠ	1/4/1964		Nữ	Kinh	Công nhân	33 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
544	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	6/5/1958	Nam		Kinh	LĐTD	33 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
545	NGUYỄN MINH VƯƠNG	12/14/1995	Nam		Kinh	Công nhân	33 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
546	TRẦN THỊ VÂN	9/5/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	33 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
547	LƯƠNG THỊ HIỀN	7/16/1990		Nữ	Kinh	Bác sĩ	35 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
548	NGUYỄN VĂN TIẾN	8/5/1987	Nam		Kinh	Bác sĩ	35 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
549	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	1/9/1978		Nữ	Kinh	LĐTD	37A – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
550	PHẠM NGỌC THĂNG	5/7/1966	Nam		Kinh	LĐTD	37A – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
551	PHẠM NGỌC THÀNH CÔNG	10/9/1997	Nam		Kinh	LĐTD	37A – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
552	PHẠM THỊ HÀ THU	7/20/2000		Nữ	Kinh	Sinh viên	37A – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
553	LÊ THỊ LAN	6/15/1977		Nữ	Kinh	LĐTD	37B – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
554	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	1/1/1940		Nữ	Kinh	Già yếu	37B – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
555	PHẠM NGỌC THÀNH	6/25/1973	Nam		Kinh	LĐTD	37B – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
556	HOÀNG NGỌC SÁU	6/24/1991	Nam		Kinh	Công nhân	39 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
557	HOÀNG THỊ HÒA	10/29/1965		Nữ	Kinh	Buôn bán	39 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
558	ĐỖ THỊ HÒA	8/24/1953		Nữ	Kinh	Già yếu	43 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
559	HOÀNG ĐẠI DƯƠNG	2/27/2002	Nam		Kinh	Công nhân	45 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
560	HOÀNG HỒNG CÔNG	8/19/1995	Nam		Kinh	Công nhân	45 - Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
561	NGUYỄN THỊ HẰNG	7/30/1965		Nữ	Kinh	Buôn bán	45 - Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
562	ĐINH THỊ LAN	2/4/1940		Nữ	Kinh	Già yếu	47 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
563	LÊ THỊ HẰNG	2/7/1966		Nữ	Kinh	Buôn bán	47 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
564	PHẠM LÊ NGỌC KIÊN	9/9/1996	Nam		Kinh	Công nhân	47 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
565	PHẠM NGỌC NGHĨA	2/2/1962	Nam		Kinh	Công nhân	47 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
566	HÀ VĂN NĂM	1/1/1930	Nam		Kinh	Già yếu	49 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
567	HÀ TRUNG ĐỨC	1/25/1992	Nam		Kinh	Công nhân	49 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
568	HÀ VĂN PHÚC	7/9/1972	Nam		Kinh	Buôn bán	49 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
569	HÀ VĂN THẮNG	2/20/1998	Nam		Kinh	Công nhân	49 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
570	NGÔ THỊ LAI	10/8/1972		Nữ	Kinh	Buôn bán	49 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
571	PHẠM THỊ MAI	8/21/1995		Nữ	Kinh	Nội trợ	49 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
572	PHẠM THỊ THU HẰNG	7/11/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	49 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
573	HÀ THỊ HẠNH	9/22/1970		Nữ	Kinh	Nội trợ	49 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
574	VŨ MẠNH HÀ	1/13/1967	Nam		Kinh	LĐTD	49 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
575	VŨ MINH CÔNG	5/28/2000	Nam		Kinh	LĐTD	49 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
576	HÀ VĂN HOÀN	12/5/1993	Nam		Kinh	LĐTD	51 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
577	HÀ VĂN HÙNG	10/1/1963	Nam		Kinh	LĐTD	51 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
578	NGUYỄN THỊ HẬU	3/3/1969		Nữ	Kinh	Buôn bán	51 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
579	HÀ VĂN MẠNH	4/7/1989	Nam		Kinh	Công nhân	51 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
580	NGUYỄN THỊ LIÊN	11/6/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	51 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
581	BÙI THỊ HỒNG NGÁT	10/15/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	51 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
582	HÀ VĂN HUY	9/26/1991	Nam		Kinh	LĐTD	51 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
583	ĐẶNG THỊ GIANG	6/10/1958		Nữ	Kinh	Hưu trí	55 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
584	NGUYỄN VĂN NINH	2/12/1999	Nam		Kinh	LĐTD	55 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
585	LÊ THỊ HẢI	1/2/1973		Nữ	Kinh	LĐTD	57 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
586	PHẠM THANH HẬU	1/17/1972	Nam		Kinh	LĐTD	57 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
587	PHẠM THỊ THANH MAI	1/2/2001		Nữ	Kinh	Sinh viên	57 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
588	NGUYỄN THỊ NHUẦN	8/24/1943		Nữ	Kinh	Già yếu	59 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
589	PHẠM THANH TUẤN	4/25/1974	Nam		Kinh	Công nhân	59 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
590	HÀ DUY HƯNG	1/2/1973	Nam		Kinh	Giáo viên	61 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
591	HÀ DUY KHÁNH	3/26/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	61 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
592	LƯU THỊ LÝ	7/13/1972		Nữ	Kinh	Công chức	61 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
593	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	7/12/1984	Nam		Kinh	Lái xe	63 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
594	NGUYỄN MẠNH HÙNG	7/2/1958	Nam		Kinh	LĐTD	63 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
595	NGUYỄN THỊ THỊNH	1/25/1959		Nữ	Kinh	LĐTD	63 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
596	NGUYỄN MẠNH HƯNG	11/15/1980	Nam		Kinh	LĐTD	63 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
597	NGUYỄN THỊ HOÀN	7/10/1980		Nữ	Kinh	Nội trợ	63 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
598	BÙI THỊ MIÊNG	4/23/1943		Nữ	Kinh	Hưu trí	65 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
599	VŨ CÔNG THÀNH	7/22/2005	Nam		Kinh	LĐTD	65 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
600	VŨ ĐỨC LONG	6/3/1968	Nam		Kinh	Công nhân	65 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
601	VŨ HẢI THANH	6/28/2001	Nam		Kinh	Sinh viên	65 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
602	VŨ VĂN BÀO	4/1/1941	Nam		Kinh	Hưu trí	65 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
603	NGÔ THỊ HƯỜNG	12/12/1977		Nữ	Kinh	Công chức	65 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
604	VŨ CÔNG ĐỊNH	5/1/1973	Nam		Kinh	Công chức	65 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
605	VŨ NAM KHÁNH	10/13/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	65 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
606	VŨ THỊ HỒI	12/10/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	71 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
607	ĐẶNG THỊ NHUNG	11/2/1977		Nữ	Kinh	LĐTD	1/69 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
608	ĐỖ THANH LOAN	10/13/2005		Nữ	Kinh	LĐTD	1/69 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
609	VŨ THỊ NHƯ	2/9/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	1/69 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
610	VŨ THỊ HƯƠNG GIANG	6/6/1982		Nữ	Kinh	LĐTD	2/69 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
611	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	8/21/1993	Nam		Kinh	Công an	69 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
612	NGUYỄN VĂN DUY	3/15/1996	Nam		Kinh	Công an	69 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
613	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	9/28/1962	Nam		Kinh	Lái xe	69 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
614	PHẠM THỊ BÍCH	6/26/1966		Nữ	Kinh	Buôn bán	69 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
615	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	9/10/1993		Nữ	Kinh	LĐTD	73 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
616	NGUYỄN VĂN HOA	5/25/1964	Nam		Kinh	LĐTD	73 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
617	TRẦN THỊ MÁNH	10/14/1965		Nữ	Kinh	Nội trợ	73 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
618	LÊ XUÂN DIỆU	5/19/1958	Nam		Kinh	Buôn bán	75 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
619	NGUYỄN THỊ THỦY	8/5/1962		Nữ	Kinh	Buôn bán	75 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
620	BÙI VĂN CHINH	9/16/1968	Nam		Kinh	LĐTD	81 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
621	NGUYỄN THỊ HÀ	2/26/1973		Nữ	Kinh	Giáo viên	81 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
622	BÙI VĂN ĐUÂN	8/28/1960	Nam		Kinh	LĐTD	83 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
623	NGUYỄN THỊ NHUẦN	10/12/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	83 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
624	BÙI THỊ LOAN	2/8/1955		Nữ	Kinh	Già yếu	39 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
625	NGUYỄN THỊ THANH	7/15/1983		Nữ	Kinh	LĐTD	2 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
626	VŨ THẾ CÔNG	6/12/1970	Nam		Kinh	LĐTD	2 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
627	VŨ THỊ NGỌC MAI	9/14/1974		Nữ	Kinh	LĐTD	2 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
628	TẠ THỊ DUNG	11/16/1959		Nữ	Kinh	Buôn bán	4 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
629	TẠ VĂN HẢI	1/1/1952	Nam		Kinh	Thần kinh	4 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
630	ĐINH VĂN THANH	7/21/1961	Nam		Kinh	LĐTD	6 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
631	PHẠM THỊ LAN	11/20/1964		Nữ	Kinh	LĐTD	6 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
632	NGUYỄN THỊ MƠ	12/12/1970		Nữ	Kinh	Buôn bán	8 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
633	TRẦN CÔNG BÌNH	1/16/1964	Nam		Kinh	LĐTD	8 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
634	TRẦN THIÊN HUỆ	12/11/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	8 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
635	TRẦN THỊ NHÀN	5/6/1934		Nữ	Kinh	Già yếu	8 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
636	ĐÀO THỊ GẤM	6/23/1975		Nữ	Kinh	Công chức	14 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
637	NGUYỄN HUỆ CHI	7/1/1999		Nữ	Kinh	Công chức	14 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
638	NGUYỄN KHÁNH LINH	10/23/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	14 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
639	NGUYỄN THÀNH VẠN	4/27/1966	Nam		Kinh	Công chức	14 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
640	CHÌU KIM TƯ	7/18/1996		Nữ	Dao	LĐTD	16 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
641	ĐẶNG HOÀI ANH	8/11/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	16 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
642	ĐẶNG HOÀI NAM	9/11/1996	Nam		Kinh	LĐTD	16 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
643	ĐẶNG VĂN HÒA	7/24/1974	Nam		Kinh	LĐTD	16 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
644	NGUYỄN THỊ OANH	11/11/1978		Nữ	Kinh	LĐTD	16 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
645	ĐINH THỊ NGÁT	6/3/1961		Nữ	Kinh	Hưu trí	18 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
646	NGUYỄN VĂN DŨNG	10/1/1961	Nam		Kinh	Hưu trí	18 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
647	TRẦN THỊ THÚY	11/23/1967		Nữ	Kinh	Nội trợ	20 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
648	NGÔ CHÍ HOÀN	11/29/1993	Nam		Kinh	Công nhân	24 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
649	PHẠM THÙY NGÂN	6/30/1996		Nữ	Kinh	Công nhân	24 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
650	PHAN THỊ THÀNH	4/14/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	24 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
651	DƯƠNG THÀNH ĐẠT	5/5/1984	Nam		Kinh	LĐTD	26 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
652	HÀ THỊ PHÚC	2/20/1946		Nữ	Kinh	Nội trợ	26 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
653	PHẠM THỊ QUỲNH	2/28/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	26 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
654	DƯƠNG TRỌNG NGHĨA	11/23/1998	Nam		Kinh	Sinh viên	28 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
655	DƯƠNG XUÂN HIẾU	7/4/1974	Nam		Kinh	LĐTD	28 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
656	LÊ THỊ NGUYÊN	5/14/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	28 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
657	TRẦN THỊ THƠM	10/1/1976		Nữ	Kinh	Buôn bán	28 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
658	DƯƠNG TRỌNG THUẬN	1/21/2006	Nam		Kinh	Sinh viên	28 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
659	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	8/12/1962	Nam		Kinh	LĐTD	30 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
660	NGUYỄN ĐỨC DUY	3/23/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	30 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
661	NGUYỄN QUANG HUY	2/15/2000	Nam		Kinh	Công nhân	30 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
662	NGUYỄN SONG TOÀN	10/8/2000	Nam		Kinh	Công nhân	30 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
663	NGUYỄN THỊ BÌNH	1/1/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	30 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
664	NGUYỄN THỊ AN	2/8/1964		Nữ	Kinh	LĐTD	30 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
665	PHAN ANH TUẤN	10/27/1963	Nam		Kinh	Kỹ sư	34 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
666	HÀ THỊ NHUNG	4/27/1980		Nữ	Kinh	Công nhân	34 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
667	PHAN QUANG MINH	6/13/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	34 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
668	PHAN YÊN	6/14/1971	Nam		Kinh	Công chức	34 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
669	NGUYỄN ĐỨC SƠN	1/2/1988	Nam		Kinh	Công nhân	36 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
670	NGUYỄN ĐỨC TÁM	8/17/1957	Nam		Kinh	Nội trợ	36 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
671	PHẠM THỊ THUẦN	3/4/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	36 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
672	NGUYỄN ĐỒNG DƯƠNG	12/24/1990	Nam		Kinh	Công nhân	61 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
673	VŨ THỊ HẠNH	2/24/1963		Nữ	Kinh	Nội trợ	61 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
674	PHẠM THỊ THỎ	1/1/1931		Nữ	Kinh	Già yếu	61 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
675	LÊ THANH NGHỊ	2/1/1977	Nam		Kinh	Giáo viên	59 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
676	NGUYỄN THỊ GIANG	8/16/1980		Nữ	Kinh	Bảo vệ	59 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
677	PHẠM SƠN ĐÔNG	5/24/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	55 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
678	PHẠM THỊ GIANG	10/20/1996		Nữ	Kinh	Công nhân	55 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
679	PHẠM THỊ MINH TÂM	1/23/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	55 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
680	TRƯƠNG KIM THANH	5/27/1970		Nữ	Kinh	Bảo vệ	55 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
681	PHẠM THỊ PHƯỢNG	7/14/1974		Nữ	Kinh	LĐTD	57 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
682	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG	6/18/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	57 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
683	TRẦN VĂN CƯỜNG	4/20/1971	Nam		Kinh	LĐTD	57 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
684	TRẦN ĐỨC VIỆT	3/18/1989	Nam		Kinh	Công chức	47 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
685	TRẦN THỊ ÁI	1/1/1941		Nữ	Kinh	Hưu trí	47 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
686	LÊ MAI TRƯỜNG	10/15/2003	Nam		Kinh	Bộ đội	49 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
687	LÊ THỊ QUỲNH HOA	1/26/1999		Nữ	Kinh	Công nhân	49 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
688	LÊ VĂN TOÀN	9/23/1964	Nam		Kinh	LĐTD	49 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
689	MAI THỊ PHƯỢNG	3/3/1971		Nữ	Kinh	Buôn bán	49 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
690	LÊ VĂN PHÚ	9/12/1956	Nam		Kinh	LĐTD	41 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
691	VŨ THỊ MINH	4/15/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	41 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
692	TẠ HỒNG NHUNG	12/18/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	39 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
693	TẠ THỊ LỆ	10/5/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	39 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
694	TRẦN THỊ HỒNG	10/1/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	39 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
695	NGUYỄN THỊ THỦY	6/18/1977		Nữ	Kinh	Giáo viên	37 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
696	TRỊNH PHƯƠNG THẢO	11/17/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	37 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
697	TRỊNH VĂN DŨNG	4/18/1969	Nam		Kinh	Giáo viên	37 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
698	TRỊNH THỊ MAI	9/23/1963		Nữ	Kinh	Buôn bán	37 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
699	NGUYỄN QUỐC TUẤN	1/2/1984	Nam		Kinh	LĐTD	31 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
700	HÀ THỊ TUYẾT	9/13/1970		Nữ	Kinh	LĐTD	29 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
701	LÊ XUÂN HỒNG	11/30/1962	Nam		Kinh	LĐTD	25 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
702	BÙI QUANG HƯNG	2/1/1972	Nam		Kinh	LĐTD	25 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
703	BÙI QUỐC HUY	8/21/1995	Nam		Kinh	Công nhân	25 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
704	ĐÀO THỊ THẮM	6/30/1974		Nữ	Kinh	Công nhân	25 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
705	PHẠM THỊ HÒA	10/21/1948		Nữ	Kinh	Nội trợ	23 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
706	ĐÀO THỊ THU TRANG	6/25/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	21 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
707	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	4/10/1952		Nữ	Kinh	Nội trợ	21 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
708	VŨ BÁ TRUNG	12/10/1981	Nam		Kinh	Công nhân	21 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
709	NGUYỄN THỊ THU	9/26/1989		Nữ	Kinh	Công nhân	21 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
710	VŨ BÁ KIÊN	3/15/1984	Nam		Kinh	Công nhân	21 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
711	ĐINH XUÂN QUANG	3/14/1946	Nam		Kinh	Hưu trí	19 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
712	NGUYỄN THỊ THOA	6/11/1947		Nữ	Kinh	Nội trợ	19 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
713	HÀ VĂN LỢI	2/10/1962	Nam		Kinh	LĐTD	17 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
714	TRẦN THỊ THÌN	4/2/1964		Nữ	Kinh	Nội trợ	17 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
715	HÀ HẢI DUY	8/22/2001	Nam		Kinh	Công nhân	15 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
716	HÀ THÁI DƯƠNG	5/28/1999	Nam		Kinh	Công nhân	15 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
717	HÀ VĂN TRƯỜNG	9/2/1971	Nam		Kinh	LĐTD	15 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
718	HOÀNG HƯƠNG LAN	10/6/2002		Nữ	Kinh	Công nhân	15 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
719	NGUYỄN THỊ DẬU	4/30/1933		Nữ	Kinh	Già yếu	15 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
720	ĐÀO VĂN CẦU	6/15/1969	Nam		Kinh	Công nhân	11 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
721	ĐINH THỊ VÂN	11/1/1973		Nữ	Kinh	LĐTD	11 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
722	ĐÀO THỊ HỮU	12/27/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	11 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
723	ĐÀO THỊ THANH	12/29/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	11 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
724	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	5/22/1971		Nữ	Kinh	LĐTD	3 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
725	VŨ ANH SƠN	11/23/1995	Nam		Kinh	Kỹ sư	3 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
726	VŨ VĂN THÁI	8/19/1966	Nam		Kinh	Công chức	3 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
727	VŨ VIỆT ANH	9/9/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	3 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
728	PHAN THỊ MINH	4/10/1979		Nữ	Kinh	Giáo viên	47 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
729	VŨ MINH ĐỨC	11/29/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	47 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
730	CẦM THỊ HƯƠNG	7/22/1998		Nữ	Thái	LĐTD	39 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
731	NGUYỄN THỊ HIỀN	5/5/1963		Nữ	Kinh	LĐTD	39 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
732	VŨ TRUNG KIÊN	7/15/1987	Nam		Kinh	LĐTD	39 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
733	VŨ VĂN DƯƠNG	9/28/1961	Nam		Kinh	LĐTD	39 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
734	ĐOÀN THỊ HUỆ	1/26/1985		Nữ	Kinh	LĐTD	39 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
735	VŨ THANH TÙNG	8/30/1984	Nam		Kinh	LĐTD	39 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
736	NGUYỄN ĐỨC HUY	1/18/1995	Nam		Kinh	LĐTD	57 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
737	NGUYỄN THỊ GẤM	11/10/1941		Nữ	Kinh	Hưu trí	57 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
738	NGUYỄN THỊ ÁNH	12/4/1995		Nữ	Kinh	Giáo viên	57 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
739	NGUYỄN TRUNG CHÍNH	12/28/1970	Nam		Kinh	LĐTD	57 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
740	NGUYỄN THỊ LÂM	4/23/1969		Nữ	Kinh	LĐTD	55 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
741	TRỊNH TẤN CƯƠNG	12/5/2001	Nam		Kinh	Viên chức	55 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
742	TRỊNH THẠCH SƠN	9/23/1991	Nam		Kinh	Công chức	55 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
743	TRỊNH THỊ PHƯƠNG HOA	8/15/1994		Nữ	Kinh	Công chức	55 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
744	TRỊNH VĂN NHÂN	12/30/1958	Nam		Kinh	Hưu trí	55 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
745	BÙI THỊ PHƯƠNG NHUNG	11/29/1982		Nữ	Kinh	Giáo viên	51 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
746	HOÀNG XUÂN THANH	9/9/1970	Nam		Kinh	Giáo viên	51 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
747	NGUYỄN THỊ MỀN	5/14/1940		Nữ	Kinh	Hưu trí	51 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
748	HOÀNG THANH LONG	1/30/1972	Nam		Kinh	Giáo viên	47B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
749	HOÀNG THÀNH NAM	1/29/2002	Nam		Kinh	Sinh viên	47B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
750	TRẦN THỊ NGỌC	5/8/1977		Nữ	Kinh	Giáo viên	47B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
751	HOÀNG THỊ THANH HƯỜNG	11/20/1974		Nữ	Kinh	Giáo viên	47C – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
752	NGÔ TÙNG DƯƠNG	1/16/2001	Nam		Kinh	Sinh viên	47C – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
753	BÙI THỊ TUYẾT NHUNG	10/10/1994		Nữ	Kinh	LĐTD	Hồng Lạc	
754	VŨ TIẾN DŨNG	7/4/1991	Nam		Kinh	Công an	Hồng Lạc	
755	LÊ THỊ LOAN	4/30/1973		Nữ	Kinh	Giáo viên	44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
756	NGUYỄN THỊ MINH LOAN	2/12/1956		Nữ	Kinh	LĐTD	44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
757	NGUYỄN THỊ NHUNG	2/24/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
758	VŨ LÊ MINH HUY	5/21/1997	Nam		Kinh	LĐTD	44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
759	VŨ MINH HIỆP	2/7/1969	Nam		Kinh	LĐTD	44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
760	VŨ THỊ HOA	4/18/1972		Nữ	Kinh	LĐTD	44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
761	TRẦN VĂN SÁNG	10/10/1955	Nam		Kinh	LĐTD	31A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
762	TRỊNH THỊ QUYNH	4/14/1956		Nữ	Kinh	Hưu trí	31A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
763	BÙI THỊ VÂN	8/8/1974		Nữ	Kinh	LĐTD	33A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
764	VŨ THỊ BÉ	1/1/1936		Nữ	Kinh	Già yếu	33A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
765	BÙI CÔNG MẠNH	7/19/1995	Nam		Kinh	Công nhân	33B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
766	BÙI THỊ PHƯỢNG	5/18/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	33B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
767	BÙI THỊ PHƯƠNG	5/18/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	33B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
768	BÙI THỊ THẢO	6/9/1969		Nữ	Kinh	LĐTD	33B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
769	BÙI THỊ HỒNG	2/9/1972		Nữ	Kinh	LĐTD	35 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
770	VŨ ĐỨC NAM	5/14/1997	Nam		Kinh	Công nhân	35 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
771	VŨ VĂN DŨNG	7/7/1967	Nam		Kinh	LĐTD	35 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
772	PHẠM NGỌC HÙNG	1/6/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	37 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
773	PHẠM VĂN TOÀN	6/30/1969	Nam		Kinh	LĐTD	37 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
774	NGUYỄN THỊ THỦY	9/2/1970		Nữ	Kinh	LĐTD	39 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
775	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	3/5/1964	Nam		Kinh	Hưu trí	39 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
776	HÀ HUY HƯNG	4/4/1987	Nam		Kinh	LĐTD	40B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
777	HÀ THỊ HUYỀN	2/27/1988		Nữ	Kinh	Giáo viên	40B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
778	HÀ THU TRANG	7/14/2001		Nữ	Kinh	Công nhân	40B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
779	HÀ VĂN THẮNG	12/14/1958	Nam		Kinh	LĐTD	40B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
780	NGUYỄN THỊ HẠNH	3/12/1968		Nữ	Kinh	Buôn bán	40B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
781	HÀ THỊ THU	2/24/1953		Nữ	Kinh	Nội trợ	40B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
782	NGUYỄN THỊ HÀ	10/11/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	40A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
783	PHẠM THỊ PHÚ	2/6/1956		Nữ	Kinh	Buôn bán	40A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
784	PHẠM ĐỨC HOÀN	10/15/1999	Nam		Kinh	Công nhân	40A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
785	VŨ THANH NGA	12/13/1979		Nữ	Kinh	Công nhân	40A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
786	ĐÀO VĂN CHIẾN	10/1/1954	Nam		Kinh	Buôn bán	38 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
787	NGUYỄN THỊ HỢP	4/19/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	38 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
788	HOÀNG THỊ THỦY	9/15/1967		Nữ	Kinh	Nội trợ	2/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
789	VŨ ĐỨC HẢI	12/20/2000	Nam		Kinh	Công nhân	2/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
790	VŨ VĂN ĐỆ	5/9/1964	Nam		Kinh	LĐTD	2/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
791	NGUYỄN NGỌC HÙNG	2/2/1983	Nam		Kinh	LĐTD	4/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
792	TRẦN THỊ HOÀI	10/24/1987		Nữ	Kinh	Nội trợ	4/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
793	NGUYỄN THỊ THÚY	11/23/1983		Nữ	Kinh	Nội trợ	6/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
794	VŨ ĐỨC BÌNH	5/23/1979	Nam		Kinh	LĐTD	6/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
795	VŨ QUỲNH ANH	5/22/2003		Nữ	Kinh	Sinh viên	6/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
796	ĐỖ THỊ THU HIỀN	9/2/1977		Nữ	Kinh	Công nhân	8/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
797	VŨ ĐÌNH CHÍN	6/2/1967	Nam		Kinh	LĐTD	8/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
798	VŨ HOÀI NAM	4/19/1996	Nam		Kinh	Bộ đội	12/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
799	VŨ THỊ LAN	2/24/1968		Nữ	Kinh	LĐTD	12/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
800	ĐỖ THỊ XUÂN	2/19/1975		Nữ	Kinh	LĐTD	15/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
801	DƯƠNG THÀNH CƯỜNG	4/26/1972	Nam		Kinh	LĐTD	15/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
802	NGUYỄN THỊ LIÊN	6/21/1968		Nữ	Kinh	Buôn bán	15/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
803	HOÀNG NGỌC NAM	3/6/1986	Nam		Kinh	LĐTD	15/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
804	BÙI ĐỨC DŨNG	9/19/1969	Nam		Kinh	Lái xe	34 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
805	BÙI ĐỨC DUY	10/24/1994	Nam		Kinh	Công nhân	34 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
806	BÙI THIÊN MINH	3/18/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	34 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
807	HÀ THỊ BÍCH LIÊN	2/1/1970		Nữ	Kinh	Buôn bán	34 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
808	ĐÀO THỊ LAN HƯƠNG	10/10/1984		Nữ	Kinh	Công nhân	11/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
809	ĐÀO THỊ NGA	10/28/1951		Nữ	Kinh	Nội trợ	11/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
810	ĐÀO VĂN BÌNH	1/12/1949	Nam		Kinh	Già yếu	11/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
811	ĐÀO MẠNH HÙNG	9/16/1980	Nam		Kinh	Lái xe	11/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
812	LÊ THỊ LÝ	7/17/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	11/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
813	NGUYỄN ANH VŨ	7/20/1991	Nam		Kinh	Công nhân	7/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
814	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	3/19/1954	Nam		Kinh	LĐTD	7/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
815	TRẦN THỊ PHƯƠNG	1/1/1960		Nữ	Kinh	Buôn bán	7/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
816	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	1/24/1966		Nữ	Kinh	Nội trợ	5/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
817	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	3/14/1989		Nữ	Kinh	Giáo viên	9/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
818	TRƯƠNG THỊ HÀ	4/17/1969		Nữ	Kinh	Công nhân	1/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
819	TRƯƠNG VĂN HỒNG	1/21/1966	Nam		Kinh	LĐTD	1/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
820	TRƯƠNG VĂN KIÊN	2/22/1997	Nam		Kinh	Công nhân	1/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
821	VŨ THỊ NGA	8/24/1972		Nữ	Kinh	Nội trợ	1/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
822	NGUYỄN MẠNH HÙNG	1/3/1963	Nam		Kinh	LĐTD	32 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
823	NGUYỄN THỊ DUNG	4/20/1964		Nữ	Kinh	Nội trợ	32 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
824	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	11/7/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	32 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
825	NGUYỄN BẢO GIANG	8/11/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	30 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
826	NGUYỄN ĐÌNH LONG	4/2/1962	Nam		Kinh	LĐTD	30 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
827	PHẠM THỊ HẢI	7/3/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	30 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
828	HÀ THỊ TÚ	4/28/1970		Nữ	Kinh	Giáo viên	28 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
829	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	11/25/1997		Nữ	Kinh	Khuyết tật	28 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
830	NGUYỄN MẠNH HÙNG	5/3/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	28 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
831	NGUYỄN VĂN DUY	6/1/1958	Nam		Kinh	Hưu trí	28 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
832	BÙI ĐỨC SƠN	10/19/1999	Nam		Kinh	Sinh viên	24 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
833	BÙI THỊ THANH THỦY	7/4/1991		Nữ	Kinh	Công nhân	24 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
834	BÙI VĂN THIỀU	6/12/1963	Nam		Kinh	Hưu trí	24 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
835	TRẦN THỊ TÂM	4/20/1969		Nữ	Kinh	Viên chức	24 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
836	NGUYỄN THỊ BÍCH HẢO	11/17/1980		Nữ	Kinh	Công chức	22 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
837	VŨ KIM TUẤN	4/20/1977	Nam		Kinh	Công chức	22 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
838	PHAN HUY MẠNH	11/10/1990	Nam		Kinh	LĐTD	20 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
839	PHAN TIẾN DŨNG	11/20/1987	Nam		Kinh	LĐTD	20 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
840	PHAN VĂN CHÂU	3/9/1963	Nam		Kinh	LĐTD	20 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
841	PHAN VĂN QUANG	7/21/1993	Nam		Kinh	LĐTD	20 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
842	HOÀNG MINH ĐỨC	3/23/1968	Nam		Kinh	Giáo viên	18 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
843	HOÀNG THỊ THU HẰNG	7/21/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	18 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
844	HOÀNG THỊ VÂN ANH	1/28/1995		Nữ	Kinh	Công nhân	18 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
845	NGUYỄN THỊ LIỄU	11/4/1969		Nữ	Kinh	Hưu trí	16 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
846	NGUYỄN ĐẮC HẬU	3/24/1957	Nam		Kinh	Hưu trí	14 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
847	NGUYỄN ĐẮC HUY	6/10/1987	Nam		Kinh	LĐTD	14 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
848	NGUYỄN THỊ LOAN	1/19/1959		Nữ	Kinh	Hưu trí	14 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
849	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG	2/3/1985		Nữ	Kinh	Công nhân	14 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
850	NGUYỄN HUY CÔNG	3/6/1980	Nam		Kinh	LĐTD	12 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
851	NGUYỄN PHONG VÂN	5/11/2003	Nam		Kinh	LĐTD	12 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
852	NGUYỄN THỊ HIỀN	2/24/1953		Nữ	Kinh	Nội trợ	12 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
853	NGUYỄN TIẾN BẰNG	9/29/1977	Nam		Kinh	Công nhân	12 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
854	TRẦN THỊ PHƯƠNG	12/19/1979		Nữ	Kinh	Công nhân	12 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
855	TRẦN VĂN VỸ	12/16/1973	Nam		Kinh	LĐTD	10 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
856	TRẦN VŨ GIA HUY	10/29/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	10 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
857	PHẠM VĂN HIỀN	1/9/1964	Nam		Kinh	LĐTD	8 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
858	TRẦN THỊ MẬN	3/20/1976		Nữ	Kinh	Công nhân	8 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
859	PHẠM THỊ TOÁN	11/4/1958		Nữ	Kinh	Nội trợ	8 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
860	BÙI THỊ HƯỜNG	3/7/1975		Nữ	Kinh	Công nhân	2/59 - Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
861	PHẠM THANH NHÀN	6/23/1999		Nữ	Kinh	Công nhân	2/59 - Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
862	PHẠM VĂN HẢO	5/8/1972	Nam		Kinh	LĐTD	2/59 - Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
863	PHẠM XUÂN BẮC	9/19/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	2/59 - Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
864	ĐÀO THỊ LIỄU	7/5/1965		Nữ	Kinh	Buôn bán	6A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
865	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	8/19/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	6A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
866	TRỊNH THU HƯƠNG	11/2/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	6A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
867	TRỊNH VIỆT LONG	12/6/1995	Nam		Kinh	Công nhân	6A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
868	TRỊNH XUÂN VĨNH	1/20/1963	Nam		Kinh	LĐTD	6A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
869	TRẦN HẢI YẾN	2/19/1970		Nữ	Kinh	LĐTD	4 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
870	TRẦN QUANG ĐƯỜNG	4/3/1943	Nam		Kinh	Hưu trí	4 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
871	TRẦN THỊ BẢY	8/8/1949		Nữ	Kinh	Buôn bán	4 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
872	HOÀNG THỊ HẢI	2/12/1950		Nữ	Kinh	Hưu trí	2B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
873	BÙI ĐÌNH HẢI	7/20/1972	Nam		Kinh	Lái xe	2A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
874	BÙI THÙY DƯƠNG	8/7/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	2A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
875	NGUYỄN THỊ MAI	5/6/1972		Nữ	Kinh	LĐTD	2A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
876	PHẠM THANH TÙNG	8/6/1992	Nam		Kinh	Công chức	33/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
877	PHẠM THỊ BÌNH	12/9/1965		Nữ	Kinh	Hưu trí	33/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
878	PHẠM TÙNG DƯƠNG	8/3/2000	Nam		Kinh	Sinh viên	33/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
879	PHẠM VĂN TUẤN	10/7/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	33/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
880	PHẠM THỊ PHƯƠNG	10/15/1944		Nữ	Kinh	Hưu trí	31/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
881	NGUYỄN DUY HÙNG	4/9/1995	Nam		Kinh	Sinh viên	29/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
882	NGUYỄN HOÀNG HƯƠNG	5/26/1971		Nữ	Kinh	Giáo viên	29/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
883	PHẠM MINH PHƯƠNG	8/10/1976	Nam		Kinh	Công chức	30/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
884	VŨ THỊ HƯỜNG	10/25/1984		Nữ	Kinh	Công chức	30/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
885	NGUYỄN THỊ HÒA	8/6/1965		Nữ	Kinh	Nội trợ	27/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
886	PHẠM TRUNG KIÊN	1/21/1991	Nam		Kinh	Công nhân	27/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
887	PHẠM XUÂN THU	9/26/1957	Nam		Kinh	LĐTD	27/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
888	VŨ THỊ THỦY	9/22/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	27/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
889	HÀ THỊ NHÀI	12/4/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	27/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
890	PHẠM QUANG LẬP	8/7/1993	Nam		Kinh	Công nhân	27/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
891	NGUYỄN THỊ LÙN	10/10/1949		Nữ	Kinh	Nội trợ	24/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
892	ĐINH LAN NGA	11/23/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	23/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
893	ĐINH VĂN SƠN	11/21/1984	Nam		Kinh	Công nhân	23/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
894	PHẠM THỊ HOA	7/24/1988		Nữ	Kinh	Nội trợ	23/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
895	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	9/1/1995		Nữ	Kinh	Công nhân	22/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
896	NGUYỄN THỊ HUỆ	12/18/1968		Nữ	Kinh	Nội trợ	22/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
897	NGUYỄN VĂN HẢI	12/11/1991	Nam		Kinh	Công nhân	22/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
898	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	11/8/1965	Nam		Kinh	LĐTD	22/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
899	VŨ THỊ NHÀI	8/9/1995		Nữ	Kinh	Công nhân	22/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
900	ĐINH THỊ MỀN	5/7/1979		Nữ	Kinh	LĐTD	19/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
901	NGUYỄN THỊ THU THÚY	1/28/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	19/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
902	NGUYỄN TRỌNG LÂM	3/15/1978	Nam		Kinh	LĐTD	19/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
903	NGUYỄN THÀNH NAM	5/13/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	17/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
904	NGUYỄN TRỌNG DƯ	5/12/1971	Nam		Kinh	LĐTD	17/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
905	VŨ THỊ NGỌC LAN	2/22/1972		Nữ	Kinh	Buôn bán	17/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
906	NGUYỄN THỊ LAN	4/7/1956		Nữ	Kinh	Nội trợ	16/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
907	ĐÀO ANH PHONG	7/14/1987	Nam		Kinh	Công nhân	11/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
908	ĐÀO DUY GIÁP	4/23/1953	Nam		Kinh	Già yếu	11/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
909	PHẠM THỊ LIÊN	8/23/1955		Nữ	Kinh	Nội trợ	11/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
910	NGUYỄN NGỌC CƯƠNG	2/19/1984	Nam		Kinh	Giáo viên	9/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
911	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	7/27/1985		Nữ	Kinh	Viên chức	9/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
912	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	5/11/1980		Nữ	Kinh	Viên chức	9/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
913	TẠ THỊ HIỀN LƯƠNG	7/25/1946		Nữ	Kinh	Nội trợ	9/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
914	BÙI THỊ THANH NGUYỆT	8/16/1996		Nữ	Kinh	Công nhân	2/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
915	NGUYỄN THỊ THOA	7/6/1965		Nữ	Kinh	Hưu trí	2/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
916	TRƯƠNG KHẮC TƯNG	3/11/1963	Nam		Kinh	Hưu trí	2/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
917	TRƯƠNG THANH DƯƠNG	8/25/1994	Nam		Kinh	Công nhân	2/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
918	TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	3/2/1990		Nữ	Kinh	Giáo viên	2/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
919	MAI QUANG NGỌC	2/10/1955	Nam		Kinh	Buôn bán	3/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
920	MAI THỊNH PHÚC	3/13/1987	Nam		Kinh	Công chức	3/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
921	NGUYỄN THỊ NÒN	1/1/1957		Nữ	Kinh	Nội trợ	3/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
922	PHẠM HỒNG THÚY	10/16/1990		Nữ	Kinh	Công chức	3/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
923	LƯƠNG VIẾT CƯỜNG	4/30/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	1/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
924	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	1/15/1977		Nữ	Kinh	Giáo viên	1/44 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
925	ĐỖ THỊ BÁU	11/26/1949		Nữ	Kinh	Nội trợ	42 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
926	ĐỖ VĂN ĐƯỢC	9/15/1953	Nam		Kinh	Hưu trí	79 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
927	NGUYỄN THÚY NINH	11/5/1951		Nữ	Kinh	Hưu trí	79 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
928	PHẠM NGỌC MINH	4/15/1959	Nam		Kinh	LĐTD	44A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
929	VŨ THỊ OANH	8/8/1963		Nữ	Kinh	LĐTD	44A – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
930	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	1/12/1970		Nữ	Kinh	Công nhân	46 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
931	NGUYỄN THỊ UYÊN	10/23/1975		Nữ	Kinh	Buôn bán	48 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
932	VŨ CÔNG MINH	12/10/1996	Nam		Kinh	Công an	48 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
933	VŨ ĐỨC PHƯƠNG	12/13/1974	Nam		Kinh	Buôn bán	48 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
934	VŨ NGỌC ÁNH	9/9/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	48 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
935	ĐÀM NHÂN ĐỊNH	6/18/1955	Nam		Kinh	LĐTD	50 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
936	PHAN THỊ HỒI	2/15/1961		Nữ	Kinh	Nội trợ	50 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
937	ĐÀM NHÂN TRUNG	4/11/1986	Nam		Kinh	LĐTD	50 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
938	VŨ THỊ VÂN ANH	1/9/1991		Nữ	Kinh	Nội trợ	50 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
939	PHẠM THỊ KHƯƠNG	12/20/1948		Nữ	Kinh	Hưu trí	52 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
940	TRẦN THANH THẦN	8/15/1945	Nam		Kinh	Hưu trí	52 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
941	NGÔ MẠNH CƯỜNG	7/11/1972	Nam		Kinh	Công nhân	54 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
942	NGÔ QUANG HUY	7/30/2000	Nam		Kinh	Sinh viên	54 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
943	TẠ THỊ HƯƠNG	5/24/1972		Nữ	Kinh	Công nhân	54 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
944	TRỊNH THỊ NỨC	5/1/1951		Nữ	Kinh	Hưu trí	54 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
945	NGÔ MẠNH HÙNG	2/24/2006	Nam		Kinh	Sinh viên	54 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
946	ĐÀO THỊ MAI	8/6/1966		Nữ	Kinh	Buôn bán	44B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
947	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	8/30/2004		Nữ	Kinh	Sinh viên	44B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
948	NGUYỄN THỊ NHƯ HOA	1/10/1992		Nữ	Kinh	Viên chức	Hồng Lạc	
949	NGUYỄN THỊ HẰNG	5/1/1965		Nữ	Kinh	Nội trợ	Hồng Lạc	
950	ĐÀO MẠNH HUY	8/28/1982	Nam		Kinh	Lái xe	11/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
951	NGUYỄN THỊ HẠNH	5/2/1981		Nữ	Kinh	Công nhân	11/36 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
952	BÙI TRỌNG ĐỨC	7/1/1975	Nam		Kinh	LĐTD	01 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
953	BÙI TRỌNG ĐẠT	12/29/1977	Nam		Kinh	Công nhân	01 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
954	BÙI PHƯƠNG ANH	7/9/2000		Nữ	Kinh	Công nhân	26 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
955	BÙI THỊ LOAN	9/2/1975		Nữ	Kinh	Giáo viên	26 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
956	HÀ THỊ HẢI	7/24/1972		Nữ	Kinh	LĐTD	3 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
957	ĐỖ VĂN LUẬN	6/19/1976	Nam		Kinh	Công chức	5 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
958	TRẦN THỊ KIM CHUNG	1/10/1979		Nữ	Kinh	Công chức	5 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
959	ĐỖ THỊ KIM THÀNH	12/3/1973		Nữ	Kinh	Buôn bán	13 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
960	NGUYỄN MẠNH TIẾN	10/8/2005	Nam		Kinh	LĐTD	13 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
961	NGUYỄN VĂN HẢI	4/29/1972	Nam		Kinh	Buôn bán	13 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
962	ĐỖ ĐĂNG NGÂN	4/3/1972	Nam		Kinh	LĐTD	7 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
963	ĐỖ THỊ YẾN	7/30/2004		Nữ	Kinh	LĐTD	7 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
964	PHAN THỊ LUYẾN	12/10/1977		Nữ	Kinh	LĐTD	7 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
965	TRẦN THỊ VIỄN	1/2/1942		Nữ	Kinh	Già yếu	109 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
966	ĐINH ĐỨC KIÊN	1/5/2002	Nam		Kinh	Sinh viên	109 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
967	TRỊNH THỊ VÂN	3/12/1965		Nữ	Kinh	Buôn bán	109 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
968	NGUYỄN THANH BÌNH	7/23/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	15 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
969	TRẦN THỊ BĂNG	3/29/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	15 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
970	NGUYỄN THÀNH TRUNG	7/25/1990	Nam		Kinh	Công nhân	17 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
971	NGUYỄN THỊ THANH	1/6/1958		Nữ	Kinh	Buôn bán	17 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
972	NGUYỄN THỊ THANH THUỶ	2/6/1984		Nữ	Kinh	Buôn bán	17 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
973	NGUYỄN VĂN VUI	9/1/1954	Nam		Kinh	Buôn bán	17 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
974	LÊ HÀ GIANG	7/10/1970		Nữ	Kinh	Giáo viên	19 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
975	NGUYỄN KHÁNH LINH	3/8/1996		Nữ	Kinh	Viên chức	19 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
976	NGUYỄN VĂN VINH	3/4/1969	Nam		Kinh	Giáo viên	19 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
977	NGUYỄN VINH HIỂN	6/30/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	19 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
978	ĐẶNG THỊ GIANG	1/1/1948		Nữ	Kinh	Nội trợ	19 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
979	PHẠM VĂN DIỆN	5/17/1947	Nam		Kinh	Bảo vệ	21 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
980	PHẠM PHÚ LUẬT	4/22/1978	Nam		Kinh	Buôn bán	23 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
981	PHẠM THỊ TUYẾT ANH	1/29/2002		Nữ	Kinh	LĐTD	23 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
982	TRẦN THỊ THU HỒNG	1/1/1977		Nữ	Kinh	LĐTD	23 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
983	NGUYỄN KIM CHÂU	1/1/1937	Nam		Kinh	Hưu trí	103 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
984	NGUYỄN THANH TÙNG	10/20/1961	Nam		Kinh	Hưu trí	103 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
985	NGUYỄN THANH TUYỀN	12/27/1996	Nam		Kinh	Kỹ sư	103 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
986	PHAN THỊ HỒNG	1/27/1964		Nữ	Kinh	Hưu trí	103 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
987	PHẠM THỊ AN	1/1/1934		Nữ	Kinh	Hưu trí	101 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
988	NGUYỄN THỊ THƠ	11/11/1964		Nữ	Kinh	LĐTD	101 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
989	TRẦN ĐÌNH HẢI	8/26/1962	Nam		Kinh	Hưu trí	101 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
990	PHẠM THỊ KIM CHUNG	4/7/1964		Nữ	Kinh	Nội trợ	25 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
991	VŨ ĐỨC LUÂN	10/21/1985	Nam		Kinh	Kỹ sư	25 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
992	VŨ THỊ LAN YẾN	1/20/1988		Nữ	Kinh	LĐTD	25 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
993	VŨ VĂN THÀNH	10/14/1958	Nam		Kinh	Hưu trí	25 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
994	NGUYỄN THỊ QUẾ	1/1/1940		Nữ	Kinh	Già yếu	27 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
995	BÙI THỊ YẾN	5/3/1974		Nữ	Kinh	Giáo viên	27 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
996	NGUYỄN TIẾN DŨNG	10/12/2000	Nam		Kinh	Công nhân	27 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
997	NGUYỄN VĂN THỊNH	2/2/1974	Nam		Kinh	LĐTD	27 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
998	NGUYỄN THÀNH QUANG	3/16/1962	Nam		Kinh	LĐTD	29 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
999	NGUYỄN THỊ MINH LÝ	1/11/1965		Nữ	Kinh	LĐTD	29 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1000	NGUYỄN VIỆT DŨNG	8/15/1995	Nam		Kinh	Công nhân	29 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1001	TRẦN THỊ NGỌC MAI	2/10/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	29 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1002	BÙI THỊ BÍCH	11/12/1960		Nữ	Kinh	Nội trợ	33A – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1003	NGUYỄN THỊ THU	8/7/1993		Nữ	Kinh	Công nhân	33A – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1004	TRỊNH LINH LINH	10/8/2002		Nữ	Kinh	Sinh viên	33A – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1005	TRỊNH VĂN SINH	9/18/1960	Nam		Kinh	LĐTD	33A – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1006	TRỊNH VIẾT CƯỜNG	9/11/1984	Nam		Kinh	LĐTD	33A – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1007	ĐỖ THÙY TRANG	1/14/1995		Nữ	Kinh	Công nhân	33A – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1008	TRỊNH VĂN HÙNG	10/16/1988	Nam		Kinh	LĐTD	33A – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1009	BÙI THỊ THANH	1/5/1955		Nữ	Kinh	Hưu trí	33B – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1010	NGUYỄN ĐỨC THỜN	10/27/1951	Nam		Kinh	Hưu trí	33B – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1011	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	12/10/1988	Nam		Kinh	Công nhân	33B – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1012	LÊ ĐÌNH LY	8/20/1933	Nam		Kinh	Hưu trí	33C – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1013	BÙI THỊ HIỀN	7/11/1987		Nữ	Kinh	Công nhân	35C – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1014	NGÔ SĨ THI	10/6/1979	Nam		Kinh	LĐTD	35C – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1015	TRẦN THỊ QUỲNH	8/8/1949		Nữ	Kinh	Hưu trí	35C – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1016	NGUYỄN THỊ THẮNG	9/15/1936		Nữ	Kinh	Hưu trí	37 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1017	TRỊNH ĐÌNH GIANG	8/28/1942	Nam		Kinh	Già yếu	39 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1018	TRỊNH THỊ SANG	9/12/1944		Nữ	Kinh	Hưu trí	39 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1019	LÊ PHẠM THÙY DƯƠNG	11/13/2000		Nữ	Kinh	Sinh viên	41 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
1020	LÊ THẾ ĐỨC	4/18/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	41 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1021	LÊ TRỌNG ĐẠT	7/5/1966	Nam		Kinh	Hưu trí	41 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1022	PHẠM THỊ THÚY HÀ	9/3/1976		Nữ	Kinh	Công chức	41 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1023	HÀ ĐÌNH THAU	6/6/1966	Nam		Kinh	Hưu trí	43 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1024	HÀ QUỐC VIỆT	7/24/1992	Nam		Kinh	Kỹ sư	43 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1025	HÀ THỊ KIỀU ANH	10/17/2000		Nữ	Kinh	Sinh viên	43 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1026	HÀ THỊ THÚY	1/18/1971		Nữ	Kinh	Công chức	43 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1027	CAO VĂN ĐÔNG	10/8/1965	Nam		Kinh	LĐTD	47 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1028	CAO VĂN PHƯƠNG	9/20/1989	Nam		Kinh	LĐTD	47 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1029	NGUYỄN THỊ HẠNH	8/3/1966		Nữ	Kinh	Nông dân	47 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1030	NGUYỄN THỊ TỴ	3/18/1941		Nữ	Kinh	Già yếu	47 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1031	LÊ KIÊN CƯỜNG	2/26/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	69 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1032	LÊ NGỌC THÙY LINH	10/18/1999		Nữ	Kinh	Kỹ sư	69 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1033	NGUYỄN NGỌC HÀ	12/10/1973		Nữ	Kinh	Giáo viên	69 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1034	NGUYỄN THỊ THỦY	2/13/1963		Nữ	Kinh	Hưu trí	4 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1035	TRẦN ĐỨC ANH	5/3/1999	Nam		Kinh	Kỹ sư	4 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1036	CAO HẢI TIẾN	9/29/1989	Nam		Kinh	Lái xe	68 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1037	CAO VĂN TUẤN	11/30/1963	Nam		Kinh	LĐTD	68 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1038	HÀ THỊ HẠNH	9/8/1967		Nữ	Kinh	Nội trợ	68 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1039	CAO HỒNG NGỌC	10/30/1992		Nữ	Kinh	Công nhân	68 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1040	CAO THẾ CHÍNH	5/26/1959	Nam		Kinh	LĐTD	70 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1041	CAO THỊ THU HƯƠNG	2/18/1985		Nữ	Kinh	Giáo viên	70 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1042	HOÀNG THỊ XUÂN	3/30/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	70 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1043	HÀ QUANG THẮNG	9/28/1989	Nam		Kinh	Kỹ sư	72 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1044	HÀ VĂN THANH	2/7/1960	Nam		Kinh	Hưu trí	72 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1045	TRẦN THỊ NGA NINH	7/17/1959		Nữ	Kinh	Hưu trí	72 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1046	HÀ THỊ HOÀN	5/27/1965		Nữ	Kinh	LĐTD	74 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1047	HÀ THỊ LOAN	1/8/1959		Nữ	Kinh	Nội trợ	74 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1048	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	4/2/2000	Nam		Kinh	Công nhân	74 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1049	BÙI THỊ HẢI	4/18/1964		Nữ	Kinh	LĐTD	78 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1050	NGUYỄN VĂN BÌNH	11/12/1960	Nam		Kinh	LĐTD	78 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1051	NGUYỄN VĂN KHIÊM	3/5/2002	Nam		Kinh	Sinh viên	78 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1052	NGÔ THỊ PHƯƠNG NGA	8/25/1974		Nữ	Kinh	Sinh viên	76 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1053	VŨ QUỲNH THU TRANG	1/28/2000		Nữ	Kinh	Sinh viên	76 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1054	VŨ THUÝ QUỲNH	11/7/2005		Nữ	Kinh	Sinh viên	76 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1055	BÙI THỊ HƯƠNG	12/14/1974		Nữ	Kinh	Công nhân	80 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1056	PHẠM THỊ HƯƠNG	11/29/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	39 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1057	TRỊNH MINH THẮNG	8/4/1982	Nam		Kinh	Công nhân	39 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1058	NGUYỄN DIỄM QUỲNH	9/16/2001		Nữ	Kinh	Sinh viên	84 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1059	NGUYỄN TRỌNG CHIẾN	3/25/1976	Nam		Kinh	Công chức	84 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1060	VŨ THỊ BÍCH VÂN	8/10/1977		Nữ	Kinh	Giáo viên	84 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1061	NGUYỄN QUỐC VIỆT	8/8/1986	Nam		Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
1062	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	12/5/1987		Nữ	Kinh	Giáo viên	Hồng Lạc	
1063	NGUYỄN DUY MIỀN	12/7/1987	Nam		Kinh	Công an	Hồng Lạc	
1064	VŨ HOÀNG ANH	9/24/2002	Nam		Kinh	Lái xe	Hồng Lạc	
1065	VŨ THỊ PHƯỢNG	5/28/1988		Nữ	Kinh	LĐTD	Hồng Lạc	
1066	BÙI THỊ HỒI	1/10/1975		Nữ	Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
1067	NGUYỄN TUẤN KIỆT	5/26/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	Hồng Lạc	
1068	KIỀU BẠCH TUYẾT	1/23/1981		Nữ	Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
1069	LÊ QUÝ ĐĂNG	6/14/1978	Nam		Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
1070	NGUYỄN THỊ LIỄN	12/16/1983		Nữ	Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
1071	KIM NGUYỄN NHẬT CƯỜNG	3/10/2004	Nam		Kinh	Sinh viên	Hồng Lạc	
1072	KIM VĂN ỨNG	12/23/1971	Nam		Kinh	Hưu trí	Hồng Lạc	
1073	NGUYỄN THỊ NGỌC	11/4/1972		Nữ	Kinh	Giáo viên	Hồng Lạc	
1074	LÊ THỊ VIỆT ANH	3/8/1982		Nữ	Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
1075	LÊ VĂN TUẤN	8/25/1981	Nam		Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
1076	LÊ PHƯƠNG THẢO	1/8/2006		Nữ	Kinh	Sinh viên	Hồng Lạc	

STT	Họ và	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1077	PHẠM THỊ NINH	4/14/1987		Nữ	Kinh	Giáo viên	Hồng Lạc	
1078	VŨ DUY PHÚ	3/8/1983	Nam		Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
1079	NGUYỄN TẤT HOÀI	8/17/1983	Nam		Kinh	Công an	Hồng Lạc	
1080	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	5/29/1984		Nữ	Kinh	Giáo viên	Hồng Lạc	
1081	NGUYỄN THỊ THẮM	2/4/1988		Nữ	Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
1082	NGUYỄN ĐỨC ANH	3/23/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	Hồng Lạc	
1083	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	6/16/1978	Nam		Kinh	Công an	Hồng Lạc	
1084	TRẦN THỊ HƯƠNG	9/17/1980		Nữ	Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
1085	BÙI THỊ GIANG	9/30/1997		Nữ	Kinh	Công nhân	Hồng Lạc	
1086	NGÔ THỊ PHƯỢNG	9/9/1974		Nữ	Kinh	Giáo viên	Hồng Lạc	
1087	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	1/1/1996	Nam		Kinh	Công nhân	Hồng Lạc	
1088	TĂNG THỊ TRANG	7/20/1993		Nữ	Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
1089	TĂNG VĂN NGỌ	10/19/1966	Nam		Kinh	Hưu trí	Hồng Lạc	
1090	ĐẶNG HẢI YẾN	2/22/1976		Nữ	Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
1091	TRẦN TÚ ANH	8/16/1998	Nam		Kinh	Công chức	Hồng Lạc	
1092	TRẦN VĂN TIẾN	12/12/1970	Nam		Kinh	Công an	Hồng Lạc	
1093	VŨ THỊ KHUYÊN	8/4/1980		Nữ	Kinh	Viên chức	65 – Ninh Thái – khu 4 – TTNG	
1094	LÊ QUỲNH TRANG	1/17/2005		Nữ	Kinh	Công nhân	42 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
1095	LÊ THỊ PHƯƠNG	10/15/1981		Nữ	Kinh	Buôn bán	42 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
1096	NGÔ VIỆT HƯƠNG	6/6/1976	Nam		Kinh	Lái xe	92 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1097	VŨ THỊ YẾN	2/12/1987		Nữ	Kinh	Nội trợ	92 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1098	NGUYỄN VĂN ĐIỀU	4/8/1983	Nam		Kinh	LĐTD	Ngõ 36 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1099	VŨ THỊ TÁI	10/16/1987		Nữ	Kinh	LĐTD	Ngõ 36 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1100	ĐỖ VĂN HOA	3/6/1965	Nam		Kinh	Buôn bán	79 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
1101	ĐỖ VĂN HUY	9/29/1991	Nam		Kinh	Buôn bán	79 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
1102	NGUYỄN THỊ ÁNH SAO	1/18/1993		Nữ	Kinh	LĐTD	79 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
1103	PHÙNG THỊ HIỀN	12/17/1968		Nữ	Kinh	Buôn bán	79 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
1104	LẠI TIẾN MẠNH	1/1/1988	Nam		Kinh	Công nhân	Hồng Lạc	
1105	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	8/22/1993	Nam		Kinh	Công nhân	Hồng Lạc	
1106	PHAN VĂN VŨ	12/10/1983	Nam		Kinh	Công an	Hồng Lạc	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
		2	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1107	HÀ QUỐC CHIẾN	10/16/1974	Nam		Kinh	LĐTD	63 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1108	HÀ QUỐC VIỆT	1/10/2005	Nam		Kinh	Sinh viên	63 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1109	NGUYỄN THỊ LUẬN	6/20/1980		Nữ	Kinh	Công nhân	63 – Ninh Tĩnh – khu 4 – TTNG	
1110	PHẠM VĂN HÙNG	10/12/1981	Nam		Kinh	Công an	31B – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
1111	TRẦN THANH HƯƠNG	11/2/1983		Nữ	Kinh	Công an	31B - Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
1112	ĐOÀN THỊ HẰNG	7/25/1983		Nữ	Kinh	Viên chức	Hồng Lạc	
1113	NGUYỄN VĂN VẺ	4/1/1977	Nam		Kinh	Giáo viên	Hồng Lạc	
1114	TRẦN HẢI ANH	9/16/2000	Nam		Kinh	Sinh viên	Hồng Lạc	
1115	VŨ THỊ PHƯỢNG	8/29/1977		Nữ	Kinh	LĐTD	Hồng Lạc	
1116	ĐÀO THỊ HINH	10/27/1962		Nữ	Kinh	LĐTD	11 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
1117	HÀ VŨ TÙNG	12/8/1994	Nam		Kinh	Công an	17 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
1118	NGUYỄN THANH LOAN	3/8/1994		Nữ	Kinh	Công nhân	17 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
1119	HÀ THỊ NGỌC ANH	9/7/1988		Nữ	Kinh	Giáo viên	90 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
1120	NGUYỄN MINH ĐỨC	5/6/1988	Nam		Kinh	Lái xe	90 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
1121	NGÔ TRUNG KIÊN	7/27/1976	Nam		Kinh	Công an	56 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
1122	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	9/20/1984		Nữ	Kinh	Công an	56 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
1123	HỒ THỊ QUỲNH PHƯƠNG	9/14/1972		Nữ	Kinh	Giáo viên	49 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
1124	TRỊNH QUỐC KHÁNH	11/20/2003	Nam		Kinh	Sinh viên	49 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
1125	NGUYỄN THỊ HẢI	1/1/1939		Nữ	Kinh	Nội trợ	38B – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
1126	ĐÀO QUANG KHẢI	1/20/1961	Nam		Kinh	Nội trợ	01 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
1127	PHẠM THỊ HÒA	4/11/1964		Nữ	Kinh	Công nhân	01 – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
1128	TRỊNH KHẮC LƯỠNG	2/9/1966	Nam		Kinh	LĐTD	21 – Ninh Thịnh – khu 4 – TTNG	
1129	BÙI NGỌC THUẬT	10/29/1978	Nam		Kinh	Hưu trí	16 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
1130	PHẠM THỊ NGỌC	3/16/1984		Nữ	Kinh	Giáo viên	16 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
1131	TRẦN VĂN BA	8/15/1944	Nam		Kinh	Thương binh	13 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
1132	TRẦN THỊ TUYẾT MINH	11/20/1981		Nữ	Kinh	Công nhân	63 – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
1133	NGUYỄN HỒNG NHUNG	7/17/1998		Nữ	Kinh	Công nhân	20C – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
1134	VŨ THỊ PHƯƠNG	1/4/1978		Nữ	Kinh	Nội trợ	20C – Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
1135	TRẦN THỊ VIỆT NGA	8/6/1982		Nữ	Kinh	Công nhân	Ninh Hoà 2 – khu 4 – TTNG	
1136	NGUYỄN THỊ HỒNG	7/10/1986		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 4 - TTNG	
1137	BÙI THỊ VỰC	12/14/1944		Nữ	Kinh	Hưu trí	88 – Ninh Hoà 1 – khu 4 – TTNG	
1138	NGUYỄN THỊ MÁI	9/8/1950		Nữ	Kinh	Hưu trí	Hồng Lạc	
1139	NGUYỄN VĂN CHỦY	10/15/1933	Nam		Kinh	Hưu trí	Hồng Lạc	
1140	NGUYỄN PHÚ HOÀ	1/22/1996	Nam		Kinh	Công an	3A – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
1141	NGUYỄN HUỆ CHI	7/1/1999		Nữ	Kinh	Công chức	3A – Ninh Lãng – khu 4 – TTNG	
1142	NGUYỄN ANH TUẤN	10/14/1984	Nam		Kinh	Buôn bán	Khu 4 – TTNG	
1143	PHẠM THỊ PHÚC	7/20/1985		Nữ	Kinh	Buôn bán	Khu 4 -TTNG	
1144	NGUYỄN DUY TÂN	10/20/1985	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 4 - TTNG	
1145	BÙI THỊ NHUNG	10/15/1972		Nữ	Kinh	LĐTD	Khu 4 - TTNG	
1146	NGUYỄN ĐỨC VĂN	6/26/1970	Nam		Kinh	LĐTD	Khu 4 - TTNG	

Tổng số hộ gia đình của khu dân cư là: 436 hộ; trong đó:

Hộ có 01 cử tri là 76 hộ;

Hộ có 02 cử tri là 137 hộ;

Hộ có 03 cử tri là 122 hộ;

Hộ có 04 cử tri là 79 hộ;

Hộ có 05 cử tri là 18 hộ;

Hộ có 06 cử tri là 04 hộ;

04 hộ tạm trú, 8 nhân khẩu, 02 nam, 06 nữ

Tổng số cử tri của khu dân cư là: 1146 người; trong đó có: 540 nam, 606 nữ.

Danh sách này được lập tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Ninh Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2024.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Luận

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN NINH GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỬ TRI
LẤY Ý KIẾN VỀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
Cử tri thuộc Ban chỉ huy quân sự huyện thuộc Khu dân cư số 4 Thị trấn Ninh Giang
huyện Ninh Giang - tỉnh Hải Dương

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1	BÙI ĐÌNH CHIẾN	10/5/1981	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
2	BÙI VĂN ĐÔNG	12/25/1975	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
3	ĐÀO HỒNG CẨM	5/22/1987	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
4	LÊ VĂN MINH	10/5/1981	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
5	NGUYỄN KHẮC THÀNH	8/31/1976	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
6	NGUYỄN KHẮC TRUNG	1/7/1979	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
7	NGUYỄN NGỌC TRƯƠNG	12/5/1984	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
8	NGUYỄN TẤT HUY	5/7/1975	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
9	NGUYỄN THẾ HỆ	1/31/1985	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
10	NGUYỄN THẾ PHÚC	11/11/1978	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
11	NGUYỄN VĂN DINH	10/18/1977	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
12	NGUYỄN VĂN LỰC	1/13/1970	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
13	NGUYỄN VĂN VỮNG	8/6/1978	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
14	NGUYỄN XUÂN ĐỈNH	12/3/1975	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
15	NGUYỄN XUÂN QUANG	4/28/1981	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
16	PHẠM ĐÌNH CHUẨN	8/21/1977	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
17	PHẠM ĐÌNH TƯỞNG	2/26/1972	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
18	TÔ QUANG NHIỆM	1/1/1972	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
19	TRỊNH THANH TÙNG	2/21/1993	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
20	TRỊNH VIẾT HÀO	5/22/1976	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
21	VŨ HOÀNG HÀ	9/15/1981	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	
22	VŨ VĂN THƯỞNG	8/15/1982	Nam		Kinh	Quân đội	BCH quân sự huyện, khu 4 - TTNG	

Tổng số cử tri của BCH quân sự huyện là: 22 người; trong đó có: 22 nam.

Danh sách này được lập tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Ninh Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2024.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Luận

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN NINH GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỬ TRI
LẤY Ý KIẾN VỀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
Cử tri thuộc Lữ đoàn 513 thuộc Khu dân cư số 3 Thị trấn Ninh Giang
huyện Ninh Giang - tỉnh Hải Dương

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	
1	BÙI CAO CƯỜNG	2/18/1977	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
2	BÙI DUY QUANG	2/9/1988	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
3	BÙI HỮU BẢN	8/28/1978	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
4	BÙI NGUYÊN VƯỢNG	12/15/1985	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
5	BÙI THANH SÁNG	5/20/1993	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
6	BÙI TRUNG THÀNH	2/6/1982	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
7	BÙI VĂN THÁI	7/1/1980	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
8	BÙI XUÂN MƯỜI	2/14/1976	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
9	BÙI XUÂN TRƯỜNG	3/13/1979	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
10	CAO VĂN HUÂN	8/6/1991	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
11	CHU VĂN ĐẠI	8/18/1982	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
12	ĐẶNG ĐÌNH HÒA	9/12/1997	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
13	ĐÀO HỮU KHOÁT	10/12/1979	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
14	ĐÀO HỮU THỊNH	9/8/1977	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
15	ĐẬU ĐÌNH HÙNG	8/12/1986	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
16	ĐINH THÀNH LONG	1/6/1979	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
17	ĐINH TIẾN DUY	10/20/1973	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
18	ĐINH VĂN CHINH	2/12/1984	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
19	ĐINH VĂN THẮNG	7/24/1991	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
20	ĐOÀN MINH TUYỂN	5/19/1981	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
21	ĐỖ MẠNH CƯỜNG	10/27/1973	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
22	ĐỖ THANH GIANG	5/25/1974	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
23	ĐỖ TRUNG VĂN	8/9/1976	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
24	HÀ VĂN TĨNH	6/21/1978	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
25	HOÀNG VĂN CHUYỂN	12/10/1973	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
26	LÊ ĐỨC CƯỜNG	7/3/1976	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
27	LÊ MẠNH TÙNG	11/29/1983	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
28	LÊ THANH NGUYỆN	10/18/1976	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
29	LÊ VĂN MINH	5/8/1984	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
30	LƯƠNG QUÝ NỨC	3/13/1980	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
31	LƯƠNG VIẾT CƯ	10/12/1970	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
32	LƯU VĂN HẠNH	11/15/1971	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
33	NGUYỄN ANH TUẤN	6/25/1986	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
34	NGUYỄN CÔNG DŨNG	11/12/1986	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
35	NGUYỄN ĐẮC TRẠM	7/20/1978	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
36	NGUYỄN ĐỒNG HƯNG	6/16/1973	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
37	NGUYỄN ĐỨC CHỦ	11/19/1978	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
38	NGUYỄN ĐỨC ĐÔN	5/16/1979	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
39	NGUYỄN ĐỨC HIỂN	10/3/1971	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
40	NGUYỄN HỮU SANG	2/12/1997	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
41	NGUYỄN HỮU TƯỞNG	12/13/1972	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
42	NGUYỄN HỮU TUYÊN	5/4/1978	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
43	NGUYỄN KHẮC SỨC	6/16/1981	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	2	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*		
44	NGUYỄN KHẮC TIỆN	11/10/1970	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
45	NGUYỄN MẠNH HÙNG	4/20/1972	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
46	NGUYỄN NAM ANH	10/22/1994	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
47	NGUYỄN SƠN	4/10/1974	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
48	NGUYỄN THÁI BỒNG	3/10/1977	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
49	NGUYỄN THÁI HÀ	9/28/1985	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
50	NGUYỄN THÂN CHINH	8/10/1986	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
51	NGUYỄN THÀNH TRUNG	3/15/1975	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
52	NGUYỄN THỊ THỦY	12/8/1976	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
53	NGUYỄN TIẾN DUẬT	2/26/1987	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
54	NGUYỄN TIẾN HIỆP	1/21/1994	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
55	NGUYỄN TIẾN TOÀN	7/17/1996	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
56	NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU	9/5/1980	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
57	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	2/13/1998	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
58	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	9/19/1973	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
59	NGUYỄN TRỌNG TRƯỜNG	9/20/1979	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
60	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	6/5/1985	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
61	NGUYỄN TUẤN ANH	12/14/1992	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
62	NGUYỄN VĂN CA	1/23/1987	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
63	NGUYỄN VĂN CHẤT	10/1/1979	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
64	NGUYỄN VĂN CHIẾN	5/21/1977	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
65	NGUYỄN VĂN HUY	10/6/1983	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
66	NGUYỄN VĂN SƠN	5/6/1998	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
67	NGUYỄN VĂN TÀI	11/24/1982	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
68	NGUYỄN VĂN THÀNH	9/29/1987	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
69	NGUYỄN VĂN THÔNG	9/3/1981	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
70	NGUYỄN VĂN THỨC	6/27/1984	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
71	NGUYỄN VĂN TIẾN TÙNG	12/22/1986	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
72	NGUYỄN VĂN TRỌNG	8/4/1976	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
73	NGUYỄN VĂN TUÂN	7/31/1976	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
74	NGUYỄN VĂN TỴ	7/12/1980	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
75	NGUYỄN XUÂN BÌNH	6/18/1980	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
76	NGUYỄN XUÂN BỘ	9/15/1981	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
77	NGUYỄN XUÂN LUÂN	2/17/1987	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
78	PHẠM ĐÌNH TOÀN	5/30/1981	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
79	PHẠM NHƯ Ý	8/16/1981	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
80	PHẠM PHÚ MINH	4/14/1979	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
81	PHẠM VĂN HIỀN	12/12/1978	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
82	PHẠM VĂN THUẦN	3/10/1978	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
83	PHẠM VĂN XUYÊN	4/20/1979	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
84	PHẠM XUÂN KHIÊN	2/6/1983	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
85	PHÙNG TUẤN HÙNG	10/13/1984	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
86	TẠ ĐÌNH KHUYÊN	5/4/1974	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
87	TRẦN HUY THUẦN	10/20/1972	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
88	TRẦN MẠNH HÀ	2/20/1980	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
89	TRẦN VĂN DUY	9/24/1975	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
90	TRẦN VĂN HÀO	1/15/1981	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
91	TRẦN VĂN NAM	1/9/1983	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
92	TRẦN VĂN TIẾN	10/16/1971	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	
93	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	7/15/1973	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
94	TRỊNH CÔNG LŨY	7/1/1973	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
95	TRỊNH MINH TIẾN	1/25/1974	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
96	TRỊNH XUÂN VIỆT	11/20/1976	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
97	TRƯƠNG ĐÌNH KẾT	5/13/1970	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
98	TRƯƠNG ĐÌNH TUYỂN	5/14/1987	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
99	VŨ ĐÌNH BA	1/11/1972	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
100	VŨ HOÀNG SƠN	8/9/1988	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
101	VŨ HUY CHIẾN	7/23/1973	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
102	VƯƠNG DUY MINH	5/15/1992	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
103	VŨ VĂN TRIỂN	1/10/1971	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
104	VŨ VĂN TUẤT	1/5/1982	Nam		Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	
105	HOÀNG THỊ HƯỜNG	12/2/1982		Nữ	Kinh	Quân đội	Lữ đoàn 513 - Trần Hưng Đạo - khu 3 TT Ninh Giang	

Tổng số cử tri của Lữ đoàn 513 là: 105 người; trong đó có: 104 nam; 01 nữ.

Danh sách này được lập tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Ninh Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2024.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Luận